

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT

DỰ THẢO



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH LUẬT

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bình Thuận, tháng 06 năm 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH LUẬT
(Giai đoạn: 2021-2025)

(Theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học)

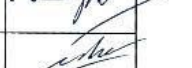
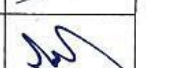
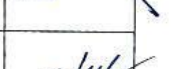
Tài liệu lưu hành nội bộ của Trường Đại học Phan Thiết và sử dụng phục vụ hoạt động đánh giá ngoài chương trình đào tạo của Trường.

Bình Thuận, tháng 6 năm 2025

Danh sách thành viên Hội đồng Tự đánh giá:

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT

(Kèm theo Quyết định số 69 /QĐ-ĐHPT ngày 15 tháng 02 năm 2025 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Phan Thiết)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	PGS.TS. Võ Khắc Thường	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	PGS.TS. Đinh Phi Hồ	Phó Hiệu trưởng, Bí thư Đảng ủy Trường	Phó Chủ tịch	
3	TS. Phạm Ngọc Thắng	Trưởng Khoa Luật Kinh tế (LKT)	Phó Chủ tịch	
4	ThS. Nguyễn Thị Bích Phượng	Phó Trưởng Khoa LKT	Thành viên	
5	ThS. Nguyễn Thị Kiều Vi	Trưởng phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế (KT-ĐBCL-TT&PC)	Thành viên - Thư ký	
6	ThS. Phạm Thị Hồng Tâm	Phó trưởng bộ môn, Khoa LKT	Thành viên	
7	ThS. Nguyễn Duy Xuân	Giảng viên Khoa LKT	Thành viên	
8	ThS. Phạm Minh Gia Ý	Giảng viên Khoa LKT	Thành viên	
9	TS. Võ Khắc Trường Thi	Trưởng phòng Quản lý đào tạo (QLĐT)	Thành viên	
10	ThS. Lê Anh Linh	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính (TC-HC)	Thành viên	
11	TS. Trần Tình	Trưởng phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế (QLKH&HTQT)	Thành viên	
12	ThS. Nguyễn Như Trường	Trưởng phòng Công tác chính trị sinh viên và Hợp tác doanh nghiệp (CTCTSV&HTDN)	Thành viên	
13	Nguyễn Minh Sơn	Đại diện Sinh viên ngành Luật	Thành viên	

(Danh sách gồm có 13 người).

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt	4
Phần I. KHÁI QUÁT	6
1. Đặt vấn đề	6
2. Tổng quan chung	10
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	15
Tiêu chuẩn 1	15
Mở đầu	15
Tiêu chí 1.1	15
Tiêu chí 1.2	22
Tiêu chí 1.3	29
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	32
Tiêu chuẩn 2	34
Mở đầu	34
Tiêu chí 2.1	34
Tiêu chí 2.2	36
Tiêu chí 2.3	40
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	42
Tiêu chuẩn 3	43
Mở đầu	43
Tiêu chí 3.1	44
Tiêu chí 3.2	50
Tiêu chí 3.3	55
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	62
Tiêu chuẩn 4	63
Mở đầu	63
Tiêu chí 4.1	64
Tiêu chí 4.2	67
Tiêu chí 4.3	71
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	75
Tiêu chuẩn 5	76
Mở đầu	76
Tiêu chí 5.1	76
Tiêu chí 5.2	83
Tiêu chí 5.3	87
Tiêu chí 5.4	90
Tiêu chí 5.5	94
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	96
Tiêu chuẩn 6	97
Mở đầu	97
Tiêu chí 6.1	98
Tiêu chí 6.2	101
Tiêu chí 6.3	107
Tiêu chí 6.4	109

NỘI DUNG	Trang
Tiêu chí 6.5	113
Tiêu chí 6.6	118
Tiêu chí 6.7	122
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 6</i>	125
Tiêu chuẩn 7	126
Mở đầu	126
Tiêu chí 7.1	127
Tiêu chí 7.2	131
Tiêu chí 7.3	134
Tiêu chí 7.4	137
Tiêu chí 7.5	141
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 7</i>	145
Tiêu chuẩn 8	146
Mở đầu	146
Tiêu chí 8.1	146
Tiêu chí 8.2	152
Tiêu chí 8.3	155
Tiêu chí 8.4	159
Tiêu chí 8.5	165
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 8</i>	168
Tiêu chuẩn 9	169
Mở đầu	169
Tiêu chí 9.1	169
Tiêu chí 9.2	174
Tiêu chí 9.3	177
Tiêu chí 9.4	179
Tiêu chí 9.5	183
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 9</i>	187
Tiêu chuẩn 10	188
Mở đầu	188
Tiêu chí 10.1	188
Tiêu chí 10.2	192
Tiêu chí 10.3	195
Tiêu chí 10.4	198
Tiêu chí 10.5	200
Tiêu chí 10.6	203
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 10</i>	205
Tiêu chuẩn 11	206
Mở đầu	206
Tiêu chí 11.1	207
Tiêu chí 11.2	211
Tiêu chí 11.3	214
Tiêu chí 11.4	218
Tiêu chí 11.5	222
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 11</i>	227

NỘI DUNG	Trang
Phần III. KẾT LUẬN	227
1. Tóm tắt những điểm mạnh	227
2. Tóm tắt những điểm tồn tại	232
3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến	235
4. Tổng hợp kết quả TĐG	239
Phần IV. PHỤ LỤC	242

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu viết tắt	Ý nghĩa thay thế
1	BGH	Ban Giám hiệu
2	BLQ	Bên liên quan
3	CBGVNV	Cán bộ, giảng viên, nhân viên
4	CBQL	Cán bộ quản lý
5	CĐR	Chuẩn đầu ra
6	CLB	Câu lạc bộ
7	CNTT	Công nghệ thông tin
8	CSVC	Cơ sở vật chất
9	CTDH	Chương trình dạy học
10	CTĐT	Chương trình đào tạo
11	CVHT	Cổ vấn học tập
12	ĐCCT	Đề cương chi tiết
13	ĐH	Đại học
14	GDDH	Giáo dục đại học
15	GDDT	Giáo dục và Đào tạo
16	GTCL	Giá trị cốt lõi
17	GV	Giảng viên
18	HĐT	Hội đồng trường
19	HĐKH-ĐT	Hội đồng Khoa học và Đào tạo
20	HP	Học phần
21	HSV	Hội sinh viên
22	HV	Học viên
23	KHCL	Kế hoạch chiến lược
24	KTX	Ký túc xá
25	MTCL	Mục tiêu chất lượng
26	NCKH	Nghiên cứu khoa học
27	NCS	Nghiên cứu sinh
28	NNL	Nguồn nhân lực
29	NV	Nhân viên
30	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
31	P. CTCTSV&HTDN	Phòng Công tác chính trị sinh viên và Hợp tác doanh nghiệp
32	PGS, GS	Phó giáo sư, Giáo sư
33	P.KH-TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính
34	P. KT-ĐBCL-TT&PC	Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế
35	PPDH	Phương pháp dạy học
36	P. QLKH&HTQT	Phòng Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế
37	P. QLSĐH	Phòng Quản lý sau đại học
38	P. TC-HC	Phòng Tổ chức - Hành chính
39	PVCD	Phục vụ cộng đồng
40	P. QLĐT	Quản lý đào tạo
41	ThS	Thạc sĩ
42	TKB	Thời khoá biểu

STT	Ký hiệu viết tắt	Ý nghĩa thay thế
43	LKT	Luật Kinh tế
44	TĐG	Tự đánh giá
45	THPT	Trung học phổ thông
46	TTTT&QTM	Thông tin truyền thông và quản trị mạng
47	SV	Sinh viên
48	UPT	University of Phan Thiết – Tên giao dịch viết tắt của Trường Đại học Phan Thiết

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

a) Tóm tắt báo cáo tự đánh giá CTĐT

Khoa LKT tiến hành tự đánh giá chất lượng CTĐT cử nhân ngành Luật theo Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT và Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT. Cấu trúc của Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Luật thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Cục quản lý chất lượng về tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT là công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 và công văn 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD.

Cấu trúc của Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Luật bao gồm 04 phần.

Phần I. Khái quát: Là phần tóm tắt cấu trúc, nội dung chính của báo cáo tự đánh giá, mục đích, quy trình, phương pháp và công cụ đánh giá và mô tả ngắn gọn về UPT và Khoa Luật Kinh tế.

Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí: Gồm 50 tiêu chí/11 tiêu chuẩn theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT. Mỗi tiêu chuẩn được trình bày đầy đủ theo cấu trúc nội dung như sau:

Tiêu chuẩn...

Mở đầu:...

Tiêu chí....: Mỗi tiêu chí được trình bày theo 5 nội dung:

1. *Mô tả hiện trạng*:...

2. *Điểm mạnh*:...

3. *Điểm tồn tại*:...

4. *Kế hoạch hành động*:...

5. *Tự đánh giá*:...

Kết luận về tiêu chuẩn

Phần III. Kết luận: Là phần tóm tắt những điểm mạnh, những điểm tồn tại, kế hoạch hành động cải tiến chất lượng CTĐT, tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT.

Phần IV. Phụ lục: Gồm cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng của CTĐT, Các quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Kế hoạch TĐG, Danh mục minh chứng.

Báo cáo TĐG CTĐT ngành Luật có Danh mục minh chứng đi kèm, được đề riêng ở một phụ lục. Trong Danh mục minh chứng, các tiêu chí/ tiêu chuẩn đều có một hệ thống minh chứng đi kèm. Cách mã hóa thông tin, minh chứng trong Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Luật như sau:

Mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi gồm 11 ký tự: theo công thức sau: ***Hn.ab.cd.ef***. Trong đó:

H: viết tắt của “Hộp minh chứng”

n: số thứ tự của Hộp minh chứng (có giá trị từ 1 đến 11)

ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 của các tiêu chuẩn viết 01).

ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí gồm 2 chữ số.

Ví dụ: [**H1.01.01.02**] - Minh chứng thứ 02 của tiêu chí 1, thuộc tiêu chuẩn 1, ở hộp 1.

Trong file Danh mục minh chứng của Báo cáo TĐG CTĐT ngành Luật có đính kèm đường link Hồ sơ minh chứng online ngành Luật. Trong đó, mỗi tiêu chuẩn được tổ chức thành một tệp, bên trong tệp Tiêu chuẩn có các tệp Tiêu chí, trong mỗi tệp Tiêu chí có các tệp hoặc file minh chứng riêng, được đặt tên theo đúng Mã minh chứng trong Danh mục minh chứng.

b) Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá

- Mục đích tự đánh giá

Giúp Khoa LKT tự xem xét, nghiên cứu các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GDĐT ban hành, tự rà soát mọi hoạt động, đánh giá thực trạng tổ chức thực hiện CTĐT, các yếu tố tác động đến chất lượng đào tạo cử nhân Luật của Khoa. Trong quá trình tự xem xét, đánh giá, Khoa nhận định được những điểm mạnh và phát hiện được điểm tồn tại, từ đó đưa ra kế hoạch hành động nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT cử nhân Luật, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các bên liên quan. Đây cũng là cơ sở để Khoa

đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT cử nhân Luật. Hoạt động tự đánh giá còn thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm giải trình của Khoa trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD đối với Nhà trường, với xã hội và các bên liên quan.

- Quy trình tự đánh giá CTĐT

Quy trình tự đánh giá được thực hiện theo các bước chính sau:

- + Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá;
- + Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá;
- + Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. Phân tích các thông tin và minh chứng thu được;
- + Bước 4: Viết báo cáo tự đánh giá;
- + Bước 5: Công bố nội bộ dự thảo BCTĐG và tiếp tục hoàn thiện BCTĐG;
- + Bước 6: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá như: Lưu trữ và triển khai thực hiện các kế hoạch hành động cải tiến chất lượng trong Báo cáo tự đánh giá; Báo cáo Cục QLCL - Bộ GDĐT;

Và tiếp tục đăng ký đánh giá ngoài để kiểm định chất lượng CTĐT theo chỉ đạo của lãnh đạo Trường.

- Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 và theo hướng dẫn của công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019; các tài liệu quy định và hướng dẫn khác như Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013; Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục quản lý chất lượng và công văn 774 /QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD.

- Phương pháp và quá trình tổ chức triển khai tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành Luật được thành lập gồm có 13 thành viên (*gồm đại diện BGH, lãnh đạo và giảng viên Khoa LKT, đại diện các phòng*

ban, đoàn thể và đại diện sinh viên ngành Luật). Giúp việc cho Hội đồng TĐG là Ban thư ký gồm 16 thành viên (*gồm GVCBNV của Khoa LKT, một số CBNV Phòng QLĐT, Phòng TC-HC, Phòng KH-TC, Phòng CTCTSV&HTDN, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC, Phòng QLKH&HTQT,...*) được tổ chức thành 4 nhóm chuyên trách tham gia chính vào quá trình viết báo cáo TĐG. Báo cáo TĐG các phiên bản luôn được thông qua ý kiến của Hội đồng TĐG, các bên liên quan trong Trường, phiên bản cuối được công khai đến các bên liên quan, người học của Trường góp ý.

+ Nhóm 1: phụ trách các tiêu chuẩn 1, 2, 3 (về mục tiêu, CĐR, bản mô tả, cấu trúc và nội dung CTĐT) do TS. Phạm Ngọc Thắng – Trưởng khoa LKT làm Trưởng nhóm; có sự tham gia của Phó trưởng phòng QLĐT;

+ Nhóm 2: phụ trách các tiêu chuẩn 4, 5, 10 (về phương pháp tiếp cận trong dạy và học, đánh giá KQHT của người học, nâng cao chất lượng) do NCS, ThS. Nguyễn Thị Bích Phượng – Phó Trưởng khoa LKT làm Trưởng nhóm; có sự tham gia hỗ trợ của nhân viên Phòng QLĐT, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC;

+ Nhóm 3: phụ trách các tiêu chuẩn 6, 7, 9 (Đội ngũ GV, nghiên cứu viên, đội ngũ nhân viên, CSVC và trang thiết bị) do NCS, ThS. Phạm Thị Hồng Tâm – Phó trưởng bộ môn khoa LKT làm Trưởng nhóm; có sự tham gia hỗ trợ của nhân viên Phòng TC-HC, thư viện, Phòng KH-TC, Phòng QLKH&HTQT;

+ Nhóm 4: phụ trách các tiêu chuẩn 8, 11 (Người học và hoạt động hỗ trợ người học, kết quả đầu ra) do ThS. Phạm Minh Gia Ý – GV Khoa LKT làm Trưởng nhóm; có sự tham gia hỗ trợ của nhân viên QLĐT, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC; Phòng CTCTSV&HTDN;

Khoa LKT đã lập kế hoạch chi tiết để tổ chức đánh giá CTĐT ngành Luật, tiến hành họp toàn Khoa và các thành viên các nhóm chuyên trách để phổ biến kế hoạch và phân công công việc cụ thể như: Phân công thư ký phụ trách đầu mỗi tập hợp tình hình thực hiện của các nhóm, mỗi nhóm phân công cá nhân phụ trách chính mỗi tiêu chuẩn; Phân tích tìm hiểu tiêu chí; các thành viên hỗ trợ thu thập minh chứng; Viết báo cáo tự đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn; sau đó Lãnh đạo Khoa rà soát lại và viết dự thảo báo cáo tổng hợp để Hội đồng tự đánh giá có ý kiến và phê duyệt dự thảo báo cáo và triển khai các bước tiếp theo. Quá trình tự đánh giá CTĐT ngành Luật được thực hiện từ

tháng 02/2025 đến tháng 6/2025. Báo cáo sẽ tiếp tục được cập nhật, bổ sung sau khi thẩm định để đăng ký đánh giá ngoài CTĐT cử nhân ngành Luật.

2. Tổng quan chung

2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Phan Thiết (UPT)

Trường Đại học Phan Thiết được thành lập theo Quyết định số 394/QĐ-TTg ngày 25/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ và được giao nhiệm vụ đào tạo đa ngành và đa trình độ nhằm tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có trí tuệ, bản lĩnh, sáng tạo cho vùng Nam trung bộ nói riêng và cả nước nói chung. Trường Đại học Phan Thiết (tên tiếng Anh là University of Phan Thiet, tên giao dịch viết tắt là UPT) là trường đại học duy nhất hiện nay của tỉnh Bình Thuận, có diện tích đất hiện nay là 119.875,9 m², tại khu phố 5, phường Phú Hải, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Website: <http://www.upt.edu.vn>.

Sứ mạng:

Đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức vững, kỹ năng toàn cầu và tinh thần khởi nghiệp, tạo ra các giá trị gia tăng cho doanh nghiệp, tổ chức và xã hội ở tỉnh Bình Thuận và khu vực. Cung cấp các dịch vụ nghiên cứu và quản lý khoa học công nghệ ứng dụng, phục vụ nhu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Thuận và cả nước. Xúc tiến các hoạt động xã hội PVCD trong tỉnh Bình Thuận và cả nước.

Tầm nhìn:

UPT phấn đấu đến năm 2030 trở thành đại học có uy tín, chất lượng và sáng tạo; được kiểm định chất lượng quốc gia và khu vực; có mạng lưới quan hệ hợp tác rộng rãi, đa ngành trong nước và quốc tế.

Giá trị cốt lõi:

Giá trị cốt lõi của Trường là: "Nhân văn – Hội nhập – Phát triển bền vững".

Mục tiêu:

Trường xác định mục tiêu đào tạo định hướng ứng dụng nghề nghiệp với triết lý giáo dục “Thực học - Thực nghiệp - Học suốt đời để làm việc suốt đời”, đa dạng các lĩnh vực đào tạo. Mục tiêu giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn đến 2040 của Trường với các

nội dung chính là: Đẩy mạnh công tác tuyển sinh và đào tạo, mở thêm đa dạng các ngành học mới hệ đại học và thạc sĩ, phấn đấu mở được ngành đào tạo tiến sĩ; tăng quy mô đào tạo; kết hợp phương thức đào tạo Elearning; Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học (NCKH) trong GV và SV: 100% GV cơ hữu tham gia NCKH, đảm bảo mỗi GV có ít nhất 2 bài báo trong 1 năm học, các sản phẩm về KHCN có khả năng ứng dụng và triển khai, có hiệu quả về mặt kinh tế-xã hội, xây dựng và phát triển tạp chí khoa học của Trường; Có các đối tác hợp tác lâu dài ở địa phương, trong và ngoài nước; Xây dựng và phát triển được đội ngũ CBGVNV có năng lực và trình độ cao; Có hệ thống CSVC, kỹ thuật đồng bộ và hiện đại đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH; Các nguồn lực tài chính được phát triển trên cơ sở tự chủ tài chính, đảm bảo để thực hiện các mục tiêu chiến lược đề ra.

Sau hơn 15 năm hình thành và phát triển, UPT hiện nay đang có 9 Khoa chuyên môn, tổ chức đào tạo tổng cộng 15 ngành ở trình độ đại học gồm đa dạng các lĩnh vực như: Nhân văn, Kinh doanh và quản lý, Pháp luật, Máy tính và công nghệ thông tin, Kỹ thuật, Kiến trúc và xây dựng, Sức khỏe, Du lịch, khách sạn; và 03 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ là Quản trị kinh doanh, Ngôn ngữ Anh, Luật kinh tế; Quy mô đào tạo là tính đến tháng 6/2025 là 2217 SV và 91 HV; Đội ngũ GV cơ hữu có 195 người, trong đó có 6,1% GS, PGS; 23,03% TS; 63,08% ThS; 7,84% DH; Đã xuất bản được Tạp chí khoa học UPT; đã phát triển được các đối tác hợp tác quốc tế; có mạng lưới hợp tác hơn 100 doanh nghiệp, nhà tuyển dụng lao động; Tỷ lệ có việc làm của SV sau tốt nghiệp đạt trên 93%, tỷ lệ hài lòng của doanh nghiệp đối với SV tốt nghiệp làm việc tại đơn vị đạt trên 85%.

Các chính sách và hoạt động bảo đảm chất lượng

UPT cam kết kiểm soát chặt chẽ hệ thống ĐBCL bên trong, thường xuyên rà soát và cải tiến mọi mặt hoạt động nhằm không ngừng nâng cao chất lượng, đáp ứng tốt và ngày càng tốt hơn nhu cầu của các bên liên quan, cụ thể:

- Chú trọng xây dựng và phát triển đội ngũ GV, cán bộ quản lý và cán bộ hành chính có đủ số lượng, trình độ, phẩm chất và năng lực theo quy định của Nhà nước và đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội: Hằng năm, Phòng TC-HC hướng dẫn các đơn vị làm báo cáo rà soát, đánh giá tình hình và nhu cầu về tuyển dụng và bồi dưỡng đào tạo nhân sự. Nhà Trường vẫn đang tăng cường tuyển dụng

và tạo điều kiện để CBGVNV tham gia các khóa học nâng cao trình độ và các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ, các hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước;

- Đào tạo đáp ứng CDR theo Quy định của Bộ GDĐT, của Nhà trường và yêu cầu của các bên liên quan, nhất là Nhà tuyển dụng: Nhà trường định kỳ rà soát, cập nhật yêu cầu của nhà tuyển dụng và cập nhật các quy định của Bộ GDĐT để xây dựng các CDR và nội dung các CTĐT theo hướng tăng thực hành, thực tế và ngày càng đáp ứng hơn yêu cầu của các bên liên quan; Nhà trường tổ chức cập nhật CTĐT định kỳ 2 năm/1 lần vào năm 2021, 2022, 2024 một cách hệ thống. CTĐT từ khóa 2019 rút ngắn thời gian đào tạo còn 3,5 năm. Bộ CTĐT từ năm 2022 áp dụng cho khóa tuyển sinh 2022 được Nhà trường xây dựng phù hợp với Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, có sự tham khảo CTĐT của các trường đại học có uy tín trong nước và nước ngoài. CTĐT 2024 tiếp tục được cập nhật, chỉnh sửa định kỳ, áp dụng cho khóa 2024-2028 cho phù hợp với nhu cầu về nguồn nhân lực của xã hội và của các bên liên quan, đặc biệt là nhà sử dụng lao động và người học.

- Lấy người học làm trung tâm, luôn luôn quan tâm và tạo môi trường thuận lợi để người học tự do phát triển năng lực sáng tạo của mình: Trường tổ chức Hội nghị dạy tốt – Học tốt định kỳ hằng năm cho GV và SV; GV thường xuyên cải tiến, đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, năng lực chuyên môn và các kỹ năng của người học;

- Đầu tư đảm bảo CSVC, tăng cường ứng dụng CNTT vào dạy – học và quản lý đào tạo hướng đến tiếp cận và thích ứng với cuộc cách mạng công nghệ 4.0, tiếp cận với giáo dục khu vực và thế giới;

- Đẩy mạnh các hoạt động NCKH, PVCD trong SV và GV, trong đó GV là lực lượng nòng cốt: Nhà trường đang tích cực đẩy mạnh hoạt động NCKH như tăng cường kinh phí, cải tiến quy định về hoạt động NCKH cho GV và SV, với những chỉ tiêu cụ thể được giao, đồng thời có cơ chế giám sát và thúc đẩy, khuyến khích GV, SV tham gia NCKH;

- Tăng cường ký kết hợp tác với các đối tác là các cơ sở giáo dục, tổ chức đào tạo, doanh nghiệp, tổ chức NCKH trong và ngoài nước;

- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan đối với hoạt động đào

tạo, NCKH và PVCD của Nhà trường để không ngừng cải tiến chất lượng;

- Phát triển văn hóa chất lượng, xây dựng ý thức kỷ luật, tinh thần tập thể, phát huy tiềm năng và sự cống hiến của mọi cá nhân, đơn vị thuộc Trường;

- Thực hiện tự đánh giá và KĐCLGD cấp Trường và cấp CTĐT theo tiêu chuẩn do Bộ GDĐT ban hành, theo định kỳ, hướng tới KĐCLGD trong khu vực và quốc tế: UPT đã đạt kiểm định chất lượng CSGD theo tiêu chuẩn do Bộ GDĐT ban hành 2 chu kỳ, lần 1 năm 2019 và lần 2 vào ngày 10/01/2025 do Trung tâm KĐCLGD – ĐHQG Hà Nội công nhận; Đã đạt kiểm định chất lượng 8 CTĐT theo tiêu chuẩn do Bộ GDĐT ban hành vào năm 2021-2022 (*các CTĐT trình độ đại học Quản trị kinh doanh, Quản trị khách sạn, Công nghệ thông tin, Ngôn ngữ Anh, Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành, Tài chính – Ngân hàng, Luật kinh tế, và CTĐT trình độ thạc sĩ Quản trị kinh doanh*) do Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh công nhận.

2.2. Giới thiệu về Khoa Luật Kinh tế

Khoa Luật Kinh tế được thành lập vào năm 2015 theo quyết định số 124/QĐ-ĐHPT ngày 19/05/2015 của Chủ tịch HĐQT trường Đại học Phan Thiết. Khoa LKT hiện đang đào tạo 02 ngành là Luật Kinh tế và Luật trình độ đại học và tiếp tục phát triển các CTĐT. Đội ngũ cán bộ giảng dạy cơ hữu của Khoa tính đến 25/6/2025 có 19 CBGV cơ hữu, trong đó có 1 PGS, 6 Tiến sĩ, 12 ThS. Ngoài ra, Khoa còn có một số GV thỉnh giảng là các GS, PGS, Tiến sĩ, Thạc sĩ có kinh nghiệm và uy tín cao từ các Viện nghiên cứu, các trường ĐH trong nước và các doanh nghiệp về lĩnh vực Luật học, Luật Kinh tế tại TP. HCM trực tiếp tham gia giảng dạy và NCKH góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo và NCKH của Khoa.

Khoa LKT thường xuyên củng cố, phát triển Tổ ĐBCL của Khoa và thực hiện đầy đủ các hoạt động ĐBCL chung của Trường và các hoạt động ĐBCL của Khoa, bộ môn đối với các CTĐT của Khoa phụ trách như:

- Rà soát, đánh giá và phát triển đội ngũ nhân lực của Khoa hằng năm, đảm bảo đáp ứng số lượng và chất lượng GV giảng dạy các CTĐT và đội ngũ cán bộ quản lý, CVHT hỗ trợ người học; Tạo điều kiện để CBGVNV của Khoa tham gia các khóa học nâng cao trình độ và các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ;

- Định kỳ rà soát, cập nhật, phát triển các CTĐT của Khoa quản lý theo kế hoạch chung của Trường; chú trọng tham khảo các yêu cầu của các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng để xây dựng các CTĐT theo hướng tăng cường thực hành, thực tế, cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực kế toán, tài chính, ngân hàng; 01 CTĐT ĐH Luật của Khoa đã được xây dựng, vận hành từ năm năm 2021, CTĐT ĐH Luật đã qua cập nhật CTĐT của Trường vào năm 2021, 2022 và 2024. CTĐT từ khóa 2019 rút ngắn thời gian đào tạo còn 3,5 năm. CTĐT từ năm 2024 áp dụng cho khóa tuyển sinh 2024 được Nhà trường xây dựng theo Thông tư số 17/2021/TT- BGDĐT;

- Tổ chức các chương trình sinh hoạt học thuật của Khoa, tham gia chương trình Day tốt – Học tốt của Trường, giúp cho GV đổi mới phương pháp giảng dạy, áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng và phát triển năng lực tự học, sáng tạo của người học; cập nhật các phần mềm thực hành mới nhất từ các ngân hàng, doanh nghiệp để giảng dạy cho người học; Thực hiện đánh giá và cải tiến hình thức, phương pháp, đề thi kiểm tra đánh giá hằng năm theo kết quả học tập của người học;

- Cải tiến, biên soạn giáo trình tài liệu giảng dạy phục vụ cho các ngành đào tạo của Khoa, đáp ứng tốt hơn về tài liệu học tập cho người học;

- Khuyến khích các hoạt động NCKH đối với GV và SV trong Khoa. GV phải thực hiện tốt quy định của Trường về tiết nghĩa vụ NCKH và tích tham gia hướng dẫn SV thực hiện NCKH;

- Thực hiện các hoạt động cố vấn học tập, hỗ trợ người học trong suốt khóa học;

- Tăng cường hợp tác với các đơn vị, các doanh nghiệp, ngân hàng trong và ngoài Tỉnh và tổ chức các hoạt động thực hành, thực tế, thực tập cho người học trong mỗi khóa học và giới thiệu việc làm cho SV;

- Định kỳ thực hiện sinh hoạt Khoa, sinh hoạt cố vấn học tập lấy ý kiến người học, trao đổi với các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức... phối hợp với các hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan do Trường tổ chức để không ngừng cải tiến chất lượng CTĐT và các hoạt động của Khoa, nâng cao chất lượng đào tạo của Khoa đáp ứng sự hài lòng các bên liên quan;

- Thực hiện tự đánh giá và kiểm định chất lượng các CTĐT của Khoa theo quy định của Bộ GDĐT và của Trường. Khoa đã đạt kiểm định chất lượng 01 CTĐT ngành Luật Kinh tế trình độ đại học theo tiêu chuẩn do Bộ GDĐT ban hành vào năm 2022 do Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh công nhận.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu:

Mục tiêu và chuẩn đầu ra (CĐR) của một chương trình đào tạo (CTĐT) là những yếu tố then chốt thể hiện sự gắn kết giữa cơ sở giáo dục đại học, ngành đào tạo với yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của xã hội. Đối với ngành Kế toán, CĐR không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo mà còn là nền tảng để chương trình thích ứng và hội nhập trong bối cảnh giáo dục ngày càng đổi mới. Do đó, trong quá trình xây dựng mục tiêu và CĐR của CTĐT, Khoa đã bám sát tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường và bảo đảm sự phù hợp với các mục tiêu chung của giáo dục đại học theo quy định tại Luật Giáo dục Đại học.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học.

1. Mô tả hiện trạng:

CTĐT cử nhân ngành Luật đã được xây dựng và tổ chức đào tạo từ năm 2021. Từ đó đến nay, Trường đã trải qua nhiều lần xây dựng, cập nhật CTĐT một cách hệ thống. Bộ CTĐT 2021 áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2021 được Khoa, Trường xây dựng phù hợp với Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT, có sự tham khảo CTĐT của các trường nước ngoài và trong nước và ý kiến góp ý của các bên liên quan [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03] [H1.01.01.05]; CTĐT áp dụng cho kỳ tuyển sinh năm 2021 được điều chỉnh vào năm 2022 đã được cập nhật thay đổi một số học phần nhằm đáp ứng nhu cầu chung của các bên liên quan; CTĐT áp dụng cho kỳ tuyển sinh năm 2024 được điều chỉnh vào năm 2024 đã được cập nhật thay đổi một số học phần phù hợp với thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, đồng thời đáp ứng nhu cầu chung của các bên liên quan. [H1.01.01.04].

Mục tiêu của CTĐT cử nhân ngành Luật được xác định rõ ràng qua mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của CTĐT. Mục tiêu chung ngành Luật được xác định phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Điều 5 của Luật Giáo dục Đại học [H1.01.01.04].

Mục tiêu chung

CTĐT cử nhân ngành Luật luôn xác định mục tiêu rõ ràng theo từng giai đoạn và mục tiêu chung CTĐT 2024 “Đào tạo cử nhân Luật có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt; có kiến thức cơ bản về pháp luật, thực tiễn pháp lý ở Việt Nam và những kiến thức về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội có liên quan đến lĩnh vực pháp luật quốc tế. Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật có thể làm việc ở các doanh nghiệp, cơ quan thi hành và bảo vệ pháp luật hay các tổ chức nghiên cứu và tư vấn luật”. Mục tiêu này được thể hiện qua cấu trúc của chương trình đào tạo [H1.01.01.01].

Ngoài ra, người học cũng có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất, kinh nghiệm và kỹ năng cho bản thân để trở thành chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn của mình (Chuyên gia tư vấn pháp lý, chuyên viên thực hiện các dịch vụ pháp lý, nghiên cứu, giảng dạy về lĩnh vực pháp luật [H1.01.01.01]).

Trên cơ sở mục tiêu chung của CTĐT, các mục tiêu cụ thể và CĐR của CTĐT cử nhân ngành Luật được thiết kế để từ đó xây dựng các mục tiêu cụ thể và CĐR của các môn học thuộc CTĐT. Mục tiêu cụ thể thể hiện mong muốn của Đại học Phan Thiết về những nội dung mà CTĐT có thể mang lại cho người học gồm cả kiến thức, kỹ năng, thái độ và được thể hiện ở mục tiêu cụ thể của CTĐT [H1.01.01.02]. Mục tiêu này có thể thay đổi tùy theo nhu cầu của xã hội, thể hiện qua nội dung CTĐT qua các thời kỳ.

Mục tiêu cụ thể:

+ Mục tiêu 1 - *Lý luận chính trị cơ bản*

Hiểu và vận hành được vào thực tiễn hệ thống các tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp hình thành thế giới quan và phương pháp luận cho sinh viên khi tiếp cận và luận giải về các vấn đề hiện đại về nhà nước và pháp luật.

+ Mục tiêu 2 - *Khoa học xã hội*

Xây dựng cho sinh viên các kỹ năng học tập hiệu quả để có thể tự học tập nhằm tiếp tục nâng cao kiến thức và năng lực, bước đầu hình thành tư duy và năng lực nghiên cứu khoa học.

Vận dụng các khối kiến thức cơ bản của nhóm ngành về lý luận - lịch sử nhà nước và pháp luật cũng như một số ngành khoa học xã hội - nhân văn khác vào việc giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo.

+ Mục tiêu 3 – *Kiến thức cơ sở ngành*

Áp dụng các kiến thức nền tảng của khoa học pháp lý chuyên ngành về luật hiến pháp, luật hành chính, luật dân sự, luật hình sự, luật kinh doanh, luật quốc tế... trong việc nhận biết và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong thực tiễn công việc.

+ Mục tiêu 4 – *Kiến thức chuyên ngành*

Hiểu và vận dụng các kiến thức chuyên sâu trong các lĩnh vực pháp luật để phân tích, tổng hợp và giải quyết các vấn đề pháp lý cụ thể. Vận dụng kiến thức thực tế, thực tập để bước đầu làm quen với các công việc trong tương lai và thích ứng với những thay đổi của môi trường làm việc.

+ Mục tiêu 5 – *Pháp luật*

Kiến thức về luật hiến pháp, luật hành chính, luật dân sự, luật hình sự, luật kinh doanh, luật quốc tế... Luật kinh doanh quốc tế...

+ Mục tiêu 6 - *Kỹ năng*

Có khả năng tư duy hệ thống, nhận thức, phân tích, đánh giá đúng các vấn đề pháp lý nói chung; Biết tiếp cận các vấn đề trong bối cảnh xã hội luôn biến động, bước đầu hình thành kỹ năng phát hiện, phân tích, đánh giá phản biện, tư vấn các vấn đề pháp lý dựa trên những luận cứ khoa học thuộc chuyên ngành đào tạo;

Có khả năng tiếp nhận vấn đề, nắm bắt nhu cầu pháp luật cần giải quyết, phân tích và tổng hợp thông tin, đánh giá chứng cứ, nhận định đúng sai theo quy định của pháp luật để có hướng giải quyết. Kỹ năng tư vấn pháp lý trong kinh doanh. Kỹ năng tổ chức công việc như truy cứu, cập nhật, phân loại các văn bản pháp luật, đàm phán, soạn thảo các loại hợp đồng phục vụ hoạt động của doanh nghiệp.

Có kỹ năng viết và trình bày rõ ràng một vấn đề, làm báo cáo một cách thuần thực; có khả năng thích ứng với môi trường công việc trong nước và quốc tế luôn có sự biến động; có khả năng thuyết trình những vấn đề chuyên môn trước nhiều người; tham gia cộng tác, liên hệ học hỏi trao đổi, làm việc; có ý thức hợp tác, trung thực, chủ động trong làm việc nhóm; có bản lĩnh trình bày quan điểm riêng trong việc giải quyết những vấn đề pháp lý.

Kỹ năng đàm phán, soạn thảo các loại hợp đồng theo yêu cầu của doanh nghiệp; cung cấp dịch vụ pháp lý; tư vấn pháp luật nhất là lĩnh vực pháp luật doanh nghiệp.

+ Mục tiêu 7 - Thái độ

Nhận thức được vai trò quan trọng của pháp luật trong đời sống xã hội, “Sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật” trong việc góp phần xây dựng và bảo vệ pháp luật; Có ý thức tổ chức kỷ luật và thực hiện đúng nội quy của tổ chức, kỷ luật lao động; có khả năng làm việc độc lập, có khả năng tự tạo việc làm phù hợp với chuẩn mực xã hội.

+ Mục tiêu 8 - Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

Chuyên nghiệp và chủ động, tự tin trong công việc, dám chịu trách nhiệm và tự tin giải quyết công việc, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe; Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm với công việc được giao và có tinh thần cầu tiến, hợp tác, thân thiện với các đồng nghiệp và cá nhân khác trong công việc.

Mục tiêu của CTĐT cử nhân ngành Luật đã cụ thể hóa tầm nhìn của Nhà trường *"Trường Đại học Phan Thiết phấn đấu đến năm 2030 trở thành đại học có uy tín, chất lượng và sáng tạo; được kiểm định chất lượng quốc gia và khu vực; có mạng lưới quan hệ hợp tác rộng rãi, đa ngành trong nước và quốc tế"* và Sứ mạng của Đại học Phan Thiết là *"Đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức vững, kỹ năng toàn cầu và tinh thần khởi nghiệp, tạo ra các giá trị gia tăng cho doanh nghiệp, tổ chức và xã hội ở tỉnh Bình Thuận và khu vực. Cung cấp các dịch vụ nghiên cứu và quản lý khoa học công nghệ ứng dụng, phục vụ nhu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Thuận và cả nước. Xúc tiến các hoạt động phục vụ cộng đồng trong tỉnh Bình Thuận và cả nước"* [H1.01.01.02].

Như vậy, mục tiêu của CTĐT phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường. CTĐT xây dựng ma trận các chuẩn đầu ra cho các môn học. Ngoài ra, việc phân bổ môn học qua các học kỳ đảm bảo các môn ở học kỳ trước đóng vai trò làm nền tảng cho các môn ở học kỳ sau. Các môn thuộc khối kiến thức đại cương làm nền tảng cho các môn thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Mức độ chuyên sâu chuyên ngành được bố trí tăng dần qua từng học kỳ, qua đó các kỹ năng cũng tăng dần từ hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá [H1.01.01.03].

Bên cạnh đó, Khoa xác định mục tiêu của CTĐT ngoài việc phải phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường thì cũng xây dựng dựa trên mục tiêu của GDĐH: “Đào tạo SV có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo” [H1.01.01.03].

Để đảm bảo CTĐT được “Đổi mới toàn diện, đáp ứng nhu cầu nhân lực địa phương”, cung cấp cho SV đầy đủ kiến thức, kỹ năng, thái độ, khả năng tự nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp phù hợp với mục tiêu trên thì định kỳ 2 năm/lần, các đơn vị thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật CTĐT (thay đổi trong các quy định của Nhà nước, cập nhật kiến thức chuyên môn,...); đồng thời tiến hành công tác khảo sát, lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan gồm SV cuối khóa, nhà tuyển dụng, cựu SV và GV về CTĐT thông qua các khảo sát hoặc các cuộc họp trao đổi. Phòng KT-ĐBCL-TT&PC tổng hợp kết quả khảo sát và chuyển về khoa chuyên môn để thực hiện các điều chỉnh cần thiết. Khoa chuyên môn căn cứ vào sứ mệnh, tầm nhìn, kết quả khảo sát và các yếu tố khác để điều chỉnh CTĐT phù hợp [H1.01.01.05], [H1.01.01.06].

Mục tiêu CTĐT ngành Luật luôn được phổ biến rộng rãi dưới nhiều hình thức khác nhau như: qua website của Khoa và Nhà trường, các cuộc họp giữa CBQL, GV với SV trong Khoa, các cuộc thảo luận, hội nghị, tọa đàm, lấy ý kiến góp ý từ các bên liên quan và một số hình thức khác nhằm giúp người dạy, người học và người sử dụng lao động nắm rõ mục tiêu CTĐT của ngành [H1.01.01.07].

2. Điểm mạnh:

Mục tiêu CTĐT cử nhân ngành Luật xác định rõ ràng các hướng đào tạo chuyên sâu đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về nghiên cứu và thực hành trong lĩnh vực luật hiến pháp, luật hành chính, luật dân sự, luật hình sự, luật kinh doanh, luật quốc tế... Luật kinh doanh quốc tế...

Mục tiêu CTĐT cử nhân ngành Luật được xây dựng phù hợp với tầm nhìn sứ mạng của Nhà trường và phù hợp với mục tiêu của Giáo dục đại học.

3. Điểm tồn tại:

Chưa thực hiện đối sánh với các CTĐT tiên tiến tại các CSGD trong và ngoài nước.

4. Kế hoạch hành động:

	M ục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	hi chú
	K hắc phục tồn tại	Đối sánh với các CTĐT trong nước và nước ngoài nhằm hoàn thiện CTĐT của ngành đảm bảo tính phát triển bền vững phù hợp với điều kiện hiện có.	- Khoa LKT - P.QLĐT	Định kỳ hằng năm	
	P hát huy điểm mạnh	Định kỳ, tiến hành rà soát, cập nhật mục tiêu đào tạo phù hợp với các quy định của Luật giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo, triết lý giáo dục, tầm nhìn và sứ mạng của Trường ĐH Phan Thiết.	Khoa LKT, P. QLĐT, P. CTCTSV&HTDN	Hàng năm, từ năm 2025- 2026	

	M ục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	hi chú
		Tiếp tục truyền thông đến các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT thông qua các kênh website, ngày hội việc làm, tư vấn tuyển sinh.			
		Thường xuyên cập nhật mục tiêu CTĐT cử nhân ngành Luật được xây dựng phù hợp với tầm nhìn sứ mạng của Nhà trường và phù hợp với mục tiêu của Giáo dục đại học.	- Khoa LKT - P.TCHC	Hàng năm, từ năm 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng:

CĐR của CTĐT cử nhân ngành Luật được xây dựng phù hợp với sứ mạng tầm nhìn Nhà trường, phản ánh được mục tiêu của CTĐT và xác định rõ ràng những kiến thức, kỹ năng và những phẩm chất, mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm mà người học cần đạt sau khi hoàn thành CTĐT. CĐR của CTĐT cử nhân ngành Luật hướng đến mục tiêu trang bị cho SV kiến thức cơ bản vững chắc về tính toán và thống kê, ngoại ngữ, kiến thức xã hội; kiến thức vững chắc về cơ sở ngành và chuyên ngành, rèn luyện các kỹ năng mềm cùng các kỹ năng nghề nghiệp vững vàng, đủ và phù hợp với nhu cầu xã

hội, thái độ học tập và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, để khi ra trường SV có thể làm việc được ngay, lại vừa có thể học tiếp lên bậc cao hơn hoặc làm công tác nghiên cứu. Trong quá trình xây dựng CDR của CTĐT khoa LKT đã tiến hành lấy ý kiến của các bên liên quan như nhà tuyển dụng, sinh viên cuối khóa, cựu sinh viên, giảng viên,... để CDR của CTĐT đáp ứng nhu cầu thực tế của xã hội [H1.01.02.01], [H1.01.02.02], [H1.01.02.03].

CDR của CTĐT ngành Luật sau khi được phê duyệt, ban hành được công bố rộng rãi trên Website của P.QLĐT, của Khoa để SV, GV và những ai quan tâm có thể tiếp cận [H1.01.02.04].

CDR của CTĐT cử nhân ngành Luật được mô tả rõ ràng trong CTĐT, các chuẩn này thể hiện qua các yếu tố cốt lõi mà sinh viên cần đạt được sau khi tốt nghiệp, đó là: kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, triển vọng việc làm trong tương lai, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT [H1.01.02.03]. Vì vậy, CDR của CTĐT cử nhân ngành Luật đã được thiết kế rõ ràng, giúp cho người học và người dạy dễ dàng xác định được mục tiêu trong suốt quá trình giảng dạy và học tập các kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm.

Bảng 1.2.1 Mô tả mối quan hệ giữa các mục tiêu và CDR của CTĐT

Mục tiêu cụ thể (POs)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (LOs)
<i>Kiến thức</i> PO1. Xây dựng cho sinh viên các kỹ năng học tập hiệu quả để có thể tự học tập nhằm tiếp tục nâng cao kiến thức và năng lực, bước đầu hình thành tư duy và năng lực nghiên cứu khoa học. PO2. Hiểu và vận hành được vào thực tiễn hệ thống các tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa	<i>Kiến thức</i> PLO1. Hiểu và vận dụng được vào thực tiễn hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp hình thành thế giới quan và phương pháp luận cho sinh viên khi tiếp cận và luận

Mục tiêu cụ thể (POs)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (LOs)
Mác Lênin, tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp hình thành thế giới quan và phương pháp luận cho sinh viên khi tiếp cận và luận giải về các vấn đề hiện đại về nhà nước và pháp luật. PO3. Vận dụng các khối kiến thức cơ bản của nhóm ngành về lý luận - lịch sử nhà nước và pháp luật cũng như một số ngành khoa học xã hội - nhân văn khác vào việc giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo. PO4. Áp dụng các kiến thức nền tảng của khoa học pháp lý chuyên ngành về luật hiến pháp, luật hành chính, luật dân sự, luật hình sự, luật kinh doanh, luật quốc tế... trong việc nhận biết và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong thực tiễn công việc. PO5. Hiểu và vận dụng các kiến thức chuyên sâu trong các lĩnh vực pháp luật để phân tích, tổng hợp và giải quyết các vấn đề pháp lý cụ thể. Vận dụng kiến thức thực tế, thực tập để bước đầu làm quen với các công việc trong tương	giải về các vấn đề hiện đại về nhà nước và pháp luật. PLO2. Áp dụng các kiến thức nền tảng khoa học xã hội và khoa học tự nhiên vào việc giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo. PLO3. Áp dụng các khối kiến thức cơ bản của nhóm ngành về lý luận - lịch sử nhà nước và pháp luật cũng như một số ngành khoa học xã hội - nhân văn khác vào việc giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành luật. PLO4. Diễn giải và phân tích được các kiến thức nền tảng khoa học pháp lý chuyên ngành về luật hiến pháp, luật hành chính, luật dân sự, luật hình sự, luật kinh doanh, luật quốc tế... trong việc nhận biết và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong thực tiễn công việc. PLO5. Hiểu và vận dụng các kiến thức chuyên sâu trong các lĩnh vực pháp luật để phân tích, đánh giá, tổng hợp và giải quyết các vấn đề pháp lý cụ thể, áp dụng các kiến thức thực tế, thực tập để bước đầu làm quen với các công việc trong tương lai và thích ứng với những thay đổi của môi trường làm việc.

Mục tiêu cụ thể (POs)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (LOs)
lai và thích ứng với những thay đổi của môi trường làm việc.	
Kỹ năng PO6. Có khả năng tư duy hệ thống, nhận thức, phân tích, đánh giá đúng các vấn đề pháp lý nói chung; Biết tiếp cận các vấn đề trong bối cảnh xã hội luôn biến động, bước đầu hình thành kỹ năng phát hiện, phân tích, đánh giá phản biện, tư vấn các vấn đề pháp lý dựa trên những luận cứ khoa học thuộc chuyên ngành đào tạo; PO7. Có khả năng tiếp nhận vấn đề, nắm bắt nhu cầu pháp luật cần giải quyết, phân tích và tổng hợp thông tin, đánh giá chứng cứ, nhận định đúng sai theo quy định của pháp luật để có hướng giải quyết. Kỹ năng tư vấn pháp lý trong kinh doanh. Kỹ năng tổ chức công việc như truy cứu, cập nhật, phân loại các văn bản pháp luật, đàm phán, soạn thảo các loại hợp đồng phục vụ hoạt động của doanh nghiệp. PO8. Có kỹ năng viết và trình bày rõ ràng một vấn đề, làm báo cáo một cách thuần thục; có khả năng thích ứng với môi trường công việc trong nước và quốc tế luôn có sự biến động; có khả	Kỹ năng PLO6: Hình thành và phát triển được khả năng tư duy hệ thống, nhận thức, phân tích để đánh giá đúng các vấn đề pháp lý nói chung; Nhận thức được các vấn đề trong bối cảnh xã hội luôn biến động, bước đầu hình thành kỹ năng phát hiện, phân tích, đánh giá phản biện, tư vấn các vấn đề pháp lý dựa trên những luận cứ khoa học thuộc chuyên ngành luật. PLO7: Có khả năng tự nghiên cứu và lập luận, biết vận dụng các kiến thức, kỹ năng vào nhận diện và giải quyết các vấn đề pháp lý trong thực tiễn. PLO8: Thành thạo các kỹ năng công nghệ thông tin trong các ứng dụng văn phòng, sử dụng các công cụ và phần mềm chuyên môn để tìm kiếm, phân tích và đánh giá các văn bản pháp luật có liên quan đến công việc của mình. PLO9: Phối hợp các kỹ năng sử dụng ngoại ngữ thành thạo để có thể hiểu được trong giao tiếp, nghe và hiểu các nội dung chính của báo cáo hay bài phát biểu các chủ đề liên quan đến pháp luật nước ngoài.

Mục tiêu cụ thể (POs)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (LOs)
năng thuyết trình những vấn đề chuyên môn trước nhiều người; tham gia cộng tác, liên hệ học hỏi trao đổi, làm việc; có ý thức hợp tác, trung thực, chủ động trong làm việc nhóm; có bản lĩnh trình bày quan điểm riêng trong việc giải quyết những vấn đề pháp lý. PO9. Kỹ năng đàm phán, soạn thảo các loại hợp đồng theo yêu cầu của doanh nghiệp; cung cấp dịch vụ pháp lý; tư vấn pháp luật nhất là lĩnh vực pháp luật doanh nghiệp.	PLO10: Thành thạo và phối hợp các kỹ năng trong giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, viết báo cáo..., chuẩn xác, hiệu quả trong quá trình học tập, nghiên cứu và công việc. Hình thành kỹ năng tra cứu thông tin, nghiên cứu văn bản, tài liệu, soạn thảo văn bản, viết báo cáo, viết luận cứ,.... PLO11: Sử dụng thành thạo máy tính và một số phần mềm văn phòng thông dụng để có thể: soạn thảo tài liệu; quản lý dữ liệu qua các bảng tính; trình chiếu; khai thác Internet để tìm kiếm thông tin và liên lạc qua thư điện tử; làm được trang web đơn giản; Có khả năng tổ chức lưu trữ thông tin trên máy tính và sử dụng máy tính để giải quyết vấn đề thông dụng. Tư duy sáng tạo, giải quyết được các vấn đề liên quan đến pháp lý.
Thái độ PO10. Nhận thức được vai trò quan trọng của pháp luật trong đời sống xã hội, “Sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật” trong việc góp phần xây dựng và bảo vệ pháp luật; Có ý thức tổ chức kỷ luật và thực hiện đúng nội quy của tổ chức, kỷ luật lao động; có khả năng làm việc độc lập, có khả năng	Năng lực tự chủ và trách nhiệm PLO12: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một luật gia, có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, có bản lĩnh nghề nghiệp và thái độ trung thực, yêu nghề và có trách nhiệm trong công việc; Có ý thức xây dựng và bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

Mục tiêu cụ thể (POs)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (LOs)
tự tạo việc làm phù hợp với chuẩn mực xã hội. PO11. Chuyên nghiệp và chủ động, tự tin trong công việc, dám chịu trách nhiệm và tự tin giải quyết công việc, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe; Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm với công việc được giao và có tinh thần cầu tiến, hợp tác, thân thiện với các đồng nghiệp và cá nhân khác trong công việc;	PLO 13: Chuyên nghiệp và chủ động, tự tin trong công việc, dám chịu trách nhiệm và tự tin giải quyết công việc, mạnh dạn bày tỏ quan điểm, biết lắng nghe và thấu hiểu; Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm với công việc được giao và có tinh thần cầu tiến, hợp tác, thân thiện với các đồng nghiệp và cá nhân khác trong công việc.
<i>Về vị trí làm việc sau tốt nghiệp</i> - Làm việc tại các doanh nghiệp Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật sẽ thích hợp với công việc ở các doanh nghiệp với tư cách là chuyên viên pháp lý phụ trách những công việc liên quan đến đàm phán, soạn thảo, ký kết hợp đồng; đề xuất giải pháp xử lý tình huống pháp lý trong kinh doanh. Làm việc cho các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý như luật sư, tư vấn viên trong các công ty, văn phòng luật, văn phòng công chứng trong và ngoài nước; chuyên viên pháp chế, tư vấn viên trong các công ty, doanh nghiệp có yêu cầu sử dụng nhân lực có chuyên môn cao trong lĩnh vực	<i>Vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp</i> - Làm việc tại các doanh nghiệp Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật sẽ thích hợp với công việc ở các doanh nghiệp với tư cách là chuyên viên pháp lý phụ trách những công việc liên quan đến đàm phán, soạn thảo, ký kết hợp đồng; đề xuất giải pháp xử lý tình huống pháp lý trong kinh doanh. Làm việc cho các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý như luật sư, tư vấn viên trong các công ty, văn phòng luật, văn phòng công chứng trong và ngoài nước; chuyên viên pháp chế, tư vấn viên trong các công ty, doanh nghiệp có yêu cầu sử dụng nhân lực có chuyên môn cao trong lĩnh vực

Mục tiêu cụ thể (POs)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (LOs)
pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty, doanh nghiệp. - Làm việc tại các cơ quan nhà nước Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật, với kiến thức căn bản về pháp luật, kinh tế có thể làm việc trong khu vực công. Sinh viên có thể công tác ở tòa án các cấp, các cơ quan của Quốc hội, Viện kiểm sát, Công an, các bộ ngành của Chính Phủ, Ủy ban nhân dân, sở, phòng, ban ở địa phương, các văn phòng Luật sư, văn phòng Công chứng, thừa phát lại,... - Làm việc tại các tổ chức nghiên cứu và tư vấn Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật có thể tham gia làm việc tại các viện nghiên cứu và các trung tâm cung cấp các dịch vụ tư vấn pháp lý (văn phòng, công ty luật),... Ngoài ra, các sinh viên cũng có thể làm việc tại các trung tâm trọng tài thương mại. Giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu hoặc đào tạo về pháp luật, hành chính - chính trị như các trường đại học, cao đẳng, trung học,	pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty, doanh nghiệp. - Làm việc tại các cơ quan nhà nước Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật, với kiến thức căn bản về pháp luật, kinh tế có thể làm việc trong khu vực công. Sinh viên có thể công tác ở tòa án các cấp, các cơ quan của Quốc hội, Viện kiểm sát, Công an, các bộ ngành của Chính Phủ, Ủy ban nhân dân, sở, phòng, ban ở địa phương, các văn phòng Luật sư, văn phòng Công chứng, thừa phát lại,... - Làm việc tại các tổ chức nghiên cứu và tư vấn Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật có thể tham gia làm việc tại các viện nghiên cứu và các trung tâm cung cấp các dịch vụ tư vấn pháp lý (văn phòng, công ty luật),... Ngoài ra, các sinh viên cũng có thể làm việc tại các trung tâm trọng tài thương mại. Giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu hoặc đào tạo về pháp luật, hành chính - chính trị như các trường đại học, cao đẳng, trung học, trung tâm, viện nghiên cứu về các lĩnh vực liên quan.

Mục tiêu cụ thể (POs)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (LOs)
trung tâm, viện nghiên cứu về các lĩnh vực liên quan. - Có thể tiếp tục học tiếp lên trình độ Sau đại học ở trong nước và nước ngoài. - Có khả năng tự học tập và nghiên cứu khoa học độc lập, học tập sau đại học để nhận học vị thạc sỹ hoặc tiến sỹ trong lĩnh vực chuyên ngành về Luật Kinh tế. Bên cạnh đó, sinh viên có thể học thêm các kỹ năng hành nghề như: Luật sư, Công chứng viên hoặc học văn bằng 2 các ngành học khác	

CĐR của CTĐT được cụ thể hóa thành CĐR của từng học phần trong CTĐT, tăng tính khả thi của các CĐR của CTĐT cũng như lý giải được giá trị của mỗi CĐR. Các CĐR này cũng được tổ chức dưới dạng các nhóm kiến thức, kỹ năng và thái độ. Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp vào việc thực hiện CĐR của CTĐT thể hiện qua ma trận kỹ năng trong CTĐT [H1.01.02.03], [H1.01.02.05].

CTĐT ngành Luật cũng luôn chú trọng đến vấn đề cải thiện thêm về chất lượng CĐR của CTĐT, Khoa LKT cũng tiến hành tổng hợp, đối sánh với các CTĐT ngành Luật của các trường Đại học trong và ngoài nước [H1.01.02.06] và thảo luận chỉnh sửa để CTĐT có CĐR phù hợp, cải tiến để đáp ứng với nhu cầu sử dụng lao động trong xã hội.

2. Điểm mạnh:

CĐR ngành Luật được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT, đảm bảo khối lượng kiến thức và kỹ năng người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

3. Điểm tồn tại:

CĐR chưa phản ánh kịp thời các yêu cầu từ tất cả cựu người học và các nhà tuyển dụng do chưa khảo sát được tất cả cựu người học và các nhà tuyển dụng.

4. Kế hoạch hành động:

T	M ục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	hi chú
	K hắc phục tồn tại	Nghiên cứu hoàn thiện công cụ khảo sát để tiến hành khảo sát định kỳ với quy mô toàn diện hơn.	- P.QLĐT - Khoa LKT - GV	Từ năm học 2025- 2026	
	Ph át huy điểm mạnh	Tiếp tục khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan về nhu cầu sử dụng lao động, đồng thời điều chỉnh CĐR để sau khi tốt nghiệp SV đáp ứng nhu cầu nhà tuyển dụng.	- Khoa LKT - P. QLĐT	Hàng năm (từ năm 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả hiện trạng:

Các bên liên quan đóng vai trò rất quan trọng và không thể thiếu trong việc xây dựng và rà soát CĐR của CTĐT. Những ý kiến đóng góp, phản hồi từ các bên liên quan sẽ được sử dụng làm cơ sở, căn cứ cho việc điều chỉnh mục tiêu chương trình, CĐR của chương trình, môn học, nội dung môn học, thời lượng môn học, CĐR môn học hoặc các hình thức giảng dạy, học tập, và đánh giá kết quả... Mục đích của việc này nhằm đem đến cho SV một CTĐT chất lượng cao, có tính ứng dụng thực tế, và đáp ứng đúng nhu

cầu nhân lực của xã hội trong thời điểm hiện tại [H1.01.03.01], [H1.01.03.02]. Ý kiến góp ý của các chuyên gia, cán bộ quản lý, người sử dụng lao động, GV, SV, cựu SV trong lĩnh vực được Khoa triển khai bằng nhiều hình thức như: khảo sát online, trao đổi hoặc phát phiếu khảo sát thông qua các ngày hội việc làm, qua các đợt liên hệ cho SV đi kiến tập, thực tập [H1.01.03.03].

Thực hiện định kỳ rà soát, điều chỉnh 2 năm một lần theo quy định và hướng dẫn trong việc thiết kế, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt CTĐT và các môn học/học phần do Trường ĐHPT ban hành, Khoa LKT đã định kỳ tiến hành xây dựng, rà soát, điều chỉnh bảng mô tả CDR của CTĐT và các môn học/học phần và ma trận kỹ năng [H1.01.03.04], [H1.01.03.05] của từng ĐCCT học phần. Hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh CDR được thực hiện dựa theo quy định hướng dẫn chung của Nhà trường [H1.01.02.04] và dựa trên các biên bản họp, góp ý của các bên liên quan, đặc biệt là nhà sử dụng lao động; đồng thời công bố công khai CDR của CTĐT thông qua trang thông tin điện tử của Trường và Khoa [H1.01.03.06], [H1.01.03.07] và luôn bám sát với Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ GD&ĐT nhằm đem lại hiệu quả cao và chính xác trong công việc. Trường đã thực hiện các lần rà soát thay đổi lớn vào năm 2021, 2022 và 2024 được rà soát và thay đổi theo QĐ số 224 QĐ-ĐHPT ngày 16/4/2024. Sau khi CDR của CTĐT được ban hành và triển khai áp dụng, theo quy định, định kỳ vào tháng 4 hàng năm, Khoa LKT bắt đầu triển khai các bước của Quy trình rà soát, đánh giá, cập nhật CDR và CTĐT. Gần nhất, vào năm 2024, Khoa LKT đã tiến hành điều chỉnh, cập nhật, rà soát và thay đổi CTĐT, CDR ngành Luật hệ ĐH chính quy. Cụ thể là Khoa đã thay thế một số học phần cho phù hợp với nhu cầu thực tế từ sự chuyển biến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, nhằm đảm bảo đúng lộ trình đào tạo của ngành, cũng như đáp ứng được tình hình thực tế của xã hội và nhu cầu, góp ý, đánh giá từ các bên liên quan. Từ đó, Khoa đã tiến hành xây dựng lại khung CTĐT và bộ CDR phù hợp với nhu cầu thực tiễn của thời đại CMCN 4.0, cập nhật các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà CBGV Khoa đã tham khảo thể hiện qua bảng mô tả CTĐT và đề cương học phần [H1.01.03.08]. Việc rà soát, điều chỉnh CDR và CTĐT cử nhân ngành Luật cũng đã góp phần làm tăng tỷ lệ xếp loại tốt nghiệp khá giỏi của SV trong những năm gần đây.

Việc rà soát, điều chỉnh CĐR và nâng cao chất lượng CTĐT cử nhân ngành Luật được thực hiện định kỳ thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa, Trường và thông qua việc lấy ý kiến của các bên liên quan để có những hiệu chỉnh phù hợp. CĐR và CTĐT ngành Luật sau khi điều chỉnh sẽ được thực hiện và công bố, công khai trên Website của Trường, của Khoa LKT, Sổ tay SV để các bên liên quan được biết [H1.01.03.06], [H1.01.03.07], [H1.01.03.08].

2. Điểm mạnh:

CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh điều chỉnh 2 năm một lần theo đúng quy trình và kế hoạch của nhà trường và được công bố công khai trên Website của Trường và của Khoa.

3. Điểm tồn tại:

Công tác khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan chưa đem lại kết quả cao. Số phiếu thu lại thấp hơn so với số phiếu phát ra, nhiều phiếu bị thiếu thông tin và không có giá trị sử dụng.

4. Kế hoạch hành động:

T	M ục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	hi chú
	K hắc phục tồn tại	- Thiết kế lại mẫu phiếu khảo sát mới có nội dung câu hỏi rõ ràng, cụ thể, đi vào trọng tâm nhằm thu lại được các ý kiến đóng góp chuẩn xác, phù hợp về CĐR của CTĐT. - Đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác với các DN thông qua việc gửi SV đi thực tập, thực tế,... Khoa sẽ tổ chức các cuộc gặp gỡ, đối thoại trực	- P. QLĐT, - Khoa LKT	Từ năm 2025- 2026	

T	M ục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	hi chú
		tiếp với DN, và cựu SV để nhận được các ý kiến góp ý cụ thể, sâu sắc hơn cho CTĐT của ngành Luật.			
	P hát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát định kỳ đề cương các học phần để đảm bảo đầy đủ các thông tin sao cho phù hợp với CTĐT và CĐR để đáp ứng nhu cầu của xã hội. Lượng hóa chính xác mức độ đáp ứng CĐR của CTĐT, cải tiến PPDH theo CĐR thông qua các hội thảo, tọa đàm và sinh hoạt chuyên môn.	- P. QLĐT - Khoa LKT	Định kỳ theo kế hoạch của Trường; Từ năm 2025- 2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Mục tiêu CTĐT Cử nhân ngành Luật xác định rõ ràng các hướng đào tạo chuyên sâu (tư vấn pháp luật doanh nghiệp, cung cấp dịch vụ pháp lý, thực hiện giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại, quốc tế...) đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về NCKH pháp lý và thực hành áp dụng pháp luật trong lĩnh vực pháp luật. Mục tiêu CTĐT Cử nhân ngành Luật được xây dựng phù hợp với tầm nhìn sứ mạng của Nhà trường và phù hợp với mục tiêu của GDĐH. Khoa LKT - ĐHPT đã liên tục thực hiện các cuộc thăm dò khảo sát đối với người học và cả nhà tuyển dụng để bảo đảm rằng CTĐT cử nhân ngành Luật luôn đáp ứng yêu cầu và nhu cầu của tất cả các bên.

CĐR ngành Luật được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT, đảm bảo khối lượng kiến thức và kỹ năng người học cần đạt được sau khi hoàn

thành CTĐT. CDR thể hiện các mức độ giảng dạy I/T/U (Introduce/Teach/Utilize) và trình độ năng lực mà người học cần phải đạt được, vì vậy có thể đo lường và đánh giá được.

CDR của CTĐT Cử nhân ngành Luật được xây dựng, rà soát, bổ sung, điều chỉnh, hoàn thiện định kỳ theo quy định của Trường, trong đó có tiếp thu các ý kiến phản hồi của các tổ chức độc lập và từ các bên liên quan trong và ngoài trường, đặc biệt là của các Nhà tuyển dụng nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn lực của ngành Luật.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Sự tham gia góp ý xây dựng mục tiêu CTĐT cho Khoa Luật từ các Nhà tuyển dụng còn hạn chế; Nội dung các văn bản quy phạm pháp luật liên tục thay đổi do đó việc cập nhật kiến thức trong CTĐT gặp khó khăn khi thực hiện khảo sát. Khoa LKT - ĐHPT đã tiến hành hoạt động tìm hiểu nhu cầu nhân lực của thị trường lao động nhưng hiệu quả còn hạn chế.

Thống kê đánh giá việc đạt được CDR trong từng bài kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ của GV chưa được kiểm soát tốt.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 1:

Căn cứ kết quả đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn 1 có 3 tiêu chí, trong đó có một tiêu chí đạt điểm 4/7 và hai tiêu chí đạt điểm 5/7.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu:

Bản mô tả CTĐT ngành Luật đầy đủ các nội dung theo quy định, được rà soát, cập nhật và điều chỉnh định kỳ 2 năm một lần (trừ trường hợp có những biến động lớn, cần điều chỉnh kịp thời) theo các quy định, hướng dẫn của Bộ GDĐT và của Trường, phù hợp với mục tiêu chiến lược của Trường, của Khoa. Bản mô tả CTĐT xây dựng dựa trên nhu cầu của người học, nhu cầu nhân lực của xã hội và công bố công khai, giúp các bên liên quan dễ tiếp cận. Bản mô tả CTĐT ngành Luật là tài liệu cung cấp các thông tin về cơ sở đào tạo; CTĐT; mã ngành đào tạo; thời gian đào tạo; cơ sở pháp lý và thực tiễn về chương trình; mục tiêu; chuẩn đầu ra; điều kiện tốt nghiệp; vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp; cấu trúc chương trình; nội dung; kế hoạch giảng dạy; ma trận thể hiện sự đóng

góp của mỗi học phần; các đề cương tóm tắt học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, kiểm tra/đánh giá học phần, và của từng học phần cụ thể. Bản mô tả CTĐT và đề cương môn học được cập nhật thường xuyên và công bố công khai cho các bên liên quan qua Website Trường, Khoa.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng:

Bản mô tả CTĐT Cử nhân ngành Luật giúp cho người học có cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT. Bản mô tả CTĐT ngành Luật được thiết kế khoa học, phân tích chi tiết đầy đủ các nội dung nhằm cung cấp thông tin rõ ràng cho người học và các đối tượng có quan tâm, làm cơ sở cho sự lựa chọn của mình về ngành học: tên CSGD; tên gọi của văn bằng; tên CTĐT; thời gian đào tạo; khối lượng kiến thức toàn khóa; mục tiêu đào tạo (*gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể*), CĐR của CTĐT; đối tượng và tiêu chí tuyển sinh; cấu trúc CTDH; ma trận kỹ năng (thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR); đề cương các môn học/học phần; thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh bản mô tả CTĐT [H2.02.01.01].

Định kỳ 2 năm/lần, bản mô tả CTĐT ngành Luật luôn được cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan [H2.02.01.03]. Ban xây dựng CTĐT của Khoa LKT phối hợp cùng Phòng QLĐT tổ chức lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về dự thảo CTĐT, CĐR và ĐCCT. Sau đó, chỉnh sửa lại nội dung dự thảo để đáp ứng được những góp ý từ các bên liên quan [H2.02.01.04], [H2.02.01.05]. Tiếp đến, khoa tiến hành báo cáo kết quả về việc rà soát CTĐT và đối sánh CTĐT đang được điều chỉnh, cập nhật với các CTĐT cùng ngành của các trường trong và ngoài nước [H2.02.01.06]; từ đó đưa ra đề xuất điều chỉnh bản mô tả CTĐT và trình lên HĐKH và đào tạo Nhà trường xem xét, đánh giá lần nữa và quyết định đồng ý hoặc góp ý cho Khoa chỉnh sửa [H02.02.01.07], [H02.02.01.08].

CTĐT ngành Luật có quyết định mở ngành và bắt đầu tuyển sinh ngành Luật khóa đầu tiên vào năm 2021. Vì CTĐT mới vừa tổ chức đào tạo nên chưa có nhiều cơ sở để rà soát, điều chỉnh theo đợt điều chỉnh CTĐT chung của toàn trường vào năm 2021. Đến năm 2022 căn cứ vào Kế hoạch điều chỉnh chung của Nhà trường, khoa LKT lên Kế hoạch rà soát, đánh giá và cải tiến CTĐT ngành Luật năm 2021 (cập nhật, điều chỉnh

một số môn học,...). Đến năm 2024, Khoa LKT tiếp tục tiến hành điều chỉnh CTĐT theo đợt điều chỉnh chung của toàn trường [H02.02.01.01], [H02.02.01.07].

Lần rà soát, điều chỉnh CTĐT mới nhất năm 2024 đã tạo ra bước tiến mới trong phát triển và hiện đại hóa CTĐT, đổi mới mục tiêu, nội dung đào tạo, thời lượng CTĐT còn lại 3,5 năm với tổng cộng 10 học kỳ, trung bình sẽ học 3 học kỳ/năm, cụ thể: Rà soát, sắp xếp lại môn học trong chương trình khung, điều chỉnh việc phân bổ thời lượng và tín chỉ cho từng môn học; lựa chọn một số môn học mới nhằm thay thế, bổ sung cho phù hợp với mục tiêu đào tạo, tăng cường tổ chức các đợt học kỳ hè. Đồng thời, tiếp tục đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập; xây dựng một học chế mềm dẻo hướng về SV để tăng tính chủ động và khả năng cơ động của SV; mang đến cho SV một CTĐT hợp lý, bổ ích, thực tiễn, phù hợp với năng lực bản thân và nhu cầu của xã hội; đảm bảo sự liên thông trong quá trình học tập [H02.02.01.07], [H02.02.01.08].

CTĐT và các môn học của CTĐT được công bố rộng rãi cho các SV, GV, nhà tuyển dụng và các đối tượng có quan tâm thông qua Website của P.QLĐT và của Khoa, các buổi sinh hoạt đầu khoá của Khoa [H2.02.01.02] nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận với bản mô tả CTĐT. Các nội dung của bản mô tả CTĐT ngành Luật gồm: Tên chương trình tiếng Việt; Tên chương trình tiếng Anh; Trình độ đào tạo; Ngành đào tạo tiếng Việt; Ngành đào tạo tiếng Anh; Mã ngành; Thời gian đào tạo; Loại hình đào tạo; Số tín chỉ; Văn bằng tốt nghiệp; Ngôn ngữ giảng dạy; Mục tiêu đào tạo; Chuẩn đầu ra... [H2.02.01.01]. Mục đích của việc này nhằm đem đến cho sinh viên một CTĐT chất lượng cao, có tính ứng dụng thực tế, và đáp ứng đúng nhu cầu nhân lực của xã hội trong thời điểm hiện tại.

2. Điểm mạnh:

Bản mô tả CTĐT ngành Luật đầy đủ các nội dung và thông tin, các bên liên quan dễ dàng tiếp cận với CTĐT.

Bản mô tả CTĐT này cũng được cập nhật định kỳ hàng năm và theo giai đoạn cho phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động, sự thay đổi nội dung của các văn bản quy phạm pháp luật và xu hướng hội nhập sâu của Việt Nam vào các tổ chức kinh tế thế giới.

3. Điểm tồn tại:

Tiến trình đào tạo được mô tả trong bản mô tả CTĐT chưa đáp ứng triệt để nhu cầu học vượt của người học.

4. Kế hoạch hành động:

T	M ục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	hi chú
	K hắc phục tồn tại	Khoa sẽ tổ chức rà soát, đánh giá và điều chỉnh lại tiến trình đào tạo các học phần thuộc các khối kiến thức theo lĩnh vực, khối ngành, nhóm ngành, đặc biệt là chuyên ngành cho phù hợp hơn, theo hướng hỗ trợ thời gian nhiều hơn cho người học có thể học vượt theo nhu cầu.	Khoa LKT	Từ năm học 2025 -2026	
	P hát huy điểm mạnh	Tiếp tục xây dựng bảng mô tả CTĐT được thể hiện đầy đủ thông tin và tường minh; cập nhật định kỳ cho phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động và xu hướng phát triển trong nước, khu vực và thế giới.	Khoa LKT, P.QL ĐT	Từ năm học 2025 -2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng:

ĐCCT các học phần là bản mô tả quá trình giảng dạy đóng vai trò quan trọng giúp GV và SV thực hiện đúng trách nhiệm của mình. ĐCCT học phần là tài liệu do GV biên soạn để cung cấp cho người học các thông tin về học phần và được triển khai đến từng

SV vào buổi học đầu tiên của học phần, trang thông tin điện tử của Khoa gồm các nội dung chính: Thông tin chung về học phần, mục tiêu học phần, chuẩn đầu ra của học phần, mô tả tóm tắt nội dung học phần, mối liên hệ giữa CĐR học phần (CLO) với CĐR CTĐT (PLO), đánh giá học phần, kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần (các chương giảng dạy, nội dung chính của từng chương), học liệu, Holistic Rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn (dự án); phản ánh được các yêu cầu của các bên liên quan trong quá trình xây dựng, cập nhật ĐCCT theo kế hoạch. Cụ thể:

ĐCCT của các học phần trong CTĐT ngành Luật có đầy đủ các thông tin sau: (1) mã học phần; (2) tên học phần; (3) ký hiệu học phần; (4) tên tiếng anh của học phần; (5) số tín chỉ; (6) phân bố thời gian; (7) các giảng viên phụ trách học phần; (8) Điều kiện tham gia học phần; (9) mục tiêu của học phần; (10) chuẩn đầu ra học phần; (11) mô tả tóm tắt nội dung học phần; (12) mối liên hệ giữa CĐR và CTĐT của học phần; (13) đánh giá học phần; (14) kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần; (15) học liệu; (16) Holistic Rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn. Từng mục tiêu học phần có ghi rõ mục tiêu đó tương ứng với CĐR nào của CTĐT. Trong nội dung chi tiết học phần, ứng với từng bài, có ghi rõ số tiết lý thuyết; số tiết thực hành; bài học đáp ứng mục tiêu nào của học phần; tài liệu học tập chính, tài liệu tham khảo của học phần và của từng bài. Phương pháp đánh giá bao gồm điểm đánh giá quá trình (chuyên cần trọng số 10%, giữa kỳ trọng số 30%) và điểm thi kết thúc học phần (trọng số 60%) [H2.02.02.01].

Để ĐCCT học phần đảm bảo thể hiện được CĐR của môn học, phương pháp giáo dục có thể đạt được các CĐR đã nêu và phương pháp giảng dạy đạt hiệu quả cần căn cứ dựa trên các quyết định về việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá CĐR, CTĐT và ĐCCT. Trên cơ sở bản mô tả CTĐT, Khoa LKT đã tổ chức xây dựng ĐCCT các học phần theo quy trình được hướng dẫn của Nhà trường [H2.02.02.02].

100% đề cương các học phần trong CTĐT được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật theo kế hoạch nhà trường (năm 2021, 2022 và 2024). Việc cập nhật ĐCCT học phần ngành Luật được tiến hành thường xuyên hàng năm, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các học phần, danh mục tài liệu học tập phù hợp với sự thay đổi của tình hình kinh tế, chính trị xã hội và thay đổi của các văn bản quy phạm pháp luật. Để kịp chuẩn bị cho năm học mới, hàng năm, vào tháng 4, tất cả GV trong Khoa đều phải thực hiện (khảo sát ý kiến GV về học phần và CĐR); Phòng KT-ĐBCL-

TT&PC tổ chức khảo sát ý kiến các bên liên quan về việc cập nhật, sửa đổi CTĐT, CĐR và ĐCCT học phần. Khoa lập báo cáo việc sử dụng các kết quả để cập nhật CTĐT, CĐR và ĐCCT học phần. Mọi sự cập nhật về ĐCCT học phần được ghi vào Sổ theo dõi tình trạng sửa đổi ĐCCT học phần [H2.02.02.03], [H2.02.02.04].

Cuối mỗi học kỳ, Trường ĐHPT thực hiện tổ chức khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV tất cả các CTĐT trong đó có CTĐT ngành Luật. Hình thức khảo sát trực tuyến tiện lợi và tiết kiệm thời gian, có ràng buộc để 100% SV ý thức và chủ động tham gia đánh giá nhưng còn nhiều lỗi trong quá trình thu dữ liệu, thống kê. SV đánh giá về phương pháp giảng dạy, nội dung giảng dạy, chất lượng môn học, phương pháp kiểm tra đánh giá... Kết quả khảo sát được tổng hợp báo cáo chi tiết theo từng học kỳ gửi về BGH, Khoa để rà soát hoạt động giảng dạy của GV để cập nhật, sửa đổi CTĐT, CĐR và ĐCCT học phần nhằm đảm bảo các yêu cầu mà Nhà trường đề ra cũng như đảm bảo ĐCCT học phần được cập nhật đầy đủ và phù hợp [H2.02.02.05], [H2.02.02.06].

2. Điểm mạnh:

Đề cương các học phần của ngành Luật thể hiện đầy đủ các thông tin, thể hiện rõ mức độ giảng dạy I,T,U tương ứng với các trình độ năng lực mà người học cần đạt được sau khi học xong học phần.

Tất cả các ĐCCT học phần được rà soát, đánh giá và điều chỉnh định kỳ hàng năm cho phù hợp với CTĐT và CĐR, đáp ứng nhu cầu thay đổi đa dạng của xã hội. Đặc biệt, các CĐR của học phần được rà soát lại để có thể lượng hóa chính xác mức độ đáp ứng CĐR của CTĐT; đồng thời phương pháp dạy và học được chi tiết hóa theo CĐR.

3. Điểm tồn tại:

SV còn chưa chú trọng đánh giá khảo sát những yếu tố trọng điểm sau mỗi học kỳ nên hiệu quả khảo sát chưa cao.

Các ý kiến đóng góp của Nhà tuyển dụng cho việc cải tiến cập nhật chỉ mới tập trung cho CTĐT và CĐR, việc góp ý cho việc cải tiến, cập nhật ĐCCT học phần còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

T	M ục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	hi chú
	K hắc phục tồn tại	Khoa, GVCV thường xuyên sinh hoạt lớp, hướng dẫn, khuyến khích SV tích cực tham gia hoạt động khảo sát ý kiến về môn học của Nhà trường, mạnh dạn có ý kiến đóng góp về các học phần mình học.	Khoa LKT, P.KT- ĐBCL- TT&PC.	Thườn g xuyên.	
		Xây dựng thêm các kênh tiếp nhận ý kiến đóng góp từ các Nhà tuyển dụng về ĐCCT học phần để cập nhật, điều chỉnh ĐCCT học phần ngày càng hiệu quả hơn, bám sát với thực tế hơn.	Khoa LKT	Từ năm 2025 - 2026	
	P hát huy điểm mạnh	Rà soát định kỳ đề cương các học phần của ngành Luật để đảm bảo đầy đủ các thông tin sao cho phù hợp với CTĐT và CĐR để đáp ứng nhu cầu đa dạng của xã hội; lượng hóa mức độ đáp ứng CĐR của CTĐT, cải tiến PPDH theo CĐR thông qua các hội thảo, tọa đàm và chuyên môn.	Khoa LKT, P.QLĐT.	Hàng năm (từ năm 2025- 2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. *Mô tả hiện trạng:*

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần, các kế hoạch giảng dạy ngành Luật sau khi được Hiệu trưởng phê duyệt, ký ban hành, rà soát, điều chỉnh cập nhật và hoàn thiện bằng bản mềm và bản cứng sẽ được công bố, công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, giúp các bên liên quan (cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, SV...) tiếp cận một cách dễ dàng và thuận tiện nhất [H2.02.03.01]. Tùy đối tượng mà Nhà trường và Khoa chọn hình thức công bố thích hợp để các bên liên quan tiếp cận một cách thuận tiện nhất như: công bố công khai trên website của Trường, website của Khoa, trong buổi gặp mặt SV đầu khoá học, tờ rơi, sổ tay SV, email ĐHPT,...và gửi trực tiếp qua e-mail Trường ĐHPT đến từng GV, được đóng tập để sử dụng và lưu trữ theo từng khóa [H2.02.03.02].

Đối với GV, Khoa đã sử dụng bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần bản mới nhất để gửi đến từng GV, giúp GV chuẩn bị kế hoạch giảng dạy cũng như nắm được nội dung giảng dạy của các bộ môn khác để phối hợp tạo nên sự liên thông giữa các học phần, giữa các năm học [H2.02.03.05].

Đối với SV, trong suốt quá trình học, thông qua Cố vấn học tập, cảm nang SV thì SV luôn được hướng dẫn và tiếp cận đầy đủ thông tin về học phần trước khi đăng ký môn học, nắm được các học phần có thể đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học. Ngay từ buổi học đầu tiên, tất cả GV phải phổ biến ĐCCT học phần đến SV trong lớp học [H2.02.03.03], [H2.02.03.04].

Đối với các bên liên quan khác, bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần được phản biện bởi các chuyên gia trong và ngoài trường, được thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa. Vì vậy, CTĐT đi kèm bản mô tả chương trình và các ĐCCT học phần định kỳ được điều chỉnh dựa trên việc thu thập ý kiến của bên liên quan [H2.02.03.05], [H2.02.03.06]. Thông qua việc thu thập ý kiến này, nội dung của bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần trong CTĐT Ngành Luật được phổ biến tới các bên liên quan. Ngoài ra, các bên liên quan khác như cơ quan quản lý, Nhà sử dụng lao động,... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần một cách dễ dàng và thuận tiện nhất bằng cách truy cập vào Website của Trường ĐHPT hoặc Website Khoa LKT [H2.02.03.02] để xem đặc điểm của CTĐT và các học phần; dự đoán năng lực SV tốt

ngành của ngành. Từ đó, Nhà quản lý có thể kiểm soát, hoặc có thể tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Trường và các DN trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng các yêu cầu của các Nhà sử dụng lao động.

Hàng năm, Phòng QLĐT công bố về biểu đồ kế hoạch năm học và thời khóa biểu cho Khoa. Từ đó Khoa sẽ gửi thời khóa biểu kèm thư mời giảng gửi cho GV đầu mỗi học kỳ để triển khai thực hiện theo kế hoạch. Ma trận học phần được gửi trực tiếp đến từng SV thông qua email ĐHPT và qua hệ thống cổng thông tin điện tử tích hợp (*Portal*) đã hỗ trợ tối đa cho SV. Tại đây, SV nắm được sự phân bổ CTDH toàn khóa học, dễ dàng theo dõi tiến độ học tập, chủ động đăng ký môn học dựa vào phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Mọi cập nhật của CTDH ngành Luật đều được Khoa công bố công khai để các bên liên quan sử dụng và đánh giá góp ý [H2.02.03.06].

2. Điểm mạnh:

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần ngành Luật được công bố công khai rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận và sử dụng, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các Nhà sử dụng lao động.

3. Điểm tồn tại:

Các thông tin chi tiết về CTĐT và ĐCCT học phần đôi khi chưa được công bố hết trên các tài liệu quảng bá về tuyển sinh và trong sổ tay SV.

4. Kế hoạch hành động:

T	M ục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	hi chú
	K hắc	Cập nhật CTĐT và ĐCCT học phần của ngành Luật trong các tài liệu quảng bá về tuyển sinh và	P.QLĐT, Khoa LKT, P.	Hàng năm (từ năm 2025-2026)	

T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	hi chú
	phục tồn tại	trong sổ tay SV để các đối tượng có nhu cầu có thể tìm hiểu thêm.	CTCTSV & HTDN		
	P hát huy điểm mạnh	Tiếp tục công bố công khai và rộng rãi Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần ngành Luật bằng nhiều hình thức khác nhau (website, sổ tay SV, giảng viên công bố vào buổi đầu tiên nhập môn). Luôn tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận ĐCCT để góp ý cải tiến, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực.	P.QLĐ T, Khoa LKT	Hàng năm (từ năm 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Bản mô tả CTĐT ngành Luật đầy đủ các nội dung và thông tin, các bên liên quan dễ dàng tiếp cận với CTĐT; Bản mô tả CTĐT này cũng được cập nhật định kỳ hàng năm và theo giai đoạn cho phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động, sự thay đổi nội dung của các văn bản quy phạm pháp luật và xu hướng hội nhập sâu của Việt Nam vào các tổ chức kinh tế thế giới.

Đề cương các học phần của ngành Luật thể hiện đầy đủ các thông tin, được rà soát, đánh giá và điều chỉnh cho phù hợp với CTĐT và CĐR, đáp ứng nhu cầu thay đổi đa

dạng của xã hội. Đặc biệt các CĐR của học phần được rà soát lại để có thể lượng hóa chính xác mức độ đáp ứng CĐR của CTĐT; đồng thời PPDH được chi tiết hóa theo CĐR.

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần ngành Luật được công bố công khai rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận và sử dụng.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Các ý kiến đóng góp của Nhà tuyển dụng cho việc cải tiến cập nhật chỉ mới tập trung cho CTĐT và CĐR, việc góp ý cho việc cải tiến, cập nhật ĐCCT học phần còn hạn chế. Các thông tin chi tiết về CTĐT và ĐCCT học phần chưa được công bố đầy đủ trên các tài liệu quảng bá về tuyển sinh và trong cẩm nang SV.

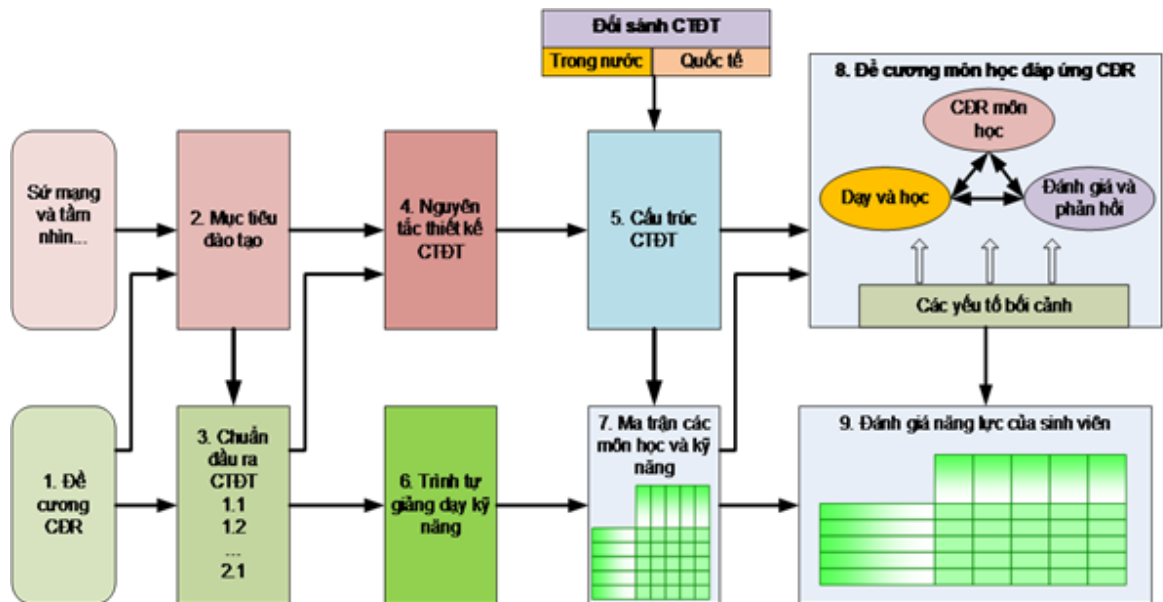
Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 2:

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn 2 có 3 tiêu chí, trong đó có 02 tiêu chí đều đạt điểm 5/7 và một tiêu chí đạt điểm 4/7.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu:

Cấu trúc chương trình dạy học (CTDH) ngành Luật được Khoa LKT thiết kế dựa trên CĐR và có tiến hành khảo sát, cập nhật thông tin trong bối cảnh Việt Nam ngày càng hội nhập rộng và sâu hơn đối với các thể chế kinh tế Thế giới. Đồng thời, CTDH có sự điều chỉnh phù hợp sứ mạng, mục tiêu của Nhà trường, gắn liền với nhu cầu học tập của người học, với nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động trong thời kỳ hội nhập. CTDH ngành Luật thể hiện được sự cân bằng giữa khối lượng các kiến thức cơ sở và chuyên ngành, đảm bảo CĐR của chương trình và tính logic giữa các môn học. Mỗi học phần đều có vai trò quyết định trong việc đạt được CĐR. CTĐT ngành Luật được thiết kế liên thông hợp lý giữa các trình độ, các phương thức đào tạo và giữa các trường. Có thể tóm gọn các bước xây dựng CTĐT và CĐR theo sơ đồ sau:



Hình 3.1 Các bước xây dựng CTĐT và CĐR

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng:

CTDH của ngành Luật được xây dựng từ năm 2021 được thiết kế dựa trên CĐR. Trong CTDH năm 2024 điều chỉnh mới nhất hiện nay được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm đáp ứng theo khung trình độ Quốc gia. Cụ thể, CTDH năm 2024 có tổng cộng 13 CĐR, trong đó có 5 tiêu chuẩn về Kiến thức, 4 tiêu chuẩn về Kỹ năng và 4 tiêu chuẩn về Năng lực tự chủ và trách nhiệm. Bên cạnh đó cùng với việc rà soát, điều chỉnh, cũng đã bổ sung ma trận kỹ năng từng học phần để thấy được mối quan hệ giữa các học phần và CĐR của cả CTDH.

Sau khi xây dựng xong CĐR, việc thiết kế CTDH cử nhân ngành Luật được Khoa LKT triển khai theo các bước của Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT và CĐR (QT01) và dựa trên các yêu cầu CĐR của chương trình. Qua đó, Khoa LKT xây dựng bản dự thảo của CTDH: Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT; xây dựng CTDH đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của người học sau khi tốt nghiệp. Sự sắp xếp các nội dung và các CĐR tương ứng thành các học phần trong CTDH nhằm liên kết kiến thức và kỹ năng giữa các học phần [H3.03.01.01].

Trong ĐCCT các học phần cũng có mô tả rõ phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá để đạt được CĐR của môn học và được xác định rõ qua từng bài học, từng tuần giảng dạy [H3.03.01.01]. Trong số điểm từng phần thể hiện rõ trong ĐCCT như điểm chuyên cần 10%, điểm kiểm tra quá trình 30% thể hiện qua các hình thức kiểm tra đánh giá thảo luận, thuyết trình, bài thu hoạch... và điểm thi kết thúc học phần 60% thể hiện qua các tiêu chí kiến thức trọng tâm, kiến thức chuyên sâu và mở rộng của học phần nhằm đánh giá kết quả đạt CĐR của học phần một cách tối ưu. Trình tự các học phần mô tả rõ sự phát triển kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức qua nghiên cứu, học tập ở một hoặc nhiều môn học trong một giai đoạn nhất định hoặc trong toàn bộ quá trình đào tạo [H3.03.01.01], [H3.03.01.02]. Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của SV ngành Luật trong tất cả các học phần trong CTDH đều phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR. Điều này được thể hiện rất chi tiết và rõ ràng ở bản mô tả CTDH và bản mô tả học phần [H3.03.01.03].

Để đạt được mục tiêu đề ra là cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn nghiệp vụ về Pháp luật trong lĩnh vực kinh tế, có đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe tốt, tất cả các học phần trong CTDH ngành Luật đã xác định rõ kiến thức, kỹ năng và thái độ của người học như sau.

Kiến thức: Khoa học cơ bản vững vàng, nắm vững các kiến thức cơ sở ngành và liên ngành, có năng lực chuyên môn áp dụng thực tiễn pháp lý theo lĩnh vực chuyên ngành mà sinh viên lựa chọn để có thể vận dụng giải quyết những vấn đề chuyên môn sâu thuộc một trong các lĩnh vực pháp luật hiến pháp, luật hành chính, luật dân sự, luật hình sự, luật kinh doanh, luật quốc tế... Luật kinh doanh quốc tế....; có năng lực ngoại ngữ để tự học suốt đời [H3.03.01.03].

Kỹ năng: Kỹ năng chuyên môn vững vàng, nắm vững các kỹ năng thực hành nghề nghiệp; Kỹ năng tra cứu và áp dụng các điều, văn bản quy phạm pháp luật; Kỹ năng đàm phán, soạn thảo các loại hợp đồng theo yêu cầu của DN; Kỹ năng cung cấp dịch vụ pháp lý; tư vấn pháp luật nhất là lĩnh vực pháp luật DN; Có kỹ năng hội nhập vào môi trường làm việc; thích ứng và điều chỉnh tác phong làm việc trong quá trình hội nhập toàn cầu; Có các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ

năng viết báo cáo, kỹ năng phân tích vấn đề, và một số kỹ năng cần thiết khác... [H3.03.01.03].

Mức tự chủ và chịu trách nhiệm: Đạt được các phẩm chất đạo đức cá nhân như có trách nhiệm công dân; ý thức tổ chức kỷ luật lao động; tự tin, linh hoạt, kiên trì theo đuổi mục tiêu, nhiệt tình, say mê sáng tạo. Có ý thức trách nhiệm công dân, có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp. Chấp hành nghiêm túc pháp luật của Nhà nước và các quy định của các tổ chức làm việc, làm việc với tinh thần kỷ luật cao, có lối sống lành mạnh, luôn trách nhiệm với công việc, có tinh thần đoàn kết, thân thiện với đồng nghiệp và cá nhân bên ngoài tổ chức. Bản thân hình thành được cách sống của người công dân, có tinh thần trách nhiệm đối với xã hội, môi trường, văn hóa, lịch sử của dân tộc và cộng đồng [H3.03.01.03].

CTĐT ngành Luật năm 2024 được xây dựng trên cơ sở bảo đảm tính logic, tích hợp và phù hợp với yêu cầu của chuẩn đầu ra. Tổng số tín chỉ của chương trình là **121 tín chỉ** (không bao gồm Giáo dục quốc phòng – an ninh và Giáo dục thể chất), được phân bổ hợp lý giữa các khối kiến thức: Giáo dục đại cương (9,1%), Khoa học cơ bản (9,9%), Cơ sở và cốt lõi ngành (70,3%), Thực tập và trải nghiệm (7,4%) và Nghiên cứu khoa học cùng các thành phần khác (3.3%). Cấu trúc chương trình thể hiện rõ định hướng ứng dụng, tăng cường trải nghiệm thực tiễn, đồng thời phát triển năng lực nghề nghiệp toàn diện cho người học trong lĩnh vực pháp luật, luật học.

Bảng 3.1.1. Tỷ lệ phân bổ giữa các khối kiến thức ngành Luật

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		Tỷ lệ
		Bắt buộc	Tự chọn	
	Giáo dục đại cương	11		9,1%
I	Khoa học cơ bản	12		9,9%

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		Tỷ lệ
		Bắt buộc	Tự chọn	
II	Cơ sở và cốt lõi ngành	70	15	70,3%
V	Thực tập và trải nghiệm	9		7,4%
	Nghiên cứu khoa học và các thành phần khác	4		3,3%
Tổng số		106	15	
		121		100

Hàng năm, Nhà trường đều đưa ra kế hoạch giảng dạy và thi kết thúc học phần chi tiết cho từng học kỳ, được tổ chức theo đúng quy định của Trường ĐHPT [H3.03.01.04]. Ngoài ra, Nhà trường còn đặc biệt quan tâm đến chất lượng giảng dạy bằng cách dự giờ, góp ý về các giờ dự giảng của GV trong Khoa, đồng thời rà soát, củng cố hồ sơ giảng dạy của các GV, lưu trữ hồ sơ giảng dạy của GV [H3.03.01.05].

Đồng thời, kế hoạch giảng dạy của Nhà trường thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH [H3.03.01.04]. Cụ thể, CTDH của ngành Luật được thực hiện một cách khoa học, rõ ràng, đúng tiến độ và được thông báo công khai, chi tiết đến các bên liên quan. Thêm vào đó, đội ngũ GV của Khoa luôn tuân thủ theo đúng kế hoạch và tiến độ giảng dạy của Trường và Khoa quy định từ đầu năm học.

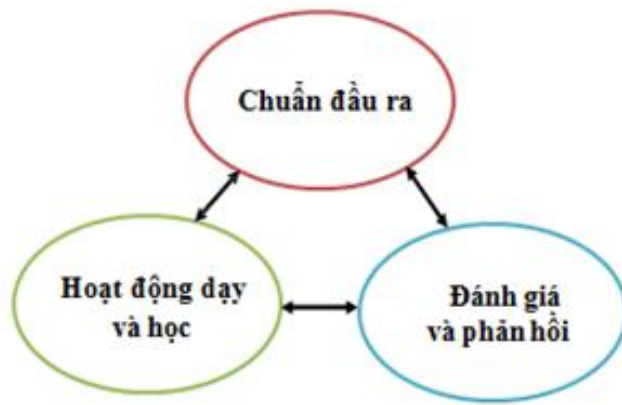
Các nội dung trong CTDH đảm bảo trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đáp ứng được yêu cầu của CĐR. Điều này được thể hiện thông qua kết quả khảo sát SV sắp tốt nghiệp về chất lượng CTĐT ngành Luật qua các khóa học [H3.03.01.06].

Bảng 3.1.2 Đánh giá của SV năm cuối về chất lượng CTĐT (khóa 2021-2025)

TT	Nội dung khảo sát	Mức độ hài lòng (tỷ lệ %)				
		HT không đồng ý	Kh ông đồng ý	T Đ đồng ý	E ồng ý	H T đồng ý
	Chương trình đào tạo	0	1.9 6	2 6.47	5 2.94	1 8.63
	Hoạt động dạy và học trong khóa học	0	4.4 1	2 5	5 0	2 0.59
	Tổ chức đào tạo và đánh giá người học	0	1.9 6	2 5.49	5 5.88	1 6.67
	Giáo trình, tài liệu và CSVC phục vụ học tập	0.98	0.9 8	4 1.18	4 8.04	8 .82
	Tư vấn, hỗ trợ người học	0	0.8 4	2 8.57	5 2.10	1 8.49
	Cảm nhận về kết quả đạt được từ khóa học	1.18	1.1 8	3 0.59	5 8.82	8 .24
	Tổng	0.36	1.8 9	2 9.6	5 3	1 5.24

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa đã xây dựng CTĐT theo hướng tiếp cận CDIO, rút ngắn về thời lượng và lựa chọn phương pháp giảng dạy chú trọng vào phát triển kỹ năng cho SV ngay từ đầu khóa học, lấy người học làm trọng tâm, phát huy tính sáng tạo, tích cực chủ động của SV.

CTDH ngành Luật của Khoa LKT – ĐHPT được xây dựng dựa trên CDR được thể hiện rõ qua sơ đồ sau:



Hình 3.1.3 Sơ đồ về mối quan hệ giữa dạy học, kiểm tra đánh giá và CĐR

Dựa trên CĐR của học phần, GV xây dựng chuỗi các hoạt động giảng dạy, học tập được sắp xếp hợp lý, đảm bảo giúp người học đạt được CĐR của chương trình.

2. Điểm mạnh:

CTDH cử nhân ngành Luật được thiết kế được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ người học. Đồng thời, để góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR, giảng viên của Khoa đã lựa chọn tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học của tất cả các học phần trong CTĐT hợp lý, phù hợp.

3. Điểm tồn tại:

CTDH mặc dù đã thiết kế nhiều hoạt động gắn kết với DN, với các đơn vị ngoài Trường giúp đạt được CĐR nhưng trong hoạt động ghi nhận sự phản hồi của DN khi tham gia trong CTDH chưa cập nhật kịp thời và chưa được thể hiện đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động:

T	M ục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Gh i ch ú
	K hắc phục tồn tại	Khoa LKT ngoài việc sẽ phối hợp chặt chẽ với P. KT-ĐBCL-TT&PC, P.CTCTSV-HTDN, Khoa cũng sẽ thực hiện tự ghi nhận thường xuyên đầy đủ nội dung phản hồi của DN tham gia vào CTDH nhằm tăng hiệu quả đạt được CĐR.	Kho a LKT	Từ năm 2025- 2026	
	P hát huy điểm mạnh	Nâng cao công tác thiết kế CTDH nhằm phối hợp tốt các nguồn lực của trường và tăng tính tự chủ và trách nhiệm của đối tượng liên quan trong thực hiện CTDH.	Kho a LKT	Định kỳ 2 năm 1 lần	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt CĐR là rõ ràng

1. Mô tả hiện trạng:

CTDH ngành Luật được cấu trúc thành các khối kiến thức theo trình tự từ đại cương, cơ sở ngành đến ngành chuyên sâu, trong đó bao gồm hai khối kiến thức là giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp. Toàn bộ các học phần trong CTDH ngành Luật đều có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR của chương trình. Những chuỗi môn học được sắp xếp hợp lý và đầy đủ các cấp độ, theo trình tự logic và khoa học đảm bảo được tính kế thừa và bổ sung, nâng cao để đảm bảo giúp người học đạt được CĐR chương trình. Cụ thể: các học phần thuộc khối kiến thức đại cương bao gồm: Khoa học ngoại ngữ, tin học,

chính trị... được phân bổ đều từ học kỳ 1 đến học kỳ 9; các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc được phân bổ đều từ học kỳ 2 đến học kỳ 9 cùng với kiến thức pháp lý từ cơ bản, nền tảng lên đến kiến thức chuyên ngành hẹp [H3.03.02.01].

Trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp các học phần vừa đảm bảo về độ sâu và về độ rộng kiến thức của các chuyên ngành như: Tổ tụng Hành chính, Tổ tụng Dân sự, Tổ tụng Hình sự hay Luật Thương mại, Luật Thương mại quốc tế... [H3.03.02.01].

Ví dụ: Ngay học kỳ 1 và học kỳ 2 Khoa đã sắp xếp các học phần Lý luận Nhà nước và pháp luật, Luật Hiến pháp,... Đây là một việc hết sức cần thiết nhằm đào tạo cho SV Khoa LKT định hướng công việc và xác định được mục tiêu nghề nghiệp. Song song đó, việc đưa vào CTĐT môn Lý luận, Luật Hiến pháp ngay tại học kỳ đầu nhằm cung cấp khối kiến thức pháp lý nền tảng mà chính từ đó các văn bản quy phạm pháp luật khác đã được xây dựng và ban hành trên lãnh thổ Việt Nam [H3.03.02.02].

Mỗi học phần đóng một vai trò nhất định trong khối kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm mà người học tiếp nhận, nó cũng phản ánh vai trò của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR của ngành Luật. Khi xây dựng danh mục CĐR của CTĐT, mỗi CĐR đều được thiết kế gắn với các học phần tương ứng nhằm đạt được CĐR đó. Sự gắn kết giữa CĐR của mỗi học phần với CĐR của ngành được thể hiện rõ thông qua ma trận tích hợp CĐR của các học phần của CTĐT [H3.03.02.01], [H3.03.02.02]. Việc bố trí các học phần trong Bảng ma trận học phần thể hiện các học phần trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. Đồng thời các CĐR có sự phát triển xuyên suốt quá trình học tập của SV với mức độ đáp ứng tăng dần theo thời gian học cũng như tăng theo mức độ chuyên sâu của học phần.

Các học phần xã hội và kỹ năng cơ bản nhằm mục đích trang bị và hoàn thiện kỹ năng mềm, đạo đức và ý thức cho SV. Các học ngoại ngữ cung cấp kiến thức cơ bản cho quá trình học tập và tiếp thu các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Các học phần cơ sở ngành là nền tảng cho các học phần chuyên ngành (*gồm kiến thức cơ sở ngành phục vụ cho ngành Luật, kiến thức ngành, trong kiến thức ngành gồm kiến thức chung của ngành là kiến thức cốt lõi và kiến thức chuyên ngành; cuối cùng là kiến thức tốt nghiệp*). Các học phần ở những học kỳ trước đóng vai trò làm nền tảng cho các học

phần ở học kỳ sau. Chiều sâu kiến thức bảo đảm bởi mối liên hệ dọc (*liên hệ ràng buộc*) xuyên suốt cả 3 khối kiến thức và trong từng khối kiến thức riêng biệt của CTDH. Ngoài ra, theo “Quy định về học phần tích lũy kiến thức”, SV có thể học và tích lũy thêm các học phần tự chọn có trong chương trình và các học phần không tích lũy có trong chương trình để mở rộng và củng cố kiến thức. Kết quả các môn này được thể hiện trong bảng điểm, nhưng không tính vào điểm đánh giá cuối cùng [H3.03.02.01].

Đối với khối kiến thức chuyên ngành Luật, Khoa cũng thực hiện phân kỳ toàn bộ các môn học theo hướng từ quản lý nhà nước đến quyền tự do của các tổ chức, cá nhân, ví dụ môn Luật Hành chính ở học kỳ 2 và môn Soạn thảo văn bản pháp luật ở học kỳ 3; từ quy định chung cho tất cả thương nhân như Luật Thương mại 1 ở học kỳ 4 đến quy định dành riêng cho hoạt động đầu tư nước ngoài như môn học Luật Đầu tư ở học kỳ 5.

Ngay cả trong Kế hoạch giảng dạy của Khoa LKT, cũng đã xây dựng các học phần tiên quyết mà theo đó chỉ khi SV đạt được kết quả cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ môn học thì mới được đăng ký các học phần tiếp theo, điển hình là học phần Thực tập tốt nghiệp, SV đòi hỏi phải hoàn thành tất cả các môn học với số lượng tín chỉ nhất định thì mới được phép đăng ký học phần Thực tập tốt nghiệp [H3.03.02.01], [H3.03.02.02], [H3.03.02.03].

Các học phần về lý thuyết, học phần về kỹ năng, học phần thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp được sắp xếp và lồng ghép theo mức độ tăng dần giúp người học không chỉ được trang bị nền tảng kiến thức vững chắc mà còn có đầy đủ các kỹ năng về chuyên môn và thực hành nhằm đảm bảo CĐR của CTĐT [H3.03.02.03].

Toàn bộ các học phần trong CTDH ngành Luật khi xây dựng, được Khoa xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR (*Hình 3.1.3*). Từng học phần của CTĐT ngành Luật đều có đề cương chi tiết học phần, các hình thức kiểm tra, thi được thể hiện cụ thể trong đề cương chi tiết và được GV công bố trực tiếp trong lớp học. Ứng với mỗi bài học trong học phần, GV xây dựng một/một số hình thức dạy học phù hợp nhằm đạt CĐR của học phần và ứng với mỗi bài học, GV cũng chọn một hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp có trọng số rõ ràng nhằm lượng hóa được việc đạt được CĐR của học phần và của CTDH. Cụ thể, ở mỗi học phần điểm đánh giá SV được thực hiện thông qua 2

thành phần: đánh giá quá trình và thi kết thúc học phần. Với mỗi thành phần, có các quy định với các trọng số rõ ràng (40/60). Đánh giá quá trình, GV quy định các thành phần khác nhau tùy học phần như: Tham gia lớp học của sinh viên, làm bài tập nhóm, Thuyết trình, Kiểm tra cá nhân. Ngoài ra, trong từng phương pháp đánh giá sinh viên, giảng viên phải ghi rõ đáp ứng với CĐR nào của học phần và có đáp án rõ ràng [H3.03.02.02]. Dựa vào các tiêu chí đánh giá SV được quy định trong quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT, trong quy chế học vụ của Nhà trường, Khoa đã cụ thể thành các hướng dẫn Báo cáo thực tập tốt nghiệp, Khóa luận tốt nghiệp để thực hiện mục đích đào tạo là lý luận kết hợp với thực tiễn. Như vậy, trong mỗi học phần, tổ hợp các phương pháp dạy học và các phương pháp kiểm tra đánh giá mới hỗ trợ tốt cho nhau để đảm bảo đạt được CĐR [H3.03.02.03].

Ngoài việc nội dung các học phần trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR nào của CTDH (BM03/QT02/ĐBCL) [H3.03.02.01], việc định kỳ lấy ý kiến các bên liên quan như nhà tuyển dụng, SV đang học, cựu SV..., hàng năm để cải tiến nội dung học phần là không thể thiếu, nhất là ý kiến của cán bộ quản lý Khoa và của GV – những người trực tiếp quản lý và giảng dạy. Trong giai đoạn từ khi ban hành CTDH khóa 2021 đến 2022 và 2024, Khoa LKT đã định kỳ cập nhật hàng năm, chỉnh sửa ĐCCT các học phần, hoàn thiện bộ giáo trình, tài liệu học tập cho SV, tạo điều kiện cho người học cập nhật kiến thức mới một cách liên tục, đáp ứng nhu cầu trong công tác chuyên môn cho người học ở hiện tại và tương lai. Cùng với việc xây dựng CTĐT và CĐR, ĐCCT học phần cũng được xây dựng, rà soát định kỳ hàng năm và cũng được tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan qua 2 giai đoạn: xây dựng và triển khai vận hành để cải tiến. Hàng năm, tất cả các GV giảng dạy đều phải thực hiện biểu mẫu Giấy đề nghị chỉnh sửa, cập nhật học phần và CĐR của học phần [H3.03.02.04]. Trên cơ sở đó, cùng với các kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan khác, Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa có kế hoạch cập nhật, cải tiến nội dung học phần và ghi vào sổ theo dõi tình trạng sửa đổi ĐCCT học phần nhằm đảm bảo học phần đang triển khai là bản cập nhật mới nhất [H3.03.02.05].

Định kỳ 2 năm 1 lần khoa thực hiện rà soát, điều chỉnh CTĐT. Việc rà soát và điều chỉnh được thực hiện theo quy trình Nhà trường ban hành [H3.03.02.04], [H3.03.02.05]. Trong đó việc lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan bao gồm GV, SV, cựu SV, chuyên

gia, người sử dụng lao động về CTĐT rất quan trọng để đánh giá xem nội dung các học phần đã đáp ứng được CĐR chưa để có hướng điều chỉnh cho phù hợp hơn theo nhu cầu xã hội [H3.03.02.06].

2. Điểm mạnh:

Nội dung chi tiết của từng học phần trong CTDH và toàn bộ CĐCT học phần của ngành Luật được thiết kế theo quy trình, biểu mẫu rõ ràng và dựa trên CĐR. Qua ma trận các môn học, ma trận kỹ năng cũng như qua việc lựa chọn các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá của giảng viên Khoa đã thể hiện sự đóng góp cụ thể, rõ ràng của các học phần để đạt được CĐR của CTĐT cử nhân ngành Luật.

3. Điểm tồn tại:

Quá trình khảo sát các bên liên quan khác (*Nhà tuyển dụng, SV Luật khóa đầu tiên vừa ra trường*) về sự đóng góp của các học phần trong việc đạt được CĐR được Khoa triển khai chưa thật sự hoàn hảo. Việc thực hiện cập nhật các thông tin phản hồi chưa đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động:

T	M ục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	hi chú
	K hắc phục tồn tại	Cập nhật đầy đủ hơn nữa sự phản hồi của các bên liên quan (<i>Nhà tuyển dụng, cựu SV</i>) về việc đóng góp của các học phần trong việc đạt được CĐR thông qua việc thường xuyên liên hệ với các BLQ thông qua các phương tiện CNTT hiện đại với sự trợ giúp tích cực từ	Khoa LKT	Từ năm học 2025 - 2026	

T	M ục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	hi chú
		nhóm liên lạc do chính Khoa tạo lập.			
	P hát huy điểm mạnh	Tiếp tục thể hiện rõ hơn nữa những đóng góp của từng học phần giúp đáp ứng CĐR của CTDH.	Khoa LKT	Từ năm học 2025 - 2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tích hợp

1. Mô tả hiện trạng:

Các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. Cụ thể, các kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở chuyên ngành được bố trí xen kẽ xuyên suốt trong các học kỳ, nhằm cung cấp các kiến thức đảm bảo kế hoạch giảng dạy các học phần trong CTĐT. Các học phần trong CTDH ngành Luật được thiết kế một cách hợp lý, đảm bảo tỷ lệ cân đối giữa các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành. CTDH có tính logic thể hiện thông qua sắp xếp có trình tự các khối kiến thức từ đại cương, cơ sở ngành đến chuyên ngành, với học phần tiên quyết/ học trước làm nền tảng cho học phần kế tiếp [H3.03.01.01]. Đặc biệt CTDH ngành Luật ngay từ đầu khóa học SV đã học các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành tạo nền tảng kiến thức vững chắc cho SV làm cơ sở học chuyên sâu về sau.

Chiều sâu của CTDH được thể hiện qua trình tự các học phần theo trật tự từ kiến thức chung đến kiến thức chuyên môn ngành. Các học phần kết thúc ở kỳ trước làm nền

tăng cho các học phần ở các kỳ tiếp theo. Các học phần tự chọn và chuyên môn ngành đều có các học phần cơ bản và cơ sở ngành tiên quyết [H3.03.03.01].

Bảng 3.3.1. Đối sánh cấu trúc CTDH khóa 2021, 2022 và 2024

TT	Khối kiến thức	Khóa 2021	
		S ố TC	T ỷ lệ
	Toán và Khoa học tự nhiên	3	2, 26%
	Kiến thức chung	1 1	8, 27%
	Kiến thức bổ trợ	2 6	1 9,5%
	Kiến thức cơ sở và cơ sở ngành	1 5	1 1,27%
	Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp	9	6, 8%
	Chuyên ngành	5 4	5 1,9%

TT	Khối kiến thức	Khóa 2022		Khóa 2024	
		S ố TC	T ỷ lệ	S ố TC	T ỷ lệ
	Giáo dục đại cương	11	9%	11	9,1%
	Khoa học cơ bản	18	14,8%	12	9,9%
	Cơ sở và cốt lõi ngành	67	67,2%	70	70,3%
	Thực tập và trải nghiệm	9	7,3%	9	7,4%
	Nghiên cứu khoa học và các thành phần khác	21	16,6%	43	33,3%

Các học phần thuộc các khối kiến thức được sắp xếp đảm bảo tính logic về kiến thức, kỹ năng và đạo đức cần trang bị cho người học trong suốt quá trình đào tạo. Các khối kiến thức được sắp xếp theo hệ thống, cấu trúc hợp lý, cân đối đáp ứng linh hoạt nhu cầu học tập của người học [H3.03.03.02].

Tất cả các học phần trong CTDH ngành Luật được bố trí hợp lý, logic, theo trình tự học phần (*học phần điều kiện, tiên quyết*); thời lượng cho mỗi học phần; thời điểm thực hiện ở từng học kỳ qua 3,5 năm học. Riêng các học phần được sắp xếp theo thứ tự từ kiến thức chung đến kiến thức chuyên ngành. Các kiến thức giáo dục đại cương và Tiếng Anh được cung cấp cho SV rải đều từ học kỳ 1 đến học kỳ 8. Ngay học kỳ 1 và 2 của năm thứ nhất, SV bắt đầu làm quen một số môn học pháp lý cơ bản và các khối kiến thức pháp lý khác được giảng dạy nâng dần mức độ chuyên ngành từ các học kỳ 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9. Các học phần có thực hành hoặc viết tiểu luận, giải quyết tình huống được bố trí rải đều từ học kỳ 3 đến học kỳ 9. Các học phần kỹ năng chuyên ngành, Thực

tập tốt nghiệp và Khóa luận tốt nghiệp được bố trí ở học kỳ 10. Nhìn chung, các học phần kết thúc ở kỳ trước sẽ làm nền tảng cho các học phần ở các kỳ tiếp theo. Các học phần tự chọn đều phải hoàn thành trước đó một số lượng tín chỉ nhất định [H3.03.03.02].

Bên cạnh đó, thời lượng của các học phần cũng được xem xét cẩn thận trong quá trình xây dựng CTDH. Các học phần quan trọng, quyết định đến việc đạt được CDR của CTDH sẽ có thời lượng cao hơn các học phần còn lại. Thêm vào đó, kế hoạch và thời điểm học các học phần được Khoa thực hiện một cách khoa học, rõ ràng, đúng tiến độ và được thông báo chi tiết, rõ ràng đến các bên liên quan [H3.03.03.02].

Các học phần tự chọn là các học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết nhưng SV được học các học phần tự chọn trong khối kiến thức mà Khoa Luật xác định trước trong chương trình, nhằm giúp SV chọn lựa hướng tốt nghiệp cử nhân Luật phù hợp với khả năng cá nhân.

Khóa luận tốt nghiệp là một công trình NCKH của SV, có khối lượng 9 tín chỉ trong CTĐT Cử nhân ngành Luật. Thực hiện Khóa luận tốt nghiệp nhằm giúp cho SV thể hiện được khả năng ứng dụng lý thuyết vào thực tế cũng như vận dụng những kiến thức và kỹ năng đã được học để phân tích, giải quyết những vấn đề cụ thể gắn với chuyên ngành Luật mà SV đã được đào tạo. Qua đó, giúp SV nâng cao các kỹ năng nghiên cứu, làm việc độc lập sau khi tốt nghiệp [H3.03.03.03].

Tất cả các học phần trong CTDH được bố trí một cách hợp lý, đan xen nhau để bổ trợ kiến thức cho các học phần trong cùng học kỳ. Thực tập tốt nghiệp và Khóa luận tốt nghiệp được bố trí ở học kỳ cuối, thời điểm này SV đã có đầy đủ kiến thức và kỹ năng để có thể hoàn thành luận văn tốt nghiệp hoặc đi thực tập tại các đơn vị. Sự thiết kế nêu trên của chương trình sẽ đảm bảo tính logic giữa các học phần và khả năng tiếp nhận kiến thức cao nhất đối với SV [H3.03.03.03].

Mỗi học phần thể hiện rõ thời lượng, trong đó có bao nhiêu tín chỉ lý thuyết, bao nhiêu tín chỉ thực hành/thực tập. Việc bố trí qua 10 học kỳ trên bảng ma trận môn học thể hiện rõ các môn học điều kiện, tiên quyết, học phần học trước, học phần được học ở học kỳ tiếp theo, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho SV sắp xếp lịch học và chuẩn bị tài liệu môn học trước từng học kỳ một cách linh động, giúp SV có thể chủ động tốt nghiệp trước và đúng thời hạn trong quy định cho phép. Các học phần giữa các khối kiến thức

của CTĐT có sự hỗ trợ lẫn nhau, có tính kế thừa, đảm bảo quá trình phát triển có tính hệ thống của sản phẩm đào tạo cả về kiến thức và kỹ năng [H3.03.03.04].

Việc rà soát CTDH định kỳ là cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế về nguồn nhân lực chất lượng cao. Do đó, Khoa cũng thường xuyên tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan [H3.03.03.05]. Dựa trên cơ sở đó để tiến hành rà soát và điều chỉnh CTDH cho hợp lý theo định kỳ 2 năm [H3.03.03.06]. Ngay từ khóa học đầu tiên của Ngành Luật tại Trường ĐHPT, Khoa đã thiết kế bản mô tả CTĐT rất chi tiết, cụ thể, tuy nhiên chưa thể hiện được sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được CĐR của chương trình. Sau đó, Khoa đã thực hiện cập nhật bản mô tả CTĐT và bản mô tả các học phần vào năm 2022 theo hướng chuẩn hóa rõ kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học. Đến năm gần đây nhất là năm 2024 CTĐT ngành Luật tiếp tục được tiến hành cập nhật, chỉnh sửa theo hướng quốc tế hóa mục tiêu đào tạo, CĐR, phương pháp đánh giá cùng với nhiều môn học mới gắn liền với sự phát triển kỹ năng về pháp luật [H3.03.03.07].

Ngoài ra, nhằm phù hợp với sự phát triển của thời đại, yêu cầu của xã hội, và cập nhật được kiến thức chuyên ngành theo xu thế chung của đào tạo bậc đại học Khoa cũng tiến hành điều chỉnh và có tham khảo các CTĐT tiên tiến ở các Trường Đại học lớn trong nước và quốc tế đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp [H3.03.03.08].

Nhà trường đã ban hành các quy định/hướng dẫn việc xây dựng CTDH trong đó nêu rõ bố cục, cấu trúc của CTDH [H3.03.03.01].

Về thời gian đào tạo và số tín chỉ của một số CTDH mà Khoa tham khảo được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 3.3.2 Đối sánh thời gian đào tạo và số tín chỉ ngành Luật giữa các trường ĐH

CTDH ngành Luật của:	Thời gian đào tạo	Số tín chỉ
Trường ĐHPT, Khoa Luật	3,5	121 (không tính các học phần Giáo dục Quốc phòng - An ninh và Giáo dục thể chất)

CTDH ngành Luật của:	Thời gian đào tạo	Số tín chỉ
Trường ĐH trong nước ĐH Luật Hà Nội	4	129 (không tính các học phần Giáo dục Quốc phòng - An ninh và Giáo dục thể chất)
ĐH Luật TP Hồ Chí Minh	4	121 (không tính các học phần Giáo dục Quốc phòng - An ninh và Giáo dục thể chất)
Trường ĐH nước ngoài: - ĐH Luật tại Liên bang Nga - Chương trình học của Mỹ	3.5 - 4	125

Bảng 3.3.3 Đối sánh tín chỉ ngành Luật theo khối kiến thức giữa các trường ĐH

Trường	Tổng số TC	Tín chỉ (tỷ lệ)				
		Kiến thức đại cương	Kiến thức chuyên ngành		Thực tập thực tế, thực hành, thực tập tốt nghiệp	Khác
			Kiến thức bắt buộc	Kiến thức tự chọn		
Trường ĐHPT	1 21	23 TC	74 TC	15 TC	9 TC	

Trường	Tổng số TC	Tín chỉ (tỷ lệ)				
		Kiến thức đại cương	Kiến thức chuyên ngành		Thực tập thực tế, thực hành, thực tập tốt nghiệp	Khác
			Kiến thức bắt buộc	Kiến thức tự chọn		
Đại học Luật Hà Nội	129	25 TC	64 TC	24 TC	16 TC	
Đại học Kinh tế - Luật	130	25 TC	69 TC	25 TC	10 TC	

2. Điểm mạnh:

CTDH được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý và có hệ thống, mang tính tích hợp cao và đáp ứng xu hướng phát triển nhu cầu của xã hội.

CTDH luôn được cập nhật, điều chỉnh nội dung các học phần dựa trên ý kiến các bên biên quan nhằm đáp ứng được nhu cầu của nhà tuyển dụng.

3. Điểm tồn tại:

Việc điều chỉnh CTDH có tham khảo các CTĐT tiên tiến nhưng hiệu quả đem lại chưa cao.

4. Kế hoạch hành động:

T	M ục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ thành hoàn	hi chú
	Đi ể m tồn tại	Lựa chọn các CTĐT để tham khảo tương đương, phù hợp với CTDH của ngành để đem lại hiệu quả hơn cho việc điều chỉnh CTDH	Kho a LKT	Từ năm học 2025 - 2026	
	Ph át huy điểm mạnh	- Khoa tiếp tục rà soát, cân nhắc các khối kiến thức, các học phần để CTDH được hoàn thiện hơn mang tính linh hoạt hơn để đáp ứng xu hướng phát triển trong tương lai. - CTDH tiếp tục được cập nhật, điều chỉnh dựa trên ý kiến các bên biên quan, phù hợp với yêu cầu của thực tiễn, để SV tốt nghiệp có thể đáp ứng tốt yêu cầu của công việc.	Kho a LKT	Từ năm học 2025- 2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về tiêu chuẩn 3:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

CTDH ngành Luật được thiết kế đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ người học. Các học phần trong chương trình dạy học có tính logic, nhằm đảm bảo cho SV được tiếp cận các kiến thức theo trình tự. ĐCCT của từng học phần trong các khối kiến thức đều thể hiện tính gắn kết giữa các hoạt động dạy - học và đánh giá để đạt được CĐR.

ĐCCT học phần của ngành Luật được thiết kế theo quy trình, biểu mẫu rõ ràng và dựa trên CDR, CTDH có cấu trúc, trình tự sắp xếp logic. Nội dung CTDH và nội dung các học phần thường xuyên được cập nhật.

CTDH ngành Luật có cấu trúc theo hướng tích hợp, các học phần trong CTDH được sắp xếp theo trình tự logic từ kiến thức đại cương đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Khi điều chỉnh có tham khảo các CTDH của các trường ĐH trong và ngoài nước về thời gian đào tạo, số tín chỉ của các khối kiến thức, đồng thời cập nhật kịp thời các thông tin về nội dung thay đổi của các văn bản quy phạm pháp luật.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Hoạt động ghi nhận sự phản hồi của DN khi tham gia trong CTDH, về sự đóng góp của các học phần trong việc đạt được CDR chưa cập nhật kịp thời và chưa được thể hiện đầy đủ.

Đối sánh CTDH với các trường khác chưa phân tích sâu về việc sử dụng thông tin phản hồi từ sau đối sánh để cải thiện CTDH.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn:

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn 3 có 3 tiêu chí, trong đó các tiêu chí đều đạt điểm 5/7.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu:

Quán triệt triết lý giáo dục “Thực học – Thực nghiệp” của Nhà trường, Khoa LKT luôn đặt mục tiêu đào tạo gắn liền với thực tiễn nghề nghiệp, chú trọng phát triển năng lực toàn diện cho người học. Với phương châm “Lấy người học làm trung tâm”, đội ngũ giảng viên của Khoa đã áp dụng triệt để các phương pháp giảng dạy theo hướng tiếp cận năng lực, giúp sinh viên chủ động, sáng tạo và có khả năng vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn công việc. Đồng thời, Nhà trường và Khoa thường xuyên rà soát, cập nhật nội dung và phương pháp đào tạo để phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động, từ đó giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể thích ứng nhanh chóng, làm việc hiệu quả và cạnh tranh tốt trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

1. Mô tả hiện trạng:

Mục tiêu giáo dục của Nhà trường được tuyên bố rõ ràng trong các Nghị quyết Đại hội Chi bộ Trường ĐHPT nhiệm kỳ 2015 - 2020 với nội dung tổng quát, phù hợp với sứ mạng đã tuyên bố: “Xây dựng Trường Đại học Phan Thiết thành một cơ sở đào tạo có chất lượng, ngang tầm với các trường đại học lớn trong khu vực”,... “đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế” [H4.04.01.01]. Trong “Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Phan Thiết giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn 2040”, mục tiêu chung của Nhà trường được nêu rõ ràng, cụ thể như sau: “Đến năm 2040, Trường Đại học Phan Thiết sẽ trở thành trường đại học định hướng ứng dụng, kết hợp một phần định hướng nghiên cứu, có đẳng cấp quốc gia vững chắc và vị trí nhất định trong khu vực Đông Nam Á, được kiểm định quốc tế, có quan hệ đào tạo và nghiên cứu rộng rãi với các trường đại học trong nước, trong khu vực Đông Nam và quốc tế; đáp ứng nhu cầu thị trường lao động chất lượng cao về các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội - nhân văn, giáo dục và công nghệ; là cơ sở nghiên cứu, tư vấn, cung cấp dịch vụ khoa học - công nghệ hàng đầu của khu vực Nam Trung bộ và của đất nước; đủ sức cạnh tranh và khả năng hợp tác trong hệ thống đại học Việt Nam và khu vực với tín nhiệm xã hội cao trên cơ sở chuẩn hóa và chủ động hội nhập quốc tế” [H4.04.01.02]. Ngoài ra, mục tiêu giáo dục của Nhà trường được thể hiện rõ trong “Đạo đức – Trách nhiệm – Phát triển”, cụ thể là “Đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức vững, kỹ năng toàn cầu và tinh thần khởi nghiệp, tạo ra các giá trị gia tăng cho DN, tổ chức và xã hội ở tỉnh Bình Thuận và khu vực. Cung cấp các dịch vụ nghiên cứu và quản lý khoa học công nghệ ứng dụng, phục vụ nhu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Thuận và cả nước. Xúc tiến các hoạt động xã hội PVCD trong tỉnh Bình Thuận và cả nước” [H4.04.01.01] và báo cáo tự đánh giá chất lượng Trường ĐHPT năm 2024 đã giúp cho CB, GV, người học và xã hội biết đến mục tiêu giáo dục của Nhà trường và qua đó khẳng định và nâng cao hơn nữa vị thế của Nhà trường trong cộng đồng và xã hội [H4.04.01.03].

Trường ĐHPT đã ban hành chiến lược đào tạo rõ ràng để đạt được mục tiêu, sứ mạng với triết lý giáo dục như trên. Cụ thể, trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường

đã nêu rõ “Chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy được đổi mới toàn diện phù hợp với sự phát triển thực tế nhu cầu nguồn nhân lực địa phương”, “nâng cao chất lượng đào tạo lên tầm cao mới cùng với việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm” [H4.04.01.02].

Mục tiêu của GDDH: “Đào tạo SV có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo”.

Mục tiêu của Trường ĐHPT: “Xây dựng Trường ĐHPT thành trường ĐH đa ngành với mũi nhọn là đào tạo du lịch; là đại học định hướng ứng dụng được kiểm định quốc gia vào năm 2020”.

Sứ mạng của Trường ĐHPT: “Đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức vững, kỹ năng và đạo đức tạo ra các giá trị gia tăng cho các DN, tổ chức và xã hội ở tỉnh Bình Thuận và các tỉnh Đông Nam Bộ; cung cấp các dịch vụ nghiên cứu ứng dụng phục vụ nhu cầu phát triển của DN, cơ quan, tổ chức kinh tế xã hội trong tỉnh Bình Thuận và khu vực; xúc tiến các hoạt động xã hội phục vụ cộng đồng trong tỉnh Bình Thuận và cả nước” [H4.04.01.01].

Mục tiêu và sứ mạng của Trường ĐHPT được tất cả cán bộ, GV, người học của Trường hiểu rõ và thực hiện; được hiện thực hóa thông qua CĐR các ngành đào tạo của Trường [H4.04.01.04]. CĐR xác định rõ các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ/tự chủ và tự chịu trách nhiệm, vị trí công việc, cơ hội học tập của SV sau khi tốt nghiệp và phù hợp với triết lý giáo dục “Thực học – Thực nghiệp”

Thực học, thực nghiệp là người dạy và người học hiểu đúng mục đích của việc dạy và học, dạy và học thực chất; kết quả thi, kiểm tra phản ánh đúng, thực chất chất lượng giáo dục; đồng thời, giáo dục gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động, lấy hiệu quả, chất lượng công việc của người học làm thước đo; sau khi tốt nghiệp người học có đủ năng lực và phẩm chất cần thiết để sống và làm việc.

Triết lý giáo dục “Thực học - Thực nghiệp” được công khai trên website UPT, trong các ấn phẩm giới thiệu về Trường (*brochure, kỷ yếu*), trưng bày tại các nơi trong phòng họp, giảng đường.... để phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan [H4.04.01.03]. Đồng thời, Triết lý giáo dục và Mục tiêu giáo dục của Trường còn được đưa vào họp

chuyên môn đào tạo định kỳ nhằm định hướng CĐR và các hoạt động dạy, học theo đúng triết lý đã được đề ra [H4.04.01.05].

Đối với SV, ngay từ khi vào nhập học, Triết lý giáo dục cũng được phổ biến tới SV trong tuần sinh hoạt công dân đầu khoá, giúp SV hiểu rõ hơn về vai trò chủ động tích cực của chính mình trong quá trình học tập nhằm đáp ứng được mục tiêu đào tạo chung của Nhà trường [H4.04.01.06]. Ngoài ra, mỗi học kỳ các GV là Cố vấn học tập của các lớp phải tổ chức sinh hoạt lớp với SV, giúp SV hiểu rõ lịch trình và mục tiêu đào tạo của Khoa, để SV có kế hoạch học tập phù hợp [H4.04.01.07].

Đối với Nhà tuyển dụng lao động, các chuyên gia đầu ngành, cựu SV cũng được Khoa trao đổi các nội dung về chủ trương, chiến lược, mục tiêu giáo dục của Nhà trường trong các buổi tọa đàm, lấy ý kiến về xây dựng CTĐT, họp mặt cựu SV, hội thảo khoa học... [H4.04.01.08].

Năm 2019, Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường ĐHPT cũng đã được điều chỉnh cập nhật cho giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2040 là “Thực học – Thực nghiệp” [H4.04.01.02] với ý nghĩa bao hàm cả triết lý giáo dục giai đoạn trước nhưng với mục tiêu lớn hơn, phù hợp xu thế và yêu cầu của xã hội hơn.

2. Điểm mạnh:

Trường ĐHPT có văn bản tuyên bố chính thức về triết lý giáo dục. Văn bản về Triết lý giáo dục của Trường được xây dựng và tuyên bố rõ ràng, được phổ biến rộng rãi tới các bên liên quan qua nhiều kênh thông tin khác nhau.

3. Điểm tồn tại: Khoa đã làm công tác truyền thông nhưng một số Nhà tuyển dụng chưa thực sự quan tâm tiếp cận với Triết lý giáo dục của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ Cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện /hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường công tác truyền thông cho Nhà tuyển dụng hiểu rõ hơn về Triết lý giáo dục thông qua các kênh như Website, ngày hội việc làm, tư vấn tuyển sinh, hội thảo khoa học.	- Ban TTTT - Khoa LKT	Thường xuyên (từ năm 2025-2026)	
2	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện định kỳ công tác rà soát, cập nhật về Triết lý giáo dục của Trường, Khoa cho phù hợp với giai đoạn phát triển. Đồng thời tiếp tục thực hiện phổ biến rộng rãi đến CBGVNV và người học của Trường hiểu rõ và thực hiện.	- Ban TTTT - Khoa LKT	Hằng năm (từ năm 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng:

Để đảm bảo sinh viên đạt được CĐR theo đúng triết lý giáo dục của Nhà trường, các giảng viên ngành Luật trong Khoa LKT đã chủ động xác định và áp dụng tổ hợp các phương pháp giảng dạy đa dạng, phù hợp với từng môn học. Các phương pháp được lựa chọn được thể hiện rõ trong CTĐT và ĐCCT [H4.04.02.01].

Nhằm góp phần nâng cao chất lượng công tác giảng dạy, bản thân các GV trong Khoa LKT rất quan tâm đến việc tự nâng cao năng lực giảng dạy và học tập của mình. Các GV đã thay đổi PPGD truyền thống làm người học thụ động trong quá trình học sang PPGD thuyết trình, kết hợp với trình chiếu, hỏi đáp, thảo luận và làm việc nhóm. GV nêu những vấn đề lý thuyết cũng như thực tiễn, hướng dẫn người học chủ động đưa

ra những phương hướng giải quyết của bản thân hoặc của nhóm, sau đó GV tổng hợp và đưa ra kết luận cần thiết. Trong quá trình giảng dạy, GV trong Khoa đưa ra những liên hệ thực tế sinh động để làm sâu sắc thêm bài giảng, giao bài tập, chủ đề nghiên cứu để rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu của người học. Ngoài các học phần lý thuyết, CTĐT ngành Luật rất chú trọng các học phần thực hành [H4.04.02.01], [H4.04.02.02].

Để tạo điều kiện cho GV lựa chọn và thực hiện các phương pháp giảng dạy phù hợp, các khoa thường xuyên họp trao đổi để có sự cải tiến phù hợp phương pháp giảng dạy cho từng môn học [H4.04.02.02]. Bên cạnh đó, các GV trong giai đoạn tập sự được tổ chức dự giờ để lấy ý kiến góp ý về nội dung và phương pháp giảng dạy nhằm có sự điều chỉnh phù hợp [H4.04.02.03]. Đồng thời, GV Khoa quan tâm công tác nghiên cứu khoa học [H4.04.02.04].

Để GV luôn được cập nhật và cơ hội học hỏi, trao đổi kinh nghiệm về đổi mới phương pháp giảng dạy, Nhà trường và các Khoa còn tổ chức các tọa đàm, các cuộc họp trao đổi giữa các GV về phương pháp giảng dạy theo mục tiêu “lấy người học làm trung tâm”, từ đó lựa chọn được các phương pháp giảng dạy phù hợp với từng môn học để GV triển khai áp dụng vào thực tế bài giảng nhằm đạt được hiệu quả cao cho mục tiêu môn học và chuẩn đầu ra CTĐT [H4.04.02.05], [H4.04.02.06], [H4.04.02.07].

Nhà Trường và Khoa tổ chức các sinh hoạt học thuật, các tọa đàm liên quan đến việc đổi mới PPDH. Sự đổi mới thể hiện ở những hình thức như ứng dụng Tiếng Anh vào thuật ngữ chuyên ngành, Internet vào hoạt động giảng dạy: cung cấp tài liệu học, bài giảng, giao bài tập, nhận bài tập thông qua trang web của Khoa và email; và đảm bảo theo 3 tiêu chí: (i) Dạy cách học, học cách học; (ii) Tạo tính chủ động của người học; (iii) Tạo môi trường học hỏi, học suốt đời [H4.04.02.06]. Để thực hiện được các PPDH hiệu quả, phải có sự tương tác giữa người dạy và người học. GV hướng dẫn người học sử dụng tổ hợp các phương pháp nghiên cứu, học tập hiệu quả, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CDR. Ngoài việc thuyết giảng trên lớp, GV đồng thời rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tự học, biết cách tìm hiểu và tra cứu tài liệu, biết cách xử lý thông tin để trở thành tri thức của mình, làm NCKH, các đề tài NCKH phải gắn liền với giải quyết một vấn đề cụ thể trong chuyên môn, hoặc hoặc trong đời sống kinh tế, xã hội... Việc tăng cường tổ chức giao cho SV những bài tập lớn nhằm giúp SV khả năng tự khám phá kiến thức, rèn luyện các kỹ năng nghiên cứu, khả năng phân tích, làm

việc nhóm; tổng hợp tài liệu mà họ tiếp cận; kỹ năng áp dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề, các tình huống gặp phải [H4.04.02.06].

Để đạt CDR và phù hợp với triết lý giáo dục, tất cả GV giảng dạy ngành Luật của các bộ môn trong Khoa đều phải xác định, lựa chọn một tổ hợp các PPGD đa dạng, hiệu quả cho bộ môn của mình và được thể hiện qua CTĐT, ĐCCT môn học. Trong quá trình học tập, SV được cố vấn học tập, các GV phụ trách môn học tư vấn, khuyến khích và định hướng nghiên cứu cũng như hướng dẫn cách sử dụng hiệu quả nguồn thông tin cơ sở dữ liệu từ sách vở, đề tài NCKH, tạp chí khoa học chuyên ngành trong và ngoài nước để kích thích động cơ học tập chủ động của SV, giúp họ luôn cập nhật những kiến thức mới, phù hợp với xu thế phát triển của lĩnh vực nghiên cứu chuyên môn [H4.04.02.08], [H4.04.02.09] hướng đến giúp SV đạt CDR.

Đầu mỗi năm học, sinh viên ngành Luật được tham gia Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, trong đó có các nội dung định hướng phương pháp học tập ở bậc đại học, kỹ năng tự học, nghiên cứu khoa học và các hoạt động rèn luyện kỹ năng mềm. Đây là bước đầu để SV có thể định hướng được việc học tập, NCKH và hoạt động đoàn thể ở bậc ĐH. Đây cũng là một hoạt động nằm trong chuỗi hoạt động học tập đa dạng trong suốt khóa học của SV [H4.04.02.10]. Để giúp SV của Khoa LKT liên hệ giữa kiến thức lý thuyết và thực tiễn, CTĐT của ngành Luật có cấu trúc phù hợp giữa lý thuyết và thực hành, thực tế. SV được đưa đến các công ty, DN hoạt động trong lĩnh vực pháp luật dưới sự hướng dẫn của GV để tiến hành kiến tập, thực tập. Việc đào tạo gắn liền với thực tế là một nội dung quan trọng trong chiến lược giảng dạy và học tập của Khoa. Báo cáo thực tập và khóa luận tốt nghiệp giúp SV củng cố kiến thức đã được học tập ở trường, vận dụng và kết hợp với thực tiễn hoạt động của đơn vị thực tập, vừa thể hiện kiến thức mà SV đã được trang bị, vừa phản ánh tình hình thực tế tại đơn vị thực tập, qua đó, SV có thể có những nhận định và đánh giá khách quan đối với hoạt động kinh doanh, chế tác của đơn vị. Việc thực tập nghề nghiệp và viết báo cáo/ khóa luận tốt nghiệp nhằm mục đích giúp SV hình thành ý tưởng về vấn đề nghiên cứu, biết cách tổng hợp và vận dụng lý thuyết để giải quyết vấn đề nảy sinh trong thực tế [H4.04.02.11].

SV ngành Luật rất được khuyến khích khi tham gia một số cuộc thi về học thuật như Rung chuông vàng liên quan đến lĩnh vực pháp luật, CLB kỹ năng pháp luật. Đây là cách giúp người học có được tư duy sâu hơn và tự tin hơn trong học tập cũng như các

lĩnh vực khác của đời sống. Ngoài ra, đây cũng là dịp để SV ghép nối kiến thức đã học và việc vận dụng kiến thức đó vào thực tế [H4.04.02.12]. Ngoài ra, Khoa LKT còn đa dạng hóa môi trường học tập cho SV thông qua các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng (Trung thu cho em, mùa hè xanh, hiến máu nhân đạo, tiếp sức mùa thi, các công tác xã hội khác,...). Các hoạt động này ngoại khóa này giúp SV áp dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để phát triển tính cách cá nhân như thái độ nhân văn, phụng sự cộng đồng phù hợp với triết lý giáo dục của Trường và chuẩn đầu ra về thái độ [H4.04.02.13].

Kết thúc mỗi học kỳ, mỗi khóa học, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC sẽ tổ chức lấy ý kiến của SV và GV về các hoạt động dạy và học được sử dụng trong CTĐT, lắng nghe các ý kiến đóng góp của các bên liên quan nhằm cập nhật và không ngừng đổi mới cải tiến PPGD và phương pháp kiểm tra đánh giá của GV. Kết quả đối sánh qua các năm cho thấy, trên 80% người học hài lòng với các nội dung này [H4.04.02.14].

Bảng 4.1 Tỷ lệ hài lòng của SV về PPGD của GV Khoa LKT qua các học kỳ

NH 2021-2022		NH 2022-2023		NH 2023-2024		NH 2024-2025	
HK1	HK2	HK1	HK2	HK1	HK2	HK1	HK2
82,8%	82,2%	87,8%	90,6%	83%	85,5%	82,6%	-

Bảng 4.2 Tỷ lệ hài lòng của SV cuối khóa 2021-2025 Khoa LKT

STT	Ngành	Tỷ lệ SV tham gia ks/ SLSV cuối khóa	Tỷ lệ mức đánh giá của trung bình tất cả các tiêu chí (%)				
			Dưới trung bình	Trung bình	Khá	Tốt	Rất tốt
1	Luật	100%	0,35%	1,73%	29.76%	52,94%	15,22%

2. Điểm mạnh:

Khoa đã xây dựng một tổ hợp các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, triển khai hiệu quả để đạt CĐR môn học và CTĐT. Tổ chức các chương trình thực tập – thực tế phù hợp với SV, đáp ứng được nhu cầu học tập, nghiên cứu của SV.

3. Điểm tồn tại:

SV tham gia vào quá trình học tập tại lớp cũng như khi đi thực tế, thực tập tại DN chưa thật sự thích nghi và chủ động.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ Cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	GV giảng dạy thường xuyên động viên SV phát huy tinh thần chủ động tham gia vào các hoạt động học tập. Trang bị thêm nhiều kỹ năng mềm cho SV để SV có thể tự tin, thích nghi hơn với các hoạt động khi đi thực tế, thực tập.	Khoa LKT	Thường xuyên (từ năm 2025-2026)	
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa LKT tạo môi trường chia sẻ tri thức giữa các GV trong và ngoài khoa, ngoài trường thông qua các hội thảo chuyên đề về lĩnh vực pháp luật với các trường ĐH uy tín khác.	Khoa LKT	Hàng năm (từ năm 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường đã quán triệt và triển khai đồng bộ đổi mới các hoạt động dạy và học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết

yếu, kỹ năng mềm như kỹ năng tư duy sáng tạo và quản lý thời gian, kỹ năng thuyết trình, đặc biệt là khả năng tự nghiên cứu, khả năng liên hệ thực tiễn, phân tích tổng hợp, giải quyết vấn đề. Dựa trên đặc thù của ngành Luật, SV cần trau dồi kỹ năng giao tiếp, lắng nghe; tra cứu, tiếp cận, khai thác thông tin; phân tích xử lý thông tin và xử lý tình huống. Từ lẽ đó, cần rèn luyện tốt cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, đặc biệt đối với các môn chuyên ngành và môn học kết hợp giữa lý thuyết và thực hành như môn Luật Tố tụng dân sự, Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng, Kỹ năng giải quyết tranh chấp, ..., điều này thể hiện rõ trong tất cả ĐCCT các học phần của ngành Luật [H4.04.03.01].

Nhiều phương pháp học tập hiệu quả được áp dụng đa dạng trong từng học phần như: yêu cầu SV tự đọc, nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm, phản biện nhóm,... GV có thể sử dụng nguồn tư liệu, sách báo, phim ảnh phục vụ hoạt động dạy và học để đa dạng hơn cho SV. Tất cả các PPDH trên đều được mô tả rất rõ trong các ĐCCT môn học và được các GV triển khai thực hiện nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, các kỹ năng mềm cho SV [H4.04.03.02].

Để đáp ứng mục tiêu đó, chiến lược dạy và học của Khoa LKT là lấy SV làm trung tâm và kích thích việc học tập có chất lượng cao. Trong đó, tất cả các ĐCCT học phần có mô tả về các PPDH trên lớp phù hợp với từng môn học, rèn luyện kỹ năng thiết yếu là nghe, nói, đọc, viết của SV và các hoạt động cho SV làm việc nhóm, trò chơi, thảo luận, tranh luận... về lĩnh vực pháp luật nhằm kích thích tư duy, tính chủ động của SV trong học tập, rèn luyện thêm các kỹ năng mềm về giao tiếp, phân tích, tổng hợp vấn đề cho SV. Ngoài ra, trong các ĐCCT học phần cũng mô tả đến việc tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV thông qua việc cung cấp các tài liệu tham khảo, yêu cầu SV tìm hiểu bài trước khi đến lớp, giao các bài tập về nhà, các chủ đề nghiên cứu thêm... Việc rèn luyện các kỹ năng phân tích, tổng hợp, thuyết trình và khả năng tự học, tự nghiên cứu của SV còn thể hiện qua các yêu cầu của học phần thực tập và khóa luận tốt nghiệp [H4.04.03.01], [H4.04.03.02]. Công thông tin học tập trực tuyến của Khoa, Trường cũng đã hỗ trợ SV tích cực trong rèn luyện kỹ năng tự học, nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV [H4.04.03.03].

GV giảng dạy ngành LKT thực hiện các hoạt động giảng dạy theo như mô tả trong ĐCCT học phần, đồng thời trong quá trình giảng dạy có điều chỉnh, bổ sung, phát huy

các phương pháp giảng dạy phù hợp, hiệu quả với từng đối tượng lớp học theo trình độ và tinh thần học tập của SV nhằm hỗ trợ tối đa việc rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV. Trong đó, phương pháp giảng dạy bằng tình huống, tương tác trực tiếp để giải quyết vấn đề được đa số các GV lựa chọn áp dụng cho những môn học chuyên ngành, các hoạt động trò chơi phù hợp theo môn học, kích thích sự thi đua trong lớp được GV sử dụng để rèn luyện thêm tính chủ động cho SV. Các phương pháp này giúp người học nhớ lâu hơn, hình thành khả năng áp dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề gặp phải, giúp SV ứng dụng những kiến thức đã học vào thực tế, so sánh những kiến thức được học trong Nhà trường với thực tế, rèn luyện tính chủ động, sự tư duy, sự nhanh nhẹn, hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời của SV. SV còn được khuyến khích tham gia các cuộc thi về hùng biện, tham gia NCKH, các chương trình thực tế... Các hoạt động thực tế, hướng nghiệp, thực tập giúp SV hiểu được những chiến lược học tập khác nhau sao cho phù hợp, đáp ứng các yêu cầu đề ra. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa LKT cũng tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học nhằm tiếp tục về đổi mới PPGD cho GV [H4.04.03.02], [H4.04.03.04].

Khoa LKT thường mời các chuyên gia trong lĩnh vực pháp luật có trình độ cao, tâm huyết, về giảng dạy hoặc trao đổi khoa học, tạo một tinh thần cởi mở, phản biện và học hỏi lẫn nhau trong khoa học. Mặt khác, SV được khuyến khích tham gia vào nhiều hoạt động chuyên môn như tọa đàm khoa học, hội thảo khoa học, tham gia NCKH với các GV giúp SV tự tin khi nghiên cứu độc lập góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời khi đi làm hay học tập nâng cao trình độ. Nhiều hoạt động ngoại khóa do các đoàn thể trong trường tổ chức cũng góp phần rèn luyện tinh thần học hỏi, kỹ năng tự học, nghiên cứu và giao lưu khoa học của SV [H4.04.03.04], [H4.04.03.05].

Ngoài ra, định kỳ mỗi năm, mỗi học kỳ, P.KT-ĐBCL-TT&PC sẽ tổ chức khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của từng môn học, khảo sát ý kiến Nhà tuyển dụng về mức độ đáp ứng các kiến thức, các kỹ năng và thái độ của SV tốt nghiệp Trường ĐHPT đã và đang làm việc tại các đơn vị tuyển dụng. Các kết quả khảo sát được tổng hợp và chuyển cho Khoa để sử dụng làm căn cứ điều chỉnh PPGD ngày càng phù hợp hơn, đảm bảo rèn luyện được các kỹ năng thiết yếu và khả năng tiếp tục nâng cao cho SV đáp ứng yêu cầu xã hội [H4.04.02.14], [H4.04.03.06].

2. Điểm mạnh:

Trường, Khoa LKT có nhiều hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm như kỹ năng tư duy sáng tạo và quản lý thời gian, kỹ năng thuyết trình và tìm việc, kỹ năng khởi nghiệp, đặc biệt là khả năng tự nghiên cứu, khả năng liên hệ thực tiễn, phân tích tổng hợp góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

3. Điểm tồn tại:

Tinh thần học tập của SV chưa thể hiện sự chủ động tích cực. Một số ít GV của Khoa LKT chưa có nhiều kinh nghiệm giảng dạy theo phương pháp tích cực cho SV có các kỹ năng để nâng cao kỹ năng học tập suốt đời.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ Cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường định hướng, hỗ trợ, khơi dậy tính chủ động học tập trong SV trong các buổi sinh hoạt chuyên môn của Khoa với SV. Khoa sẽ tổ chức dự giờ chéo giữa các GV để học hỏi kinh nghiệm giảng dạy nâng cao kỹ năng học tập suốt đời cho người học. Tổ chức nhiều hội thảo, tọa đàm, chia sẻ kinh nghiệm về việc đổi mới PPDH, dạy tích hợp giữa kiến thức và kỹ năng.	Khoa LKT	Thường xuyên (từ năm 2025-2026)	
2	Phát huy	Thực hiện đổi mới các hoạt động, PPDH cho phù hợp hơn với các yêu cầu thực tế của người học	Khoa LKT	Hàng năm (từ năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ Cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
	điểm mạnh	và NTD. Mô tả rõ ràng hơn các PPDH trong ĐCCT học phần.		2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Kết luận về tiêu chuẩn 4:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Văn bản về Triết lý giáo dục của Trường được xây dựng và tuyên bố rõ ràng, được phổ biến rộng rãi tới các bên liên quan.

Khoa đã xây dựng một tổ hợp các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, triển khai hiệu quả để đạt CĐR môn học và CTĐT, giúp SV tiếp thu và rèn luyện năng lực chuyên môn, bao gồm các hoạt động trong và ngoài lớp học, thực tập thực tế, ngoại khóa. Xây dựng cổng thông tin học tập trực tuyến nhằm hỗ trợ tối đa cho người học, kết hợp giữa mô hình ĐH truyền thống và phương thức đào tạo trực tuyến. SV thể hiện sự hài lòng với các PPGD của GV.

Trường, Khoa LKT có nhiều hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm như kỹ năng tư duy sáng tạo và quản lý thời gian, kỹ năng thuyết trình và tìm việc, kỹ năng khởi nghiệp, đặc biệt là khả năng tự nghiên cứu, khả năng liên hệ thực tiễn, phân tích tổng hợp góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Nhà tuyển dụng chưa thực sự quan tâm tiếp cận với Triết lý giáo dục của Nhà trường. Một số GV chưa thành thạo trong việc sử dụng các hoạt động PPDH tích cực, kết hợp ứng dụng của CNTT nhằm đạt CĐR, nâng cao năng lực học tập suốt đời. Thái độ học tập của SV chưa đáp ứng vai trò chủ động tích cực.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 4:

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn 4 có 3 tiêu chí, trong đó 3 tiêu chí đều đạt điểm 4/7.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu:

Đánh giá kết quả học tập của người học là công việc quan trọng của hoạt động giáo dục đại học. Có thể xem việc đánh giá, kiểm tra kết quả học tập là công cụ điều chỉnh quá trình dạy và học, đóng vai trò kiểm chứng hiệu quả việc áp dụng các phương pháp giảng dạy, chương trình đào tạo, tài liệu học tập, chính sách hỗ trợ....của Nhà trường. Khoa LKT và Phòng Quản lý đào tạo xây dựng kế hoạch đánh giá vào mỗi học kỳ rõ ràng, GV phải có phương pháp đánh giá phù hợp, đa dạng, đảm bảo độ tin cậy, sự công bằng. Người học được thông tin một cách rõ ràng, minh bạch về các quy định trong đánh giá kết quả học tập. Trong những năm qua, Trường sử dụng quy trình tổ chức thi tập trung, trong đó có đầy đủ các quy định về việc chuẩn bị một kỳ thi cuối kỳ, ra đề thi, phân công giám thị, công bố điểm, phúc khảo, lưu trữ,... Các hình thức đánh giá và quy trình đánh giá cho phép Khoa LKT đánh giá được mức độ tích lũy của SV về kiến thức cũng như kỹ năng.

Tiêu chí 5.1 Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà Trường cũng như Khoa LKT rất chú trọng công tác xây dựng ĐCCT học phần bao gồm thiết kế CDR phù hợp với tiêu chí đào tạo của Nhà Trường. Các quy định về việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được thể hiện thông qua các Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ, Nhà trường xây dựng các kế hoạch, quy trình đánh giá người học kèm các biểu mẫu rõ ràng nhằm đạt CDR của CTĐT ngành Luật đồng thời công bố công khai, rộng rãi đến các bên liên quan trong và ngoài trường [H5.05.01.01], [H5.05.01.02].

Trong bản mô tả CTĐT ngành Kế toán có xây dựng các phương pháp về kiểm tra đánh giá người học; Trong mỗi ĐCCT môn học (BM03/QT02/ĐBCL), GV phải xác định và thiết kế các phương pháp kiểm tra đánh giá cho điểm quá trình và điểm cuối kỳ

của môn học. Các bài kiểm tra đánh giá giữa kỳ, thi cuối kỳ GV phải đảm bảo nội dung kiểm tra nhằm đo lường mức độ đạt CDR nào của môn học, cách thức kiểm tra phải phù hợp với đặc điểm của môn học và được thể hiện trong ĐCCT môn học.

Đánh giá tuyển sinh (TS) đầu vào (đánh giá người học mới): Hàng năm, căn cứ theo quy định của Bộ GD&ĐT, Trường ĐHPT tuyển sinh các trình độ đại học với các phương thức khác nhau (tùy năm) và tuân thủ chặt chẽ quy định của Bộ GD&ĐT. Nhà trường xác lập tiêu chí xét tuyển đảm bảo điều kiện xét tuyển của Bộ GD&ĐT (Điểm sàn không nhân hệ số. Điểm trúng tuyển của Trường không được thấp hơn điểm sàn, Quy định về xét tuyển bằng Học bạ phổ thông). Các phương án TS được công bố công khai trên Website và trên các phương tiện thông tin truyền thông khác [H5.05.01.02].

Đánh giá quá trình và đầu ra (tốt nghiệp): Trường ĐHPT đã xây dựng Quy chế học vụ áp dụng trong Trường và công bố công khai cho các bên liên quan, giúp Nhà trường quản lý chặt chẽ, hạn chế các rủi ro và đảm bảo tính khách quan công bằng trong thi cử. Kiến thức người học được đánh giá thông qua các bài kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ, bài tập, tiểu luận, báo cáo với nhiều hình thức khác nhau như thi tự luận, trắc nghiệm, thuyết trình, vấn đáp... Tùy theo tính chất của từng học phần sẽ có phương pháp và hình thức đánh giá khác nhau, để đảm bảo đánh giá quá trình học tập của người học được chính xác nhất, việc lựa chọn hình thức đánh giá thông qua bộ môn, trưởng khoa phê duyệt được quy định rõ trong đề cương chi tiết của học phần và phổ biến cho SV vào đầu môn học [H5.05.01.03].

Đánh giá đầu ra khóa học (thông qua Báo cáo thực tập hoặc Khóa luận tốt nghiệp): thông qua các quy định về quy chế tuyển sinh, quy chế đào tạo, quy định về cách tổ chức ra đề, chấm thi, hướng dẫn quy trình về xét tuyển tốt nghiệp do Trường ĐHPT quy định [H5.05.01.03]. Kết quả đánh giá người học đều được công bố công khai cho các bên liên quan biết thông qua email của SV, Website Khoa/Trường [H5.05.01.02].

Việc đánh giá kết quả học tập của SV dựa trên quy chế đào tạo và các quy định, quy trình về đánh giá kết quả học tập của Nhà trường tuân thủ theo Quy chế đào tạo theo tín chỉ của Bộ GD&ĐT [H5.05.01.03]. Song song đó, bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần luôn được điều chỉnh, cập nhật tương ứng với quy chế đào tạo, quy trình thi, kiểm tra, đánh giá người học phù hợp với CDR Ngành Luật [H5.05.01.01]. Các quy chế học

vụ áp dụng trong Trường được công bố công khai cho các bên liên quan thông qua website, qua Portal cá nhân, Cẩm nang SV, e-UPT,... với các biểu mẫu hướng dẫn rõ ràng cho GV, người học hiểu rõ và thực hiện [H5.05.01.02]. Kế hoạch về đào tạo và thi, kiểm tra, đánh giá người học được thể hiện qua Kế hoạch đào tạo của Trường, Khoa, lịch thi mỗi học kỳ, được công bố trên website, SV tự truy cập vào hệ thống để theo dõi và thực hiện [H5.05.01.04], [H5.05.01.02].

Để đảm bảo việc đánh giá phù hợp với mục tiêu cần đánh giá và tương ứng với mức độ đạt được CDR, trong từng giai đoạn đánh giá (đánh giá quá trình, đánh giá đầu ra của môn học, đầu ra của CTĐT), Nhà trường đã có hướng dẫn về phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá trong quy chế đào tạo và các quy định về tổ chức thi kết thúc học phần của Trường [H5.05.01.03], [H5.05.01.05]. Trong đó có quy định rõ ràng về các tiêu chí đánh giá, trọng số đánh giá trong đánh giá từng học phần và cách tính kết quả tích lũy của cả chương trình học, biểu mẫu về bảng điểm tổng hợp học phần, khóa học, mẫu đề thi, đáp án, thang điểm cụ thể... [H5.05.01.06].

(1) Đánh giá quá trình người học: Trong mỗi ĐCCT môn học, GV phải xác định các phương pháp kiểm tra đánh giá cho điểm quá trình và điểm cuối kỳ (điểm thi kết thúc học phần); Bài kiểm tra đánh giá giữa kỳ, GV phải đảm bảo nội dung kiểm tra phải đạt CDR nào của môn học và được thể hiện trong ĐCCT môn học [H5.05.01.03]. Kết quả đánh giá mỗi học phần được thể hiện qua các tiêu chí: thường xuyên tham gia học tập, nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, thường xuyên tham gia xây dựng bài cụ thể sẽ có các điểm sau: Điểm chuyên cần (10%), điểm thi giữa học phần (30%), điểm thi kết thúc học phần (60%). Điểm đánh giá học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

A (8,5 – 10): Giỏi

B (7,0 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,9): Trung bình

D (4,0 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 4,0): Kém – Loại không đạt.

Đánh giá cuối kỳ được triển khai theo Quy trình tổ chức thi học kỳ với các biểu mẫu bao gồm các khâu từ làm đề thi, đáp án, các biểu mẫu liên quan tổ chức thi, xử lý sai phạm, sự cố bất thường Căn cứ theo hình thức đánh giá của từng học phần, GV ra đề thi theo biểu mẫu thống nhất được quy định trong quy trình tổ chức thi học kỳ, đề thi và đáp án được nộp về Khoa trước khi kết thúc môn học 2 tuần. Sau khi Khoa tiến hành họp, phê duyệt thì đề thi và đáp án được chuyển về Phòng khảo thí. Việc tổ chức thi kết thúc môn học được Trường ĐHPT giao cho KT-ĐBCL-TTPC chịu trách nhiệm, đảm bảo tổ chức thi học kỳ diễn ra nghiêm túc, chặt chẽ, khách quan, công bằng cho SV, tránh tiêu cực có thể xảy ra [H5.05.01.07].

Tương ứng với mỗi giai đoạn đánh giá (tuyển sinh đầu vào, quá trình, đầu ra), Trường/Khoa/GV thiết kế một tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học để có thể đo lường mức độ đạt được CĐR như sau:

Với việc đánh giá TS đầu vào: Nhà trường đã căn cứ theo Đề án tuyển sinh hàng năm đã được Bộ GD&ĐT xét duyệt [H5.05.01.08] tuyển sinh theo chỉ tiêu cụ thể từng ngành; dựa theo thực tế nhu cầu lao động ngành từ đề xuất của Khoa. Tiêu chuẩn xét tuyển của Trường ĐHPT đảm bảo điều kiện xét tuyển của Bộ GD&ĐT, được công khai minh bạch Nhà trường đưa ra các tiêu chí để lựa chọn đầu vào phù hợp, thí sinh có thể đạt được CĐR trong quá trình học tập tại Trường.

Các tiêu chuẩn xét tuyển đầu vào của Trường đảm bảo điều kiện xét tuyển của Bộ GD&ĐT với 03 phương thức xét tuyển và được cập nhật trên các phương tiện website của trường [H5.05.01.02].

(2) Đánh giá quá trình/Đánh giá môn học: Với phương châm đào tạo gắn liền với chất lượng, các phương pháp, quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập theo hướng coi trọng đánh giá quá trình và phản hồi kịp thời cho người học. Theo đó, Trường đã ban hành quy định thi kết thúc học phần, điều kiện thực tập, khóa luận tốt nghiệp, tốt nghiệp đối với các hệ đào tạo [H5.05.01.03], [H5.05.01.05]. Quy định chỉ rõ GV phải tiến hành kiểm tra định kỳ để kiểm tra kết quả học tập của người học theo chương trình đào tạo đã quy định, kết quả kiểm tra định kỳ phải được GV thông báo công khai sau mỗi lần kiểm tra.

Quy chế học vụ và các quy định về thi, kiểm tra đánh giá người học của Trường để hướng dẫn chung cho các Khoa cũng được thường xuyên rà soát, điều chỉnh cho phù hợp. Trường ĐHPT cũng có kế hoạch thanh tra năm học, thành lập ban thanh tra, kiểm tra tình hình lên lớp và thi kết thúc học phần [H5.05.01.09].

GV tiến hành theo dõi tình hình học tập và kết quả học tập của người học thông qua việc đánh giá quá trình người học thể hiện qua Sổ theo dõi tình hình lên lớp, bài kiểm tra giữa kỳ của từng môn học [H5.05.01.10]. Người học phải tham gia tối thiểu 80% tổng thời lượng môn học trở lên mới được tham gia dự kiểm tra kết thúc môn.

Với công tác tổ chức kiểm tra đánh giá cuối kỳ, Nhà trường sẽ thực hiện theo kế hoạch năm học để Phòng QLĐT phối hợp với Khoa và Phòng KT-ĐBCL-TT&PC xếp lịch kiểm tra kết thúc học phần/môn học lần 1, lần 2 cho toàn trường. Tuy nhiên, từ năm học 2019-2020, Trường không thực hiện việc cho thi lại lần 2 nữa, danh sách giám thị và phòng thi được gửi cho Khoa và các cán bộ, thanh tra thi liên quan; SV nhận lịch thi từ mail và Website của Trường [H5.05.01.11]. Công tác tổ chức ra đề thi, công tác bảo mật, tổ chức coi thi, chấm thi, tổng hợp và thông báo kết quả. Yêu cầu về nội dung đề thi phải đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần. Thời gian và quy định về biểu mẫu liên quan đến đề thi phải được thực hiện dưới sự giám sát của Khoa, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC của Nhà trường.

Cách tính Điểm đánh giá học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ [H5.05.01.12].

(3) *Đánh giá đầu ra khóa học*: bao gồm kết quả học tập; kết quả rèn luyện và chuẩn đầu ra về ngoại ngữ - tin học của SV trong toàn thời gian tham gia khóa học tại Trường ĐHPT. Việc đánh giá kết quả học tập cuối khóa được thông qua công tác xét khóa luận tốt nghiệp hoặc thực tập tốt nghiệp: gồm chương trình Thực tập tốt nghiệp 9 tín chỉ và chương trình 6 tín chỉ. Quy định về việc Đánh giá rèn luyện của người học được quy định trong quy chế và sổ tay sinh viên. Các chứng chỉ theo yêu cầu hệ đào tạo về Ngoại ngữ, Tin học, chứng chỉ GDQP và giáo dục thể chất được thực hiện theo quy định chung của Phòng Đào tạo [H5.05.01.13].

Báo cáo thực tập tốt nghiệp (6 tín chỉ) và các môn học bổ sung (kỹ năng mềm): Thực tập tốt nghiệp cuối khóa được tiến hành theo hình thức thực tập tại doanh nghiệp nhằm giúp SV có điều kiện khảo sát thực tế, quan sát và ghi nhận thực tiễn của các kiến thức đã học tại giảng đường, tiếp cận các điều kiện kỹ thuật mà lý thuyết chưa đề cập đến do hạn chế thời gian. Các SV sẽ được GV của Khoa hướng dẫn tìm hiểu, phân tích và đánh giá các vấn đề thực tế. Tại cơ sở, SV cũng được hướng dẫn bởi Cán bộ tại cơ sở. Cuối kỳ thực tập, SV có nhiệm vụ viết báo cáo thực tập tốt nghiệp có sự xác nhận, đánh giá của cơ sở thực tập và GV trực tiếp hướng dẫn. Ngoài ra, khi đi thực tập tốt nghiệp SV cần phải học thêm học phần kỹ năng mềm (3 tín chỉ) để đảm bảo đủ điều kiện tốt nghiệp [H5.05.01.04], [H5.05.01.14].

Khóa luận tốt nghiệp (9 tín chỉ): Chỉ áp dụng đối với những SV thỏa mãn đồng thời hai tiêu chuẩn là điểm trung bình chung học tập tích lũy đến hết học kỳ 8 phải trên 7.0 và không còn nợ môn. SV có thể tự đăng ký chọn đề tài và được GV hướng dẫn. SV phải trải qua kỳ bảo vệ tốt nghiệp trước hội đồng chấm khóa luận, được thành lập theo quyết định của Hiệu trưởng [H5.05.01.03].

Đánh giá rèn luyện của người học qua ý thức về tham gia học tập; chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong nhà trường; tham gia các hoạt động chính trị, văn hóa, xã hội, văn nghệ, thể dục thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội; ý thức công dân trong quan hệ với cộng đồng... Sau mỗi học kỳ, người học sẽ được đánh giá. Kết quả của việc đánh giá, phân loại được thể hiện cụ thể gọi là điểm rèn luyện và bằng sự xếp loại tương ứng gọi là xếp loại rèn luyện. Điểm rèn luyện được đánh giá bằng thang điểm 100 [H5.05.01.13].

Để được công nhận tốt nghiệp ngoài việc hoàn thành đủ số tín chỉ theo quy định và điểm trung bình tích lũy toàn khóa đạt từ 2,00 trở lên, người học phải có chứng chỉ Ngoại ngữ, Tin học, chứng chỉ GDQP và giáo dục thể chất [H5.05.01.14].

Để đánh giá SV tốt nghiệp có đạt được CĐR Khoa LKT dựa trên nhóm 3 tiêu chí: (i) tiêu chí về kiến thức chuyên môn và các kỹ năng bổ trợ (năng lực tìm tòi, tiếp cận giải quyết vấn đề, giao tiếp, thuyết trình), (ii) trình độ tin học cơ bản và nâng cao theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT. (iii) Kết quả của toàn khóa học (điểm trung bình tích lũy) và đồ án tốt nghiệp/chuyên đề tốt nghiệp. Tất cả các phương pháp kiểm tra

đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp để có thể đo lường được mức độ đạt được CĐR về cả kiến thức, kỹ năng và thái độ [H5.05.01.15].

Để đánh giá phù hợp trong quá trình học tập của người học với từng học phần trong CTĐT, Trường ĐHPT lên kế hoạch khảo sát ý kiến SV và các bên liên quan thông qua phiếu khảo sát thể hiện 5 mức độ từ 1 đến 5, kết quả khảo sát được Phòng KT-ĐBCL-TTPC tổng hợp [H5.05.01.16].

2. Điểm mạnh:

Việc đánh giá kết quả học tập của người học từ khâu TS đầu vào đến đầu ra của người học đều được thực hiện đúng quy trình, quy định, bám sát yêu cầu của CĐR về kiến thức, thái độ, kỹ năng. CTĐT được xây dựng, chỉnh sửa theo lộ trình phù hợp với thực tiễn và sự phát triển của xã hội. GV được tham gia xây dựng đề cương chi tiết môn học, lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp để có thể đo lường được mức độ đạt được CĐR. Khoa LKT và các đơn vị liên quan có sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả trong quá trình tổ chức đánh giá kết quả học tập của SV. Kết quả đánh giá của SV được công bố đúng thời gian quy định và công khai trên Website của Khoa/Trường.

3. Điểm tồn tại:

Khoa chưa có kế hoạch riêng và cụ thể để thường xuyên rà soát mức độ phù hợp của đề thi, phương pháp kiểm tra để đánh giá của từng môn học mà chỉ thực hiện theo kế hoạch chung của nhà trường nên chưa đạt mức độ chính xác tuyệt đối.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức các buổi tập huấn chuyên đề về kỹ năng ra đề thi, đánh giá năng lực người học chuẩn xác hơn.	- P.QLĐT, - Khoa LKT	Từ 2025-2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện các nội dung liên quan đến quá trình đánh giá kết quả người học bằng việc khảo sát các bên liên quan và chỉnh sửa CTĐT theo lộ trình phù hợp với thực tiễn và sự phát triển của xã hội.	- P.QLĐT. - Khoa LKT	Định kỳ hằng năm (từ năm 2026)	
		Định kỳ tổ chức tổng kết và rà soát mức độ bám sát CĐR trong nội dung các bài kiểm tra đánh giá kết quả của người học. Tiếp tục hoàn thiện và công bố kết quả đánh giá của sinh viên đúng quy định.	- Khoa LKT - P. KT-ĐBCL-TT&PC - P.QLĐT	Hàng năm (từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 5.2 Các quy định về kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Mô tả hiện trạng:

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học của Khoa LKT được xác định rõ ràng và được hướng dẫn thực hiện cụ thể theo Quy chế đào tạo đại học và những văn bản hướng dẫn cụ thể của Nhà trường theo phương thức đào tạo theo tín chỉ [H5.05.02.01]. Việc đánh giá và kiểm tra kết quả người học sẽ thực hiện theo kế hoạch năm học do Phòng QLĐT, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC kết hợp với Khoa cùng thực hiện [H5.05.02.02].

Đến học kỳ cuối khóa Khoa LKT sẽ công khai thông tin quy định về kế hoạch thực hiện, công bố danh sách đủ điều kiện làm khóa luận, danh sách GV hướng dẫn, biểu mẫu trình bày khóa luận và thực tập đến SV. Đánh giá báo cáo thực tập tốt nghiệp, Khóa luận của SV đều có quy định của Nhà trường và các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí đánh giá, trọng số, cơ chế phản hồi của người học và các nội dung liên quan khác trong các kỳ thi một cách rõ ràng [H5.05.02.01]. Tất cả các học phần trong học kỳ được tổ chức thi tập trung. Việc lựa chọn các hình thức đánh giá quá trình và trọng số của các điểm đánh giá quá trình do GV đề xuất, Trưởng khoa phê duyệt và được quy định trong ĐCCT của môn học và thông báo cho SV qua các kênh của khoa, email SV và Website trường [H5.05.02.03].

Cụ thể, trong Chương III - Quy chế đào tạo của Nhà trường có nêu rõ về đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Trong đó có xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học và cơ chế phản hồi của người học, giảng viên về việc kiểm tra, đánh giá như sau:

Đánh giá kết quả của một học phần gồm có 3 phần chính là: (i) Điểm chuyên cần 10%: đánh giá về mức độ chuyên cần, thái độ học tập của người học; (ii) Điểm giữa kỳ 30%: có thể bao gồm điểm kiểm tra thường xuyên trên lớp, đánh giá về thái độ và mức độ tham gia của người học vào bài học, tiểu luận, bài tập nhóm hay kiểm tra viết giữa kỳ, ...; (iii) Điểm thi kết thúc học phần 60%. Điểm đánh giá thành phần và điểm trung bình của học phần theo thang điểm 10 và sẽ chuyển đổi sang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ của Bộ GDĐT [H5.05.02.03]. Tất cả các quy chế, quy định về kiểm tra đánh giá và quy định về việc phúc khảo đều được GV, Khoa, Trường công bố công khai tới người học trước mỗi kỳ thi bằng nhiều hình thức khác nhau nhằm đảm bảo 100% người học hiểu và nắm rõ các quy chế quy định này.

Bảng 5.2.1. Các mức điểm trung bình đánh giá kết quả của học phần

Xếp loại		Thang điểm 10	Thang điểm 4	Thang điểm chữ
Đạt	Giỏi	8,5 → 10	4	A
	Khá	7,5 → 8,4	3	B

Xếp loại		Thang điểm 10	Thang điểm 4	Thang điểm chữ
	Trung bình	5,5 → 6,9	2	C
	Trung bình yếu	4,0 → 5,4	1	D
Không đạt	Kém	Dưới 4,0	0	F

- Trong ĐCCT mỗi môn học cũng có nêu cụ thể hơn về các phương pháp kiểm tra, đánh giá của môn học đó, thời điểm sẽ tiến hành các bài kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ, trọng số và hình thức, tiêu chí của các bài kiểm tra,... [H5.05.02.06]. Về thời gian, bài kiểm tra giữa kỳ được thực hiện sau khi học xong $\frac{1}{2}$ thời lượng môn học, bài kiểm tra cuối kỳ được thực hiện sau khi kết thúc học phần từ 1 đến 2 tuần. Trong Chương III, quy chế đào tạo đại học của Trường có nêu rõ về đánh giá kết quả học tập của SV. Trong đó có xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học và cơ chế phản hồi của người học, GV về việc kiểm tra, đánh giá [H5.05.02.01].

- Về cơ chế phản hồi: người học phản hồi về kết quả đánh giá quá trình trực tiếp trên lớp sau khi được GV giảng dạy công bố kết quả vào tuần học cuối của môn học; người học phản hồi nếu có thắc mắc về kết quả thi kết thúc học phần thông qua Khoa đến P.KT-ĐBCL-TT&PC theo quy trình phúc khảo đã được hướng dẫn [H5.05.02.04].

Nhằm đảm bảo tính công khai và giúp người học có thể nắm rõ về phương pháp đánh giá kết quả học tập của mình từ việc đánh giá mỗi học phần, đến cách tính điểm cả quá trình tích lũy trong CTĐT, cũng như CĐR của ngành học... Các Quy chế đào tạo, quy định, tài liệu hướng dẫn cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong đến việc đánh giá kết quả học tập của người học đều được công bố công khai cho SV trên website của Trường, Khoa LKT, Sổ tay SV, hệ thống email cá nhân của SV được Trường cấp [H5.05.02.03].

Thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các nội dung liên quan đến kỳ thi cuối kỳ được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Nhà trường. Việc lựa chọn các hình thức đánh giá được ghi trong ĐCCT của học phần. Tất cả 100% đề cương chi tiết của Khoa LKT có xác định rõ trọng số đánh giá từng điểm đánh giá bộ phận của học phần [H5.05.02.05].

Ngoài ra, vào đầu khóa học, SV đều được tham dự tuần sinh hoạt công dân đầu khóa của Trường tổ chức và các buổi họp đầu năm của riêng SV Khoa LKT để phổ biến cụ thể hơn cho SV về các nội dung liên quan trong khóa học, trong đó có việc đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của SV. SV được hướng dẫn cách để theo dõi và tự tính được kết quả học tập của mình [H5.05.02.04].

Thêm nữa, thực hiện theo quy chế đào tạo của Trường, vào đầu mỗi môn học, GV có trách nhiệm công bố ĐCCT môn học, yêu cầu của môn học, phương pháp kiểm tra đánh giá, thời điểm tiến hành các bài kiểm tra đánh giá,... cho SV được rõ ràng trước khi bắt đầu môn học, để SV chủ động học tập đáp ứng được CDR của môn học đó [H5.05.02.01], [H5.05.02.07].

Cuối học kỳ, Nhà trường đều có lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy cũng như dịch vụ hỗ trợ giảng dạy như việc phổ biến các quy định của Nhà trường nói chung và về kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học nói riêng [H5.05.02.08]. Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết SV nắm rõ các quy định về kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có quy định rõ ràng về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học. Kế hoạch và những quy định về kiểm tra đánh giá được thông báo công khai với người học ngay từ khi bắt đầu khóa học, học kỳ, môn học bằng nhiều hình thức.

Bộ phận trợ lý của Khoa phối hợp với Phòng QLĐT của Trường, các đội ngũ cố vấn học tập hướng dẫn cụ thể về kiểm tra đánh giá kết quả học tập cho SV hiểu rõ và thực hiện.

3. Điểm tồn tại:

Còn nhiều SV chưa quan tâm đến các quy định về kiểm tra đánh giá khi được phổ biến vào đầu khóa, trước khi bắt đầu học phần, dẫn tới chưa nắm rõ các quy định và chủ động theo dõi kết quả học tập của mình.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Giáo viên chủ nhiệm thường xuyên phổ biến các quy định và hướng dẫn SV nếu có thắc mắc thì trước hết phải tự tìm hiểu trong Sổ tay sinh viên/ hỏi bạn bè/ tham khảo trên website trường trước khi liên hệ với Khoa/trường.	Khoa LKT	Định kỳ đầu năm học và hàng tháng	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cập nhật các quy định mới, quy chế của Bộ GDĐT, các thay đổi của CTĐT để kịp thời xây dựng, cải tiến các Quy định về thi, kiểm tra đánh giá người học cho phù hợp, đáp ứng mục tiêu đo lường mức độ đạt CDR. Đồng thời phổ biến rõ ràng, chi tiết để tất cả SV nắm rõ vào đầu khóa học, học kỳ, môn học.	- P.QLĐT - Khoa LKT	Hàng năm (từ năm 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 5.3 Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả hiện trạng:

Trong quy chế đào tạo của Trường và cụ thể trong các quy định, tài liệu hướng dẫn về thi, kiểm tra, đánh giá của Trường ban hành có hướng dẫn nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá khác nhau từ các phương pháp kiểm tra thường xuyên đến các phương pháp thi hết học phần để các Khoa, GV lựa chọn cho phù hợp [H5.05.02.01]. Tùy theo mục tiêu, yêu cầu và đặc điểm của từng học phần, đối tượng người học, GV Khoa LKT lựa chọn và sử dụng tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp để đánh giá kết quả

học tập của người học. Các phương pháp kiểm tra đánh giá này cũng được quy định trong CTĐT, cụ thể trong ĐCCT học phần và quy định GV giảng dạy phải phổ biến cho người học trước khi bắt đầu học phần và hình thức thi, đánh giá cuối học phần phải được gửi cho Phòng KT-ĐBCL-TT&PC đầu mỗi học kỳ [H5.05.02.01], [H5.05.03.01]. Các GV của Khoa LKT đã sử dụng nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá khác nhau như: kiểm tra viết tại lớp (tự luận hoặc trắc nghiệm); vấn đáp, bài tập (cá nhân, nhóm); đánh giá thuyết trình; thi cuối học kỳ; đánh giá tiểu luận/đồ án học phần; đánh giá báo cáo thực tập; đánh giá khóa luận tốt nghiệp...[H5.05.03.02].

Các phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng tuân thủ nguyên tắc đảm bảo có thể đo lường được mức độ đạt CĐR học phần của SV, đảm bảo tính chính xác và công bằng, khách quan cho SV từ quá trình đánh giá thường xuyên trong quá trình giảng dạy, các GV đều có kế hoạch, phương pháp rõ ràng, thông báo trước cho SV chuẩn bị, GV có sổ theo dõi chấm điểm quá trình, điểm thành phần được công bố cho SV trước khi kết thúc học phần để đảm bảo công khai, công bằng, khách quan cho SV [H5.05.03.02], [H5.05.03.03]. Việc ra đề thi, giảng viên căn cứ vào danh mục mô tả CĐR học phần trong CTĐT. Bên cạnh đó, Khoa LKT thực hiện theo quy định ra đề thi đảm bảo các CĐR cần đo, tức là các câu hỏi phải thể hiện được độ giá trị. Điều này thể hiện ở Quy trình xây dựng đề thi, đánh giá đề thi được Nhà trường ban hành [H5.05.03.04].

Việc tổ chức thi kết thúc học phần tuân thủ theo quy định của Nhà trường; Hình thức thi đã được Khoa/Bộ môn duyệt và được quy định công khai trong ĐCCT học phần, nếu có sự thay đổi thì GV phụ trách học phần sẽ đề xuất và Khoa/Bộ môn sẽ phê duyệt để trình Hiệu phó phụ trách đào tạo duyệt thay đổi từ đầu học kỳ; Đề thi được GV phụ trách học phần thiết kế hoặc lấy từ Ngân hàng đề thi kèm với xây dựng đáp án, thang điểm rõ ràng và cũng được Khoa/Bộ môn đánh giá, duyệt, niêm phong trước khi nộp lại cho Phòng KT-ĐBCL-TT&PC tổ chức thi [H5.05.03.04].

Bài thi của người học được chấm chi tiết theo đáp án dưới quy trình chấm được chuẩn hóa, có 2 GV chấm thi/1 học phần để đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng đối với người học. Các kết quả sai lệch điểm thi được phát hiện bởi việc đối chiếu bài thi, điểm thi của Phòng KT-ĐBCL-TT&PC trước khi bàn giao bảng điểm cuối cùng cho Phòng QLĐT [H5.05.03.05]. Sau khi Phòng QLĐT công bố điểm trên website (SV có mật khẩu được Trường cấp mới có thể xem được), SV có thời gian 1 tuần để phản hồi các khiếu

nại nếu có và Phòng KT-ĐBCL-TT&PC sẽ phối hợp với Khoa để xử lý hồ sơ phúc khảo, khiếu nại, chấm thi lại như chấm lần 1 [H5.05.03.06].

Quy định về công tác đánh giá kết quả học tập được thông báo tới từng giảng viên. Giảng viên tham gia giảng dạy phải có hồ sơ đánh giá điểm giữa kỳ, chuyên cần, và công bố công khai cho sinh viên trước khi kết thúc học phần. Sau đó, giảng viên nộp hồ sơ về văn phòng Khoa để nhập điểm và thực hiện các công tác liên quan đến tổ chức thi kết thúc học phần cho SV. Nhà trường chỉ đạo và Khoa LKT luôn tuân thủ các quy định về chấm phúc khảo và khiếu nại điểm. Khi phát hiện có bất cứ sự khác biệt nào giữa bảng ghi điểm đã công bố và điểm được nhập, lưu trữ trong hệ thống quản lý học vụ, sinh viên có trách nhiệm thông báo và đề nghị Phòng Đào tạo kiểm tra lại và trả lời cho sinh viên về kết quả kiểm tra. Đề phúc tra bài thi cuối kỳ sinh viên nộp đơn cho Khoa LKT trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày Khoa công bố bảng điểm học phần. Việc tổ chức chấm phúc khảo tra bài thi được thực hiện theo quy chế học vụ hiện hành của Trường [H5.05.03.06].

Tỷ lệ số bài thi xin chấm phúc khảo các năm qua rất ít, cho thấy đa số SV Khoa LKT hài lòng với tính chính xác và công bằng của kết quả thi, đánh giá. Hàng năm, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC, Khoa LKT tổ chức khảo sát ý kiến các bên liên quan (SV, cựu SV, GV) về các phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá, độ chính xác và độ tin cậy của kết quả đánh giá và có trên 90% hài lòng về tiêu chí này [H5.05.02.07].

Hàng năm, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC tổ chức khảo sát ý kiến các bên liên quan (sinh viên, giảng viên, cựu sinh viên) về mức độ hài lòng với quy trình và phương pháp đánh giá. Kết quả khảo sát cho thấy người học hài lòng với các tiêu chí liên quan đến độ tin cậy và tính công bằng của việc đánh giá. [H5.05.02.08].

Sau mỗi học kỳ, Phòng QLĐT phối hợp với Phòng KT-ĐBCL-TT&PC tiến hành phân tích phổ điểm thi của tất cả các học phần, các ngành. Trong đó, nhấn mạnh những học phần nào có phổ điểm quá lệch (tỷ lệ điểm A quá cao hoặc tỷ lệ điểm D, F quá cao) và gửi kết quả chung cho các Khoa yêu cầu rà soát quá trình kiểm tra, đánh giá, đề thi. Khoa LKT căn cứ trên dữ liệu do Phòng KT-ĐBCL-TT&PC cung cấp để tiến hành phân tích sâu hơn về kết quả học tập của các học phần của ngành Luật để đưa ra giải pháp

điều chỉnh đề thi hoặc hình thức thi qua các cuộc họp chuyên môn, sơ kết, tổng kết mỗi học kỳ... [H5.05.03.07].

2. Điểm mạnh:

Khoa LKT áp dụng đa dạng các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy trình, đảm bảo sự khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo của ngành.

3. Điểm tồn tại:

Nhà trường và Khoa chưa xây dựng ngân hàng đề thi cho các môn thi tự luận.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa sẽ có kế hoạch xây dựng ngân hàng đề thi cho các môn thi tự luận cho một số môn học.	Khoa LKT	Từ năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Sinh hoạt chuyên môn Khoa để học tập, chia sẻ giữa các GV/bộ môn về phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học để môi GV ngày càng áp dụng đa dạng, phù hợp và có hiệu quả nhất các hình thức thi, kiểm tra cho từng học phần phù hợp với CTĐT của ngành LKT.	Khoa LKT	Thường xuyên (từ năm 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường có ban hành cụ thể các quy định về kiểm tra đánh giá người học, trong đó quy định về việc phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá của người học đầy đủ, kịp thời [H5.05.04.01]. Theo đó, điểm đánh giá quá trình được GV công bố trên lớp, trước khi kết thúc lịch giảng của học phần đó và GV giải đáp thắc mắc, giải quyết các khiếu nại của SV về điểm thành phần nếu có và nộp bảng điểm quá trình về văn phòng Khoa vào tuần kết thúc học phần để chuyển cho Phòng QLĐT kiểm tra điều kiện được dự thi kết thúc học phần của SV. Đối với điểm thi kết thúc học phần, thời gian công bố chậm nhất là 10 ngày sau khi SV thi kết thúc học phần đó. Đặc biệt, các môn thi theo hình thức trắc nghiệm khách quan trên phần mềm, thi vấn đáp SV sẽ biết điểm ngay khi kết thúc bài thi/ buổi thi. Sau khi biết kết quả kiểm tra đánh giá, SV có thể khiếu nại, phúc khảo kết quả thi nếu chưa hài lòng, và kết quả phúc khảo cũng được quy định phải công bố cho SV chậm nhất 10 ngày kể từ khi SV nộp đơn phúc khảo [H5.05.04.01]. SV cuối khóa còn có kế hoạch, lịch trình cụ thể cho việc thực tập, hoặc làm khóa luận tốt nghiệp, trên đó cũng quy định rõ ràng về thời gian công bố các kết quả của SV [H5.05.04.02].

Các quy chế, quy định, kế hoạch về việc phản hồi kết quả học tập cho người học được công bố công khai cho Khoa, GV, SV biết qua website của Trường, Khoa, Sổ tay SV, sinh hoạt công dân đầu khóa học, năm học, hệ thống email nội bộ của Khoa, GV và SV... để các đối tượng nắm rõ và thực hiện [H5.05.04.03].

Kết quả học tập của người học được phản hồi kịp thời bằng nhiều hình thức khác nhau như là: đối với từng học phần, cả học kỳ, năm học, khóa học của SV được cập nhật thường xuyên trên website Trường nhưng chỉ có cá nhân SV được Trường cấp tài khoản truy cập mới có thể xem được; ngoài ra, Phòng QLĐT sẽ gửi kết quả tổng hợp cho từng Khoa để theo dõi chung tình hình học tập của SV Khoa, Khoa cũng có lưu 1 bảng điểm cứng có ký tên của GV, SV để khi cần có thể đối chiếu, kiểm tra; SV có thể tự in bảng kết quả học tập của mình trực tiếp trên website hoặc gửi yêu cầu cho Phòng QLĐT [H5.05.04.03], [H5.05.04.04].

Các thông tin phản hồi về kết quả học tập giúp cho người học kịp thời điều chỉnh kế hoạch học tập cá nhân hoặc nỗ lực phấn đấu hơn nữa để cải thiện kết quả học tập,

hoàn thành khóa học kịp tiến độ. Khoa/ GV cố vấn sẽ căn cứ trên kết quả tổng hợp để kịp thời có kế hoạch giúp đỡ SV yếu kém trong quá trình học tập.

Khoa LKT/ Cố vấn học tập của các lớp thường xuyên tổ chức buổi họp mặt với Ban cán sự các lớp, sinh hoạt lớp để lắng nghe ý kiến phản hồi của đại diện SV về các hoạt động giảng dạy, học tập, thi cử, về khóa học, về cơ sở vật chất, chất lượng GV và cán bộ Khoa.... trong đó có tiêu chí phản hồi kết quả học tập [H5.05.04.05]. Ngoài ra, khi kết thúc học phần SV còn có thể phản hồi ý kiến về môn học trên hệ thống khảo sát online của Phòng KT-ĐBCL-TT&PC. Kết thúc khóa học SV vẫn tiếp tục được khảo sát ý kiến về toàn khóa học, trong đó cũng có mảng về đào tạo, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học. Kết quả sẽ được Phòng KT-ĐBCL-TT&PC gửi đến các Khoa, trên cơ sở đó, Khoa sẽ định hướng và hiệu chỉnh công tác giảng dạy và đánh giá thi cử hoàn thiện hơn. Các kết quả khảo sát cho thấy >80% người học hài lòng về việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập người học của GV Khoa LKT và tỷ lệ hài lòng càng tăng qua các học kỳ gần đây [H5.05.02.07].

Bảng 5.2. Tỷ lệ hài lòng của SV về hoạt động KTĐG kết quả học tập SV của GV khoa LKT qua các học kỳ

NH 2021-2022		NH 2022-2023		NH 2023-2024		NH 2024-2025	
HK1	HK2	HK1	HK2	HK1	HK2	HK1	HK2
93,6%	93,3%	96,3%	97,6%	82,1%	85,5%	82,7%	-

Đối với Khoa LKT, để nắm bắt sâu sát hơn tình hình học tập của SV sau mỗi kỳ, Khoa yêu cầu các cố vấn học tập hỗ trợ, tư vấn SV đăng ký học đúng tiến độ và rà soát điểm tổng kết của các sinh viên, lập danh sách sinh viên thuộc diện cảnh báo và thiếu nợ nhiều môn. Sau đó, Khoa tiến hành họp và đề xuất các phương án hỗ trợ sinh viên để cải thiện việc học tập thông qua cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm [H5.05.04.06].

2. Điểm mạnh:

Kết quả học tập của người học được quản lý, lưu trữ và thông báo kịp thời, chính xác và an toàn.

Khoa LKT đã tích cực làm tốt chức năng nhiệm vụ của mình để giúp SV hoàn thành chương trình học tập đúng thời hạn và đạt kết quả tốt.

3. Điểm tồn tại:

Việc công bố kết quả học tập cho sinh viên đôi lúc còn chậm do một số GV thỉnh giảng từ Tp.HCM ra chấm bài chậm tiến độ.

Số lượng môn học tổ chức thi thực hành trên máy còn hạn chế.

Phần mềm đào tạo của Trường hiện chưa được cập nhật đầy đủ đáp ứng các yêu cầu của một số môn học chuyên sâu.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa kiến nghị với Nhà trường cải tiến phần mềm quản lý, phần mềm thi trắc nghiệm; nhắc nhở, xử lý những cán bộ làm chậm việc công bố kết quả học tập của SV; tiến hành xây dựng hình thức đánh giá môn học theo hình thức trắc nghiệm khách quan trên máy để người học nhận được kết quả đánh giá nhanh chóng, từ đó có những kế hoạch cải thiện kịp thời.	Khoa LKT, P.QLĐT	Từ năm 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện đúng việc công bố điểm quá trình và KTHP theo quy định đã đề ra.	Khoa LKT, P.QLĐT	Hàng năm (từ năm 2025-2026)	
		Khoa LKT tiếp tục cải thiện, làm tốt chức năng nhiệm vụ của mình để	Khoa LKT	Hàng năm (từ năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		giúp SV hoàn thành chương trình học tập đúng thời hạn và đạt kết quả tốt.		2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 5.5 Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

1. Mô tả hiện trạng:

Để thống nhất việc tổ chức đánh giá và quản lý kết quả học tập của người học, đảm bảo sự công bằng, chặt chẽ và khách quan trong công tác đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của SV, góp phần nâng cao chất lượng của Nhà trường, các khiếu nại về kết quả học tập của người học được quy định trong Quy chế học vụ và hướng dẫn rõ ràng trong các Quy trình thi học kỳ, Quy trình xét tốt nghiệp với các biểu mẫu rõ ràng [H5.05.05.01].

SV có quyền khiếu nại về điểm đánh giá quá trình trực tiếp với GV phụ trách học phần khi công bố điểm trên lớp. Sau khi bảng ghi điểm này đã được nộp cho Phòng QLĐT, SV không còn quyền khiếu nại về cột điểm quá trình nữa.

SV có thể nộp đơn xin phúc khảo bài thi cuối kỳ cho Khoa LKT trong thời gian 7 ngày làm việc kể từ ngày Phòng QLĐT công bố kết quả thi. Đối với các môn thi vấn đáp, thực hành, thi trắc nghiệm trên máy tính thì SV sẽ khiếu nại trực tiếp với GV giảng dạy/ chấm thi nếu có. Việc tổ chức chấm phúc tra bài thi được thực hiện theo quy định chấm phúc khảo hiện hành của Trường.

Khi phát hiện có bất cứ sự khác biệt nào giữa bảng điểm thi đã công bố và điểm được nhập trên phần mềm quản lý học vụ, SV có trách nhiệm thông báo và đề nghị Phòng KT-ĐBCL-TT&PC kiểm tra lại và trả lời cho SV về kết quả kiểm tra.

Trong vòng 10 ngày kể từ khi nộp đơn phúc khảo, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC sẽ thông báo kết quả phúc khảo cho Khoa, SV và Phòng QLĐT để cập nhật điểm (nếu có). Hồ sơ khiếu nại, phúc khảo của SV và kết quả phúc khảo của SV được Phòng KT-ĐBCL-TT&PC thống kê, lưu trữ đầy đủ và có file dữ liệu tổng hợp để quản lý [H5.05.05.02].

Năm học	Số lượng sinh viên phúc khảo
2021 – 2022	19
2022 - 2023	7
2023 - 2024	36

Các quy định này được phổ biến công khai đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau nhằm đảm bảo Khoa, GV và SV biết để thực hiện như: website của Trường, Khoa LKT, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC, cẩm nang SV, vào các buổi sinh hoạt công dân đầu năm học... [H5.05.04.03]. Mặt khác, các phòng ban liên quan và cán bộ, giảng viên Khoa LKT luôn quan tâm hướng dẫn và giải quyết nhanh chóng, tốt nhất các khiếu nại hoặc thắc mắc của người học về kết quả học tập của mình. Như vậy, người học hoàn toàn dễ dàng tiếp cận và thực hiện việc khiếu nại về kết quả học tập của mình nếu có.

2. Điểm mạnh:

SV Khoa LKT dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập của mình thông qua hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn của Trường, Khoa.

Nhà trường, Khoa LKT luôn quan tâm giải quyết tốt việc khiếu nại về kết quả học tập của người học trong suốt quá trình người học tham gia học tập tại trường dưới nhiều hình thức.

3. Điểm tồn tại:

Một số SV chưa tập trung nên chưa hiểu rõ quy trình kiểm tra đánh giá cũng như khiếu nại khi được GV, CVHT phổ biến nên chưa biết cách theo dõi kết quả học tập của mình cũng như phản hồi các thắc mắc liên quan.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa tiếp tục phối hợp với các đơn vị liên quan phổ biến rộng rãi quy trình kiểm tra, đánh giá, khiếu nại cho SV vào đầu mỗi năm học, học kỳ cũng như trong quá trình học.	- Khoa LKT - P.QLĐT	Thường xuyên (từ năm 2025-2026)	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, cập nhật hệ thống văn bản, quy định về đánh giá, công bố kết quả học tập cho SV. Hướng dẫn và giải quyết sớm các vấn đề khiếu nại của SV về kết quả học tập.	- P.QLĐT - P.KT-ĐBCL-TT&PC - K.LKT	Thường xuyên (từ năm 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Hoạt động đánh giá kết quả học tập người học của Khoa LKT từ khâu tuyển sinh đầu vào đến quá trình đào tạo và đầu ra được thiết kế phù hợp bám sát các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Nhà trường có quy định rõ ràng về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học. Kế hoạch và những quy định về kiểm tra đánh giá được thông báo công khai với người học ngay từ khi bắt đầu khóa học, học kỳ, môn học. Khoa phối hợp với Phòng QLĐT của Trường, các đội ngũ cố vấn học tập hướng dẫn cụ thể về kiểm tra đánh giá kết quả học tập cho SV hiểu rõ và thực hiện.

Khoa LKT áp dụng đa dạng các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy trình, đảm bảo sự khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo của ngành.

Kết quả học tập của người học được công bố kịp thời, đầy đủ, chính xác, giúp người học cải thiện kết quả học tập trong giai đoạn tiếp theo. SV dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập của mình thông qua các quy định, hướng dẫn của Trường, Khoa. Nhà trường và Khoa luôn quan tâm giải quyết tốt việc khiếu nại về kết quả học tập của người học trong suốt quá trình người học tham gia học tập tại trường dưới nhiều hình thức.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Khoa chưa thường xuyên thực hiện công tác tổ chức thống kê, phân tích định lượng mức độ đáp ứng của các đề thi kết thúc học phần so với yêu cầu của các CĐR. Một số GV thỉnh giảng của Khoa từ TP. HCM ra giảng dạy nên công tác ra chấm bài sau thi đôi lúc còn chưa kịp thời. Khoa chưa xây dựng ngân hàng đề thi cho các môn thi tự luận.

Còn nhiều SV chưa quan tâm đến các quy định về kiểm tra đánh giá khi được phổ biến vào đầu khóa, trước khi bắt đầu học phần, dẫn tới chưa nắm rõ các quy định và chủ động theo dõi kết quả học tập của mình cũng như phản hồi các thắc mắc.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 5:

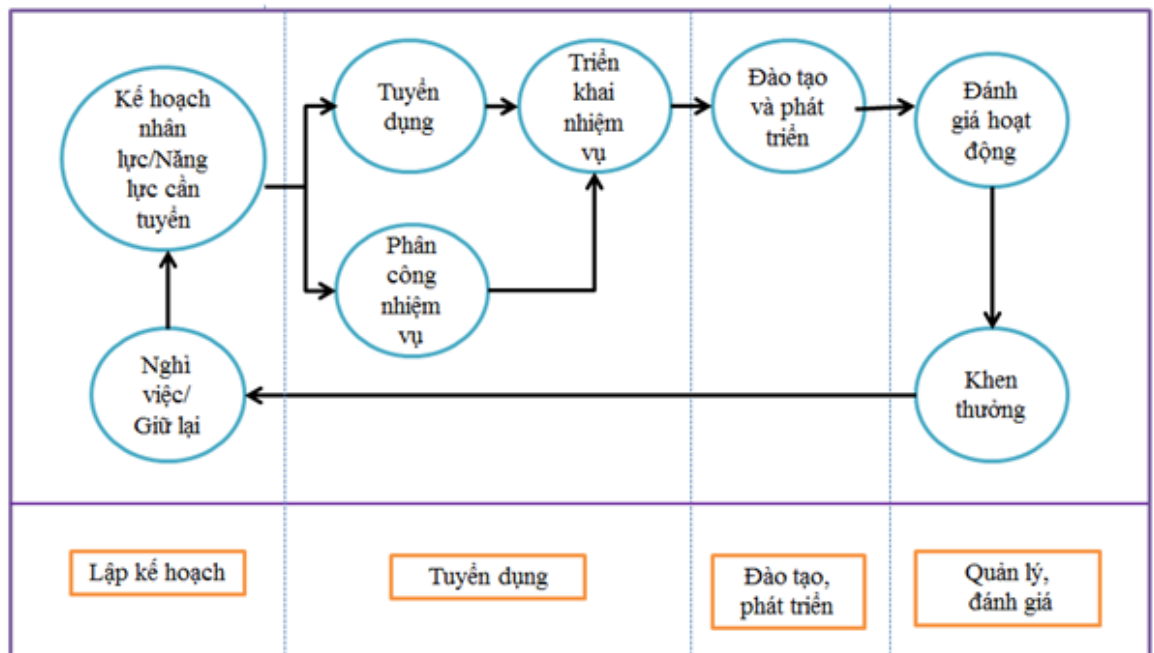
Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn 5 có 5 tiêu chí, trong đó có 3 tiêu chí đạt điểm 4/7 và 2 tiêu chí đạt điểm 5/7.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu:

Đội ngũ GV, NCV là một trong những yếu tố có ý nghĩa quyết định đến việc thực hiện thành công đổi mới sự nghiệp giáo dục. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo Việt Nam hiện nay, vai trò của người GV, NCV trong trường Đại học lại càng có ý nghĩa quan trọng. Trong thực tiễn, đội ngũ GV, NCV luôn là lực lượng nòng cốt của sự nghiệp giáo dục và đào tạo, là nhân tố chủ đạo quyết định việc nâng cao chất lượng giáo dục. Đội ngũ GV, NCV của ĐHPT là những người có đủ kiến thức và hiểu biết về học phần do mình đảm trách, đồng thời có kinh

nghiệm và những kỹ năng cần thiết để truyền đạt kiến thức và hiểu biết của mình một cách hiệu quả cho người học trong những điều kiện khác nhau. Việc quản lý nguồn nhân lực của ĐHPT được triển khai theo sơ đồ sau:



Hình 6.1. Sơ đồ quản lý nguồn nhân lực của ĐHPT

Đội ngũ GV của Khoa LKT được tuyển dụng có phẩm chất đạo đức, có năng lực chuyên môn và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; đảm bảo trình độ theo quy định, có đủ năng lực để phục vụ công tác giảng dạy và NCKH. Việc tuyển dụng GV cho Khoa LKT được thực hiện công khai, minh bạch và đúng quy định. Bên cạnh đó, việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của GV. Nhà trường quản lý GV theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của GV tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động PVCD.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng:

Công tác tuyển dụng, bồi dưỡng đội ngũ GV, NCV được Trường ĐHPT xác định là một trong những nhiệm vụ vô cùng quan trọng, đồng thời là nhân tố có ảnh hưởng

lớn đến việc hoàn thành việc thực hiện sứ mạng và mục tiêu phát triển của Trường. Dựa trên chiến lược xây dựng và phát triển Trường ĐHPT giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn đến năm 2040, Nhà trường có kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, trong đó, hàng năm có kế hoạch tuyển dụng GV mới cho khoa LKT [H6.06.01.01].

Trường ĐHPT đã quy hoạch đội ngũ GV, NCV nhằm đáp ứng nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD [H6.06.01.02]. Đồng thời, Trường cũng xây dựng Quy trình tuyển dụng, quy trình mời giảng và quản lý hoạt động giảng dạy của GV thỉnh giảng với các tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, minh bạch trong lựa chọn cán bộ, giảng viên. Việc bổ nhiệm CBQL được thực hiện theo quy định bổ nhiệm, được thông qua bởi HĐ Trường, BGH và hội đồng tuyển dụng để đảm bảo việc bổ nhiệm các CBQL có năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức phù hợp, đồng thời tuân thủ chặt chẽ quy trình bổ nhiệm [H6.06.01.03], [H6.06.01.04].

Hàng năm, căn cứ vào chiến lược phát triển nguồn nhân lực, Trường ĐHPT đã đề ra các mục tiêu cụ thể, các nhóm giải pháp nhằm tuyển dụng, thu hút, tiếp nhận nguồn nhân lực chất lượng cao làm việc tại Trường. Các chỉ tiêu về nhân sự được phân bổ xuống các đơn vị, được triển khai, giám sát bởi Phòng TC-HC. Kế hoạch tuyển dụng được điều chỉnh hằng năm, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ và xu thế phát triển chung của Nhà trường, luôn chú trọng thu hút đội ngũ GV có trình độ về giảng dạy tại Khoa, quan tâm đội ngũ GV mới được tuyển dụng và đầu tư cho việc bồi dưỡng nâng cao chuyên môn của GV [H6.06.01.05]. Các thông tin về tuyển dụng, chính sách nhân sự được công bố trên website của Trường và các kênh thông tin khác [H6.06.01.05].

Trong thời gian 5 năm vừa qua, để đảm bảo về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng dạy đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, Khoa luôn thu hút và tuyển dụng GV có trình độ về giảng dạy tại Khoa [H06.06.01.03]. Bên cạnh đội ngũ GV cơ hữu vững chuyên môn, giàu kinh nghiệm giảng dạy, ngành Luật còn nhận được sự cộng tác thường xuyên của các PGS, TS, ThS từ các trường Đại học trên địa bàn TP. HCM đến giảng dạy, hướng dẫn đồ án học phần, khóa luận tốt nghiệp, NCKH,... để giao lưu, trao đổi kinh nghiệm và phương pháp giảng dạy. Ngoài ra, Khoa LKT bằng cách mời các chuyên gia của các doanh nghiệp tham gia giảng dạy để nâng cao tính thực tiễn của học phần, kết hợp giữa lý thuyết, thực hành và xử lý tình huống,... giúp người

học có điều kiện để vận dụng linh hoạt các kiến thức lý thuyết được học vào trong thực tế [H06.06.01.06].

Trường đã ban hành các chính sách về nhân sự cũng như có chế độ thi đua, khen thưởng kịp thời đối với những GV có thành tích trong đào tạo và NCKH [H6.06.01.06]. Hàng năm, BGH Nhà trường tổ chức đối thoại trực tiếp với GV thông qua hội nghị người lao động để đánh giá mức độ hài lòng về các chính sách, tâm tư nguyện vọng của GV để có những điều chỉnh kịp thời [H6.06.01.07].

Hàng năm, Nhà trường đã xây dựng chính sách đào tạo CBGVNV, dành nhiều kinh phí để phục vụ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng và NCKH, phục vụ cộng đồng cho GV [H06.06.01.08], [H06.06.01.09]. Đội ngũ GV của Trường nói chung và của Khoa LKT nói riêng đều được Nhà trường cử đi tham dự các lớp học về chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng tốt chuẩn yêu cầu GV giảng dạy của CTĐT ở bậc đại học [H06.06.01.10], [H06.06.01.11].

Hàng năm, Nhà trường cũng đã ban hành sổ tay năm học để cung cấp thông tin cho các GV cũng như công bố kế hoạch giảng dạy rõ ràng để GV thực hiện [H06.06.01.12]. Định kỳ, Nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến CB-GV-NV mức độ hài lòng về các chính sách về nhân sự, kết quả đồng thuận rất cao [H06.06.01.13].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường và Khoa LKT có chiến lược nhân sự và mục tiêu, giải pháp cụ thể; có kế hoạch tuyển dụng đội ngũ GV và NCV; quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện cụ thể của Trường; quy trình và tiêu chuẩn tuyển dụng đối với tất cả vị trí đều rõ ràng, minh bạch, mang lại hiệu quả cao, tuyển chọn được các ứng viên có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng GV cơ hữu trong Khoa LKT còn chưa đủ, GV trẻ.

Công tác quy hoạch GV của Khoa chưa chú trọng về tỷ lệ nam/nữ.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Chú trọng hơn nữa về việc tuyển dụng GV nhằm đáp ứng việc nâng cao chất lượng giảng dạy và NCKH của GV.	- P.TCHC - BGH - Khoa LKT	Hàng năm (từ năm 2025-2026)	
		Tăng cường tuyển dụng GV cơ hữu có trình độ cao trong Khoa LKT.			
		Khi triển khai kế hoạch tuyển dụng nhân sự, Khoa sẽ chú trọng về tỷ lệ nam/nữ.	Khoa LKT	Từ năm 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường công tác chiến lược nhân sự với kế hoạch tuyển dụng tuyển dụng rõ ràng, minh bạch, mang lại hiệu quả cao đội ngũ GV và Nghiên cứu có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.	- BGH - Khoa LKT - P. QLĐT	Hàng năm (từ năm 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng:

Căn cứ kế hoạch phát triển chuyên môn nghiệp vụ và đội ngũ kế thừa; nhu cầu đào tạo bồi dưỡng GV, NCV; kế hoạch tuyển dụng nhân sự, hàng năm, Trường/Khoa LKT đã tổ chức tuyển dụng GV đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCD của Khoa

[H6.06.02.01].

Ngoài GV cơ hữu, hàng năm Khoa LKT còn mời các GV thỉnh giảng là những GV có học vị học hàm cao, có kinh nghiệm giảng dạy từ các trường đại học có uy tín khác như: Đại học Luật HCM, Đại học Hàng không,... hay những giảng viên làm công tác thực tiễn, hiện đang công tác tại một số cơ quan Nhà nước như: Viện kiểm sát, Sở Kế hoạch và đầu tư, Viện nghiên cứu... Cho đến nay, tỷ lệ GV/SV của Khoa LKT đáp ứng yêu cầu quy định về chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành của Bộ GD&ĐT. Hiện tại, độ tuổi bình quân của GV Khoa LKT khoảng 40 tuổi, đội ngũ GV của Khoa được trẻ hóa, 80% GV ở độ tuổi từ 30 - 50 tuổi, đảm bảo sự cân đối về thâm niên công tác và có tính kế thừa [H6.06.02.02].

Bảng 6.1. Thống kê số lượng giảng viên cơ hữu ngành Luật 5 năm gần đây

Năm	Số lượng GV	Trình độ				
		GS	PGS	TS	ThS	ĐH
2020	11	0	1	4	5	1
2021	17	0	1	5	7	4
2022	12	0	1	1	7	3
2023	12	0	1	1	8	2
2024	10	0	1	2	7	0

Bảng 6.2.2. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo độ tuổi

		Phân loại theo tuổi (<30)	Phân loại theo tuổi (30-40)	Phân loại theo tuổi (41-50)	Phân loại theo tuổi (51-60)	Phân loại theo tuổi (>60)
Năm 2021	Phó Giáo sư				1	
	Tiến sĩ			2	1	1
	Thạc sĩ		1	4		

		Phân loại theo tuổi (<30)	Phân loại theo tuổi (30-40)	Phân loại theo tuổi (41-50)	Phân loại theo tuổi (51-60)	Phân loại theo tuổi (>60)
	Đại học		1			
Năm 2022	Phó GS				1	
	Tiến sĩ			3		2
	Thạc sĩ		1	3	3	
	Đại học		4			
Năm 2023	Phó GS					1
	Tiến sĩ					1
	Thạc sĩ	1	4	2		
	Đại học	3				
Năm 2024	Phó GS					1
	Tiến sĩ					1
	Thạc sĩ	2	3	3		
	Đại học	1	1			
Năm 2025	Phó GS					1
	Tiến sĩ			1		1
	Thạc sĩ	2	3	2		

		Phân loại theo tuổi (<30)	Phân loại theo tuổi (30-40)	Phân loại theo tuổi (41-50)	Phân loại theo tuổi (51-60)	Phân loại theo tuổi (>60)
	Đại học					

Nhà trường ban hành Quy định chế độ làm việc của GV trong đó có các quy định về quy đổi theo giờ chuẩn, hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCKH theo chuẩn và đo lường được để giám sát, đánh giá và cải tiến. Nhà trường quy định về khối lượng và thời gian làm việc đối với từng đối tượng; quy định về tiết chuẩn nghĩa vụ; hướng dẫn quy đổi tiết chuẩn, tiết miễn giảm; thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác của GV [H6.06.02.03].

Nhà trường cũng đã có quy định rất rõ về số giờ giảng dạy, NCKH và công tác khác, tiêu chuẩn khối lượng công việc đối với từng chức danh trong các quy định về chế độ làm việc của GV. Định mức công tác giảng dạy và NCKH được tính theo giờ chuẩn giảng dạy, vận dụng Quy định về chế độ làm việc đối với GV, Nhà trường đã xây dựng định mức công tác giảng dạy và NCKH của GV theo từng chức danh khác nhau, lấy đó làm cơ sở cho việc bình xét thi đua khen thưởng cuối năm. Đối với mỗi GV, khối lượng công việc phải hoàn thành là 350 giờ chuẩn giảng dạy và 100 giờ chuẩn NCKH. Ngoài ra, GV còn tham gia các hoạt động khác như: biên soạn tập bài giảng, hướng dẫn SV NCKH, viết ĐCCT học phần và tham gia xây dựng, cập nhật, sửa đổi CTĐT, cố vấn học tập, chấm thi, công tác đoàn thể... Về NCKH, tùy theo chuyên môn, Khoa chia nhiệm vụ NCKH phù hợp với chuyên môn và học vị của từng GV qua nhiều hình thức khác nhau: nghiên cứu các đề tài cấp trường; viết bài đăng công bố trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín; viết các bài báo hoặc báo cáo tham luận tại các hội thảo/hội nghị; biên soạn tài liệu giảng dạy/học tập; hướng dẫn SV thực hiện đề tài NCKH [H6.06.02.03], [H6.06.02.04].

Nhà trường có quy định cụ thể về chất lượng công việc đối với đội ngũ GV để làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD thông qua bảng mô tả vị trí công việc của GV [H6.06.02.05]. Vào cuối năm học, căn cứ chức năng nhiệm vụ theo chức danh, nhiệm vụ được giao, mỗi CB-GV thực hiện tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học thông qua Bản tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác GV

năm học [H6.06.02.06], [H6.06.02.07]. GV đối sánh với kế hoạch cá nhân đề ra vào đầu năm học theo 4 mức: không được xếp loại; hoàn thành chưa tốt (C); hoàn thành (B); hoàn thành tốt (A). Sau đó sẽ được đánh giá bởi Khoa LKT và cuối cùng do Hội đồng thi đua - khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét kết quả thi đua cuối năm [H6.06.02.08], [H6.06.02.09].

Công tác theo dõi quản lý GV ngoài các Bộ môn, lãnh đạo Khoa, còn có các đơn vị: Phòng KT-ĐBCL-TT&PC, Phòng QLĐT, Phòng CTCTSV&HTDN, Phòng QLKH&HTQT, Phòng TC-HC cùng tham gia vào việc giám sát, đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV từ đó đảm bảo cho kết quả giảng dạy, NCKH và các mặt hoạt động khác của Trường, Khoa LKT ngày càng được nâng cao hơn. Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến của GV và các bên liên quan khác về công tác nhân sự và được sự đồng thuận cao của các đối tượng này [H6.06.02.10].

Khối lượng công việc đối với đội ngũ GV được giám sát để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Việc giám sát chất lượng, số lượng công việc của đội ngũ GV thông qua:

- Tham khảo kết quả khảo sát ý kiến SV về môn học, GV được tiến hành sau khi kết thúc môn học (qua khảo sát online).

- Hàng năm, các GV hết hạn hợp đồng sẽ làm báo cáo kết quả công việc, lấy ý kiến của lãnh đạo khoa LKT, tập thể khoa LKT gửi về Phòng Tổ chức hành chính tiến hành gia hạn hợp đồng hoặc chấm dứt hợp đồng đối với GV không đạt yêu cầu.

- Hàng năm, Phòng tài chính tổng hợp số lượng thời gian giảng dạy, NCKH và các hoạt động liên quan để tính thời gian giảng dạy và thời gian vượt giờ. Từ đó thanh toán quyền lợi cho GV, NCV.

2. Điểm mạnh:

Đội ngũ GV của LKT có đủ chất lượng, đủ năng lực, phẩm chất, có thâm niên công tác, kinh nghiệm giảng dạy lâu năm để phục vụ cho công tác giảng dạy, NCKH và PVCD.

Trường ĐHPT có các tiêu chí rõ ràng, minh bạch để đo lường giám sát khối lượng công việc của GV, làm căn cứ để đánh giá thi đua khen thưởng vào cuối năm học.

3. Điểm tồn tại:

Một số GV trong khoa do chưa có nhiều kinh nghiệm giảng dạy nên chưa thể đảm nhận nhiều học phần trong một học kỳ, do đó một số GV chưa hoàn thành nhiệm vụ về giảng dạy. Bên cạnh đó, số công trình NCKH phục vụ cho cộng đồng chưa được nhiều. Đội ngũ GV thỉnh giảng đến từ các cơ quan Nhà nước còn chưa đa dạng, mới chỉ tập trung vào một số cơ quan như : Viện Kiểm sát, Sở kế hoạch và đầu tư, do vậy, phần nào hạn chế việc tiếp cận với kiến thức thực tiễn của SV.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa sẽ tăng cường ký kết hợp tác để mời thêm chuyên gia từ các cơ quan nhà nước, luật sư... tham gia giảng dạy một số nội dung của các học phần chuyên ngành. Khuyến khích, tạo điều kiện cho GV tham gia NCKH và các hoạt động PVCĐ nhiều hơn.	K.LKT; P.QLKH&HTQT	Hàng năm, từ năm 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường đội ngũ GV của Khoa LKT có thâm niên công tác, kinh nghiệm giảng dạy lâu năm để phục vụ cho công tác giảng dạy, NCKH và PVCĐ.	- Khoa LKT - P. TCHC	Hàng năm (từ năm 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng:

Để đảm bảo tuyển được GV có đủ phẩm chất đạo đức, đáp ứng được chuyên môn nghiệp vụ, Trường ĐHPT đã ban hành Quy chế tuyển dụng và thu hút, đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng nhân sự [H06.06.03.01]. Nhà trường đã xây dựng Bộ tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ nguồn nhân lực, trong đó bao gồm các tiêu chí về đạo đức, tự do học thuật và học vị học hàm, trong đó đội ngũ CBQL nòng cốt được thực hiện tuyển dụng theo những tiêu chuẩn được xây dựng cụ thể và quy định rõ ràng cho từng chức danh và tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các CBGVNV. Yêu cầu về trình độ, năng lực và phẩm chất đạo đức đối với việc tuyển dụng GV, Nghiên cứu viên như sau: Có phẩm chất đạo đức tốt, lý lịch rõ ràng; Trình độ chuyên môn: Trình độ Thạc sĩ trở lên, đúng chuyên ngành, đảm bảo tiêu chuẩn của vị trí việc làm dự tuyển; Sử dụng thành thạo phần mềm Microsoft Office, ứng dụng công nghệ thông tin để soạn bài giảng và giảng dạy; Có khả năng NCKH; Ưu tiên những ứng viên đã và đang giảng dạy tại các trường Đại học hoặc có hộ khẩu thường trú tại Bình Thuận... Bộ tiêu chí tuyển dụng được áp dụng giúp Nhà trường thuận lợi trong công tác đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự, vị trí công tác phù hợp với trình độ đào tạo và khả năng của từng người theo hướng chuyên môn hóa sẽ tạo môi trường thuận lợi để nhân sự có điều kiện phát huy sở trường, năng lực theo trình độ chuyên môn nghiệp vụ đã được đào tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của Nhà trường [H06.06.03.01].

Nhà trường cũng ban hành Quy trình bổ nhiệm, điều chuyển và sắp xếp nhân sự phù hợp với trình độ đào tạo và khả năng của từng người theo hướng chuyên môn hóa sẽ tạo môi trường thuận lợi để nhân sự có điều kiện phát huy sở trường, năng lực theo trình độ chuyên môn nghiệp vụ đã được đào tạo [H06.06.03.02].

Công tác quy hoạch nhằm xây dựng đội ngũ quản lý Khoa có chất lượng, được tiến hành công khai minh bạch, đảm bảo dân chủ, quy hoạch được những cán bộ có năng lực, có trình độ chuyên môn cao, có phẩm chất đạo đức, có uy tín vào những vị trí quản lý. Việc đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm các vị trí công tác của Khoa được thông qua bởi

HD Trường, BGH, thực hiện đúng quy trình, quy định theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đảm bảo tính kế thừa và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Khoa LKT. Trong giai đoạn 2021 - 2025, Ban Lãnh đạo trường đã theo sát việc bổ nhiệm nhân sự Khoa LKT để đáp ứng kịp thời việc sắp xếp nhân sự phù hợp nhu cầu đào tạo và khả năng người làm theo đúng chuyên môn, năng lực, sở trường [H06.06.03.03], [H06.06.03.04].

Quy trình tuyển dụng GV được tổ chức chặt chẽ, công khai và minh bạch. Tất cả nội dung về tuyển dụng bao gồm Thông báo tuyển dụng với các chức danh, vị trí công việc cùng việc mô tả rõ ràng các tiêu chí tuyển dụng, công việc của từng vị trí cũng như các phẩm chất, năng lực, kỹ năng và thái độ cần và đủ của từng vị trí được thông báo công khai với số lượng, hình thức dự tuyển trên Website Trường, qua hệ thống Email, website bao gồm website chính thức và website của P.TC-HC và các Phòng, Khoa khác và trên các phương tiện thông tin đại chúng [H6.06.03.05].

Hàng năm, Trường ĐHPT sẽ tổ chức lấy ý kiến đóng góp của CBGVNV về các quy chế quy định trong Trường, góp ý các tiêu chí đánh giá năng lực CBGVNV thông qua các thông báo góp ý, qua việc góp ý của các công đoàn viên trong các kỳ đại hội công đoàn, đại hội công nhân viên chức thường niên, qua việc khảo sát ý kiến CBGVNV cuối năm học và qua website nhằm đảm bảo tính thống nhất và công khai các tiêu chí đánh giá năng lực CBGVNV. Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức đánh giá xếp loại GV Khoa LKT một cách công khai, minh bạch dựa vào các tiêu chí đã ban hành, tiến hành khen thưởng đối với các GV của Khoa đạt được thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của năm học [H6.06.03.06].

Hàng năm, công tác tự đánh giá và đánh giá năng lực quản lý, phẩm chất đạo đức và khả năng hoàn thành nhiệm vụ được giao đối với đội ngũ CBQL vẫn được thực hiện một cách minh bạch, rõ ràng và công bằng thể hiện qua các Thông báo, Biên bản của Hội nghị rà soát, giữ nguyên, bổ sung hoặc đưa ra ngoài quy hoạch. Tuy nhiên, Nhà trường chưa có văn bản tách bạch thống kê về kết quả thực hiện công việc của các cán bộ đã được tuyển dụng, bổ nhiệm mà chỉ dựa vào Báo cáo tự đánh giá cá nhân và có các ý kiến của cán bộ các cấp [H6.06.03.07].

2. Điểm mạnh:

Công tác tuyển dụng GV cũng như công tác bổ nhiệm CBQL của Khoa LKT hàng năm được Nhà trường tổ chức nghiêm túc công khai theo đúng quy định, tuân thủ theo các tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, cụ thể và được phổ biến công khai trong toàn Trường.

3. Điểm tồn tại:

Mặc dù, các thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai, tuy nhiên do vị trí địa lý của Trường còn xa nên số lượng ứng viên nộp hồ sơ ứng tuyển chưa nhiều. Do vậy, việc thu hút GV có trình độ cao (nhất là trình độ tiến sĩ), giàu kinh nghiệm gặp nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đa dạng hơn các hình thức thông báo tuyển dụng để các ứng viên có thể tiếp cận được nhiều hơn: thông báo trên báo điện tử, truyền hình, mạng lưới liên hệ với cựu SV.	- P.TCHC - Ban TTTT&QT M - Khoa LKT	Hàng năm (từ năm 2025-2026)	
2	Phát huy điểm mạnh	Phát huy tính nghiêm túc và minh bạch trong công tác tuyển dụng GV, NCV cũng như công tác bổ nhiệm CBQL của Khoa LKT và Trường hàng năm.	- P.TCHC - Khoa LKT	Hàng năm (từ năm 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng:

Trong định hướng phát triển của Nhà trường nói chung và của Khoa LKT nói riêng, việc đầu tư phát triển đội ngũ GV cả về số lượng và chất lượng luôn là một trong những mục tiêu phấn đấu thực hiện hàng đầu. Trường ĐHPT đã xây dựng các văn bản quy định về các tiêu chí xác định năng lực của GV (ví dụ: năng lực giảng dạy, năng lực NCKH; năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH; năng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu CĐR; năng lực ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học; năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc; năng lực nghiên cứu và đóng góp cho cộng đồng...) [H6.06.04.01].

Hiện tại, tất cả GV của ngành Luật đều có khả năng tự thiết kế và thực hiện chương trình giảng dạy. Phương pháp giảng dạy của các GV ngành Luật cũng đa dạng và được thể hiện cụ thể trong ĐCCT của từng học phần, không chỉ đáp ứng yêu cầu riêng của từng học phần thuộc ngành Luật mà còn phù hợp với đặc thù của Khoa LKT.

Nhà trường ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể về phương thức, quy trình đánh giá năng lực của GV để đánh giá kết quả thực hiện, mức độ hoàn thành nhiệm vụ, thành tích lao động của GV thông qua ban hành các chính sách về đánh giá và khen thưởng và được cụ thể hóa trong quy chế thi đua khen thưởng, quy chế lương [H6.06.04.02]. Các chính sách này giúp Nhà trường đánh giá được các hoạt động của đội ngũ nhân sự trong năm học để có hình thức khen thưởng, động viên xứng đáng, tạo động lực cho đội ngũ nhân sự phát huy năng lực và gắn bó hơn nữa với Nhà trường. Các tiêu chí đánh giá được quy định cụ thể đối với các nhóm đối tượng khác nhau như: Đối với GV: Khối lượng, chất lượng giảng dạy; Khối lượng, chất lượng NCKH; Chất lượng thực hiện các công tác chung của Khoa, Trường theo sự phân công của lãnh đạo; Mức độ chấp hành nội quy của Trường; Mức độ tham gia các công tác PVCD... Đối với cán bộ, nhân viên: Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao; Mức độ chấp hành nội quy của Trường; Mức độ tham gia các công tác chung, phong trào của đơn vị và Trường. Kết quả đánh giá của Hội đồng đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác năm học là kết luận cuối cùng về mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác của GV [H6.06.04.03], [H6.06.04.04], [H6.06.04.05]. Việc đánh giá năng lực của GV và NCV được Nhà trường triển khai định kỳ hằng tháng và hằng năm nhằm bảo đảm tính liên tục và hiệu quả trong

công tác quản lý, phát triển đội ngũ. Hằng tháng, từng cá nhân thực hiện tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, mức độ tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiên cứu và phong trào; kết quả này được Trường Khoa xem xét và làm căn cứ để chi trả lương hằng tháng **[H6.06.04.09]**. Hằng năm, căn cứ thông báo đánh giá phân loại nhân sự từ Phòng TC-HC, Khoa tổ chức đánh giá phân loại từng GV và NCV, sau khi cá nhân GV, NVC tự đánh giá, Khoa tổ chức họp toàn thể để thảo luận, đánh giá trình độ chuyên môn, mức độ hoàn thành nhiệm vụ, mức độ tham gia các hoạt động chuyên môn, NCKH và PVCD **[H6.06.04.10]**. Đồng thời, vào mỗi học kỳ Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của GV, đây là cơ sở để đánh giá trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của GV. Kết quả đánh giá là căn cứ để Khoa xem xét, đề xuất và bình chọn danh hiệu thi đua theo đúng tiêu chuẩn, quy định của Nhà trường **[H6.06.04.11]**. Sau khi Khoa hoàn tất việc đánh giá và đề xuất, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp Trường tiến hành họp để thẩm định, xét duyệt và xếp loại thi đua chính thức cho toàn thể cán bộ, giảng viên và nhân viên trong toàn Trường **[H6.06.04.08]**.

Hằng năm, vào những ngày lễ lớn (*Ngày thành lập trường, ngày khai giảng, ngày Hiến chương Nhà giáo 20/11 và Lễ tổng kết năm học...*). Nhà trường tổ chức khen thưởng những cá nhân, tập thể đã đạt thành tích cao trong đào tạo, NCKH và PVCD. Công tác đánh giá nhân sự được Nhà trường thực hiện nghiêm túc, khoa học. Khối lượng, chất lượng NCKH; Chất lượng thực hiện các công tác chung của Khoa, Trường theo sự phân công của lãnh đạo; Mức độ chấp hành nội quy của Trường, PVCD. **[H6.06.04.06]**.

Để đánh giá năng lực của GV, NCV Khoa, vào cuối năm học, tất cả CBGVNV thực hiện đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác cá nhân. Căn cứ chức năng nhiệm vụ theo chức danh, các nhiệm vụ được giao và kế hoạch công tác cá nhân đề ra vào đầu năm học, cá nhân tự đánh giá kết quả công việc theo 4 mức: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Sau đó, Khoa tiến hành họp với toàn bộ GV để thống nhất lấy ý kiến bình xét thi đua theo đúng quy định của Nhà trường và gửi kết quả cho Hội đồng thi đua – khen thưởng cấp trường đánh giá để bình xét kết quả thi đua cuối năm. Ngoài ra, việc đánh giá năng lực GV Khoa từ phía SV cũng được thực hiện định kỳ thường xuyên. Dựa vào đó, nhà trường và lãnh đạo Khoa có biện pháp nhắc nhở, trao đổi tạo điều kiện cho các GV có

năng lực chưa cao, tự điều chỉnh để từng bước hoàn thiện và nâng cao năng lực nhằm đảm bảo công tác giảng dạy và NCKH của mình ngày càng hoàn thiện hơn [H6.06.04.06].

GV sử dụng nhiều phương tiện giảng dạy, sử dụng nhiều cách thức khác nhau để đánh giá việc học tập của SV. Chính vì vậy, kết quả lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV Khoa LKT (*việc khảo sát ý kiến được tiến hành mỗi năm 3 lần tại cuối mỗi Học kỳ*) đều được SV đánh giá khá cao. Toàn bộ dữ liệu thông tin góp ý của SV là nguồn dữ liệu cần thiết để Nhà trường và lãnh đạo Khoa LKT thực hiện các điều chỉnh quan trọng trong việc lựa chọn, sắp xếp GV cho từng môn học sao cho phù hợp với yêu cầu đảm bảo chất lượng và nguyện vọng học tập của SV [H6.06.04.07].

Nhà trường tổ chức lấy ý kiến đóng góp của GV về các quy chế quy định trong trường, góp ý về năng lực GV thông qua các thông báo góp ý, qua việc góp ý của các công đoàn viên trong các kỳ đại hội công đoàn, hội nghị người lao động thường niên, qua việc khảo sát ý kiến GV, SV cuối năm học,... nhằm đảm bảo tính thống nhất sử dụng trong Nhà trường [H6.06.04.08].

2. Điểm mạnh:

Năng lực của GV Khoa LKT được xác định rõ ràng và được đánh giá chính xác dựa vào các phương thức, quy trình cụ thể do Nhà trường ban hành.

3. Điểm tồn tại:

Hiện tại năng lực NCKH và trình độ ngoại ngữ của các GV trong Khoa LKT chưa đồng đều do phải dành thời gian nhiều cho công tác giảng dạy.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Nâng cao kỹ năng NCKH của GV. Yêu cầu tất cả các GV trong Khoa phải xây dựng kế	P.QLKH&HT QT, Khoa LKT	Thường niên (từ năm 2025-	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		hoạch cụ thể, tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng, thường xuyên nghiên cứu sách báo tài liệu, chủ động xâm nhập thực tế, dự các buổi sinh hoạt khoa học nghiệm thu các đề tài về NCKH của đồng nghiệp để học tập kinh nghiệm, tự nâng cao kiến thức, kỹ năng về NCKH cho bản thân.		2026)	
2	Phát huy điểm mạnh	Phát huy năng lực của GV Khoa LKT được xác định rõ ràng và được đánh giá chính xác dựa vào các phương thức, quy trình cụ thể do Nhà trường ban hành.	- PTCHC - Khoa LKT	Thường niên (từ năm 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường cũng đã triển khai các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ CBGVNV:

GV là nguồn lực rất quan trọng trong việc tạo ra chất lượng đào tạo. Trong định hướng phát triển của Nhà trường việc đầu tư phát triển đội ngũ GV cả về số lượng và đặc biệt về chất lượng luôn là một trong những mục tiêu then chốt. GV của Trường ĐHPT đều phải đáp ứng các tiêu chuẩn về học vị, ngoại ngữ, NCKH và nghiệp vụ sư

phạm. Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ bằng cách kết hợp các loại hình đào tạo khác bao gồm: (i) Đào tạo dài hạn, chính quy (tiến sỹ, thạc sỹ), (ii) Đào tạo và bồi dưỡng liên tục cho phù hợp với nhu cầu phát triển của từng khoa/trung tâm; (iii) Các GV tự học tập và bồi dưỡng để không ngừng nâng cao năng lực của bản thân; (iv) Tạo ra các môi trường và điều kiện để GV có thể phát triển các năng lực của mình – Xây dựng tổ chức học tập như khóa học về kỹ năng và nghiệp vụ sư phạm, Phương pháp nghiên cứu khoa học,... thực hiện mục tiêu Chiến lược Phát triển đội ngũ theo mô hình Văn hóa kỷ luật, các kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn...

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho GV và NCV được xây dựng dựa trên yêu cầu của chương trình đào tạo, phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường, và được triển khai thực hiện theo lộ trình cụ thể. Đồng thời, Khoa LKT đã xây dựng kế hoạch đào tạo cho GV, NCV trên cơ sở nhu cầu về nguồn nhân lực và nguyện vọng cá nhân của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng chuyên môn và năng lực giảng dạy, nghiên cứu. Căn cứ vào kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của Trường và Khoa trong từng giai đoạn, hằng năm Khoa đều thực hiện rà soát, xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ theo yêu cầu của CTĐT và đưa vào kế hoạch hoạt động của năm học [H6.06.05.02]; Phòng Tổ chức – Hành chính có trách nhiệm tổng hợp và tham mưu cho Ban Giám hiệu để cụ thể hóa thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm [H6.06.05.03].

Trường ĐHPT cũng triển khai các Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn được xây dựng dựa trên yêu cầu của hoạt động tổ chức đào tạo, nhu cầu được đào tạo, phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên và phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển của trường.

Qua khảo sát nhu cầu về đội ngũ thể hiện trên Báo cáo tổng kết và đề xuất của các đơn vị [H6.06.05.01], BGH giao cho Phòng TC-HC xây dựng Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của các GV, nhân viên trong khoa. Kế hoạch được xây dựng dựa trên yêu cầu của hoạt động tổ chức đào tạo, nhu cầu được đào tạo, phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên và phù hợp với yêu cầu phát triển của Trường như: Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn, Quy chế đào tạo - Bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn cho CBGVNV [H6.06.05.02].

Các kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn [H6.06.05.03] của Trường ĐHPT được thực hiện: i) Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên (ĐTBDTX) và tổ chức triển khai kế hoạch ĐTBDTX cho CBGVNV theo thẩm quyền và trách nhiệm được giao; ii) Hướng dẫn CB-GV xây dựng kế hoạch ĐTBDTX cá nhân, phê duyệt kế hoạch ĐTBDTX cá nhân; iii) Xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm tra, đôn đốc CB-GV thực hiện kế hoạch BDTX đã được phê duyệt trong phạm vi thẩm quyền và trách nhiệm được giao; iv) Thực hiện chế độ theo quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường đối với CB-GV tham gia ĐTBDTX; v) Tổ chức đánh giá, tổng hợp, xếp loại báo cáo kết quả ĐTBDTX của CB-GV; vi) Đề nghị Ban Giám hiệu hoặc Phòng chức năng có thẩm quyền quyết định khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân có thành tích hoặc xử lý kỷ luật trong việc thực hiện công tác ĐTBDTX.

Bảng 6.1. Thống kê số lượt tham gia bồi dưỡng, tập huấn Khoa LKT giai đoạn 2021-2024

TT	Nội dung	Lượt người tham gia				
		2021	2022	2023	2024	2025
1	Tham gia Hội thảo, Hội nghị, làm việc với chuyên gia.....	6	7	3	3	18
2	Các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn...	7	13	19	2	21
Tổng		13	20	22	5	39

Trong giai đoạn 2021 – 2025, Nhà trường đã cử GV, NCV tham gia các khóa đào tạo trình độ Tiến sĩ, Thạc sĩ, Văn bằng 2, cụ thể:

Bảng 6.2. Thống kê danh sách GV, NCV Khoa LKT được cử đi đào tạo giai đoạn 2021-2025

STT	Họ và tên	Trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo
1	Nguyễn Thị Bích Phượng	Tiến sĩ	2018-2025

2	Phạm Thị Hồng Tâm	Tiến sĩ	2022-2028
3	Nguyễn Duy Xuân	Tiến sĩ	2024-2027
4	Nguyễn Thị Kim Quyên (TCHC)	Thạc sĩ	2021-2023
5	Nguyễn Thị Khánh Trâm	Thạc sĩ	2022-2024
6	Nguyễn Thị Kim Quyên	Thạc sĩ	2023-2025
7	Nguyễn Kim Long	Thạc sĩ	2023-2025

Số lượng GV, NCV được cử đi đào tạo giai đoạn 2020–2024, với nhiều trình độ khác nhau gồm thạc sĩ, văn bằng 2 và tiến sĩ. Việc cử đi đào tạo diễn ra đều đặn qua các năm, thể hiện sự chú trọng của đơn vị trong nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ.

Hàng năm, Trường ĐHPT thực hiện và tổ chức tự đánh giá, tổng hợp, xếp loại báo cáo kết quả của việc triển khai thực hiện các kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên [H6.06.05.04]. Đội ngũ GV cơ hữu của các Khoa thực hiện nhiệm vụ tự đánh giá theo 4 tiêu chí đánh giá bao gồm: nhiệm vụ giảng dạy, nhiệm vụ NCKH và chuyển giao công nghệ; nhiệm vụ quản lý đào tạo, quản lý NCKH và nhiệm vụ học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ đồng thời đưa ra các đề xuất, góp ý về các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn trong các buổi sơ kết học kỳ và tổng kết năm học [H6.06.05.05]. Dữ liệu GV tự đánh giá sẽ làm căn cứ để điều chỉnh các chính sách, xây dựng giải pháp nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ đào tạo của Khoa.

Nhà trường đã có nhiều biện pháp khuyến khích, hỗ trợ về mặt tài chính cho đội ngũ CBQL và GV Khoa LKT khi nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước [H6.06.05.06]. Nhà trường cũng công khai thông báo các chương trình học bổng trong và ngoài nước bằng hình thức gửi Email cho GV, nhân viên nhằm tạo điều kiện cho đội ngũ GV tham gia dự tuyển.

2. Điểm mạnh:

Phần lớn GV trẻ của Khoa đều nỗ lực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ tham gia NCKH. Khoa, Trường đã khảo sát, phân tích

nhu cầu đào tạo, phát triển chuyên môn của GV để xây dựng kế hoạch và triển khai kế hoạch nhằm đáp ứng nhu cầu nâng cao năng lực đội ngũ.

3. Điểm tồn tại:

Một số khóa đào tạo bồi dưỡng Nhà trường có kế hoạch nhưng chưa tổ chức cho GV như tiếng Anh, tiếng Hàn...

Số lượng GV của Khoa LKT được đề cử đi học tập, dự hội thảo hàng năm vẫn còn chưa tương xứng với nhu cầu phát triển của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa sẽ tìm hiểu nguyên nhân của từng GV (đặc biệt các GV còn hạn chế về năng lực ngoại ngữ), tạo điều kiện về thời gian và công việc để những GV này có thể tham gia được các khóa học đào tạo nâng cao năng lực ngoại ngữ.	- Khoa LKT - P.TC-HC	Thường niên	
		Đề xuất với BGH tăng nguồn kinh phí cho các GV của Khoa khi tham gia: các chương trình hợp tác quốc tế, các Hội thảo trao đổi chuyên môn và NCKH, nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực đội ngũ GV cho sự phát triển và hội nhập của Khoa nói riêng và của Trường nói chung.	- Khoa LKT - P.QLĐT	Thường niên (từ năm 2025-2026)	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức lấy ý kiến đánh giá giảng viên sau mỗi khóa học nhằm nâng cao chất lượng công tác đào tạo.	Khoa LKT	Thường niên (từ năm 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng:

Trường ĐHPT đã phân công P.TC-HC phụ trách công tác đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, giảng viên, nhân viên. Vai trò của công tác đánh giá thực hiện công việc thể hiện ở chỗ:

Đánh giá tình hình thực hiện công việc của CBGVNV cung cấp các thông tin cơ bản, dựa vào đó, Nhà trường mới có thể ra quyết định về vấn đề thăng tiến và tiền lương của CBGVNV. Đánh giá tình hình thực hiện công việc của CBGVNV và cung cấp các thông tin giúp cho CBGVNV có cơ hội để xem xét lại các năng lực liên quan đến công việc cần thiết phải có [H6.06.06.01], [H6.06.06.02]. Việc đánh giá giúp cho CBGVNV xây dựng kế hoạch điều chỉnh lại những sai sót trong việc thực hiện công việc của mình [H6.06.06.03].

Hệ thống quản lý việc thực hiện công việc của Trường ĐHPT được thực hiện một cách khoa học từ cơ cấu quản lý, triển khai thực hiện, đào tạo bồi dưỡng đến ghi nhận kết quả và khen thưởng kỷ luật. P.TC-HC là đơn vị chịu trách nhiệm đánh giá hiệu quả công việc của CBGVNV hàng năm. Hệ thống quản lý bao gồm: Ban Giám hiệu, Lãnh đạo các đơn vị thuộc Nhà trường, lãnh đạo các đơn vị chuyên môn, các Hội đồng tư vấn: Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng kỷ luật, Hội đồng đánh giá CBGVNV [H6.06.06.04].

Hệ thống các quy định, quy chế của Trường được xây dựng và ban hành rộng rãi, đầy đủ và được cập nhật theo từng năm học, bao gồm: Nội quy lao động, Quy định về chế độ làm việc đối với CBGVNV; Quy chế Chi tiêu nội bộ; Quy định về Quản lý khoa học và công nghệ tại Trường Đại học Phan Thiết (*bao gồm các hoạt động nghiên cứu, định mức nghiên cứu trong năm, số giờ NCKH của từng hoạt động*) [H6.06.04.02], [H6.06.06.05].

Nhà trường triển khai thực hiện quản trị theo kết quả công việc của CBGVNV. Đầu mỗi học kỳ, lãnh đạo Khoa LKT tổ chức họp với các Trưởng ngành và toàn thể CB-GV của Khoa để phổ biến các quy chế, quy định, các kế hoạch công tác và quan trọng hơn cả là để nghe phản hồi từ phía GV báo cáo kết quả thực hiện công tác giảng dạy, NCKH và các công tác khác, những ý kiến đóng góp cho Bộ môn/Khoa/Trường, những khó khăn cần hỗ trợ, giải quyết,... Những ý kiến nào Khoa giải quyết được sẽ giải quyết ngay, còn lại lãnh đạo Khoa sẽ chuyển lên lãnh đạo Trường trong các buổi họp giao ban tuần (*01 tuần/buổi*) và cuộc họp giao ban hàng tháng dành cho lãnh đạo và toàn thể CBGVNV [H6.06.06.06].

Vào tháng 8 hàng năm, tất cả CB-GV của Khoa đều lập kế hoạch công tác cá nhân cho năm học mới, bao gồm các nội dung: về giảng dạy; hoạt động NCKH (*tên công trình, quy đổi giờ giảng*); kế hoạch học tập nâng cao trình độ; các kế hoạch hoạt động khác như: coi thi, các hoạt động sinh hoạt Khoa, Trường, hoạt động PVCĐ và đăng ký danh hiệu thi đua năm học... Cuối năm học, các cá nhân sẽ làm Bảng đánh giá công tác năm học để xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân và cũng làm căn cứ để xét thưởng, bình bầu thi đua. GV tự đánh giá về mức độ hoàn thành của mình trong công tác giảng dạy (*có hoàn thành nghĩa vụ tiết chuẩn hay không?*), mức độ tham gia NCKH trong năm (*các bài báo, tham gia hội thảo, viết giáo trình, hướng dẫn SV NCKH, báo cáo chuyên đề thực tập và khóa luận tốt nghiệp, ...*), mức độ tham gia các hoạt động của Khoa, của Trường và mức độ thực hiện công việc được giao... [H6.06.06.07], [H6.06.06.08]. Khoa sẽ tiến hành bình bầu thi đua cấp cơ sở. Sau đó bỏ phiếu chọn ra những cá nhân xuất sắc nhất gửi về Phòng TC-HC trình BGH để lập hội đồng xét thi đua khen thưởng cấp Trường.

Trường ĐHPT cũng chú trọng xây dựng quy trình, tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, giảng viên, nhân viên [H6.06.06.05]:

Quy trình đánh giá, phân loại CBGVNV được tiến hành theo 5 bước:

Bước 1: CBGVNV tự đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ được giao theo mẫu của Trường ĐHPT [H6.06.06.06];

Bước 2: Tổ chức họp để nhận xét, đóng góp ý kiến [H6.06.06.07];

Bước 3: Bộ phận Tổ chức – Hành chính gửi Phiếu đánh giá, phân loại của Trường đơn vị kèm theo biên bản các cuộc họp, ý kiến bằng văn bản của chi bộ và các tài liệu liên quan về HĐĐG để BGH xem xét, quyết định đánh giá, phân loại đối với Trường đơn vị [H6.06.06.08];

Bước 4: Trường đơn vị có trách nhiệm thông báo kết quả đánh giá, phân loại bằng văn bản cho CBGVNV khi có kết luận của người có thẩm quyền đánh giá, phân loại [H6.06.06.09];

Bước 5: Bộ phận TC-HC có trách nhiệm lưu vào hồ sơ CBGVNV: Phiếu đánh giá, phân loại, văn bản thông báo kết quả đánh giá, phân loại và các tài liệu liên quan.

Trong quy trình cũng quy định rõ các tiêu chí để đánh giá, phân loại CBGVNV theo 4 mức: (1) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (A); (2) Hoàn thành tốt nhiệm vụ (B); (3) Hoàn thành nhiệm vụ (C); (4) Không hoàn thành nhiệm vụ (D).

Trường ĐHPT thực hiện phân nhóm CBGVNV theo vị trí việc làm và thực hiện đánh giá để ghi nhận, tôn vinh, khen thưởng cơ bản theo các tiêu chí cụ thể cho 4 mức trên như sau:

1. Kết quả thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết.
2. Việc thực hiện quy định về đạo đức nghề nghiệp.
3. Tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ, tinh thần hợp tác với đồng nghiệp và việc thực hiện quy tắc ứng xử của CBGVNV.
4. Việc thực hiện các nghĩa vụ khác của CBGVNV.

Phần dành riêng cho CBQL

5. Năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ
6. Kết quả hoạt động của đơn vị được giao quản lý, phụ trách

Việc đánh giá kết quả công việc của cán bộ, giảng viên, nhân viên tại Trường

ĐHPT cũng được thực hiện công khai, minh bạch.

Cán bộ, giảng viên của Trường được tự đánh giá và đánh giá theo năm học (tháng 9 hàng năm) và lấy đây làm căn cứ xét thi đua, khen thưởng. Ngoài ra, Trường còn thực hiện tự đánh giá và đánh giá cán bộ vào tháng 12 hàng năm [H6.06.06.02].

Theo quy định của Bộ GD&ĐT và cũng như các trường đại học khác trên cả nước, GV Trường ĐHPT được giao khối lượng công việc theo năm học (định mức giờ chuẩn giảng dạy và NCKH) và Nhà trường cũng đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ trong đó có hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV [H6.06.04.02].

Tất cả CB-GV của Trường đều được tham gia vào xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng các tiêu chí, quy trình đánh giá hiệu quả công việc. Hằng năm, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến đánh giá hiệu quả công việc bằng phiếu khảo sát đến tất cả GV-NV.

Bên cạnh đó, vào dịp Tổng kết năm học, Lễ kỷ niệm ngày thành lập Trường và Tổng kết năm học kết hợp với Khai giảng năm học mới, Nhà trường đều tiến hành khen thưởng cho các cá nhân và các đơn vị có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học [H6.06.04.06]. Chính những quan tâm, chăm sóc, trân trọng này của Nhà trường đã tạo được sự gắn bó của cá nhân, đơn vị với Nhà trường, tạo sự an tâm công tác cho GV tại Trường.

Từ năm học 2016 đến nay, các CBGV của Khoa đã không ngừng phấn đấu học tập, giảng dạy, NCKH, PVCĐ. Các giấy khen do BGH Nhà trường trao tặng chính là sự ghi nhận quá trình phấn đấu miệt mài của từng cá nhân CBGV và tập thể trong Khoa.

2. Điểm mạnh:

Dựa trên các chính sách và xây dựng các văn bản quy định cụ thể, Trường đã triển khai công tác đánh giá hiệu quả công việc của GV-NV rất nghiêm túc, hiệu quả, tạo động lực hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Các quy định này được Phòng TC-HC bổ sung, hiệu chỉnh theo từng giai đoạn cụ thể, đáp ứng được các yêu cầu, nguyện vọng của CB-GV trong toàn Trường.

3. Điểm tồn tại:

Nhà trường chưa lượng hóa các tiêu chí cụ thể về hoạt động PVCĐ vào Bảng đánh giá công tác năm học để quản trị kết quả công việc của từng CB-GV.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Bổ sung thêm các tiêu chí cụ thể về PVCĐ vào các quy định nhằm quản trị kết quả công việc của GB-GV về hoạt động PVCĐ được hiệu quả và rõ ràng hơn.	- P.TCHC - Khoa LKT	Thường niên (từ năm 2025-2026)	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường triển khai công tác đánh giá hiệu quả công việc của GV-NV. Xây dựng các văn bản quy định cụ thể, nghiêm túc, hiệu quả, tạo động lực hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Các quy định này được bổ sung, hiệu chỉnh theo từng giai đoạn cụ thể, đáp ứng được các yêu cầu, nguyện vọng của CB-GV trong toàn Trường.	- P.TCHC - Khoa LKT	Thường niên (từ năm 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng:

Hoạt động NCKH của GV trong Khoa được triển khai dưới nhiều hình thức đa dạng và phong phú như: thực hiện đề tài NCKH các cấp, tổ chức hội thảo khoa học, viết giáo trình, sách chuyên khảo, bài giảng, viết tạp chí. Nhà trường có văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH mà GV phải thực hiện theo quy định hiện hành [H6.06.07.01].

Trên cơ sở các quy định, các văn bản hướng dẫn có liên quan đến KHCN, các văn bản pháp quy của Chính phủ và của Bộ GD&ĐT [H6.06.07.01]; Nhà trường ban hành các quy chế, quy định, các hướng dẫn công việc, các quy trình nghiệp vụ,... liên quan đến các chính sách về KHCN, trong đó có các quy định về vấn đề SHTT, các quy tắc đạo đức trong NCKH trong chuyển giao công nghệ và hợp tác nghiên cứu; Quy định về trích dẫn và chống đạo văn,... [H6.06.07.02]. Bên cạnh các văn bản pháp quy, Nhà trường còn ban hành nhiều văn bản chi tiết triển khai cụ thể xuống từng Khoa như: Quy định về chế độ làm việc đối với GV, trong đó quy định tiết chuẩn NCKH nghĩa vụ cho mỗi GV là 100 giờ/năm. Hoạt động NCKH, hướng dẫn SV NCKH là nghĩa vụ bắt buộc đối với mọi GV. Trong mỗi năm học, GV phải thực hiện ít nhất 01 hoạt động NCKH được công nhận và quy đổi tiết chuẩn. Kèm theo Quy định về nghĩa vụ của GV trong hoạt động NCKH là phần Phụ lục, hướng dẫn cách quy đổi các hoạt động NCKH ra tiết chuẩn và số điểm đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ NCKH của GV [H6.06.07.01]; Các văn bản tài chính liên quan đến hoạt động NCKH như: Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy định quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ... [H6.06.07.02]. Tất cả các văn bản này đều được gửi đến các đơn vị để triển khai thực hiện.

Hàng năm, Phòng QLKH&HTQT tổ chức cho CB-GV đăng ký NCKH và xét duyệt đề tài với các tiêu chí rõ ràng và nhận đăng ký NCKH SV từ các Khoa. Khi đến hạn nghiệm thu theo hợp đồng, các Khoa làm tờ trình đề xuất hội đồng nghiệm thu đề tài, Phòng QLKH & HTQT sẽ tổ chức nghiệm thu đề tài [H6.06.07.01].

Trường hợp GV không thực hiện đủ số tiết NCKH, Nhà trường sẽ đưa vào xem xét việc xét lương, thi đua khen thưởng, chế độ ưu tiên được xét đi học bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn,... và được quy định rõ trong quy chế thi đua khen thưởng, Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H6.06.04.02].

Các công trình NCKH của đội ngũ GV luôn được giám sát chất lượng bởi HĐKH của Khoa và của Nhà trường. Các ấn phẩm khoa học của Khoa bao gồm Sách chuyên khảo; Giáo trình phục vụ giảng dạy các môn chuyên ngành Luật; Sách tham khảo, Tài liệu học tập các học phần do Khoa quản lý; các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp; các bài báo được đăng trên những Tạp chí chuyên ngành uy tín và các Hội thảo khoa học các cấp có hội đồng phản biện chặt chẽ nhằm đảm bảo về chất lượng [H6.06.07.03].

Khoa LKT thường tổ chức buổi Hội thảo Khoa học nhằm tạo điều kiện cho các GV trao đổi các xu hướng nghiên cứu mới, định hướng phát triển NCKH trong tương lai, đồng thời thúc đẩy phong trào NCKH của Khoa. Cụ thể: Khoa LKT đã tổ chức hội thảo khoa học với chủ đề: “Pháp luật về hoạt động du lịch trong thời kì hội nhập” vào năm 2019, Hội thảo “Pháp luật về tài chính đối với doanh nghiệp” năm 2022, Hội thảo “Pháp luật về hợp đồng theo mẫu” năm 2023 [H6.06.07.04], [H6.06.07.04], [H6.06.07.04]. Hội thảo thu hút được sự quan tâm từ các chuyên gia Luật trong nước, các Thầy (Cô) tại các Khoa trong trường và các SV.

Hàng năm, Phòng QLKH&HTQT ban hành Kế hoạch công tác xây dựng nhiệm vụ trọng tâm của năm học về công tác Quản lý Khoa học. Bên cạnh kế hoạch của Phòng QLKH & HTQT, Khoa LKT cũng xây dựng kế hoạch về hoạt động NCKH của đơn vị mình [H6.06.07.05].

Số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH mà GV phải thực hiện được Nhà trường và Khoa LKT thông báo công khai vào mỗi đầu năm học. Vào tháng 8 hàng năm, tất cả GV của Khoa LKT đều xây dựng kế hoạch năm học mới, trong đó có kế hoạch về NCKH để đảm bảo số giờ nghiên cứu phải đảm nhiệm theo chức danh đã quy định [H6.06.07.05].

Kết quả đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV được định kỳ rà soát, đối sánh, điều chỉnh nhằm cải tiến chất lượng bởi Hội đồng thi đua khen thưởng của Trường. Cuối mỗi năm học Phòng QLKH&HTQT đều giám sát và rà soát hoạt động KHCN, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu, bên cạnh các hệ thống văn bản, các quy định đã ban hành. Tiếp đến, Phòng TCHC căn cứ các chỉ số về nhiệm vụ NCKH của GV và của Phòng QLKH&HTQT để đánh giá, xếp loại thi đua xếp loại, khen thưởng và xử lý vi phạm... [H6.06.07.06].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến GV và SV về hoạt động NCKH và xem đó như là một kênh thông tin giúp Nhà trường cải tiến hoạt động này được tốt hơn. Đồng thời, tạo điều kiện cho các GV trao đổi các xu hướng nghiên cứu mới, định hướng phát triển NCKH trong tương lai, thúc đẩy phong trào NCKH của Khoa LKT.

2. Điểm mạnh:

Lãnh đạo Trường ĐHPT có chính sách rõ ràng, khuyến khích hoạt động NCKH. GV trong khoa có nhiều công trình NCKH được công bố tại các tạp chí uy tín có tính điểm.

3. Điểm tồn tại:

Chưa có sự đồng đều giữa các GV trong khoa về hoạt động NCKH. Số lượng công trình NCKH cấp trường do Khoa đề xuất còn rất khiêm tốn.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đẩy mạnh hoạt động NCKH của GV bằng nhiều hình thức Khen thưởng xứng đáng đối với các GV có các ấn phẩm nghiên cứu được xuất bản, các đề tài cấp trường, Bộ và cấp Nhà nước.	P.QLKH&HTQT, Khoa LKT	Thường niên (từ năm 2025-2026)	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường số lượng các bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế của CB-GV.	K.LKT, P.QLKH&HTQT	Hàng năm (từ năm 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 6:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Nhà trường và Khoa có chiến lược nhân sự và mục tiêu, giải pháp cụ thể; có kế hoạch tuyển dụng đội ngũ GV và NCV; quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện cụ thể của Trường; Quy trình và tiêu chuẩn tuyển dụng đối với tất cả vị trí đều rõ ràng, minh bạch, mang lại hiệu quả cao,

tuyển chọn được các ứng viên có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Đội ngũ GV của Khoa có thâm niên công tác, kinh nghiệm giảng dạy lâu năm để phục vụ cho công tác giảng dạy, NCKH.

Trường có các tiêu chí rõ ràng, minh bạch để đo lường giám sát khối lượng công việc của GV, làm căn cứ để đánh giá thi đua khen thưởng vào cuối năm học. Các quy định này được Phòng TC-HC bổ sung, hiệu chỉnh theo từng giai đoạn cụ thể, đáp ứng được các yêu cầu, nguyện vọng của CBGV trong toàn Trường. Nhà trường và Lãnh đạo Khoa đã có những biện pháp và chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để các GV tham gia học tập, nghiên cứu, bồi dưỡng năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, giao lưu trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, NCKH trong và ngoài nước.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Số lượng GV có học hàm học vị GS, PGS, Tiến Sĩ của Khoa vẫn còn ít. Đội ngũ GV thỉnh giảng đến từ các cơ quan Nhà nước còn chưa nhiều, do vậy, phần nào hạn chế việc tiếp cận với kiến thức thực tiễn tại các cơ quan Nhà nước.

Năng lực NCKH, trình độ ngoại ngữ của các GV chưa đồng đều. Khoa chưa có GV có chức danh GS để định hướng đào tạo những trình độ cao hơn.

Số lượng các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế chưa có sự đồng đều giữa các GV trong khoa, chưa có các đề tài NCKH cấp Tỉnh, Bộ và cấp Nhà nước.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 6:

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn 6 gồm có 7 tiêu chí, trong đó có 3 tiêu chí đạt điểm 4/7 và bốn tiêu chí đạt điểm 5/7.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu:

Vai trò của đội ngũ NV hỗ trợ đóng một vị trí quan trọng trong nhiều hoạt động của Nhà trường. Chất lượng đào tạo phụ thuộc nhiều vào sự tương tác giữa GV và người học, cùng với sự trợ giúp tốt từ đội ngũ NV hỗ trợ. Đội ngũ NV hỗ trợ hoạt động hiệu quả sẽ dẫn đến các hoạt động trong Nhà trường luôn thông suốt, kết quả học tập của SV

và hiệu quả giảng dạy của GV sẽ tốt hơn. Đội ngũ NV của ĐHPT nói chung và của Khoa LKT nói riêng được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu phục vụ đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. Bên cạnh đó Nhà trường còn có hệ thống quản lý hiệu quả công việc cũng như có kế hoạch đào tạo phát triển chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao năng lực đội ngũ NV hỗ trợ này.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng:

Trường ĐHPT xác định rõ việc xây dựng đội ngũ nhân viên chất lượng cao và chuyên nghiệp đáp ứng tầm nhìn, sứ mệnh của trường [H7.07.01.01]. Nhằm đáp ứng thực hiện thành công các mục tiêu của chiến lược phát triển của Trường qua các giai đoạn, Trường ĐHPT đã xác định việc quy hoạch đội ngũ nhân viên, định hướng rõ phát triển nhân lực theo từng nội dung, từng ngành nghề dựa trên những thế mạnh của trường và địa phương, từ đó đưa ra những yêu cầu, định hướng đáp ứng nhu cầu thực tế nhằm phát triển đội ngũ nhân viên có năng lực và tâm huyết nhằm đáp ứng nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD cho nhà trường. Cụ thể, Trường ĐHPT đã ban hành các chiến lược xây dựng và phát triển ĐHPT giai đoạn 2015 - 2020 tầm nhìn đến 2030; chiến lược phát triển giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn đến 2040 [H7.07.01.02], [H7.07.01.03]. Trong đó, Nhà trường đã xây dựng các chiến lược phát triển nguồn nhân sự, cụ thể là có các kế hoạch quy hoạch nguồn nhân lực đối với từng nhóm chức danh và dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên làm việc tại các đơn vị Phòng/Khoa/Ban và Bộ môn nhằm lựa chọn đội ngũ nhân viên hỗ trợ phục vụ cho công tác đào tạo, NCKH và PVCD [H7.07.01.04].

Dựa vào các chiến lược phát triển nguồn nhân sự của Nhà trường qua các giai đoạn, Nhà trường đã thực hiện phân tích, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực của từng đơn vị (trong đó có dự báo về số lượng NV làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD [H7.07.01.04], Nhà trường giao cho Phòng TCHC thực

hiện chức năng tham mưu, giúp việc cho BGH trong công tác tổ chức cán bộ, quản lý nhân sự; công tác đào tạo, bồi dưỡng và được cụ thể hóa các nhiệm vụ trong Quy định về chức năng, nhiệm vụ các đơn vị được ban hành năm 2021 và Đề án Xây dựng Vị trí Việc làm năm 2024 [H7.07.01.05], [H7.07.01.06]. Từ đề án vị trí việc làm đã được xây dựng, hằng năm Nhà trường đều có các kế hoạch tuyển dụng nhằm đáp ứng các nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ cho ngành Luật [H7.07.01.07], [H7.07.01.08].

Hiện nay, nhân viên làm việc tại các bộ phận hỗ trợ như: Phòng TCHC, Phòng QLĐT, Phòng KHTC, Phòng QLKH&HTQT, Thư viện, Khoa... đảm bảo cả về số lượng và chất lượng nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Cụ thể, tổng số nhân viên hỗ trợ Khoa Luật là 60. Các NV này đến từ nhiều phòng ban khác nhau trong trường và có những chức năng, nhiệm vụ riêng biệt nhằm đảm bảo cho các nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ của ngành Luật được thực hiện một cách hiệu quả và nhanh chóng. Tất cả các chức năng, nhiệm vụ của các vị trí NV hỗ trợ đều được quy định rõ ràng trong bảng mô tả công việc của NV ở từng đơn vị. Ngoài ra, số lượng NV hỗ trợ khá đông và đa số có trình độ từ đại học trở lên (trong đó có 17 thạc sĩ và 5 tiến sĩ), có chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, phù hợp với vị trí việc làm đảm bảo cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ của ngành Luật được hỗ trợ hoàn thành tốt và đúng tiến độ [H7.07.01.04].

Bảng 7.1. Số lượng nhân viên (Tính đến ngày 25/6/2025)

Đơn vị	Trình độ cao nhất đạt được					Tổng số
	Khác	Trung cấp/ Cao đẳng	Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	
Phòng Tổ chức hành chính	18		4	6		28
Phòng Quản lý đào tạo			12	3	1	16
Phòng Kế hoạch-Tài chính		1	4			5
Phòng QLKH&HTQT			1	3	1	5
Phòng KT-ĐBCL-TT&PC			3	3		6

Đơn vị	Trình độ cao nhất đạt được					Tổng số
	Khác	Trung cấp/ Cao đẳng	Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	
Phòng CTCTSV&HTDN		1	1	3		5
Thư viện			1			1
Phòng QL & PTDA				1	1	2
Trung tâm Phát triển nguồn nhân lực			1	1	1	3
Trợ lý Khoa LKT			1			1

Cán bộ đảm nhận công tác Thư viện có đủ năng lực cho việc giải đáp thắc mắc, dịch vụ mượn, trả sách, tìm kiếm nguồn học liệu đáp ứng nhu cầu độc giả, được phân công lao động một cách khoa học, phù hợp với cá nhân đồng thời gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển. Sự phân công có chuyên môn phù hợp, kết hợp với đội ngũ phục vụ trực tiếp là cộng tác viên nên thư viện đáp ứng tối đa được nhu cầu cũng như tâm tư của độc giả là Cán bộ, GV cũng như học viên, SV của Trường; tạo sự gần gũi, thân thiện, tương đồng trong môi trường thư viện. Hàng năm theo quy định của Nhà trường, thư viện đều lấy ý kiến của người đọc để kịp thời điều chỉnh và nâng cao chất lượng phục vụ cho GV và SV trong công tác giảng dạy, học tập và NCKH.

Riêng đội ngũ NV Khoa hiện nay có 1 người là trợ lý Khoa có nhiệm vụ hỗ trợ SV về các vấn đề học vụ, giải đáp các thắc mắc của SV về các vấn đề liên quan đến học tập... Ngoài ra, Khoa còn bố trí các GV chủ nhiệm có trình độ, năng lực và kinh nghiệm, nắm rõ tất cả các quy chế, quy định của Nhà trường để hỗ trợ SV trong công tác học tập, NCKH và PVCĐ.

Phòng QLĐT và Phòng CTCTSV&HTDN là bộ phận thực hiện trực tiếp quản lý SV công tác hỗ trợ SV, Trung tâm phát triển NNL cung cấp các chứng chỉ như Anh văn, tin học... Văn phòng Khoa LKT là nơi liên hệ trực tiếp của SV Khoa. Bên cạnh đó, hàng

năm Nhà trường luôn tiến hành khảo sát ý kiến SV để đánh giá chất lượng phục vụ của đội ngũ NV, từ đó lập kế hoạch nhân sự cho phù hợp [H7.07.01.09].

Hàng năm, dựa vào các phân tích, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực của từng đơn vị, nhà trường quy hoạch lại đội ngũ NV làm việc tại các phòng ban nhằm đẩy mạnh và tạo hiệu quả hơn nữa trong công tác hỗ trợ cho các ngành đào tạo trong đó có ngành Luật [H7.07.01.04], [H7.07.01.09]. Kết quả khảo sát chất lượng hoạt động hỗ trợ của đội ngũ NV định kỳ hàng năm cho thấy người học khá hài lòng với sự phục vụ, hỗ trợ của đội ngũ NV của Nhà trường trong công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ [H7.07.01.10].

Để xây dựng đội ngũ NV đảm bảo về cả số lượng và chất lượng, Nhà trường luôn có các chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ. Thứ nhất là chính sách lương thưởng được quy định trong Hợp đồng lao động của mỗi cá nhân và Quy chế chi tiêu nội bộ [H7.07.01.11]. Ngoài mức lương chính, người lao động toàn thời gian sẽ được đóng bảo hiểm xã hội và được hưởng các khoản phụ cấp và trợ cấp khác như phụ cấp chức vụ, phụ cấp điện thoại, xăng xe, trang phục... Vào các ngày Lễ, Tết trong năm, người lao động cũng được nhận các mức thưởng theo chính sách của Nhà trường. Hàng năm, người lao động được tổ chức đi tham quan, nghỉ dưỡng, nghỉ mát theo quyết định được HĐQT phê duyệt. Ngoài ra, nếu hiệu quả làm việc tốt, nhân viên còn được xét nâng lương trước thời hạn. Thứ hai, nhà trường có các chính sách đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ dài hạn và ngắn hạn cho CB-NV nhằm khuyến khích để NV được thường xuyên học tập, nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Cụ thể, nhà trường tạo điều kiện để CB-NV tham gia các khóa học chuyên môn, năng lực quản lý. Nhà trường ban hành chính sách hỗ trợ kinh phí cho đào tạo, bồi dưỡng, chính sách thu hút nhân tài [H7.07.01.12], [H7.07.01.13].

2. Điểm mạnh:

Căn cứ nhu cầu và dự báo nguồn nhân lực hỗ trợ, Nhà trường và Khoa đã lập kế hoạch, tuyển dụng, thu hút đội ngũ NV hỗ trợ đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Đội ngũ NV hỗ trợ cho Khoa hiện nay đủ về số lượng và trình độ đảm bảo đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

3. Điểm tồn tại:

Công tác NCKH và phục vụ cộng đồng ở đội ngũ CB hỗ trợ của Khoa chưa thường xuyên và chưa có tính tiên phong.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tất cả NV cộng tác viên đều phải được Khoa và các đơn vị chức năng tập huấn nghiệp vụ trước khi tiếp nhận và giao việc.	P.TCHC, Các đơn vị	Từ năm học 2025 - 2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, đổi mới chính sách nguồn nhân lực để duy trì và phát triển đội ngũ nhân viên giỏi. Tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn cho Đội ngũ NV hỗ trợ và có thâm niên và kinh nghiệm trong công tác hỗ trợ đạt hiệu quả và sự hài lòng từ GV và SV.	- P.TCHC - K.LKT	Hàng năm (từ năm 2025-20256)	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường và Khoa LKT rất chú trọng công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ NV nhằm đạt được sự hỗ trợ tốt nhất cho công tác đào tạo, NCKH và PVCD. Các tiêu chí tuyển dụng bổ nhiệm, điều chuyển NV được Nhà trường xác định rõ ràng, minh bạch thông qua việc ban hành các văn bản quy định về việc tuyển dụng,

bổ nhiệm, điều chuyển NV đáp ứng các yêu cầu của Luật GDĐH, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHPT [H7.07.02.01].

Để tuyển chọn được đội ngũ NV hỗ trợ đáp ứng nhu cầu sử dụng và bổ sung lực lượng lao động cần thiết nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược đã xây dựng, Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV rõ ràng và cụ thể. Về tiêu chuẩn tuyển dụng, ngoài tiêu chuẩn chung, còn các tiêu chuẩn cụ thể đối với từng chức danh [H7.07.02.01].

Tuyển dụng đội ngũ NV của Trường ĐHPT là quy trình sàng lọc và tuyển chọn những người có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu của vị trí đang được mở ra với mục tiêu dài hạn của Nhà trường. Để công tác tuyển dụng trở thành hành động tiên quyết nhằm có thể xây dựng nên một nền tảng tốt, Trường ĐHPT đã ban hành Quy trình tuyển dụng và quản lý CB-GV-NV, theo đó nhà trường thành lập Hội đồng tuyển dụng (HĐTD) mà các lãnh đạo của Nhà trường và Phòng TCHC tham gia trực tiếp vào quá trình tuyển dụng [H7.07.02.02], [H7.07.02.03].

Trường ĐHPT cũng đã ban hành văn bản quy định về các tiêu chí đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp NV. Việc bổ nhiệm CBNV được thực hiện theo Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, thôi giữ chức vụ, từ chức và miễn nhiệm CBNV, các đơn vị thuộc thẩm quyền của Trường ĐHPT [H7.07.02.04]. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích và khảo sát nhu cầu của các đơn vị chuyển lên. Cụ thể, định kỳ hàng năm, trên cơ sở chiến lược phát triển nhân sự của Trường, xét nhu cầu tuyển dụng đội ngũ NV hỗ trợ của từng đơn vị trong toàn Trường, căn cứ trên chỉ tiêu về đội ngũ cán bộ hỗ trợ và căn cứ trên đề nghị tuyển dụng của Lãnh đạo Khoa, Nhà trường sẽ xây dựng kế hoạch tuyển dụng đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa. Ngoài ra, Nhà trường còn dựa vào các báo cáo phân tích dữ liệu phản hồi từ các bên liên quan về đội ngũ NV hỗ trợ và dựa vào báo cáo tổng kết cuối năm của Khoa để xây dựng các tiêu chí tuyển dụng và điều chuyển NV [H7.07.02.05], [H7.07.02.06]. Việc điều chuyển nhân sự giữa các bộ phận trong Trường được thực hiện tùy theo nhu cầu của các đơn vị và năng lực cá nhân của từng NV.

Các văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được Nhà trường tổ chức lấy ý kiến rộng rãi trước khi chính thức ban hành và được phổ biến công

bố trên trang điện tử của Trường. Vị trí công việc cùng việc mô tả rõ ràng các tiêu chí tuyển dụng, công việc của từng vị trí [H7.07.01.04] cũng như các phẩm chất, năng lực, kỹ năng và thái độ cần và đủ của từng vị trí được thông báo công khai với số lượng, hình thức dự tuyển trên website Trường, qua hệ thống Email, websites bao gồm website chính thức và websites của Phòng TC-HC và các Phòng, Khoa khác và trên các phương tiện thông tin đại chúng theo nhu cầu được xác định trong các biên bản hội nghị rà soát bổ sung nhân sự của các đơn vị và được thông qua hội nghị CB-GV-NV hàng năm [H7.07.02.07]. Kết quả tuyển dụng từng đợt được Nhà trường thông báo cho ứng viên được biết và công bố công khai, rõ ràng, minh bạch [H7.07.02.08].

2. Điểm mạnh:

Công tác tuyển dụng nhân viên của Khoa LKT được thực hiện đúng quy trình, quy định của Nhà trường; các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV được xác định rõ ràng, minh bạch, phổ biến công khai, đáp ứng được điều kiện của từng vị trí và tiêu chuẩn của Khoa.

3. Điểm tồn tại:

Ngày nay, các website tuyển dụng, fanpage, truyền hình... là một trong những kênh phổ biến hàng đầu của các nhà tuyển dụng. Thế nhưng, Trường ĐHPT chưa tận dụng tối đa để tìm kiếm nguồn nhân lực. Các thông báo tuyển dụng chỉ được đăng trên website Trường, website các Khoa, Phòng, Ban và qua hệ thống Email. Vì vậy, thông tin tuyển dụng vẫn chưa tiếp cận đến được nhiều người lao động có nhu cầu ứng tuyển.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xem xét sử dụng đa dạng các kênh để đăng thông báo tuyển dụng, đặc biệt là các website tuyển dụng phổ biến, nhằm đưa thông tin rộng rãi hơn đến người lao động,	- P.TCHC - Ban TTTT&QT M	Từ năm học 2025-2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
		để tăng cơ hội tìm được nguồn nhân lực chất lượng cao.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện các quy trình, quy định công khai, minh bạch và đáp ứng được nhu cầu của Khoa trong tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ NV hỗ trợ.	- P.TCHC - K.LKT	Hàng năm (từ năm 2025-2056)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng:

Để đánh giá năng lực đội ngũ, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và ban hành các văn bản quy định về quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá rõ ràng về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ... [H7.07.03.01].

Ngoài hệ thống đánh giá năng lực NV theo quy trình của Nhà trường, năng lực đội ngũ NV còn được đánh giá bởi CB-GV và SV hàng năm do Phòng KT-ĐBCL-TT&PC tổ chức khảo sát độc lập.

Việc đánh giá năng lực NV được thực hiện dưới nhiều cấp và theo đúng quy trình: từ NV tự đánh giá, đồng nghiệp đánh giá qua cuộc họp tổng kết năm học và bỏ phiếu bầu chọn danh hiệu lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua. Trường các đơn vị dựa vào các kết quả trên để đánh giá xếp loại lao động và cuối cùng là phần đánh giá của Hội đồng đánh giá Nhà trường [H7.07.03.02].

Tùy vào từng vị trí công việc cụ thể mà Nhà trường có quy định, tiêu chí đánh giá về những tiêu chuẩn về trình độ, năng lực cũng như các kỹ năng cần thiết [H7.07.03.03].

Đội ngũ CB hỗ trợ của Khoa làm việc giờ hành chính theo quy định của Nhà trường, các GV kiêm nhiệm công việc CVHT luôn có giờ trực công việc cụ thể (2 buổi/tuần).

Để có thể xác định, phân loại được năng lực của đội ngũ NV bao gồm năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan, hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ của CB-GV-NV được Nhà trường xây dựng là một quá trình gồm các bước từ xác định nội dung, mục tiêu công việc đến theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện công việc giữa CBQL và NV nhằm đảm bảo các nhiệm vụ và mục tiêu công việc được thực hiện thành công, đóng góp vào mục tiêu chung của Trường. Nội dung này được thực hiện hiệu quả sẽ là một trong những công cụ giúp Nhà trường lựa chọn được nguồn nhân lực ưu tú, trả lương hiệu quả, công bằng, kích thích được năng suất lao động. Hệ thống quản lý việc thực hiện công việc của Trường được thực hiện một cách khoa học từ cơ cấu quản lý, triển khai thực hiện, đào tạo bồi dưỡng đến ghi nhận kết quả và khen thưởng kỷ luật. Phòng TC-HC là đơn vị chịu trách nhiệm tổng hợp bảng đánh giá hiệu quả công việc của CB-GV-NV hàng năm [H7.07.03.04].

Việc ĐGNL đội ngũ NV còn được thực hiện thông qua việc chấm điểm hoàn thành nhiệm vụ dựa trên các tiêu chí về ĐBCLGD theo quy định và được Hội đồng cấp Khoa, cấp Trường xem xét công nhận. Các CB hỗ trợ của Khoa hàng năm đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, trong đó có CB đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở và được nâng lương trước hạn. Sự khen thưởng này là những ghi nhận của Khoa và Nhà trường đối với những thành tích đóng góp của đội ngũ hỗ trợ [H7.07.03.05].

Tuy nhiên, Đội ngũ NV chưa tiên phong trong công tác PVCD. Các quy định chưa đủ tính khuyến khích dành riêng cho CB-NV hỗ trợ trong việc NCKH, viết bài đăng tạp chí,....

Hàng năm, Khoa và Nhà trường luôn thực hiện việc đánh giá chất lượng công việc và phân loại thi đua cho các CB hỗ trợ nhằm làm rõ ưu điểm, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu về tư tưởng, phẩm chất chính trị, đạo đức; năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. Sự phục vụ của đội ngũ NV hỗ trợ còn được đánh giá thông qua các ý kiến phản hồi từ người học và các bên liên quan bằng hoạt động khảo sát mức độ hài lòng về việc phục vụ của đội ngũ hỗ trợ kỹ thuật viên [H7.07.03.06].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có quy trình, phương pháp, công cụ xác nhận và đánh giá năng lực đội ngũ NV với các tiêu chí rõ ràng, minh bạch. Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ NV hỗ trợ của Khoa LKT đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Trường.

Đội ngũ NV của Khoa có kinh nghiệm. Hoạt động đánh giá, phân loại đội ngũ NV công bằng, công khai thông qua các báo cáo khảo sát công tác lấy ý kiến đánh giá của người học và GV về thái độ, năng lực làm việc của đội ngũ NV.

3. Điểm tồn tại:

Đội ngũ NV chưa tiên phong trong công tác phục vụ cộng đồng. Các quy định chưa đủ tính khuyến khích dành riêng cho CB-NV hỗ trợ trong việc NCKH, viết bài đăng tạp chí...

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa LKT sẽ đề xuất Nhà trường cần xem xét lại quy định đánh giá đối với đội ngũ NV hỗ trợ nhằm khuyến khích họ nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ.	K.LKT, P. TCHC	Từ năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các chính sách quản lý nguồn nhân lực để phát triển đội ngũ nhân viên một cách toàn diện.	P. TCHC, K.LKT	Hàng năm (từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng:

Nhằm mục đích nâng cao trình độ, kỹ năng và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho NV, Nhà trường thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu phát triển của Trường hoặc theo nhu cầu đào tạo của các đơn vị. Đồng thời khuyến khích các CB-GV-NV tích cực cập nhật kiến thức, bồi dưỡng kỹ năng và học tập nâng cao trình độ đảm bảo chất lượng và hiệu quả công việc.

Để xác định đúng nhu cầu đào tạo Nhà trường đã tiến hành điều tra tổng thể trình độ và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV hỗ trợ, thực hiện phân tích nhu cầu và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm. Cụ thể: vào đầu năm học, đội ngũ NV các đơn vị đăng ký đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo định hướng về nhu cầu phát triển nhân lực của đơn vị và Nhà Trường. Các đơn vị tiếp nhận, tổng hợp và báo cáo về Nhà trường, Phòng TCHC tập hợp, phân tích nhu cầu và đưa vào kế hoạch công tác năm học [H7.07.04.01], [H7.07.04.02].

Đối với các NV trẻ mới tuyển dụng được nhận thử việc 2 tháng, việc đánh giá nhân sự mới một phần được dựa trên đánh giá nhận xét của đơn vị mà NV về thực tập. Phòng TC-HC thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV dựa trên các kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hàng năm được phê duyệt với các hình thức đào tạo bồi dưỡng sau: (i) Đào tạo tại chỗ: về nội quy, chính sách, lề lối làm việc, phương pháp giảng dạy; (ii) Đào tạo nội bộ: các lớp Anh văn giao tiếp, vi tính văn phòng, các kỹ năng mềm, (giao tiếp, làm việc đội nhóm, quản lý thời gian...); (iii) Đào tạo chuyên sâu: do Nhà trường chủ động liên hệ hoặc tiếp nhận thông tin đào tạo của các tổ chức bên ngoài về các lớp đào tạo chuyên môn đặc thù hoặc SDH; (iv) Tự đào tạo chuyên sâu: do cá nhân CBGVNV có nhu cầu theo học các lớp đào tạo chuyên môn đặc thù hoặc SDH và nộp chứng chỉ, chứng nhận về Phòng TC-HC sau mỗi khóa đào tạo [H7.07.04.02], [H7.07.04.03], [H7.07.04.04].

Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch phân bổ ngân sách cho các hoạt động năm học trong đó có ngân sách dành cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển

chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ NV [H7.07.04.03]. Nhà trường cũng đã ban hành các chính sách liên quan đến công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân sự trong đó thể hiện rõ các chính sách về tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm, chế độ phúc lợi, môi trường làm việc và chính sách thu hút, giữ chân nhân tài; chính sách hỗ trợ kinh phí cho CB-GV-NV tham gia các CTĐT trong và ngoài nước. Cụ thể:

Đối với CBGVNV được Trường cử đi đào tạo, bồi dưỡng (trong nước hoặc nước ngoài): i) Được bố trí nghỉ làm việc để đi học theo lịch của cơ sở đào tạo; ii) Được Trường hỗ trợ tiền học phí (nếu có); iii) Trong thời gian được cử đi đào tạo, bồi dưỡng CB-GV-NV được hưởng tiền lương và các chế độ khác theo các quy định hiện hành của Trường; (iv) Sau khi lấy bằng được Nhà trường tặng thưởng [H7.07.04.03].

Giai đoạn 2021-2025, Nhà trường đã cử đi CBGVNV tham gia các khóa đào tạo Tiến sĩ, Thạc sĩ, cụ thể:

**Bảng 7.4.1. Thống kê số lượng CBGVNV được cử đi đào tạo giai đoạn
2021-2025**

Nội dung	2021	2022	2023	2024	2025
Đào tạo văn bằng 2	4	0	13	0	-
Đào tạo trình độ Tiến sĩ	0	1	0	0	-
Đào tạo trình độ Thạc sĩ	0	5	7	3	-
Tổng số	4	6	20	3	-

**Bảng 7.4.2. Thống kê số lượt tham gia bồi dưỡng, tập huấn giai đoạn
2021-2025**

TT	Nội dung	Lượt người tham gia				
		2021	2022	2023	2024	2025
	Tham gia Hội thảo, Hội nghị, làm việc với chuyên gia.....	307	250	395	19	28

TT	Nội dung	Lượt người tham gia				
		2021	2022	2023	2024	2025
	Các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn...	270	142	290	29	227
Tổng		577	392	685	48	255

Bảng 7.4.3. Thống kê kinh phí dành cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ CBGVNV giai đoạn 2021-2025

Năm	2021	2022	2023	2024	2025
Kinh phí (đồng)	96.440.000	41.000.000	550.955.000	298.100.000	-
Tổng	1.240.970.000				

Nhà trường luôn động viên, khuyến khích và tạo mọi điều kiện để CBNV trong toàn trường tham gia tích cực cập nhật kiến thức, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ và học tập nâng cao trình độ, đảm bảo chất lượng và hiệu quả vào công việc mình đương đảm nhiệm là nhiệm vụ trọng tâm của Lãnh đạo Nhà trường. Song song với việc tuyển dụng, công tác bồi dưỡng, phát triển đội ngũ, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ được Nhà trường chú trọng và tạo điều kiện tốt để khuyến khích CBNV tham gia các khoá học bồi dưỡng chuyên môn, năng lực quản lý và ngoại ngữ dựa trên yêu cầu phát triển của Trường hoặc theo nhu cầu đào tạo của các đơn vị.

Nhà trường đã xây dựng các chính sách liên quan đến công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân sự trong đó thể hiện rõ các chính sách về tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm, chế độ phúc lợi, môi trường làm việc và chính sách thu hút, giữ chân nhân tài; chính sách hỗ trợ kinh phí cho CBGVNV tham gia các CTĐT trong và ngoài nước [H7.07.04.05]. Cụ thể, Phòng TC-HC đã triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ ngắn hạn cho đội ngũ NV dựa trên các kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hàng năm được phê duyệt với các hình thức đào tạo bồi dưỡng [H7.07.04.06].

Ngoài ra, hàng năm Phòng TC-HC tổ chức các lớp đào tạo kỹ năng nghề và kỹ năng mềm cho CBGVNV trong trường nhằm bổ trợ, nâng cao các kỹ năng cần thiết trong quá trình công tác như kỹ năng lập trình ngôn ngữ tư duy cơ bản, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng soạn thảo văn bản, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng quản lý thời gian,... [H7.07.04.07].

Ngoài các chính sách hỗ trợ nêu trên, Nhà trường còn hỗ trợ tìm học bổng và thực hiện các thủ tục cần thiết đối với CBGVNV cơ hữu có nguyện vọng và năng lực theo học các CTĐT Tiến sĩ, Thạc sĩ theo chương trình học bổng trong hoặc ngoài nước. Sau khi hoàn thành CTĐT, CBGVNV sẽ được tiếp nhận và bố trí công tác tại đơn vị cũ hoặc bổ nhiệm vào các vị trí cao hơn, đồng thời được hưởng các chế độ đãi ngộ tương đương học hàm, học vị mới. Thời gian theo học các chương trình này vẫn được tính vào thâm niên công tác tại Trường [H7.07.04.05], [H7.07.04.08].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường luôn xác định cụ thể nhu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và triển khai kế hoạch để đáp ứng nhu cầu của đội ngũ này.

3. Điểm tồn tại:

Một số NV còn chưa thực sự ý thức về nhu cầu học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, vì vậy chưa đưa vào kế hoạch công tác cá nhân.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường sẽ đưa tiêu chí “ <i>Nhu cầu về đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ</i> ” vào mẫu kế	P.TC-HC	Từ năm học 2025-2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		hoạch cá nhân để đánh giá mức độ hoàn thành công việc.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát triển các CTĐT nâng cao kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ nhân viên.	P.TC-HC, K.LKT	Hàng năm (từ năm 2025-20256)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng:

Việc quản trị theo kết quả công việc của NV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được Nhà trường quan tâm và triển khai định kỳ hàng năm.

Nhà trường, Khoa LKT đánh giá kết quả thực thi công việc của đội ngũ NV theo hệ thống các quy định về theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV và công tác thi đua khen thưởng [H7.07.05.01].

Tuy nhiên, một bộ phận đội ngũ NV có phấn đấu nhưng chưa đáp ứng đủ tiêu chí, tiêu chuẩn trong quy định của công tác thi đua khen thưởng của Nhà trường.

Việc quản trị theo kết quả công việc của NV được Nhà trường được thực hiện một cách khoa học từ cơ cấu quản lý, triển khai thực hiện, đào tạo bồi dưỡng đến ghi nhận kết quả và khen thưởng kỷ luật, thông qua hệ thống văn bản quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ này, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận. Hệ thống các quy định, quy chế này được xây dựng và ban hành rộng rãi, đầy đủ và

được cập nhật theo từng năm học, bao gồm: Quy định về tổ chức hoạt động của Trường; Nội quy lao động, Quy định về chế độ làm việc đối với CBGVNV; Quy chế thi đua khen thưởng, quy chế lương [H7.07.05.01], [H7.07.05.02]. Những NV hỗ trợ hoàn thành công việc được giao luôn nhận được những danh hiệu xứng đáng: Lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, giấy khen của Hiệu trưởng và được khen thưởng cũng như nâng lương trước thời hạn [H7.07.05.03].

Nhà trường và Khoa đã triển khai theo dõi, giám sát và đánh giá công việc của đội ngũ NV dựa trên các quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công, dựa trên kế hoạch công tác cá nhân mà mỗi NV đã xây dựng. Công tác đánh giá nhân sự được Nhà trường thực hiện nghiêm túc, khoa học và thông qua hệ thống đánh giá đồng cấp và hệ thống phần mềm quản lý nhân sự [H7.07.05.04].

Đề thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và PVCD của đội ngũ NV hỗ trợ, tất cả NV của Khoa đều có kế hoạch cụ thể trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, kênh theo dõi, giám sát của Nhà trường. Việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV được triển khai và thực hiện nghiêm túc thông qua Trường các đơn vị và Hội đồng Thi đua – Khen thưởng theo các văn bản quy định của Nhà trường, Khoa.

Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; mức độ chấp hành nội quy, kỷ luật lao động; đóng góp ý kiến, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác, làm lợi cho Trường và mức độ tham gia các hoạt động khác từ theo dõi của Phòng TC-HC, thông tin ghi nhận và báo cáo của Ban Thanh tra nhân dân; phòng KT-ĐBCL-TT&PC, thông tin ghi nhận và báo cáo của Công đoàn, ĐTN, kết quả tự đánh giá của cá nhân, đánh giá của Lãnh đạo đơn vị đối với từng cá nhân thuộc đơn vị mình quản lý mà mỗi cá nhân NV, Khoa và Hội đồng thi đua khen thưởng đánh giá hiệu quả công việc của mỗi NV hỗ trợ [H7.07.05.03].

Ngoài ra, các chính sách về đánh giá và khen thưởng được cụ thể hóa trong quy chế thi đua khen thưởng, quy chế lương đã giúp Nhà trường đánh giá được các hoạt động của đội ngũ nhân sự trong năm học để có hình thức khen thưởng, động viên xứng đáng, tạo động lực cho đội ngũ nhân sự phát huy năng lực và gắn bó hơn nữa với Nhà trường. Hàng năm, vào những ngày lễ lớn (Ngày thành lập Trường, ngày khai giảng,

ngày Hiến chương Nhà giáo 20/11 và tổng kết năm học,...) Nhà trường tổ chức khen thưởng những cá nhân, tập thể đạt thành tích cao trong công tác các cấp (Trường, thành phố, trung ương,...). Điều đó chính là yếu tố động lực cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ tích cực hơn trong công tác, sẵn sàng đóng góp công sức cho hoạt động của Khoa LKT và Nhà trường [H7.07.05.05]. CBGVNV, kỹ thuật viên được phân công nhiệm vụ cụ thể vào danh sách các nhóm chuyên trách có quyết định cụ thể. Từ đó có chế độ động viên, khen thưởng đội ngũ CB hỗ trợ trong Nhà trường nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ. Các NV và CB hỗ trợ của Khoa hoàn thành công việc được giao luôn được triển khai đánh giá trước tập thể và xét tặng những danh hiệu xứng đáng như Lao động tiên tiến, Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, Giấy khen của Ban Giám hiệu. Ngoài danh hiệu thi đua khen thưởng thì những CB hỗ trợ có kết quả làm việc tốt, đạt 2 năm liền chiến sỹ thi đua đáp ứng các tiêu chuẩn của Nhà trường sẽ được xét nâng bậc lương trước thời hạn theo đúng quy định.

Hàng năm, để chuẩn bị cho năm học mới, Phòng TC-HC tổ chức lấy ý kiến của tất cả CBGVNV trong trường góp ý cho các quy chế quy định mà Nhà trường đã ban hành. Các đơn vị cũng thường xuyên có các buổi họp định kỳ để lấy ý kiến một cách dân chủ, làm cơ sở đề xuất với nhà Trường các kiến nghị của các đơn vị về đội ngũ NV hỗ trợ. Qua đó tất cả NV đều được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Điều đó giúp Nhà trường có đầy đủ thông tin khách quan xây dựng các quy chế quy định giúp Nhà trường quản trị kết quả công việc của CB-GV-NV được hiệu quả [H7.07.05.06].

Kết quả đánh giá các cấp được công khai tại các buổi họp và trên tài khoản cá nhân của NV. Các danh hiệu thi đua khen thưởng được đăng tải trên trang nội bộ của Trường. Vì vậy, 100% NV hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường. Tính đến thời điểm này, chưa có trường hợp nào khiếu nại về kết quả đánh giá hoặc xét thi đua khen thưởng.

Sự công nhận và khen thưởng hàng năm được triển khai kịp thời chính là động lực cho đội ngũ NV tích cực hơn trong công tác nâng cao chất lượng đào tạo trong Nhà trường. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa còn quan tâm tiếp thu ý kiến của GV và SV thông qua khảo sát mức độ hài lòng về công tác hỗ trợ của đội ngũ CB, NV, kỹ thuật viên để kịp thời khen thưởng đột xuất, nâng lương trước thời hạn cho các cá nhân, tập

thể có những đóng góp cụ thể, xuất sắc trong các hoạt động của trường nhằm xây dựng hoạt động này thực sự trở thành hoạt động có ý nghĩa trong phân loại và đánh giá CB hỗ trợ, góp phần giúp đội ngũ này cải thiện hiệu quả công việc của mình. Việc thực hiện đánh giá, xếp loại đội ngũ NV được thực hiện công khai dân chủ và nhận được sự đồng thuận cao của tất cả NV.

2. Điểm mạnh:

Việc thực hiện công tác đánh giá thi đua khen thưởng đối với đội ngũ NV Khoa LKT được quy định rõ ràng và công khai, góp phần tạo động lực cho đội ngũ NV hoàn thành tốt nhiệm vụ hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

3. Điểm tồn tại:

Do chỉ tiêu khen thưởng, danh hiệu thi đua hàng năm còn hạn chế, nên số lượng NV hỗ trợ đạt các danh hiệu thi đua còn ít, các hình thức khen thưởng cho đối tượng này chưa được đa dạng.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cải thiện chính sách động viên, khen thưởng cho những NV đạt thành tích cao trong việc hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH và PVCD để khuyến khích đội ngũ NV gắn bó và phát huy năng lực.	- BGH - P.TCHC	Từ năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện công khai, chặt chẽ công tác đánh giá thi đua khen thưởng đối với đội ngũ NV hằng năm.	- P.TCHC - K.LKT	Thường niên (từ năm 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 7:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Trường ĐHPT có các chiến lược phát triển nhân sự lâu dài, trong đó có đội ngũ NV hỗ trợ; có phân tích, dự báo nhu cầu về đội ngũ NV. Công tác tuyển dụng NV được thực hiện đúng quy trình, quy định của Nhà trường; các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV được xác định rõ ràng, minh bạch, phổ biến công khai.

Đội ngũ CB-NV hỗ trợ với số lượng đông đảo, năng động, có năng lực, trình độ chuyên môn đạt yêu cầu của Nhà trường đề ra.

Nhà trường và Lãnh đạo Khoa luôn luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi về vật chất và thời gian để đội ngũ NV hỗ trợ Khoa hoàn thành tốt nhu cầu nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn.

Nhà trường có quy trình, phương pháp, công cụ xác nhận và đánh giá năng lực đội ngũ NV với các tiêu chí rõ ràng, minh bạch. Hoạt động đánh giá và phân loại đội NV hỗ trợ đảm bảo chính xác, công bằng, công khai góp phần tạo động lực cho đội ngũ NV Khoa hoàn thành tốt nhiệm vụ hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Thông tin tuyển dụng vẫn chưa tiếp cận đến được nhiều người lao động có nhu cầu ứng tuyển.

Một số NV, cộng tác viên hỗ trợ tại các đơn vị chức năng chưa có nhiều kinh nghiệm nên còn lúng túng trong việc giải quyết một số tình huống. Các khoá học nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn dành riêng cho Thư ký các Khoa trong toàn trường do Nhà trường chủ động tổ chức còn khiêm tốn. Các lớp đào tạo kỹ năng cho CBNV còn chưa thật sự đáp ứng một cách đầy đủ nhu cầu cho đội ngũ NV.

Chỉ tiêu khen thưởng, danh hiệu thi đua hàng năm còn hạn chế, các hình thức chưa được đa dạng.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 7:

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn 7 gồm có 5 tiêu chí, trong đó có ba tiêu chí đạt điểm 5/7 và hai tiêu chí đạt điểm 4/7.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu:

Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học là điều kiện rất cần thiết để nâng cao chất lượng đào tạo và khẳng định thương hiệu của Nhà trường. Đối với Khoa LKT, chất lượng này trước hết dựa vào các chính sách, tiêu chí và hình thức tuyển sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT và dựa trên những phân tích về nhu cầu nhân lực của ngành và ý kiến của lãnh đạo trường, các phòng, khoa. Bên cạnh đó, Khoa LKT cũng đã giám sát sự tiến bộ của người học một cách công khai, các hoạt động hỗ trợ người học cũng được thực hiện nhanh chóng để kịp thời giải quyết những khó khăn.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả hiện trạng:

Căn cứ quy chế tuyển sinh, kết quả tuyển sinh (TS) của trường trong các năm trước và tình hình thực tế, Khoa LKT tham gia xây dựng các chính sách để TS hàng năm rõ ràng, đầy đủ và chi tiết cho từng ngành tuyển (Luật và Luật Kinh tế) [H8.08.01.01]. Đối với công tác tuyển sinh, Khoa LKT thực hiện phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực ngành Luật theo từng năm; song hành với việc thành lập hội đồng tuyển sinh cùng với khảo sát lấy ý kiến góp ý chính sách tuyển sinh của các bên liên quan, Khoa LKT có thể đảm bảo chính sách tuyển sinh được cập nhật, phù hợp với tình hình phát triển [H8.08.01.02].

Mỗi năm, Nhà trường xây dựng một phương thức tuyển sinh riêng. Cụ thể:

+ Năm 2021, Nhà trường tuyển sinh theo 3 phương thức: Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT Quốc gia 2021 (chiếm 25% tổng chỉ tiêu xét tuyển), xét tuyển theo kết quả học tập ở cấp THPT (chiếm 70% tổng chỉ tiêu xét tuyển) và xét tuyển đại học dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức (chiếm 5% tổng chỉ tiêu xét tuyển).

+ Năm 2022, Nhà trường tuyển sinh theo 3 phương thức: Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT Quốc gia 2022 (chiếm 25% tổng chỉ tiêu xét tuyển), xét tuyển theo kết quả học tập ở cấp THPT (chiếm 70% tổng chỉ tiêu xét tuyển) và xét tuyển đại học dựa

vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức (chiếm 5% tổng chỉ tiêu xét tuyển).

+ Năm 2023, Nhà trường tuyển sinh theo 3 phương thức: Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT Quốc gia 2023 (chiếm 25% tổng chỉ tiêu xét tuyển), xét tuyển theo kết quả học tập ở cấp THPT (chiếm 70% tổng chỉ tiêu xét tuyển) và xét tuyển đại học dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức (chiếm 5% tổng chỉ tiêu xét tuyển).

+ Năm 2024, Nhà trường tuyển sinh theo 3 phương thức: Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT Quốc gia 2024 (chiếm 25% tổng chỉ tiêu xét tuyển), xét tuyển theo kết quả học tập ở cấp THPT (chiếm 70% tổng chỉ tiêu xét tuyển) và xét tuyển đại học dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức (chiếm 5% tổng chỉ tiêu xét tuyển).

Đối với ngành Luật, Trường ĐHPT đã xây dựng các kế hoạch tuyển sinh, chính sách truyền thông khác nhau và thành lập các Hội đồng tuyển sinh [H8.08.01.03] để thực hiện nhiệm vụ này. Hằng năm, Nhà trường đều xây dựng kế hoạch chung và kế hoạch cụ thể cho từng khoa, phòng, ban để đạt hiệu quả cao trong công tác tuyển sinh. Bên cạnh đó, nhằm thu hút người học nhà trường đã đưa ra chính sách học bổng đầu vào. Năm 2021, ngoài chương trình học bổng dành cho tân SV có học lực khá, giỏi ở lớp 12, nhằm động viên, khuyến khích các em học sinh vượt qua khó khăn của đại dịch COVID-19, Nhà trường đã bổ sung thêm chính sách học bổng dành cho các thí sinh có điểm thi tốt nghiệp THPT cao khi nhập học vào trường. Năm 2022 và năm 2023, Nhà trường tiếp tục triển khai chương trình học bổng đầu vào như năm 2021 và bổ sung thêm chương trình học bổng dành cho tân SV có hoàn cảnh khó khăn (thuộc hộ nghèo, mồ côi, khuyết tật, con thương binh, liệt sỹ...) nhằm tạo điều kiện tối đa giúp các em học sinh khó khăn vẫn được tiếp tục học đại học. Năm 2024, UPT tiếp tục bổ sung thêm một chương trình học bổng dành cho tân SV đăng ký nhập học sớm, nâng lên tổng cộng 4 chương trình học bổng dành cho tân SV. Việc tăng cường và thay đổi các chính sách học bổng tuyển sinh hằng năm góp phần giúp Nhà trường thu hút thí sinh, đạt hiệu quả tuyển sinh.

Dựa trên các kết quả số lượng thí sinh nhập học hằng năm, HĐTS sẽ tổ chức họp phân tích, nhận định tình hình tuyển sinh của Nhà trường và trên cả nước, phân tích xu hướng, cơ hội và thách thức để tìm ra những điểm đạt và chưa đạt theo mục tiêu đã đề ra, rút kinh nghiệm để cải tiến các tiêu chí tuyển, vùng tuyển, công tác truyền thông,... Trên cơ sở này xây dựng kế hoạch cho khóa mới hoàn chỉnh hơn, nhằm đạt kết quả tốt nhất, đúng và đủ chỉ tiêu tuyển sinh được duyệt [H8.08.01.02].

Bảng 8.1. Các tổ hợp môn xét tuyển vào ngành Luật

STT	Tổ hợp môn	Môn 1	Môn 2	Môn 3
1	C00	Văn	Sử	Địa
2	D14	Văn	Sử	Địa
3	D84	Toán	Anh	Công dân
4	D66	Văn	Anh	Công dân

Bảng 8.2. Chính sách học bổng cho tân sinh viên của ĐHPT

Năm học	Chính sách học bổng	
	Giỏi	Khá
2021 – 2022	Miễn 100% học phí học kỳ 1 năm học đầu tiên	Miễn 50% học phí học kỳ 1 năm học đầu tiên
2022 – 2023	Giảm 5.000.000 học phí học kỳ 1 năm học đầu tiên	Giảm 3.000.000 học phí học kỳ 1 năm học đầu tiên
2023 – 2024	Giảm 5.000.000 học phí học kỳ 1 năm học đầu tiên	Giảm 3.000.000 học phí học kỳ 1 năm học đầu tiên
2024 - 2025	Miễn 100% học phí học kỳ 1 năm học đầu tiên	Miễn 50% học phí học kỳ 1 năm học đầu tiên

Trong 4 năm học vừa qua, các phương thức xét tuyển, thi tuyển và chính sách học bổng, đã giúp ngành Luật có số lượng thí sinh được xét tuyển ngày càng cao và có chất lượng. Điều này cho thấy Hội đồng Tuyển sinh của Nhà trường đã cân nhắc quyết định

đầu vào thí sinh phải có chất lượng và không vì số lượng mà làm giảm chất lượng và uy tín đào tạo của Khoa và Trường ĐHPT.

Bảng 8.3. Thống kê tình hình tuyển sinh của ngành Luật trong 4 năm qua

Năm học	Số thí sinh trúng tuyển	Số thí sinh nhập học thực tế
2021 – 2022	59	22
2022 – 2023	37	27
2023 – 2024	33	28
2024 - 2025	20	39

Trường triển khai tuyển sinh rộng rãi, không chỉ ở các trường THPT tại Bình Thuận mà còn ở các tỉnh thành lân cận. Định kỳ hàng năm, Trường ĐHPT tham gia “Ngày hội tư vấn tuyển sinh” được Báo Tuổi trẻ tổ chức tại Bình Thuận thu hút đông đảo phụ huynh và học sinh quan tâm tìm hiểu về Trường [H8.08.01.04]. Song song với việc tuyên truyền trực tiếp, Trường ĐHPT còn lập một website tuyển sinh riêng tại địa chỉ: <http://ts.upt.edu.vn>. Qua website, các bên liên quan có thể tìm hiểu đầy đủ các thông tin về công tác tuyển sinh của Nhà trường như: phương thức tuyển sinh, chính sách, các mốc thời gian, các ngành nghề muốn theo học... Ngoài ra, các thông tin tuyển sinh của Trường ĐHPT còn được công bố công khai trên các phương tiện truyền thông xã hội khác như: Báo giấy, báo điện tử, các hoạt động tiếp cận cộng đồng, các tài liệu quảng bá, các tài liệu, sổ tay tuyển sinh,... [H8.08.01.05].

Các quy trình nhận hồ sơ xét tuyển được điều chỉnh cải tiến sao cho thuận tiện nhất cho thí sinh như: nộp hồ sơ online/trực tiếp, xét tuyển trực tuyến/trực tiếp, tư vấn trực tuyến/trực tiếp.

Hàng năm, Nhà trường đã dựa vào dự báo nhu cầu về nhân lực của từng ngành nghề để có chính sách tuyển sinh phù hợp, đồng thời, Khoa LKT đã tổ chức ngày hội việc làm hay cuộc gặp mặt các cựu SV để lắng nghe ý kiến đóng góp về chương trình đào tạo, về kỹ năng các SV cần có, về nhu cầu nguồn nhân lực tại các doanh nghiệp hiện nay [H8.08.01.06].

Để thí sinh cả nước có thể tiếp cận được thông tin tuyển sinh, Trường ĐHPT chú trọng truyền thông trên tất cả các kênh thông tin. Hằng năm, đội ngũ tư vấn tuyển sinh

Trường ĐHPT (có sự tham gia của giảng viên Khoa LKT) sẽ đến các trường THPT tư vấn tại chỗ cho các em học sinh [H8.08.01.07]. Điều này giúp Nhà trường và Khoa chuyên môn nắm bắt rõ hơn nhu cầu của người học, từ đó đổi mới và cải tiến chất lượng đào tạo theo hướng phù hợp nhất. Bên cạnh đó, trong các buổi truyền hình trực tiếp tư vấn tuyển sinh, Nhà trường đều cử cán bộ tham gia, tư vấn và giải đáp thắc mắc cho học sinh. Qua website tuyển sinh, học sinh hoặc phụ huynh có thể tìm hiểu và được tư vấn đầy đủ các thông tin về ngành học mong muốn. Các thông tin tuyển sinh của Nhà trường còn được công bố công khai trên các phương tiện truyền thông khác như: Báo giấy, báo điện tử, đài truyền hình, các hoạt động tiếp cận cộng đồng, các tài liệu quảng bá, các brochure, sổ tay tuyển sinh... [H8.08.01.08]. Hơn thế nữa, Trường còn có hệ thống tư vấn tuyển sinh qua các kênh: Fanpage ĐHPT, tư vấn tuyển sinh tại website, Chat trực tuyến, Zalo ĐHPT, Hộp thư tuyển sinh và Tổng đài tư vấn để tư vấn, giải đáp cho thí sinh những thông tin, quy chế tuyển sinh của Trường, đồng thời định hướng, hướng dẫn để thí sinh có thể lựa chọn được ngành học phù hợp với sở thích, năng lực của bản thân...

Nhà trường không ngừng cập nhật cải tiến chính sách tuyển sinh, quy trình tuyển sinh và nhập học, cải tiến phương thức tuyển, tiêu chí tuyển, cải tiến công tác truyền thông... Từ các kinh nghiệm trên, Trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh cho khóa mới hoàn chỉnh hơn, nhằm đạt kết quả tuyển sinh tốt nhất, đúng và đủ chỉ tiêu tuyển sinh được đề ra [H8.08.01.02].

Trước các kỳ tuyển sinh, Nhà trường đã dựa vào dự báo nhu cầu về nhân lực của từng ngành nghề để có chính sách tuyển sinh phù hợp. Ngoài ra, Nhà trường và các Khoa đã tổ chức ngày hội việc làm, gặp mặt các cựu SV, nhà tuyển dụng để lắng nghe ý kiến đóng góp về CTĐT, về các kỹ năng SV cần phải có, về nhu cầu nguồn nhân lực tại các DN hiện nay [H8.08.01.09]. Số lượng SV ngành luật nhập học tăng lên hàng năm, chính là nhờ việc cải tiến công tác tuyển sinh và nhập học của Trường ngày càng có hiệu quả.

2. Điểm mạnh:

Công tác tuyển sinh của ngành Luật - Khoa LKT được thực hiện chủ động, khoa học, kịp thời, với nội dung cụ thể, rõ ràng, phù hợp với nhiều nguyện vọng của thí sinh,

tạo thế mạnh cho Khoa tuyển được nguồn thí sinh nhập học ngành Luật với số lượng và chất lượng đầu vào đạt yêu cầu đề ra.

Các phương thức tuyển sinh đa dạng, phong phú, được quảng bá rộng rãi trên khắp các phương tiện truyền thông, trực tiếp đến các điểm trường THPT giúp thí sinh giải quyết các thắc mắc trong việc chọn ngành nghề phù hợp.

Các chính sách học bổng, ưu đãi học phí, khen thưởng sinh viên học tập được duy trì và bổ sung thêm hằng năm đã giúp cho học sinh có học lực khá, giỏi, kết quả thi THPT, kết quả thi kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQG HCM, các học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh chính sách có đủ điều kiện, an tâm để theo học tại trường.

Công tác tham mưu với chính quyền địa phương, phối hợp với các nhà đầu tư, các doanh nghiệp được thực hiện thường xuyên, tạo được cảnh quan môi trường, cơ sở vật chất, cơ hội việc làm ... giúp thương hiệu của trường được duy trì và phát triển qua từng năm, góp phần phát triển các ngành học, cụ thể có ngành Luật được phát triển số lượng và chất lượng.

3. Điểm tồn tại:

Kết quả tuyển sinh được duy trì, có phát triển nhưng chưa nhiều như số lớp ngành Luật chưa tăng, chưa thực sự đáp ứng chỉ tiêu đề ra của Khoa, Trường.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ Cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa và Nhà trường tăng cường quảng bá tuyển sinh phù hợp việc làm sau khi SV ra trường, đảm bảo công tác truyền thông về tuyển sinh, tinh gọn, hiệu quả. Thực hiện điều chỉnh, bổ sung hình ảnh và	- Ban TS - Khoa LKT	Thường niên (từ năm 2025-2026)	

		thông tin chi tiết về ngành Luật. Khoa LKT thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Ban TS để có chiến lược, kế hoạch TS phù hợp.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyển sinh gắn với chế độ cho người học, tổ chức ngày hội việc làm cho SV luật và quảng bá CTĐT gắn với thực tiễn để thu hút thêm nhiều SV.	- Ban TS - Khoa LKT	Thường niên ((từ năm 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng:

Tiêu chí tuyển chọn người học ngành Luật được Nhà trường và Khoa xác định rõ ràng thể hiện trong đề án tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh [H8.08.01.01], [H8.08.01.02].

Hàng năm, căn cứ vào quy chế tuyển sinh, quy định cách thức xác định chỉ tiêu tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và nhu cầu xã hội, Nhà trường xác định và công bố chỉ tiêu, tiêu chí tuyển sinh, trong đó có chỉ tiêu ngành Luật [H8.08.01.08].

Trường ĐHPT xác định chất lượng đầu ra phụ thuộc nhiều vào chất lượng đầu vào, các tiêu chí tuyển chọn và các bước tiến hành tuyển chọn. Vì vậy, ngành Luật – Khoa LKT cũng sẽ căn cứ theo phương thức tuyển sinh và các tiêu chí Nhà Trường đưa ra để lựa chọn đầu vào phù hợp [H8.08.01.02] cụ thể:

Từ năm 2021 đến nay, Nhà trường tổ chức tuyển sinh theo 03 phương thức, ứng với mỗi phương thức, các tiêu chí xét tuyển đầu vào của Trường ĐHPT có khác nhau về phương pháp chọn nhưng phải đảm bảo điều kiện xét tuyển của Bộ GD&ĐT (Điểm sàn không nhân hệ số; điểm trúng tuyển của Trường không được thấp hơn điểm sàn):

* Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia hằng năm. Các tiêu chí tuyển: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương; Đạt điểm đảm bảo chất lượng đầu vào Đại học do Trường ĐHPT quy định.

* Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả bậc THPT. Với 06 các tiêu chí tuyển:

+ ĐTB của cả năm học lớp 12 đạt từ 6.0 trở lên.

+ĐTB 3 môn thuộc nhóm môn (khối) xét tuyển của cả năm học lớp 12 đạt từ 6.0 trở lên.

+ ĐTB của cả năm học lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 đạt từ 6.0 trở lên.

+ ĐTB 3 môn thuộc nhóm môn (khối) xét tuyển của cả năm học lớp 10, lớp 11, và học kỳ 1 lớp 12 đạt từ 6.0 trở lên.

+ ĐTB học kỳ 1 lớp 11, học kỳ 2 lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 đạt từ 6.0 trở lên.

+ ĐTB 3 môn thuộc nhóm môn (khối) xét tuyển của học kỳ 1 lớp 11, học kỳ 2 lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 đạt từ 6.0 trở lên.

* Phương thức 3: Dực vào kết quả kỳ thi ĐGNL do ĐHQG TP.HCM tổ chức

Khi chưa tuyển đủ chỉ tiêu, Nhà trường sẽ ban hành thông báo tuyển sinh cho các đợt tiếp theo thông qua tất cả các kênh thông tin. Điểm chuẩn của từng đợt xét tuyển bổ sung có thể thay đổi để phù hợp với tình hình số lượng và chất lượng thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển [H8.08.02.01].

Để đảm bảo chất lượng người học cho chương trình đào tạo ngành Luật, ngay từ đầu trong quy trình tuyển sinh, trường ĐHPT đã lựa chọn các tổ hợp môn phù hợp với ngành Luật để xét tuyển. Các tổ hợp môn này có tính chất điển hình, yêu cầu thí sinh cần phải đạt vì có mối liên hệ với ngành Luật [H8.08.02.02].

Theo quy trình xét tuyển trong công tác tuyển sinh hàng năm [H8.08.02.05], trước khi công bố mức điểm chuẩn cho ngành Luật, HĐTS sẽ hợp thống nhất và thông báo mức điểm chuẩn trên tất cả các kênh thông tin của Nhà trường [H8.08.02.03].

Căn cứ vào đề án tuyển sinh và chỉ tiêu được giao hàng năm, đối với các ngành chưa tuyển đủ chỉ tiêu, thông qua tất cả các kênh thông tin, trường sẽ ban hành thông báo tuyển sinh cho các đợt tiếp theo [H8.08.02.04].

Nhằm đảm bảo tuyển đúng và đủ chỉ tiêu đề ra, tuyển được người học có chất lượng, phù hợp với ngành đào tạo, hàng năm, Nhà trường không ngừng rà soát, đánh giá và cải tiến tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học. Sau mỗi kỳ tuyển sinh, dựa trên số lượng thí sinh nhập học, HĐTS sẽ tổ chức họp phân tích tình hình của Nhà trường để tìm ra những điểm đạt và chưa đạt theo mục tiêu đã đề ra, rút kinh nghiệm để cải tiến các tiêu chí tuyển (các tổ hợp môn xét tuyển), phương pháp tuyển, vùng tuyển, công tác truyền thông,... [H8.08.02.05]. Trên cơ sở này xây dựng kế hoạch cho khóa tiếp theo hoàn chỉnh hơn, nhằm đạt kết quả tốt nhất, đúng và đủ chỉ tiêu, kịp thời đáp ứng nguyện vọng của phụ huynh và học sinh và để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho thí sinh có cơ hội vào Đại học Phan Thiết mà trường vẫn ĐBCL đầu vào.

Ngoài ra, thông qua buổi gặp mặt của cựu SV và các doanh nghiệp tại ngày hội việc làm được tổ chức hàng năm, Khoa đã nhận được những góp ý chân thành về các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn SV đầu vào. Nhờ thế mà, Khoa/Trường có kế hoạch tuyển sinh, đào tạo hàng năm sát với nhu cầu của xã hội, thu hút được nhiều SV theo học [H8.08.02.08].

2. Điểm mạnh:

Với chính sách tuyển chọn rõ ràng, các chế độ ưu đãi luôn được cải tiến dành cho người học như trên là cơ sở để tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thí sinh tham gia đăng ký xét tuyển, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan và nhiều cơ hội để học sinh tốt nghiệp THPT được vào học ĐHPT;

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được công bố rộng rãi, công khai là cơ sở để xã hội và thí sinh theo dõi, giám sát và dễ dàng thực hiện.

3. Điểm tồn tại:

Trường chưa lấy ý kiến các bên liên quan là phụ huynh học sinh khi xây dựng các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh đầy đủ nhất.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ Cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi Chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức khảo sát thêm ý kiến các bên liên quan khác là học sinh và phụ huynh về công tác tuyển sinh trong các đợt đi tư vấn tuyển sinh hàng năm.	- P.QLĐT - K.LKT	Từ 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, đánh giá và cải tiến các tiêu chí lựa chọn người học.	- Ban TS - K.LKT	Thường niên (từ năm 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học

1. Mô tả hiện trạng:

Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, cảnh báo học vụ... được Nhà trường giao cho một số đơn vị chuyên trách gồm các Khoa chuyên môn, Phòng CTCTSV&HTDN và Phòng QLĐT. Nhà trường có một hệ thống giám sát về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học ngành Luật một cách chặt chẽ và hiệu quả. Hệ thống giám sát này được thực hiện thông qua các cố vấn học tập, trợ lý khoa, GV giảng dạy các học phần [H8.08.03.01], các đơn vị, tổ chức đoàn thể liên quan và được thực hiện, quản lý bằng phần mềm quản lý người học. Hệ thống này bao gồm hồ sơ của người học, các thông báo từ Nhà trường, thời khóa biểu, lịch thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện... Đây là một hệ thống giám sát rất hữu ích giúp Nhà trường, Khoa và GV theo dõi quá trình học tập của người học [H8.08.03.02]. Khối lượng học tập của người học được quy định cụ thể trong CTĐT khung của ngành Luật, quy chế SV của Trường [H8.08.03.03]. Việc giám sát quá trình rèn luyện được thực hiện và quản lý thông qua trợ lý Khoa, cố vấn học tập, các tổ chức và trung tâm của Nhà trường như Hội

sinh viên, Đoàn thanh niên, Phòng CTCTSV&HTDN [H8.08.03.04]. Giảng viên giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học đối với môn học phụ trách. Trong đề cương chi tiết các học phần của ngành Luật quy định rõ mục tiêu đạt được, phương thức kiểm tra, đánh giá cụ thể đối với từng môn học như mức độ chuyên cần, thái độ học tập, hình thức và cách thức đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ và được công khai cho người học vào đầu học kỳ [H8.08.03.05]. Cơ chế báo cáo và phản hồi về sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện được thực hiện thường xuyên và định kỳ. Khoa LKT thường xuyên giám sát kết quả của người học để đưa ra những cảnh báo hoặc khuyến cáo, tư vấn đối với những SV không hoàn thành kế hoạch học tập đúng hạn [H8.08.03.06].

Ngoài hệ thống phần mềm, Nhà trường còn sử dụng nhiều kênh thông tin khác nhau để giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của SV như: (1) Mỗi học kỳ, Phòng QLĐT thống kê kết quả học tập của SV, tình hình bỏ học để báo cáo cho BGH. Thông qua các cuộc họp giao ban của BGH, giao ban toàn trường, họp Khoa, các kết quả này được phân tích, và tìm ra nguyên nhân; (2) Phòng CTCTSV&HTDN thống kê kết quả rèn luyện của SV. Kết quả này được thông báo trong các buổi họp giao ban BGH và toàn trường. Nhờ đó, Lãnh đạo Khoa và các thầy/cô trong Khoa kịp thời nắm bắt được tiến độ học của người học để kịp thời điều chỉnh, bổ sung thời khóa biểu và các hoạt động khác cho SV; (3) Thêm vào đó, GV và Trợ lý khoa phụ trách công tác SV của Khoa cũng nắm bắt tiến độ của người học thông qua trang mạng xã hội (Facebook, Zalo); (4) Ngoài ra, việc điểm danh SV được thể hiện trong Sổ theo dõi tình hình lên lớp của GV, kết quả đánh giá điểm chuyên cần, kết quả xử lý học vụ từng học kỳ là những phương thức truyền thống để theo dõi việc học tập SV; (5) Hàng năm, Nhà trường và Khoa tổ chức gặp gỡ SV để trao đổi về những vấn đề, kinh nghiệm trong quá trình học tập. Đó cũng là dịp để Khoa và Trường lắng nghe những đề xuất, ý kiến đóng góp của SV [H8.08.03.07].

Vào đầu các năm học, Khoa LKT có tổ chức đại hội các lớp/chi đoàn, thông qua đó thực hiện cơ chế báo cáo và phản hồi về kết quả của người học, đánh giá sự tiến bộ của người học, phân tích xu hướng và nguyên nhân. Đây cũng là một trong các kênh theo dõi sự tiến bộ của người học được Khoa tổ chức hiệu quả, thông qua đó để thực

hiện các biện pháp nhằm cải tiến kết quả học tập và rèn luyện của người học [H8.08.03.08].

Ở cấp lớp, Ban cán sự lớp là lực lượng nòng cốt đảm nhiệm vai trò cầu nối giữa Nhà trường, GV với SV, thường xuyên được tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao năng lực hoạt động, chất lượng nghiệp vụ. Ban cán sự lớp hỗ trợ GV tổ chức thực hiện các hoạt động học tập, rèn luyện và các hoạt động sinh hoạt khác theo kế hoạch của Trường, Khoa. Theo dõi, nắm bắt tình hình SV, thường xuyên liên lạc với trợ lý khoa, cố vấn học tập nhằm đảm bảo các vấn đề phát sinh trong quá trình học tập và rèn luyện tại Trường được giải quyết kịp thời.

Kết thúc mỗi học phần, SV truy cập vào website Trường ĐHPT theo link: <http://pdt.upt.edu.vn/sinhvien/> đăng nhập vào tài khoản mật khẩu Trường ĐHPT đã cung cấp để xem điểm, SV phải hoàn thành phiếu khảo sát đánh giá môn học mới được xem điểm các học phần của mình. Dựa trên những đánh giá của SV, từ đó Nhà trường xây dựng những kế hoạch để cải tiến chất lượng đào tạo trong những môn học sau. Ngoài ra, SV còn có thể bày tỏ ý kiến, nguyện vọng của mình thông qua các kênh Facebook, liên hệ trang Fanpage của Trường <https://www.facebook.com/upt.edu.vn/>, qua Zalo, Email hoặc các kênh thông tin khác như gặp trực tiếp CBGV khoa, các đơn vị, BGH vào thời gian được quy định.

Để phù hợp với chất lượng đầu vào của SV Khoa LKT, CTĐT của ngành Luật được phân bổ hợp lý khối lượng học tập đảm bảo người có học lực trung bình cũng có thể hoàn thành CTĐT đúng thời hạn. Khối lượng học tập ngành Luật gồm 132 tín chỉ, chia thành 5 khối kiến thức, khối lượng học tập được phân bổ cân đối trong mỗi năm học đảm bảo người có học lực trung bình cũng có thể hoàn thành CTĐT đúng thời hạn trong thời gian 3.5 năm [H8.08.03.09].

Ngoài ra, Khoa LKT còn có trách nhiệm theo dõi, nhắc nhở SV trong sinh hoạt lớp, họp cán bộ lớp phân công giúp đỡ; phối hợp với GV theo dõi tình hình đến lớp của SV và có những xử lý, hỗ trợ kịp thời; tổ chức hội thảo, tọa đàm tư vấn phương pháp học tập [H8.08.03.10]. Bên cạnh đó, trợ lý Khoa LKT sẽ liên lạc trực tiếp cho phụ huynh và SV về vấn đề cảnh báo học vụ. Về phía GV, chủ động tăng tiết dạy thêm và tăng giao tiếp qua Email, qua mạng xã hội, qua gặp ngoài giờ cho những đối tượng này để hỗ trợ

tối đa cho SV còn gặp khó khăn trong học tập... Khoa LKT cũng phân công GV hướng dẫn tư vấn cho SV về việc chọn nơi thực tập, làm báo cáo tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp; GV cùng với nhà trường hỗ trợ thêm các kênh thông tin tìm kiếm chỗ thực tập/thực hành và tìm kiếm việc làm bán thời gian cho SV đang học hoặc toàn thời gian cho SV tốt nghiệp ra trường... [H8.08.03.11].

Tỷ lệ SV đầu vào có học lực khá, giỏi tăng; tỷ lệ SV ngành Luật được Nhà trường khen thưởng gia tăng qua mỗi năm; tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp của SV ngành Luật cũng được giảm xuống rõ rệt là nhờ vào hệ thống giám sát, theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp, đồng thời có những chiến lược và biện pháp hỗ trợ SV kịp thời [H8.08.03.12], [H8.08.03.13].

2. Điểm mạnh:

Hệ thống giám sát cấp Trường và Khoa về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học được xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả dưới nhiều hình thức khác nhau, giúp Khoa nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học chuyên ngành Luật.

3. Điểm tồn tại:

SV cung cấp các kênh thông tin liên lạc nhiều trường hợp chưa chính xác gây khó khăn cho Khoa trong việc liên lạc với SV và phụ huynh. Vì vậy, việc thông báo các trường hợp bị cảnh báo học tập của một số SV chưa đạt 100% như kế hoạch.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ Cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa LKT sẽ phối hợp trong việc lấy các thông tin liên lạc cá nhân SV như: số điện thoại của SV và của phụ huynh; địa chỉ nơi ở;	P.QLĐT; P.CTCTSV&HTDN; Khoa LKT	Thường niên (từ năm 2025-2026)	

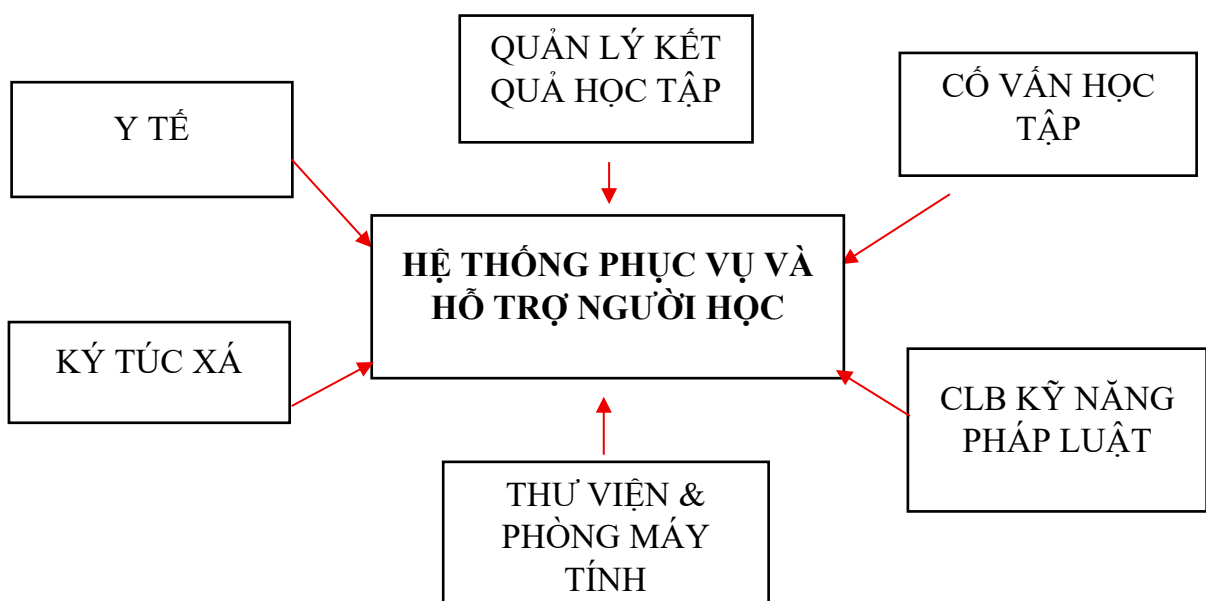
		facebook và một số trang mạng xã hội khác cập nhật nhất để thuận tiện liên hệ SV khi hỗ trợ trong học tập.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tăng cường hệ thống giám sát cấp Trường và cấp Khoa bằng việc bổ sung thêm nhân sự và biện pháp giám sát hiệu quả hơn	P.QLĐT, Khoa LKT	Thường niên (từ năm 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 8.4. Hoạt động tư vấn học tập, nghiên cứu khoa học, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác, nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường nói chung và ở Khoa LKT nói riêng xác định các công tác tư vấn học tập, NCKH, hoạt động ngoại khóa trong là nhiệm vụ quan trọng để giúp người học lĩnh hội được các kiến thức chuyên môn sâu rộng và hoàn thiện các kỹ năng mềm. Do đó, để hỗ trợ tốt nhất cho SV Khoa LKT trong học tập, NCKH, hoạt động ngoại khóa, Nhà trường và Khoa LKT đã xây dựng hệ thống hỗ trợ theo sơ đồ:



Hình 8.1. Hệ thống hoạt động và hỗ trợ người học Khoa LKT

Phòng QLĐT, Phòng CTCTSV&HTDN và Khoa LKT chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của SV ngành Luật, cũng như các hoạt động giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, cảnh báo học vụ... Lãnh đạo Khoa và GV làm cố vấn học tập, Trợ lý Khoa chịu trách nhiệm trực tiếp các hoạt động này. Ngoài ra, Ban cán sự lớp là lực lượng nòng cốt hỗ trợ Khoa tổ chức thực hiện các hoạt động học tập, rèn luyện và các hoạt động sinh hoạt khác. Ban Cán sự lớp chủ động theo dõi, nắm bắt tình hình SV, thường xuyên liên lạc với Cố vấn học tập nhằm giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình học tập và rèn luyện tại Trường. Về phía nhà Trường, một Phó Hiệu trưởng được phân công trực tiếp chỉ đạo hoạt động công tác này trong toàn Trường [H8.08.04.01].

Khoa LKT thường xuyên liên hệ với Phòng CTCTSV&HTDN tư vấn việc làm cho SV, mở rộng các mối quan hệ với các DN, tăng cường phối hợp thực tiễn để nâng cao công tác giảng dạy học tập của nhà Trường, giới thiệu SV từ nhà Trường cho các DN có nhu cầu, giới thiệu việc làm thực tập cho SV năm cuối. Ngoài ra, Khoa LKT còn thường xuyên tham dự các hội thảo, các buổi tư vấn phổ biến kinh nghiệm chinh phục nhà tuyển dụng, tổ chức ngày Hội việc làm... do trường tổ chức [H8.08.03.11].

+ Về công tác đào tạo: Một hệ quy trình được thiết lập để triển khai và giám sát công tác đào tạo như Quy chế học vụ; hệ thống các quy trình nghiệp vụ như: Quy trình hướng dẫn và chấm khóa luận tốt nghiệp, báo cáo thực tập; Quy trình xét tốt nghiệp; Quy trình tổ chức thi học kỳ [H8.08.04.02].

Đầu các khóa học và năm học, Khoa LKT theo phân công của trường đã tổ chức gặp mặt tân SV để phổ biến chi tiết, đầy đủ mục tiêu đào tạo, CTĐT ngành Luật và các văn bản hướng dẫn của Nhà trường; các chế độ, chính sách liên quan đến hoạt động học tập của SV. SV cũng có thể nắm bắt các thông tin trên khi vào Website của Phòng QLĐT, Khoa LKT, Sổ tay SV... [H8.08.04.03], [H8.08.04.04].

Đối với những SV khóa mới, Lãnh đạo Khoa chú trọng quan tâm và chỉ đạo cho GV tham gia sinh hoạt lớp, Ban chủ nhiệm Khoa tổ chức cuộc gặp mặt tân SV để giới thiệu về lịch sử phát triển, cơ cấu tổ chức, đội ngũ GV, CTĐT, phương thức đào tạo, phương pháp học tập trong trường đại học và giải đáp một số thắc mắc của tân SV

[H8.08.04.05]. Đến giữa năm học, Nhà trường và Khoa có tổ chức đối thoại giữa SV và lãnh đạo Nhà trường nhằm thu thập thông tin phản hồi của SV về tất cả hệ thống quản lý của Trường, Khoa để có thể làm hài lòng người học. Vào học kỳ cuối khoá học SV được Khoa tổ chức buổi hướng dẫn viết báo cáo thực tập, khóa luận tốt nghiệp và cung cấp thông tin đầy đủ về các biểu mẫu báo cáo thực tập. Khi SV đi thực tập, thực tế, Lãnh đạo Khoa phân công GV hướng dẫn SV đi thực tập, thực tế tại các cơ sở [H8.08.01.09], [H8.08.04.06].

NCKH của SV là hoạt động luôn được Nhà trường và Khoa LKT quan tâm hết mực. Tất cả SV đều được khuyến khích tham gia NCKH. SV được tạo điều kiện tham gia các đề tài, chương trình nghiên cứu và trao đổi học tập cùng các cán bộ giảng dạy và nghiên cứu của Trường. Các chương trình Hội thảo Khoa học của Trường và Khoa LKT tăng dần về số lượng và chất lượng hằng năm nên đã thu hút hàng nhiều SV tham gia [H8.08.04.07].

Để hỗ trợ cho việc học tập và NCKH của SV, Khoa LKT giới thiệu SV đến thư viện Nhà trường để tìm kiếm, nghiên cứu giáo trình, tài liệu học tập sát với CTĐT mà mình đang theo học. Cơ sở dữ liệu trực tuyến của trường được cập nhật liên tục nhằm hỗ trợ tối đa cho SV về nguồn tài liệu học tập và NCKH [H8.08.04.08].

+ Về các hoạt động ngoại khóa, các dịch vụ hỗ trợ khác: Phòng CTCTSV&HTDN giữ vai trò chính trong công tác quản lý giáo dục về phẩm chất đạo đức, nhân cách của SV. Để thực hiện tốt các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học, Phòng CTCTSV&HTDN đã xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể và Khoa LKT đã tham gia đầy đủ, tích cực [H8.08.03.11],[H8.08.04.09].

+ Hệ thống hoạt động phục vụ, hỗ trợ SV: Cổng thông tin điện tử Trường là trang ngôn luận chính thống của Nhà trường, mọi thông tin liên quan đều được thể hiện một cách trực quan, cụ thể, rõ ràng thông qua chuyên mục SV. Website của Phòng QLĐT, Phòng QLKH&HTQT, Khoa LKT, Thư viện, Phòng CTCTSV&HTDN, Sổ tay SV là những kênh giúp SV nắm bắt nhanh chóng, cụ thể các thông báo và hướng dẫn đăng ký môn học, đóng học phí, TKB, lịch thi, kết quả thi, cảnh báo học vụ, phúc khảo, thực tập, ngoại khóa, tốt nghiệp, việc làm... [H8.08.04.04].

Quỹ học bổng của trường dành cho SV với nhiều chương trình phong phú để động viên, khích lệ SV đạt thành tích cao trong học tập, hoạt động phong trào, đồng thời hỗ trợ SV gặp hoàn cảnh khó khăn về tài chính. Ngoài ra, SV cũng có thể nhận được các học bổng được tài trợ bởi chính các đối tác, doanh nghiệp ký kết hợp tác với Trường ĐHPT. Tất cả hoạt động này hỗ trợ rất tốt cho SV ngành Luật an tâm học tập [H8.08.04.10].

Bảng 8.2. Thống kê các hoạt động huy động học bổng

STT	Hoạt động	Giá trị (VNĐ)	Ghi chú
1	Học bổng huy động năm 2021-2022	76.500.000đ 648Euro	Học bổng huy động gồm học bổng khuyến học và học bổng từ các doanh nghiệp đồng hành với Nhà trường.
2	Học bổng huy động năm 2022-2024	750USD 648Euro 357.500.000đ	
3	Học bổng huy động năm 2023-2024	648Euro 630.500.000đ	
4	Học bổng huy động năm 2024-2025	446.000.000đ	

Ngoài các dịch vụ hỗ trợ khác, tất cả những SV ngành luật thuộc diện chính sách đều được Trường ĐHPT đảm bảo thực hiện các chế độ chính sách xã hội đúng theo quy định Nhà nước bảo đảm vay tiền của Ngân hàng chính sách xã hội tạo điều kiện cho SV Luật học tập và sinh hoạt thông qua hoạt động xác nhận SV giới thiệu về địa phương để vay tiền.

Bảng 8.3. Thống kê các hoạt động hỗ trợ SV vay vốn học tập

STT	Hoạt động	Số lượng	Thời gian
1	Cấp giấy xác nhận cho SV vay vốn năm 2021	63	Đầu mỗi học kỳ
2	Cấp giấy xác nhận cho SV vay vốn năm 2022	398	Đầu mỗi học kỳ

STT	Hoạt động	Số lượng	Thời gian
3	Cấp giấy xác nhận cho SV vay vốn năm 2023	441	Đầu mỗi học kỳ
4	Cấp giấy xác nhận cho SV vay vốn năm 2024	443	Đầu mỗi học kỳ
5	Cấp giấy xác nhận cho SV vay vốn năm 2025	68	Đầu mỗi học kỳ

Về hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao: Dựa trên kế hoạch đầu năm học, kế hoạch triển khai các hoạt động chính trong năm học, chương trình chào đón tân SV, các giải bóng đá cho SV nam/nữ và các hoạt động văn hóa, văn nghệ chào mừng các ngày lễ lớn. Các hoạt động học thuật dành cho SV Khoa LKT được tổ chức khá phong phú, đa dạng và hoạt động hiệu quả như: CLB Kỹ năng Pháp luật, Rung chuông vàng đã thu hút số lượng lớn SV tham gia [H8.08.04.11].

Về sức khỏe: Tất cả SV của trường đều được hỗ trợ các vấn đề về sức khỏe (sơ cứu khi có tai nạn, khám sức khỏe, bảo hiểm y tế), tư vấn tâm lý cho SV. Việc khám sức khỏe cho SV được tổ chức khám khi SV nhập học và ra trường. SV được nhà trường hỗ trợ đăng ký bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn cho SV. Bên cạnh đó, SV còn được tư vấn tâm lý miễn phí khi có nhu cầu [H8.08.04.12].

Định hướng nghề nghiệp và giới thiệu việc làm: Hằng năm, Trường đều tổ chức ngày Hội việc làm cho SV, năm 2022 có 30 DN, năm 2023 có 50 DN, năm 2024 có 40 DN, năm 2025 có 25 DN, các công ty và doanh nghiệp đã đem đến 1000 vị trí việc làm việc cho SV thuộc đa dạng các lĩnh vực: nhân sự, biên phiên dịch, hành chính, du lịch, kế toán - kiểm toán, chuyên viên tư vấn pháp lý, marketing, ... [H8.08.03.11], [H8.08.04.13].

Dịch vụ tiện ích: Hiện nay KTX Trường ĐHPT đáp ứng được khoảng 40% nhu cầu chỗ ở nội trú của SV. Căn tin hiện nay có cung cấp dịch vụ karaoke giải trí và truyền hình trực tiếp các giải đấu lớn của Đội tuyển Việt Nam phục vụ nhu cầu của SV. Thư viện của nhà trường đã tăng thời gian mở cửa các phòng tự học cho SV nhất là vào các đợt thi học kỳ của nhà trường. Đa số các phòng học của nhà trường đã được lắp điều hòa và các trang thiết bị hiện đại phục vụ cho học tập [H8.08.04.14].

Hàng năm, thông qua việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ SV về khóa học, về chất lượng đội ngũ NV hỗ trợ, và về tác động của các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động

ngoại khóa, dịch vụ hỗ trợ lên kết quả học tập, rèn luyện của SV, Khoa LKT phối hợp để có kết quả khảo sát nhằm điều chỉnh hoạt động giảng dạy, quản lý SV Luật. Qua đó, Khoa LKT sẽ phát huy những mặt tích cực và có những hành động khắc phục/cải tiến kịp thời những tồn tại nhằm nâng cao chất lượng phục vụ. Kết quả khảo sát ý kiến SV về hiệu quả các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học cho thấy SV Khoa LKT hài lòng cao về hoạt động này [H8.08.04.15].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường và Khoa LKT đã xây dựng hệ thống tổ chức công tác hỗ trợ SV trong học tập và rèn luyện, NCKH, hoạt động ngoại khóa,... được phân nhiệm rõ ràng, liên kết tạo nên sự đa dạng và phong phú. Các biện pháp này đã phát huy tác dụng, giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của SV.

Đội ngũ Cố vấn học tập chuyên trách của Khoa LKT là các GV đầy nhiệt huyết và nhiều kinh nghiệm trong công tác, luôn sẵn sàng hỗ trợ và tư vấn kịp thời cho SV khi cần thiết.

3. Điểm tồn tại:

Trên thực tế, hệ thống giám sát người học của Trường ĐHPT còn hạn chế, phụ thuộc nhiều vào người giám sát nên chất lượng việc theo dõi giám sát giờ học, tình hình học tập của SV chưa được bao quát kịp thời.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ Cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng hệ thống giám sát bằng camera hiện đại, hạn chế tối đa sự phụ thuộc vào con người. Tích cực phổ biến rộng rãi thông tin về các hoạt động cho sinh viên kịp thời,	BGH, P.TCHC, Khoa LKT	Thường niên (từ năm 2025-2026)	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ Cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		nhANH chóng thông qua tất cả các kênh.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống tổ chức công tác hỗ trợ SV trong học tập và rèn luyện, NCKH, hoạt động ngoại khoá.	P.QLĐT, Khoa LKT	Thường niên (từ năm 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả hiện trạng:

Trường ĐHPT có đủ số phòng học, giảng đường, phòng thực hành phục vụ cho việc giảng dạy, học tập và NCKH đáp ứng yêu cầu học tập và NCKH của SV và GV ngành Luật. Trường ĐHPT được tọa lạc tại khu vực trung tâm Thành phố Phan Thiết, với khuôn viên rộng 12ha, Trường định hướng đến sự kết hợp giữa xanh, sạch, đẹp và hiện đại. Bằng việc trang bị CSVC đầy đủ, SV của Trường sẽ có được điều kiện học tập tốt nhất. Tất cả các phòng học đều được trang bị đầy đủ thiết bị phục vụ công tác dạy và học. Khu hiệu bộ, giảng đường, các phòng/khoa,... KTX được bố trí khoa học, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH của CTĐT. Cảnh quan sư phạm của Trường và Khoa LKT luôn sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái cho tất cả các SV. Trang bị máy điều hòa cho các phòng học, phòng làm việc, phòng nghỉ cho các GV từ xa đến công tác. Nhà trường có bộ phận xây dựng, giám sát thực hiện kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thực hành, thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ, dưới sự chỉ đạo trực tiếp từ BGH [H8.08.05.01].

Nhà trường có ban hành nội quy/quy tắc ứng xử trong Nhà Trường cho tất cả sinh viên, nhân viên, giảng viên [H8.08.05.01], [H8.08.05.02].

Cảnh quan, môi trường tâm lý, xã hội, không khí làm việc và học tập thân thiện là những điều kiện bên ngoài môi trường học tập của người học và cũng là nhân tố tác động đến kết quả học tập và NCKH của SV. Chính vì vậy, Nhà trường và Khoa LKT luôn nỗ lực trong việc xây dựng môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu cho CBGVNV và SV.

Nhà trường có quy định văn hoá công sở trong đó nhấn mạnh đến văn hoá ứng xử trong Nhà trường, ban hành các nội quy giảng đường, nội quy Thư viện. Hơn 15 năm qua, những chuẩn mực văn hóa ứng xử đó đã được các thế hệ CBGVNV và SV Trường ĐHPT trân trọng, thực hiện nghiêm túc. Điều đó đã trở thành một nét truyền thống của Trường [H8.08.05.01].

Hiện nay, khuôn viên Nhà trường có nhiều cây xanh, không gian thoáng đãng, sạch sẽ, đặc biệt là Trường có các sân bóng rổ, sân bóng chuyền và bóng đá để SV có thể tham gia các hoạt động thể thao sau những giờ học. Tất cả các phòng học luôn sạch sẽ, vệ sinh. Khu giảng đường, các khoa/phòng/ban... được bố trí khoa học, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH của CTĐT. Hiện nay, cơ sở đào tạo của Trường ĐHPT có 30 phòng học. 15 phòng thực hành/xưởng, 1 Thư viện 600 m², 03 phòng máy tính, 1 hội trường lớn 500 chỗ ngồi, sân vận động,... [H8.08.05.01].

Ngoài ra, Nhà trường còn quan tâm đến cảnh quan sư phạm của Trường/Khoa, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái cho tất cả các đối tượng trong toàn trường. Khoa luôn tạo dựng môi trường học tập và sinh hoạt cho SV ngành Luật được thuận lợi, thoải mái nhất. SV dễ dàng liên hệ với Khoa thông qua Trợ lý Khoa, Giảng viên một cách dễ dàng, thân thiện. Tất cả các vấn đề có liên quan đến học tập, chính sách hỗ trợ cho SV, hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ, Khoa luôn cố gắng thông tin đến SV kịp thời, rõ ràng nhất. Nếu SV cần sự hỗ trợ về các vấn đề khác ngoài học tập, tất cả thành viên của Khoa LKT kể cả Trưởng Khoa đều luôn sẵn lòng. Với các trường hợp gia cảnh khó khăn hoặc gặp trở ngại về tâm lý làm ảnh hưởng đến việc học tập, Trợ lý khoa sẽ kết hợp với CVHT trao đổi, tư vấn giúp đỡ SV. Hàng năm, Nhà trường; Khoa LKT có khảo

sát, lấy ý kiến người học và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan khuôn viên Trường; Khoa [H8.08.05.02].

SV Khoa LKT được tham gia BHYT, BHTN đồng thời đều được Khoa thông báo tham dự các buổi tư vấn sức khỏe học đường, tâm lý do các đơn vị trong Trường tổ chức đầy đủ [H8.08.05.03].

Công tác phòng chống cháy nổ trong Nhà trường cũng được quan tâm thường xuyên. Những bảng nội quy Trường và thông báo nghiêm cấm hút thuốc lá trong toàn khuôn viên Nhà trường được treo ở các vị trí dễ nhìn để mọi người xem và thực hiện. Hệ thống thiết bị phòng cháy chữa cháy tại các giảng đường, phòng thực hành... được trang bị đầy đủ. Nhà trường phối hợp với Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH TP. Phan Thiết, mở các lớp huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho lực lượng PCCC&CNCH của Trường [H8.08.05.04].

Nhà trường và Khoa thường duy trì tổ chức các chương trình tư vấn, chia sẻ kiến thức, kỹ năng chăm sóc sức khỏe cho SV. Vì sức khỏe là yếu tố quan trọng để người học thực hiện nhiệm vụ học tập và NCKH của mình. Những hoạt động y tế học đường này sẽ do các tổ, ban chuyên trách về y tế học đường lập kế hoạch và thực hiện [H8.08.04.12]. Ngoài ra, Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm tại Căn tin của Nhà trường cũng được quan tâm thường xuyên. Căn tin của nhà trường đã được sở y tế kiểm tra và cấp giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm [H8.08.05.05]. Hàng năm, Nhà trường và Khoa LKT tổ chức khảo sát ý kiến SV và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cơ sở vật chất của Nhà trường và nhận được sự đồng thuận cao [H8.08.05.02].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường theo kế hoạch và đề xuất của Khoa LKT luôn quan tâm và thường xuyên cải tạo CSVC, cải thiện môi trường cảnh quan, vệ sinh an toàn cho GV, NV và SV để đáp ứng được các yêu cầu về môi trường tâm lý, xã hội, khơi nguồn cảm hứng tư duy sáng tạo cho người học.

3. Điểm tồn tại:

Nhà trường chưa trang bị CSVC phục vụ những người học khuyết tật hoặc hoàn cảnh đặc biệt

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ Cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức khảo sát số SV có nhu cầu đặc biệt để có kế hoạch trang bị CSVC ở các cơ sở đào tạo. Bố trí phòng học hợp lý, thành lập tổ sinh viên tình nguyện trong tổ chức Đoàn để hỗ trợ những người học khuyết tật/hoàn cảnh đặc biệt.	P.TCHC, Khoa LKT	Thường niên (từ năm 2025-2026)	
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường tiếp tục đầu tư xây dựng các tòa nhà giảng đường, khu thực hành, hồ bơi, sân tennis, bãi giữ xe để phục vụ cho người học.	HĐT, BGH, P.TCHC	Thường niên (từ năm 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 8:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Công tác tuyển sinh của Khoa LKT, cụ thể là ngành Luật đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, được định lượng rất rõ ràng, tạo thế mạnh cho Khoa tuyển được nguồn thí sinh nhập học ngành Luật với chất lượng đầu vào phù hợp. Với các phương thức tuyển sinh đa dạng tiêu chí lựa chọn người học, hình thức thi/xét tuyển và phương pháp tuyển chọn được quy định rõ ràng, liên tục rà soát, đánh giá và cải tiến hằng năm, quảng bá rộng rãi trên khắp các phương tiện truyền thông.

Hệ thống giám sát cấp Trường và Khoa về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học được xây dựng và triển khai thực

hiện hiệu quả dưới nhiều hình thức khác nhau, giúp Khoa nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học chuyên ngành Luật.

Công tác hỗ trợ SV Luật trong học tập và rèn luyện, NCKH, hoạt động ngoại khoá ... được phân nhiệm rõ ràng, liên kết tạo nên sự đa dạng và phong phú. Các biện pháp này đã phát huy tác dụng, giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của SV.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Khoa LKT chưa lấy ý kiến đầy đủ của phụ huynh SV khi xây dựng các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh ngành Luật một cách bài bản mà chỉ thông qua phỏng vấn SV. Các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khoá của SV Luật chưa nhiều. Số lượng sách phục vụ cho việc học tập của SV Luật ở thư viện còn hạn chế. Hệ thống giám sát người học của Trường ĐHPT còn thiếu thiết bị theo dõi, còn phụ thuộc vào người giám sát nên vẫn còn hạn chế về việc theo dõi giám sát giờ học, tình hình học tập của SV.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 8:

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn 8 gồm có 5 tiêu chí, trong đó 5 tiêu chí đều đạt điểm 5/7.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu:

Trường ĐHPT trang bị đầy đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị đảm bảo phục vụ tốt cho các hoạt động dạy, học, NCKH của Nhà trường. CSVC của Trường ĐHPT ngày càng hoàn thiện qua công tác đầu tư sửa chữa, xây dựng mới. Không gian học tập của SV ngày càng được cải tạo, đem lại một không gian học tập mới mẻ, khang trang hơn. Nhà trường luôn chú trọng trong việc đầu tư các trang thiết bị hiện đại phục vụ cho công tác nghiên cứu giảng dạy và học tập. Thư viện của Trường hiện đại, với nguồn học liệu phong phú, phòng đọc rộng thoáng có sự kết nối với các nguồn tư liệu đa dạng đáp ứng được nhu cầu của người học. Hệ thống phòng TN-TH và hệ thống CNTT được trang bị đầy đủ các trang thiết bị mới, hiện đại, phù hợp và luôn được cập nhật đã hỗ trợ tốt cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của thầy và trò Trường ĐHPT.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng:

Mục tiêu về cơ sở vật chất của Trường là “Hiện đại hóa và hiệu quả hoá trong đầu tư xây dựng cơ bản, trong công tác tài chính và quản trị thiết bị giáo dục. Đáp ứng ngày một tốt hơn cơ sở vật chất và nguồn lực tài chính phù hợp với sự phát triển của Nhà trường theo định hướng đại học ứng dụng” [H9.09.01.01].

Việc đầu tư mạnh cơ sở vật chất luôn nằm trong chiến lược phát triển của nhà trường, nhằm đáp ứng tốt nhất với các tiêu chuẩn cho việc đào tạo từ khi mới thành lập [H9.09.01.01], [H9.09.01.02], [H9.09.01.03]. Trường có tổng diện tích đất được giao là 119.875,9 m², trong đó 11.494,82 m² là diện tích sàn cho các hoạt động đào tạo và NCKH, tỷ lệ diện tích diện tích sàn đạt 6,97m²/SV đáp ứng tốt tiêu chuẩn theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT, đồng thời tạo điều kiện lý tưởng cho môi trường học tập, nghiên cứu và sinh hoạt của CBGVNV và SV. Trường hiện có 30 phòng học lý thuyết, được bố trí khoa học, đảm bảo thông thoáng, đủ ánh sáng và trang bị các công cụ hỗ trợ giảng dạy hiện đại. Ngoài ra, Nhà trường còn có 7 phòng thí nghiệm, 7 phòng thực hành chuyên ngành, 1 xưởng thực hành ô tô (phục vụ các ngành kỹ thuật), 6 phòng học đa phương tiện với hệ thống máy chiếu, máy tính đồng bộ, đáp ứng nhu cầu học tập tích hợp công nghệ số cho SV khoa LKT và các khoa khác [H9.09.01.04]. Với sự trang bị đầy đủ và hiện đại hóa CSVC và trang thiết bị, Nhà trường đã mang đến sự hài lòng cho hầu hết SV, GV và CBNV khi tham tham học tập, làm việc và nghiên cứu tại Khoa LKT và Trường [H9.09.01.04].

Các phòng học, phòng chức năng và làm việc đều được xây dựng dựa trên tỷ lệ diện tích phù hợp với chức năng và quy mô hiện tại [H9.09.01.05]. Với số lượng SV hiện có tại Trường ĐHPT thì số phòng học đủ đáp ứng theo thời khóa biểu.

Để có thể điều hành và quản lý tốt CSVC và trang thiết bị, Nhà trường đã thành lập bộ phận xây dựng chiến lược CSVC và quản trị thiết bị, thuộc quản lý của Phòng TC-HC, với chức năng xây dựng, giám sát thực hiện kế hoạch đầu tư, theo dõi sử dụng hiệu quả tài sản của trường, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và hạ tầng, các phương tiện dạy và học, các phòng thực hành, thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ cho tất cả các ngành đào tạo của Trường nói chung và ngành Luật nói riêng [H9.09.01.06].

Bộ phận xây dựng chiến lược CSVC và quản trị thiết bị, thuộc quản lý của Phòng TC-HC luôn có kế hoạch mua mới và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị. Các chiến lược điều hành, giám sát và nâng cao cơ sở hạ tầng và trang thiết bị đều được lưu trữ đầy đủ qua các hệ thống văn bản về quản lý tài sản, hệ thống văn bản quy định về việc mua, quản lý, sử dụng, bảo quản, kiểm tra và nâng cấp trang thiết bị [H9.09.01.07], [H9.09.01.08], [H9.09.01.09]. Việc nhận, bàn giao, sửa chữa và bảo dưỡng CSVC cùng với trang thiết bị đều được thực hiện đầy đủ và nghiêm túc thông qua các quy trình và quy định rõ ràng và chặt chẽ từ khâu dự toán đầu tư, tập huấn cách thức sử dụng, phương thức vận hành, bảo trì, sửa chữa định kỳ,...cho đến khâu kiểm kê và nâng cấp. Nhà trường đã ban hành nội quy và hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị trong phòng nhằm giúp cho CBGVNV cũng như SV toàn trường nói chung và SV Khoa LKT nói riêng, có thể sử dụng tối đa hiệu quả, đồng thời tránh việc hư hao tài sản, gây lãng phí cho Nhà trường [H9.09.01.10]. Bên cạnh đó, Bộ phận xây dựng chiến lược cơ sở vật chất và quản trị thiết bị, thuộc quản lý của Phòng TC-HC có sổ theo dõi tần suất khai thác các trang thiết bị, qua sổ theo dõi cho thấy, các trang thiết bị được sử dụng với tần suất sử dụng 10 tiết/ngày vẫn hoạt động tốt, khi có sự cố đều được tổ kỹ thuật bảo trì sửa chữa kịp thời. Tại mỗi lớp học đều có thông tin và số điện thoại của tổ kỹ thuật của Phòng TC-HC, nên khi có sự cố xảy ra thì tổ kỹ thuật hỗ trợ kịp thời, đảm bảo quá trình dạy và học được diễn ra liên tục phục vụ tốt nhất cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu [H9.09.01.11]. Bên cạnh đó, Nhà trường luôn có kế hoạch và tổ chức thực hiện việc mua sắm thiết bị, vật tư kỹ thuật, dụng cụ, công cụ phục vụ kịp thời cho giảng dạy, học tập, nghiên cứu và làm việc của toàn trường [H9.09.01.07], [H9.09.01.08], [H9.09.01.12], [H9.09.01.13].

Các trang thiết bị phục vụ dạy, học và NCKH đều được Phòng KH-TC lập dự toán đầu tư, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng trên cơ sở tổ chức hệ thống quản lý, đầu tư ngân sách từ các nguồn vốn và dự toán hằng năm. Bộ phận xây dựng chiến lược CSVC và quản trị thiết bị phối hợp với phòng Kế toán tài chính kiểm kê và đánh giá chất lượng cơ sở hạ tầng và trang thiết bị để lập báo cáo, từ đó lên kế hoạch dự trù ngân sách để thanh lý và đầu tư ngân sách cho việc bổ sung trang thiết bị cùng với việc nâng cấp CSVC - hạ tầng nhằm đáp ứng tốt nhu cầu về đào tạo [H9.09.01.12].

Nhà trường có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo theo quy định hiện hành. Nhà trường bố trí Văn phòng Khoa tại khối nhà giảng đường, phòng học cho người học, phòng sinh hoạt chung, thảo luận nhóm, phòng họp, phòng thực hành. Hệ thống máy tính tại văn phòng Khoa được cài đặt các phần mềm quản lý hoạt động đào tạo như đăng ký tín chỉ, quản lý thi học phần...[H9.09.01.14].

Nhà trường hiện có 26 phòng làm việc, phục vụ cho CBGVNV và công tác quản lý, được bố trí hợp lý, đảm bảo sự thuận tiện, hiệu quả trong vận hành và điều phối hoạt động giảng dạy – nghiên cứu [H9.09.01.15]. Phòng đọc tại Thư viện có hệ thống máy tính được kết nối internet, kết nối hệ thống học liệu quốc gia, quốc tế, đáp ứng được nhu cầu khai thác dữ liệu của cán bộ, giảng viên và người học [H9.09.01.16]. Trường còn có ký túc xá 700 chỗ. Có các phòng ở riêng cho giảng viên thỉnh giảng từ các nơi khác về tham gia giảng dạy tại trường [H9.09.01.17]. Ngoài ra, trường thống kê nhu cầu sửa chữa, nâng cấp hoặc thay mới tài sản, thiết bị từ các phòng ban, các khoa để lập kế hoạch mua sắm trong năm tiếp theo; có dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng học, phòng thực hành, thiết bị đối với từng loại hình đào tạo, NCKH và PVCD [H9.09.01.18].

Hàng năm, Nhà trường có phân bổ kinh phí để sửa chữa, nâng cấp các phòng học và mua sắm các trang thiết bị phù hợp với nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu. Nhà trường đã và đang tiến hành xây dựng khối tòa nhà giảng đường và phòng làm việc mới đáp ứng nhu cầu tuyển sinh (làm căn cứ xác định tuyển sinh - số SV/diện tích xây dựng) theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT đã ban hành [H9.09.01.19].

Nhà trường và Khoa đã thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến về sự hài lòng của sinh viên về mức độ đáp ứng của cơ sở vật chất, các hoạt động hỗ trợ người học, hoạt động nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của Nhà trường [H9.09.01.20]. Khoa LKT định kỳ tổ chức sinh hoạt lớp, các buổi sinh hoạt đối thoại giữa SV với ban lãnh đạo, hội nghị CBGVNV năm học để tiếp nhận các ý kiến đóng góp SV, giảng viên và nhân viên về CSVC phục vụ dạy và học [H9.09.01.21]. Ý kiến đóng góp này được chuyển về các phòng ban chức năng của Trường cụ thể như: điều kiện vật chất chưa tốt, máy chiếu mờ, bảng cũ, phòng học nóng,... vấn đề này được Khoa trao đổi với phòng quản trị thiết

bị để kịp thời đề xuất sửa chữa, khắc phục. Kết quả trung bình có trên 52% SV hài lòng về tiêu chí này [H9.09.01.22].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã đáp ứng đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng với các trang thiết bị hiện đại để hỗ trợ tốt cho nhu cầu học tập, giảng dạy và NCKH của GV và SV. Nhà trường có kế hoạch kiểm tra định kỳ, kế hoạch sửa chữa và nâng cấp các trang thiết bị.

3. Điểm tồn tại:

Với số lượng tuyển sinh của trường nói chung và Khoa LKT nói riêng ngày càng tăng, cần phải có thêm số lượng phòng học và phòng thực hành, và khu ký túc xá cho SV. Tất cả các dự án mở rộng cơ sở vật chất vẫn đang nằm trong kế hoạch chuẩn bị thực thi.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường đang có dự án mở rộng thêm khu giảng đường và thực hành/diễn án nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH ngày càng tăng. Nhà nghỉ của GV được xây dựng thành khu riêng, tăng thêm phòng ký túc xá phục vụ ăn ở, tạo sự thuận tiện nhất cho nhiều SV ở xa học tại trường.	BGH, P.TCHC	Từ năm học 2025 - 2026	
2	Phát huy	Thường xuyên rà soát nhu cầu để nâng cấp hệ thống trang thiết bị, công	- BGH - P.KHTC	Từ năm 2025 - 2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
	điểm mạnh	cụ dạy học, thực hành phù hợp với nhu cầu học tập, giảng dạy.	- P.TCHC		

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng:

Thư viện Trường được thành lập, tổ chức và hoạt động từ năm 2009, có chức năng phục vụ việc học tập và nghiên cứu của tập thể GV và SV đang học tập, nghiên cứu và làm việc tại Trường [H9.09.02.01], với tổng diện tích sàn hiện nay là 600m² gồm các phòng đọc dành cho SV, CBGVNV, phòng thư viện điện tử, kho sách, báo, tạp chí, Phòng tự học phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu và làm việc theo nhóm hoặc cá nhân [H9.09.02.02], cùng với đó là hệ thống các phòng được kết nối liên hoàn, hỗ trợ 100 chỗ ngồi, phủ sóng Wifi khắp khuôn viên Trường [H9.09.02.03]. Kết cấu thư viện được bố trí hợp lý gồm các phòng đọc dành cho HV, CBGVNV rộng rãi, thoáng mát và đầy đủ ánh sáng; khu tự học được bố trí riêng biệt rộng rãi cho HV; khu đọc sách kết nối với các nguồn sách và tư liệu đa dạng, thư viện được tin học hóa liên tục và có đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp đã phục vụ hiệu quả cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Các cán bộ quản lý thư viện đều phải có chuyên môn và nghiệp vụ tốt về quản lý thư viện [H9.09.02.04]. Nhà trường đã cử nhân sự làm việc tại thư viện thường xuyên đi học các nghiệp vụ về quản lý để nâng cao hiệu quả làm việc và cập nhật những kiến thức mới giúp nhà trường xây dựng chiến lược phát triển hệ thống thư viện được tốt hơn [H9.09.02.05]. Trường xây dựng hệ thống quy trình quản lý từ đầu vào đến đầu ra của các nguồn tài liệu chặt chẽ, đồng thời, để phục vụ người sử dụng một cách có hiệu quả, thư viện đã xây dựng các quy định về mượn trả tài liệu, quy định về xử phạt, quy định về việc sử dụng và thời gian mở cửa [H9.09.02.06], [H9.09.02.07], [H9.09.02.08].

Trong những năm vừa qua, Trường ĐHPT tập trung cho xây dựng cơ sở hạ tầng, tổng số tài liệu, sách tham khảo của Thư viện có khoảng 9466 đầu sách, ấn phẩm như báo chí và tạp chí với số lượng 4540 [H9.09.02.09]. Riêng đối với Khoa LKT, thư viện trường trang bị tổng cộng 138 đầu sách liên quan đến ngành Luật [H9.09.02.10]. Hiện tại, nhà trường đã xây dựng được một hệ thống thư viện điện tử giúp cho sinh viên của trường thuận tiện trong việc tra cứu thông tin thông qua website: <http://lib.upt.edu.vn/> [H9.09.02.11]. Thư viện UPT là thành viên của Hiệp hội Thư viện miền nam, kết nối thư viện điện tử với Thư viện Trường ĐH Tây Đô, Trường ĐH Ngoại Thương và vào tháng 08/2023, Thư viện UPT đã chính thức kết nối vào thư viện số dùng chung của Trung tâm Tri Thức Số thuộc Viện Nghiên cứu và Phát triển Tri thức số Việt Nam để cung cấp, mở rộng thêm nguồn tài liệu học tập, tham khảo cho SV [H9.09.02.13], [H9.09.02.14].

Mỗi năm, Nhà trường luôn có kế hoạch cập nhật và bổ sung nguồn tài liệu dựa trên nguồn kinh phí theo quy chế chi tiêu của trường. Số lượng sách, tài liệu và tạp chí thường xuyên được thống kê và cập nhật định kỳ nhằm xem xét tính cập nhật thông tin của các tài liệu cũng như số lượng sách phải đáp ứng đủ nhu cầu cho số lượng SV ngày càng tăng. Công tác bổ sung tài liệu để tăng nguồn tài liệu tham khảo cho người học và bổ sung giáo trình cho những môn học mới được thực hiện đúng quy trình [H9.09.02.12], [H9.09.02.13], [H9.09.02.14]. Các tài liệu và nguồn học liệu tại thư viện luôn được đảm bảo về bản quyền, được chuyển nhượng sử dụng từ thư viện của trường Đại học Tây Đô và Đại học Ngoại Thương [H9.09.02.15].

CTĐT của Khoa LKT luôn được thay đổi phù hợp với yêu cầu và quy định của Bộ GD&ĐT, vậy nên các giáo trình giảng dạy luôn được cập nhật bổ sung và đổi mới nhiều lần theo chương trình đào tạo. Các tài liệu và giáo trình cập nhật mới nhất luôn được phân phối đầy đủ đến từng SV và lớp học [H9.09.02.16], [H9.09.02.17]. Kết quả của công tác đổi mới giáo trình, tạo ra nguồn tài liệu học tập đầy đủ cho người học luôn được đưa vào tổng kết năm học và phương hướng hoạt động hàng năm của Trường ĐHPT. Trong đó, thư viện đóng vai trò cầu nối để vận hành và tổ chức công tác biên tập và xuất bản giáo trình góp phần nâng cao chất lượng đào tạo [H9.09.02.18].

Hàng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến SV về nguồn học liệu ở thư viện có đáp ứng nhu cầu tra cứu, học tập và NCKH cũng như lịch hoạt động của thư viện.

Kết quả khảo sát qua các năm cho thấy sự hài lòng của SV đối với Thư viện ở hầu hết các yếu tố đều tăng qua từng năm. Kết quả khảo sát ý kiến của các Bộ môn/Khoa cho thấy, thiết bị hỗ trợ giảng dạy đã đáp ứng được yêu cầu của GV, của môn học [H9.09.02.19], [H9.09.02.20].

2. Điểm mạnh:

Giáo trình và các đầu sách tại thư viện đa dạng cho SV tham khảo. Trường đang nỗ lực xây dựng thư viện điện tử, nguồn học liệu cũng như cơ sở dữ liệu trực tuyến được cập nhật liên tục hỗ trợ cho việc đào tạo và NCKH.

3. Điểm tồn tại:

Nguồn tạp chí và nguồn tài liệu chuyên ngành Luật còn hạn chế, nhất là các đầu sách chuyên khảo, sách tham khảo.

Cách quản lý của Thư viện chưa được hiện đại hóa.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa đề xuất thư viện tăng cường mua những đầu sách, tạp chí chuyên ngành, đặc biệt là các sách mới xuất bản để đảm bảo tính cập nhật các tri thức mới trong lĩnh vực LKT; tích cực đẩy mạnh việc biên soạn giáo trình phục vụ việc đào tạo.	- Thư viện - P. KHTC, - Khoa LKT	Từ năm 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Bổ sung nguồn tài liệu về Thư viện để đáp ứng tốt nhu cầu tham khảo tài liệu cho GV, SV. Các nguồn học liệu cũng như cơ sở dữ liệu trực	Thư viện, Khoa LKT P.QLĐT, P.TCHC	Từ năm 2025- 2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		tuyển được đổi mới và cập nhật liên tục.			

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả:

Trường Đại học Phan Thiết trang bị đủ phòng thí nghiệm, thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu cho toàn trường nói chung và cho ngành Luật nói riêng. Hiện tại, Trường đang có 1 hội trường lớn, 30 phòng học từ 50-200 chỗ ngồi, 4 phòng thực hành vi tính, 1 phòng học đa năng, 15 phòng thực hành/thí nghiệm/xưởng, 1 thư viện, 1 phòng tự học [H9.09.03.01], [H9.09.03.02]. Với hệ thống thực hành, phòng mô phỏng hiện đại này tạo cơ hội để các sinh viên có thể vừa học vừa thực hành. Hầu hết các phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị hiện đại, phù hợp, đúng tiêu chuẩn để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H9.09.03.03].

Để các phòng học và phòng thí nghiệm - thực hành được sử dụng hiệu quả và hợp lý, nhà trường đã ban hành các nội quy và hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị trong phòng, bố trí thời khóa biểu thực hành hợp lý để sinh viên sử dụng tối đa công dụng của phòng [H9.09.03.04]. Bên cạnh đó, trường luôn có bộ phận bảo trì trang thiết bị và cơ sở vật chất [H9.09.03.05], [H9.09.03.06] theo dõi thường xuyên tình hình hoạt động và khai thác của các phòng thí nghiệm- thực hành thông qua các ghi ghép vào sổ theo dõi [H9.09.03.07], có nhân sự phụ trách các phòng thí nghiệm – thực hành, quản lý việc sử dụng các trang thiết bị, có đánh giá hiệu quả sử dụng thông qua sổ ghi chép và hồ sơ theo dõi quá trình và quy trình khai thác sử dụng trang thiết bị và cơ sở vật chất của các phòng thí nghiệm thực hành. Nhà trường luôn có các hoạt động bảo trì và bảo dưỡng các trang thiết bị của các phòng thí nghiệm – thực hành thường xuyên để đáp ứng các nhu cầu về thực hành và nghiên cứu thường xuyên.

Bên cạnh đó, các phòng ban chức năng liên quan hằng năm đều lập kế hoạch dự toán đầu tư, sửa chữa, bảo dưỡng theo quy trình; công tác quản lý tài sản, về việc mua, quản lý, sử dụng, bảo quản, kiểm tra và nâng cấp các trang thiết bị đều được thể hiện qua các quyết định và hệ thống văn bản rõ ràng [H9.09.03.08]. Những trang thiết bị của các phòng thí nghiệm – thực hành đều do các Khoa chủ quản đề nghị trang bị và hàng năm Nhà trường đều có kế hoạch mua sắm nâng cấp, bảo dưỡng và trang bị mới [H9.09.03.08], [H9.09.03.09].

Cuối mỗi năm học, bộ phận xây dựng chiến lược cơ sở vật chất và quản trị thiết bị luôn phối hợp với các đơn vị sử dụng tài sản, CSVC tiến hành kiểm kê và đánh giá hiệu quả chất lượng từng tài sản, trang thiết bị, theo từng hạng mục để tổng hợp báo cáo về HĐT, từ đó có kế hoạch đầu tư, bổ sung trang thiết bị cùng với việc nâng cấp CSVC và cơ sở hạ tầng đáp ứng tốt nhu cầu về đào tạo và NCKH [H9.09.03.09], [H9.09.03.10].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị [H9.09.03.11], [H9.09.01.21], [H9.09.03.12]. Đối với những vấn đề ngoài thẩm quyền của Khoa, BCN Khoa sẽ đề xuất, góp ý với BGH Nhà trường hoặc đề xuất trực tiếp cho các phòng ban liên quan.

Định kỳ, Phòng TC-HC và các bộ môn của Khoa tiến hành khảo sát người học, GVNV về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng thực hành và các trang thiết bị. GV và SV đều đánh giá đáp ứng tốt và rất tốt với tỷ lệ trên 80% [H9.09.03.13].

2. Điểm mạnh:

Phòng thí nghiệm – thực hành tin học được trang bị máy móc đầy đủ và hiện đại, đáp ứng đủ cho nhu cầu sinh viên trong thời gian hiện tại.

Nhà trường luôn có kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng hoặc thay mới kịp thời giúp cho quá trình đào tạo và nghiên cứu được diễn ra liên tục và hiệu quả.

3. Điểm tồn tại:

Khoa LKT tận dụng tối đa phòng thực hành, phòng diễn án mà Trường xây dựng.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường đang có kế hoạch khởi công xây dựng thêm phòng học, phòng thí nghiệm thực hành cho các ngành. Khoa LKT có đề xuất Nhà trường cho xây dựng thêm phòng thực hành mô phỏng giúp đáp ứng các tiết thực hành trong các môn học chuyên ngành.	BGH, Khoa LKT	Từ năm 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường có kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng hoặc thay mới định kỳ trang thiết bị máy móc giúp cho quá trình đào tạo và nghiên cứu được diễn ra liên tục và hiệu quả.	BGH, P.TCHC, Khoa LKT	Từ năm 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng:

Hệ thống CNTT của Nhà trường đã được tập trung đầu tư và có khả năng đáp ứng khá tốt nhu cầu giảng dạy, đào tạo và NCKH của Khoa/Trường. Về hạ tầng mạng, Nhà trường hiện sử dụng 2 đường cáp quang tốc độ cao (FTTH) để cung cấp dịch vụ internet cho tất cả các phòng máy, phòng học, nhà làm việc, hội trường và phủ sóng Wifi toàn trường phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH [H9.09.04.01]. Đến đầu năm 2019, Trường có quyết định thành lập bộ phận IT trực thuộc Phòng TC-HC, bộ phận đi vào hoạt động từ tháng 03/2019 và phối hợp với Khoa CNTT để quản lý CNTT của trường, hỗ trợ, hướng dẫn việc sử dụng các thiết bị tin học cho cán bộ, giảng viên của Khoa và

người học [H9.09.04.02]. Khoa LKT hiện tại được giao cho quản lý hệ thống website riêng (<http://fl.upt.edu.vn/>) [H9.09.04.03] nhằm đăng tải thông tin kịp thời cho các SV dưới sự quản lý của bộ phận IT của Trường. Ngoài hệ thống thiết bị IT được cung cấp cho Khoa, Nhà trường còn trang bị một số thiết bị hỗ trợ in ấn và trình chiếu khác đáp ứng cho việc giảng dạy cho các GV như: máy chiếu (tất cả các phòng học), máy in, máy photocopy, máy quét ảnh (scan), camera... nhằm đáp ứng được hoạt động quản lý, đào tạo và NCKH trong Trường. Các trang thiết bị đều được theo dõi và bảo trì thường xuyên và nghiêm ngặt. Các thiết bị CNTT được xây dựng và triển khai theo đề án tăng cường trang thiết bị của Trường, tất cả đều có hồ sơ cung cấp lắp đặt hạ tầng và thường xuyên bảo trì, sửa chữa, thay thế [H9.09.04.04], [H9.09.04.05].

Trường hiện có khoảng 271 máy vi tính sử dụng cho quản lý, học tập, được bố trí ba phòng máy tính phục vụ hoạt động thực hành tin học căn bản và tin học chuyên ngành và các học phần thực hành khác cho nhiều ngành, cùng với một phòng máy tính tại phòng thư viện Trường đáp ứng yêu cầu khai thác tư liệu của SV. Các ngành, các lớp có lịch thực hành được sắp xếp rõ ràng, đảm bảo 100% SV được sử dụng máy tính cho hoạt động học tập.

Bên cạnh đó, nhà trường còn trang bị cho sinh viên phòng máy tính tin học mở. Phòng được mở cửa mỗi ngày từ 8:30 sáng đến 20:30 kể cả Thứ Bảy và Chủ nhật, nhằm tạo điều kiện cho sinh viên có thể phát triển kỹ năng thực hành, thực hiện đồ án môn học và đề tài NCKH ngoài giờ học chính khóa [H9.09.04.04].

- Hệ thống mạng: Tất cả các máy vi tính trong Trường được nối mạng Internet 24/24 thông qua các đường truyền dẫn do các nhà cung cấp dịch vụ VNPT, Viettel,... Hệ thống mạng Wifi đã phủ sóng khắp trường thuận lợi cho GV, SV truy cập mọi lúc mọi nơi. Trường đầu tư hệ thống máy chủ để đảm bảo cho hoạt động CNTT thông suốt và đạt hiệu quả tốt nhất [H9.09.04.06].

- Về các phần mềm hỗ trợ nghiên cứu và học tập: Hệ thống website của Trường gồm 01 website chính là: www.upt.edu.vn và 17 websites chuyên nghiệp các đơn vị. Để phục vụ nghiên cứu khoa học và học tập, Trường đã phát triển hệ thống website của các Phòng QLĐT, Phòng HTQT và QLKH, Thư viện, Đoàn Thanh niên, Phòng CTCTSV&HTDN và 8 khoa chuyên môn đều có Website bán chuyên nghiệp lưu trữ

thông tin nội bộ, các tài liệu nội sinh cần thiết và được sử dụng cho toàn thể CBGVNV [H9.09.02.18], trong đó Khoa LKT quản lý website: <http://fl.upt.edu.vn/>. Toàn thể CBGV-NV Trường, và Khoa nói riêng đều được cấp và sử dụng email (@upt.edu.vn) để giao dịch, trao đổi thông tin nội bộ và bên ngoài [H9.09.04.07]; Mỗi SV được cấp 01 hộp thư điện tử và một tài khoản để phục vụ cho quá trình học tập của mình [H9.09.04.08].

Ngoài ra, các phòng học đều có máy chiếu, micro, loa để phục vụ công tác giảng dạy. Trường đã trang bị đầy đủ hệ thống máy tính tại các phòng ban và các Khoa. Nhà trường sử dụng các phần mềm máy tính có bản quyền để phục vụ cho công tác quản lý, giảng dạy và NCKH. Trường/Ban TTTT&QTM đã có các biện pháp bảo vệ an toàn, an ninh cho toàn bộ hệ thống mạng và các máy tính. Cụ thể, có kế hoạch trang bị hệ thống tường lửa (Firewall), Router, hệ thống cảnh báo xâm nhập (IDS) cho các máy chủ và mạng LAN của Trường; Các máy tính có phần mềm diệt virus. Toàn bộ các cổng thông tin, hệ thống email công vụ, các phần mềm ứng dụng đều được bộ phận chuyên trách kiểm tra, bảo dưỡng, gia hạn sử dụng thường xuyên, đồng thời có hệ thống an ninh mạng tốt để đảm bảo hoạt động thông suốt của Trường/Khoa. Toàn thể CBGVNV của Nhà trường đều được trang bị email công vụ, được hỗ trợ kỹ thuật về CNTT. Nhà trường đã thành lập Ban TTTT&QTM có trách nhiệm duy trì hoạt động website của Nhà trường, là đầu mối tiếp nhận và xử lý các vấn đề kỹ thuật về đường truyền, mạng máy tính. Ban đã bố trí chuyên viên có trình độ chuyên môn về CNTT phụ trách hệ thống mạng, phụ trách hệ thống máy tính, phụ trách phần mềm giúp hệ thống hoạt động hiệu quả [H9.09.04.09], [H9.09.04.10], [H9.09.04.11], [H9.09.04.12].

Mỗi năm, phòng chức năng IT kết hợp với khoa cùng tổ chức khảo sát online mức độ hài lòng của CBGV và SV về hệ thống CNTT và CSHT của Trường. Kết quả khảo sát cho thấy hơn 90% ý kiến cho rằng các thiết bị hỗ trợ giảng dạy/nghiên cứu đáp ứng công tác chuyên môn; Đồng thời, 75% ý kiến cho rằng hệ thống CNTT (máy tính, wifi, tốc độ đường truyền, các phần mềm, trang thông tin điện tử...) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo/nghiên cứu [H9.09.03.12], [H9.09.01.21], [H9.09.03.13].

Hàng năm, Nhà trường, Khoa tổ chức lấy ý kiến phản hồi của CB, GV, SV về hệ thống máy tính, phần mềm, website và các trang thiết bị tin học. Báo cáo tổng hợp, phân

tích ý kiến của GV, SV về hiệu quả sử dụng của hệ thống CNTT đáp ứng CDR chương trình đào tạo, kết quả khảo sát cho thấy CB, GV, người học hài lòng với hệ thống CNTT của Nhà trường. Tuy nhiên, thỉnh thoảng mạng wifi bị yếu do vấn đề kỹ thuật [H9.09.03.13].

Qua đó, Trường đã có kế hoạch kịp thời khắc phục các thiếu sót để công tác hỗ trợ CNTT cho giảng dạy, học tập, NCKH và quản lý của trường ngày càng hiện đại hơn. Cụ thể, đã chỉ đạo rà soát, sửa chữa hoặc thay mới hệ thống mạng, máy chiếu, âm thanh tại các giảng đường nhằm hỗ trợ tốt nhất cho công tác giảng dạy; Đồng thời, Trường đã trang bị và đưa vào sử dụng phòng thư viện điện tử năm 2018 với hệ thống máy tính đồng bộ, nối mạng Internet tốc độ cao để phục vụ SV miễn phí truy cập tra cứu tài liệu học tập [H9.09.04.13].

2. Điểm mạnh:

Hệ thống CNTT của Trường gồm mạng lưới máy chủ, hệ thống dự phòng, bảo mật và bộ máy quản trị mạng được Nhà trường chú trọng đầu tư, rà soát, cải tiến, hiện đang hoạt động tốt, hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động đào tạo, NCKH và quản lý.

3. Điểm tồn tại:

Nhà trường chưa xây dựng phòng họp trực tuyến để hỗ trợ công tác quản lý và đào tạo. Hệ thống wifi trong các giờ cao điểm đôi khi bị quá tải khiến việc truy cập và tìm kiếm thông tin trong giờ học bị bất tiện.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa LKT có các đề xuất Nhà trường lắp đặt thêm máy chủ và tăng cường đường truyền wifi nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu học trong và ngoài giờ của người học.	P.TCHC, Khoa LKT	Từ năm 2025- 2030	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát và nâng cấp hệ thống CNTT của Trường gồm mạng lưới máy chủ, hệ thống dự phòng, bảo mật và bộ máy quản trị mạng, rà soát, cải tiến, các hoạt động để hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động đào tạo, NCKH và quản lý.	P.TCHC, Thư viện,	Hàng năm (từ năm 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù

1. Mô tả hiện trạng:

Việc đảm bảo môi trường, sức khỏe và sự an toàn cho tất cả CBGVNV và SV luôn được Ban lãnh đạo Trường ĐHPT quan tâm. Dựa trên cơ sở đó, Trường đã đưa ra quyết định thành lập bộ phận Quản trị môi trường, sức khỏe, y tế, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc thù, trong đó, Phòng TC-HC, Phòng KH-TC, Phòng QLĐT, Phòng Y Tế là những đơn vị được phân công nhiệm vụ chịu trách nhiệm trực tiếp trong công tác này [H9.09.05.01]. Bên cạnh đó, Trường ĐHPT cũng đã ban hành quy định về công tác hỗ trợ người khuyết tật đến học tập tại trường, ban chỉ đạo về ATTP tại trường, thành lập Ban chỉ đạo công tác y tế để chăm sóc sức khỏe cho CBGVNV và SV trong trường [H9.09.05.02], [H9.09.05.03], [H9.09.05.04]. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn luôn được tuân thủ nghiêm ngặt và xác định trên cơ sở quy chuẩn của các Bộ GD&ĐT và các ngành liên quan như Chính phủ, Bộ Nội vụ, Bộ Y tế. Trường ĐHPT luôn quan tâm đến việc đảm bảo môi trường, sức khỏe và sự an toàn cho tất cả CBGVNV và SV trong trường.

Nhằm triển khai các quy định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được xác định trên cơ sở quy chuẩn của các cơ quan chủ quản, Nhà trường xây dựng các quy định/tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn, được triển khai thực hiện và được áp dụng trong quá trình thiết kế, xây dựng cơ sở hạ tầng, đầu tư/bố trí các trang thiết bị, an toàn trong các phòng TN/TH, căn-tin,... [H9.09.05.05].

Hàng năm, Các phòng ban chức năng quản lý vấn đề này cùng với phòng Kế hoạch tài chính đều xây dựng các kế hoạch về công tác môi trường, y tế, đảm bảo an toàn, an ninh trong trường tại các cơ sở và được triển khai cụ thể hàng tháng và lập dự toán kinh phí cho hoạt động này [H9.09.05.06].

Môi trường sinh thái và môi trường học tập và làm việc: Hệ thống máy lạnh phủ toàn bộ khu hành chính, một số phòng học được trang bị máy lạnh, máy quạt và cửa sổ thông gió, tạo không khí mát mẻ thoải mái phục vụ quá trình học tập và làm việc trong các mùa nắng nóng [H09.09.04.04]. Văn phòng làm việc của Khoa có diện tích rộng rãi nhằm bố trí các chỗ ngồi thoải mái cho các CBGVNV làm việc, việc bố trí ánh sáng và rèm che nắng cũng được sắp đặt và thiết kế hợp lý. Bên cạnh đó, Nhà trường đã có chủ trương trồng rất nhiều cây xanh xung quanh trường, xây dựng chiến lược phát triển môi trường xanh, trong lành [H9.09.05.07]. Tất cả các phòng thực hành – thí nghiệm đều được triển khai đầy đủ các nội quy phòng học, hướng dẫn sử dụng đảm bảo an toàn vận hành máy móc, thiết bị dạy học [H9.09.09.08]. Nhà trường luôn có kế hoạch sửa chữa các trang thiết bị trong Trường. Về việc xử lý rác thải nhà trường đã hợp đồng với công ty vệ sinh môi trường Tỉnh Bình Thuận, rác thải được tập kết tại 1 điểm và có xe tới chở đi.

Về công tác y tế học đường: Đối với vấn đề chăm sóc sức khỏe cho toàn trường, Nhà trường đã thành lập Ban chỉ đạo y tế theo quy định chức năng và nhiệm vụ đi kèm với tuyển dụng nhân có chuyên môn cao phụ trách bộ phận y tế [H9.09.05.09]. Trường có cơ sở khám chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo Quyết định số 17/2007/QĐ-BGDĐT về tổ chức và hoạt động của bộ phận Y Tế trong trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và các văn bản liên quan. Bộ phận Y tế Trường ĐHPT hoạt động từ 6:30g đến 20:30g mỗi ngày để tổ chức sơ cấp cứu, điều trị ban đầu cho CBGVNV và SV trong suốt quá trình học tập và làm việc tại Trường [H9.09.05.10], [H9.09.05.11]. Trường luôn chú ý đến vấn đề sức khỏe và môi trường nên thường xuyên thông báo về các dịch

bệnh theo mùa đến toàn thể CBGVNV và SV để có biện pháp phòng chống hiệu quả [H9.09.05.12]. Hàng năm, Nhà trường tổ chức khám sức khỏe tổng quát cho toàn bộ CBGVNV cũng như tổ chức nhiều hoạt động khám, tư vấn sức khỏe cho người lao động ngoài kế hoạch khám định kỳ [H9.09.05.13]. Bên cạnh việc chăm sóc về y tế, tạo sân chơi về văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao cho SV, thực hiện tốt các chính sách xã hội sẽ tạo điều kiện cho SV yên tâm học tập tốt hơn là hoạt động không thể thiếu được trong trường [H9.09.05.14].

Về công tác đảm bảo an toàn cho SV, HS trong khuôn viên Trường: Trường có camera lắp quanh khuôn viên trường, tường rào bao bọc, cách ly hoàn toàn với môi trường xung quanh. Hằng năm, trường có ký kết hợp đồng với các điều khoản thỏa thuận chặt chẽ về an ninh và an toàn với đội bảo vệ an ninh [H9.09.05.15]. Các bảo vệ tại Trường trực tại Trường 24/24 giờ với chức năng và nhiệm vụ được phân công cụ thể, bảo vệ có trách nhiệm ghi chép lịch trực của bộ phận hằng ngày. Đội bảo vệ cũng đã được nhà trường trang bị các trang thiết bị để hỗ trợ cho công tác bảo vệ như: bộ đàm, đèn pin, điện thoại để gọi khi có sự cố [H9.09.05.16].

Theo quy định chung, tại tất cả các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành đều có các quy định về an toàn lao động, vận hành [H9.09.05.08].

Trường ĐHPT thành lập Ban Phòng chống cháy nổ đảm bảo công tác phòng cháy và chữa cháy, cứu nạn khi sự cố xảy ra [H9.09.05.17]. Bên cạnh đó, Trường còn xây dựng hệ thống thoát hiểm bằng thang bộ và thang dây. Ban Phòng chống cháy nổ định kỳ kiểm tra vệ sinh, an toàn PCCC tại các xưởng thực hành, các phòng thí nghiệm của Trường xây dựng môi trường thực hành an toàn, vệ sinh cho người học. Vấn đề liên quan đến PCCC được trường đặc biệt quan tâm, trường đã thành lập Ban PCCC kèm theo danh sách đội PCCC cơ sở [H9.09.05.18] và nội quy PCCC [H9.09.05.17] đảm bảo công tác phòng cháy và chữa cháy, cứu nạn khi xảy ra sự cố. Ban PCCC định kỳ kiểm tra vệ sinh, an toàn PCCC tại các phòng thí nghiệm, hành lang... và đầu tư hệ thống PCCC tại các cầu thang, hành lang; Định kỳ hàng năm phối hợp với Phòng cảnh sát PCCC Tỉnh Bình Thuận về việc đưa ra các phương án chữa cháy và mở các lớp huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho CB của Trường [H9.09.05.19].]. Hằng năm, Trường phối hợp với Phòng cảnh sát PCCC và CNCH Tỉnh Bình Thuận tổ chức các buổi tập huấn, diễn tập ứng phó khẩn cấp như phòng cháy chữa cháy, sơ cứu chấn thương, xử lý tai nạn

hóa chất, với sự tham gia của CBGVNV và người học [H9.09.05.20]. Qua các hoạt động này, nhận thức và năng lực ứng phó tình huống nguy hiểm của người học ngày càng được nâng cao, góp phần phòng ngừa và hạn chế rủi ro trong quá trình học tập. Định kỳ hằng năm Phòng cảnh sát PCCC và CNCH Tỉnh Bình Thuận đều đến kiểm tra hệ thống PCCC, các thiết bị PCCC và tình hình nhân sự trong đội PCCC để đảm bảo an toàn trong công tác PCCC tại đơn vị [H9.09.05.21].

Vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm: Về vấn đề an toàn thực phẩm tại trường: trường có 01 căn tin để phục vụ ăn uống cho toàn thể CBGVNV và SV trong toàn trường cho nên vấn đề an toàn thực phẩm để đảm bảo sức khỏe cho toàn trường luôn luôn được đảm bảo. Căn tin của nhà trường đã được sở y tế kiểm tra và cấp giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm và luôn được kiểm tra định kỳ [H9.09.05.22]. Nước uống và nước sinh hoạt là một vấn đề hết sức đặc biệt và quan trọng trong khuôn viên trường vì nó ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe con người. Nên nhà trường đã đầu tư hệ thống xử lý và lọc nước RO theo tiêu chuẩn của bộ y tế [H9.09.05.23].

Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về môi trường, sức khỏe và an toàn... bằng nhiều hình thức như khảo sát khác nhau, thông qua các cuộc họp giao ban đào tạo, họp giao ban công tác SV và thông qua các buổi đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo với SV, từ đó có những điều chỉnh kịp thời, hợp lý đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan. Kết quả trung bình có trên 90% các bên liên quan hài lòng về tiêu chí này [H9.09.05.24].

2. Điểm mạnh:

Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, y tế học đường, an toàn được Nhà trường xác định và triển khai hiệu quả, tạo môi trường học tập và làm việc tốt cho toàn thể CBGVNV và SV của Trường.

3. Điểm tồn tại:

Hiện tại, không gian cây xanh, có bóng mát của Nhà trường còn khiêm tốn và khuôn viên Trường chưa bố trí được nhiều dãy ghế công cộng.

Một số sinh viên có phản hồi một số phòng học trong mùa hè còn nóng nực, cần lắp thêm máy lạnh hoặc hệ thống làm mát cho các SV.

Trường chưa xây dựng bãi đỗ xe oto.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường đầu tư sửa chữa, nâng cấp KTX, có biện pháp đổi mới cách quản lý KTX, tạo điều kiện tốt nhất về nơi ăn ở cho SV. Triển khai thực hiện các chính sách liên quan đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.	- P.TC-HC; - Ban Quản lý KTX; - P.CTCTSV &HTDN	Hằng năm (từ 2025-2026)	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục quan tâm, hoàn thiện hơn nữa về công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB và SV. Tổ chức thêm các lớp tập huấn cho CBGVNV, SV về các biện pháp phòng chống dịch bệnh, giữ gìn vệ sinh môi trường.	- P.Y tế, - P.TC-HC, - P.CTCTSV &HTDN	Hằng năm (từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 9:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Trường/Khoa QTKD có đầy đủ CSVC và trang thiết bị đáp ứng tốt cho nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của ngành Log&QLCCU. Phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng được đầu tư, sửa chữa và nâng cấp; phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị các thiết bị hiện đại; Thư viện của Nhà trường có đủ giáo trình, tài liệu tham khảo; Hệ thống CNTT hiện đại hỗ trợ tốt các nhu cầu học tập, giảng dạy, NCKH. Nhà trường có nhà luyện tập thể dục, thể thao và các sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, thuận lợi

cho CBGVNV và SV rèn luyện sức khỏe. Các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường được xây dựng, triển khai tạo môi trường tốt nhất cho CBGVNV và SV làm việc và học tập, nghiên cứu.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Công tác quản lý, khai thác sử dụng CSVC, CNTT và các trang thiết bị của Nhà trường và Khoa vẫn còn một số hạn chế. Quy mô thư viện chưa thực sự đáp ứng tốt cho nhu cầu đào tạo và NCKH của CBGVNV và SV.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 9:

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn 9 gồm có 5 tiêu chí, trong đó có 02 tiêu chí đạt điểm 4/7 và 03 tiêu chí đạt điểm 5/7.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng.

Mở đầu:

Khoa LKT thực hiện việc nâng cao chất lượng đào tạo theo quy trình định kỳ và có hệ thống. Quá trình này bắt đầu từ việc thu thập ý kiến phản hồi và nắm bắt nhu cầu của các bên liên quan như: chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, nhân viên, người học, nhà tuyển dụng và cựu SV. Khoa thường xuyên rà soát, cập nhật và phát triển chương trình đào tạo dựa trên quy định của Bộ GDĐT và của Trường. Đồng thời, các kết quả NCKH cũng được ứng dụng vào việc cải tiến nội dung và PPDH. Trong quá trình dạy và học, Khoa luôn theo dõi, đánh giá kết quả để đảm bảo phù hợp với CĐR. Ngoài ra, Khoa cũng xây dựng cơ chế tiếp nhận phản hồi từ các BLQ, đồng thời cung cấp các dịch vụ hỗ trợ học tập và tiện ích phục vụ người học. Tất cả những yếu tố trên góp phần thúc đẩy quá trình cải tiến liên tục, từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu thực tiễn và yêu cầu của xã hội.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

1. Mô tả hiện trạng:

Năm 2021, Khoa LKT tiếp tục xây dựng CTĐT ngành Luật căn cứ theo Quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHPT, khoa đã liên tục cập nhật, điều chỉnh để đáp ứng nhu cầu xã hội. CTĐT ngành Luật đã được điều chỉnh định kỳ vào năm 2022 và

gần đây nhất là năm 2024. Trường có các quy trình thực hiện việc thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan về xây dựng và phát triển chương trình dạy học thông qua các phiếu khảo sát, có báo cáo phân tích dữ liệu khảo sát ý kiến các bên liên quan về đề phát triển chương trình dạy học [H10.10.01.01], [H10.10.01.02]. Quá trình điều chỉnh CTĐT đều dựa trên các văn bản quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ... [H10.10.01.02].

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan bao gồm nhà sử dụng lao động, GV, chuyên gia cùng chuyên ngành có uy tín từ các trường ĐH, các Viện nghiên cứu, cán bộ quản lý, cựu SV và SV đang học tập tại Trường, được Khoa sử dụng trong quá trình thiết kế và điều chỉnh CTĐT trình độ đại học ngành Luật. Trên cơ sở Kế hoạch ĐBCL hằng năm của Khoa/Trường, trong đó xác định các loại khảo sát, đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, xử lý thông tin và Báo cáo cho Nhà trường theo kết quả dự kiến [H10.10.01.03]. Việc thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan gồm: nhà tuyển dụng, GV, chuyên gia cùng chuyên ngành có uy tín từ các trường đại học, các Viện nghiên cứu, cán bộ quản lý, cựu SV và SV được triển khai thực hiện một cách hệ thống với nhiều hình thức khác nhau như: Khảo sát trực tuyến, gửi phiếu khảo sát; phỏng vấn trực tiếp hoặc gián tiếp qua điện thoại; tổ chức hội thảo... Tất cả các khảo sát đều được tổng hợp dữ liệu và báo cáo về BGH và các phòng chức năng liên quan theo quy định của Nhà trường [H10.10.01.04], [H10.10.01.05]. Cụ thể:

Đối với SV đang học, hàng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của tất cả SV về hoạt động giảng dạy học phần của GV [H10.10.01.06] và của SV năm cuối về CTĐT [H10.10.01.07] trên phiếu khảo sát/phần mềm khảo sát trực tuyến thông qua tài khoản cá nhân của SV [H10.10.01.08], [H10.10.01.09].

Đối với cựu SV, Khoa xây dựng mạng lưới liên kết cựu SV bằng các công cụ mạng xã hội. Ý kiến phản hồi về CTĐT của cựu SV được Khoa thu thập thông qua Gmail, fanpage và nhóm Facebook, Zalo cựu SV của Khoa.

Trong quá trình xây dựng và điều chỉnh CTĐT, bên cạnh các ý kiến của các chuyên gia giáo dục, cán bộ quản lý và GV trong các bộ môn, Khoa tiến hành thu thập ý kiến của các nhà tuyển dụng, cựu SV bằng nhiều hình thức: gửi phiếu khảo sát trực tiếp, qua

email, gửi đường link phiếu khảo sát qua Facebook, Zalo hoặc phỏng vấn qua điện thoại [H10.10.01.10]; tổ chức các hội thảo về đào tạo gắn với thực tiễn, đáp ứng nhu cầu xã hội. Trong các hội thảo này, đại diện các cơ sở thực tập - đồng thời là người sử dụng lao động đã, đang sử dụng SV tốt nghiệp của Khoa/hoặc tiếp nhận SV đang học của Khoa đến thực tập - đã nêu các ý kiến và trao đổi trực tiếp với lãnh đạo, GV và SV của Khoa về nhu cầu thực tế đối với CTĐT theo chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ [H10.10.01.11]. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được khoa thu thập theo hệ thống như trên, đảm bảo đầy đủ các dữ liệu cần thiết, có tính khoa học, độ tin cậy về nhu cầu nguồn nhân lực từ các bên liên quan. Khoa dựa trên cơ sở dữ liệu phản hồi tiến hành tổng hợp, phân tích và chọn lọc những ý kiến phù hợp để làm căn cứ thiết kế, xây dựng, điều chỉnh và phát triển CTDH ngành Luật [H10.10.01.12].

Bên cạnh đó, hằng năm, theo quy định của Nhà trường khi kết thúc mỗi đợt thực tập, các cơ sở thực tập đều gửi nhận xét, đánh giá về CTĐT và năng lực SV để Khoa có cơ sở điều chỉnh CTĐT cho phù hợp thực tiễn [H10.10.01.11].

Ngoài ra, hằng năm Phòng KT-ĐBCL-TT&PC còn phối hợp với Khoa tiến hành khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy từng học phần, khảo sát ý kiến SV cuối khóa về CTDH, khảo sát ý kiến GV về CTDH, khảo sát ý kiến cựu sinh viên về tình hình việc làm, các yêu cầu của nhà tuyển dụng, khảo sát ý kiến doanh nghiệp về CTDH, chất lượng SV tốt nghiệp ngành Luật, nhu cầu về nhân lực của doanh nghiệp trong tương lai. Trên cơ sở các ý kiến phản hồi của các bên liên quan, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC tiến hành tổng hợp và gửi tới Khoa, để khoa tham khảo, bổ sung thông tin cho việc rà soát và điều chỉnh CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội [H10.10.01.02], [H10.10.01.13], [H10.10.01.06].

Trên cơ sở các ý kiến phản hồi của SV được Nhà trường tổng hợp và gửi tới các Khoa, kết hợp với các ý kiến trao đổi, góp ý và nhu cầu của các bên liên quan như các chuyên gia, CB quản lý, GV, cựu SV và nhà tuyển dụng, đồng thời tham khảo các chương trình ngành Luật của các trường ĐH tiên tiến trong và ngoài nước, Khoa đã thực hiện việc rà soát và điều chỉnh CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội [H10.10.01.14].

Khoa LKT lưu giữ các văn bản về điều chỉnh, thẩm định CTĐT các phiên bản cũ và mới của CTĐT, CTDH theo chu kỳ đánh giá; kèm theo bản thống kê nhu cầu của các bên liên quan trong chu kỳ đánh giá [H10.10.01.14].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan với hình thức đa dạng, phân công nhiệm vụ rõ ràng.

Khoa duy trì kênh liên lạc thường xuyên với các doanh nghiệp, cơ sở thực tập tại địa phương và mạng lưới cựu SV. Việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan được thực hiện thường xuyên. Thông tin phản hồi được phân loại, xử lý, phân tích với tính khoa học, độ tin cậy cao.

CTĐT Ngành Luật được thiết kế, xây dựng, điều chỉnh và phát triển dựa trên thông tin phản hồi của các bên liên quan và tham khảo các CTĐT của các trường đại học tiên tiến trong và ngoài nước.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng DN tham gia đánh giá CTĐT ngành Luật chưa nhiều, phạm vi khảo sát mới chỉ giới hạn ở các DN trong tại địa phương. Việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi vẫn còn thiếu sự chủ động từ phía Khoa.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường khảo sát ở các DN trong tỉnh và ngoài tỉnh cùng tham gia đánh giá CTĐT Ngành Luật. Khoa chủ động khảo sát lấy ý kiến phản hồi sau các khóa học.	- P.QLĐT, - K.LKT	Định kỳ hằng năm (từ năm 2025-2026)	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì và nâng cấp hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan với hình thức đa dạng và có phân công nhiệm vụ rõ ràng.	- P.KT-ĐBCL-TT&PC - K.LKT	Định kỳ hằng năm (từ năm 2025-2026)	
		Khoa duy trì kênh liên lạc thường xuyên với các DN, cơ sở thực tập tại địa phương và mạng lưới cựu SV. Thông tin phản hồi được sử dụng để cải tiến nâng cao chất lượng	K.LKT	Định kỳ hằng năm (từ năm 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng:

CTĐT của ngành Luật được xây dựng dựa trên các quy trình và quy định mà Bộ GD&ĐT ban hành tại thời điểm xây dựng hoặc điều chỉnh. Năm 2021, Nhà trường tiếp tục rà soát, điều chỉnh quy trình và ban hành quy trình xây dựng, điều chỉnh chuẩn đầu ra và CTĐT nhằm hướng dẫn một cách đầy đủ và cụ thể cũng như thống nhất các nội dung của biểu mẫu hơn. Bên cạnh đó, Khoa LKT cũng đã tiến hành thực hiện việc rà soát, đánh giá và xây dựng lại CTĐT đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ theo kế hoạch của Trường [H10.10.02.01], [H10.10.02.02]. Đến năm 2022, Khoa LKT đã tiến hành tổ chức đánh giá, sửa đổi, cập nhật CTĐT ngành Luật, Khoa LKT đã thực hiện đối sánh việc cải tiến chương trình dạy học dựa trên kết quả học tập của người học; có các biên bản đánh giá, rà soát, cải tiến, thẩm định quy trình thiết kế, phát triển CTDH. Gần đây nhất, là năm 2024 Khoa LKT cũng đã tiến hành thực hiện việc lên kế hoạch rà soát,

đánh giá và xây dựng lại CTĐT đại học hệ chính quy theo kế hoạch điều chỉnh chung của Trường [H10.10.02.03].

Theo đó, quy trình thiết kế CTDH gồm 8 bước và quy trình phát triển CTDH gồm 5 bước: (i) Vào tháng 4 hàng năm, các Khoa lập kế hoạch cập nhật, đánh giá CTĐT và CDR; (ii) Các Khoa tổ chức khảo sát ý kiến GV, SV, NTD về CTĐT, CDR và đề cương học phần; Ngoài ra, khi có những thay đổi về mặt pháp lý, những điểm không phù hợp một số nội dung của môn học, của tài liệu học tập, GV gửi yêu cầu về Khoa, các Khoa tổ chức khảo sát ý kiến các bên liên quan (GV, NTD, cựu SV) về CTĐT và CDR, thu thập tất cả các thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải thay đổi, cải tiến CTĐT, CDR và đề cương môn học, (iii) Tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo đánh giá về CTDH, đối sánh với các CTDH tham khảo trong và ngoài nước; (iv) Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật CTĐT và CDR, trình Hội đồng KH&ĐT; (v) Hội đồng KH&ĐT xem xét, thông qua nội dung sửa đổi, cập nhật CTĐT và CDR [H10.10.02.01].

Dựa trên kết quả khảo sát thực tế và những đánh giá tổng hợp trên, quy trình thiết kế và phát triển CTĐT ngành Luật được xây dựng. Chương trình đã chỉ rõ những học phần tiên quyết, trong từng học phần phân bổ rõ ràng và khá hợp lý số giờ lý thuyết, giờ thực hành và tự học [H10.10.02.04]. Trong mỗi lần điều chỉnh, Khoa đã thực hiện trình tự các bước theo Quy định của Bộ GD&ĐT [H10.10.02.05] và hướng dẫn của Nhà trường [H10.10.02.06].

Việc thiết kế và phát triển CTĐT được thiết lập theo các bước: Trước tiên, Khoa tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan đối với quy trình thiết kế và phát triển CTĐT hiện hành. CTĐT sửa đổi trên cơ sở tổng hợp các ý kiến phản hồi thu thập được và tham khảo quy trình thiết kế và phát triển CTĐT của các trường đại học tiên tiến trong nước [H10.10.02.07]. Sau đó, Hội đồng Khoa thảo luận để thống nhất bản dự thảo sửa đổi CTĐT, sau thẩm định, Khoa/Bộ môn tiếp thu ý kiến của Hội đồng khoa học và đào tạo của Nhà trường và điều chỉnh theo kết luận trong biên bản để Nhà trường chính thức ban hành CTĐT sau điều chỉnh [H10.10.02.08].

Ngoài việc ban hành quy trình xây dựng CTĐT và CDR, Nhà trường có kế hoạch rà soát, quy trình, thiết kế, đánh giá CDR, CTĐT và ĐCCT nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. CDR của CTĐT cử nhân ngành Luật hướng đến mục tiêu trang bị cho SV kiến

thức cơ bản vững chắc về đại cương và lý luận, ngoại ngữ các kiến thức về xã hội; kiến thức vững chắc về cơ sở ngành và chuyên ngành, rèn luyện các kỹ năng mềm cùng các kỹ năng nghề nghiệp vững vàng, đủ và phù hợp với nhu cầu xã hội, thái độ học tập và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, để khi ra trường SV có thể làm việc được ngay, lại vừa có thể học tiếp lên bậc cao hơn hoặc làm công tác nghiên cứu [H10.10.02.04].

Chương trình đã chỉ rõ những học phần tiên quyết, trong từng học phần phân bổ rõ ràng và khá hợp lý số giờ lý thuyết, giờ thực hành và tự học. Khoa tiến hành khảo sát và báo cáo tổng hợp các ý kiến phản hồi của người học về quy trình thiết kế, phát triển chương trình dạy học [H10.10.02.09], [H10.10.02.10]. Trong mỗi lần điều chỉnh, Khoa đã thực hiện trình tự các bước theo Quy định của Bộ GD&ĐT [H10.10.02.05] và hướng dẫn của Nhà trường [H10.10.02.06]. Việc thiết kế và phát triển CTĐT được thiết lập theo các bước: Trước tiên, Khoa tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan đối với CTĐT hiện hành. CTĐT sửa đổi trên cơ sở tổng hợp các ý kiến phản hồi thu thập được và tham khảo CTĐT của các trường đại học tiên tiến trong nước [H10.10.01.07]. Sau đó, Hội đồng Khoa thảo luận để thống nhất bản dự thảo sửa đổi CTĐT, sau thẩm định, Khoa/Bộ môn tiếp thu ý kiến của Hội đồng KH&ĐT của Nhà trường và điều chỉnh theo kết luận trong biên bản để Nhà trường chính thức ban hành CTĐT sau điều chỉnh [H10.10.02.11].

Kết quả sau quá trình điều chỉnh, CTĐT ngành Luật được áp dụng từ năm 2024 đã có những thay đổi trong việc phân bổ các học phần theo kỳ học hợp lý hơn, tăng cường số tín chỉ cho các học phần khối kiến thức và rèn luyện năng lực/kỹ năng... Những học phần tự chọn không phù hợp đã được thay bằng những học phần mới theo xu hướng phát triển của công nghệ, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế của Việt Nam.

2. Điểm mạnh:

Việc thiết kế và phát triển CTĐT ngành Luật được thực hiện đúng quy trình, quy định của Trường, kèm theo sự rà soát, đánh giá và cải tiến theo định kỳ.

3. Điểm tồn tại:

Vai trò của nhà tuyển dụng chưa thể hiện rõ nét trong quá trình thiết kế CTĐT.

Số lượng các học phần để phát triển kỹ năng mềm cho SV lựa chọn chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Phát huy vai trò của nhà tuyển dụng trong CTĐT. Đa dạng các học phần tự chọn hơn để phát triển kỹ năng mềm theo nhu cầu cho SV.	K.LKT	Từ năm 2025- 2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, phát triển CTĐT Ngành Luật theo đúng các quy định của Nhà trường. Đồng thời, góp ý để có sự rà soát, đánh giá và cải tiến các quy định, quy trình về xây dựng CTĐT theo định kỳ.	- P.QLĐT, - K.LKT	Từ năm 2025 – 2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng:

Để đảm bảo đạt được CDR của CTĐT, hoạt động dạy và học được rà soát và đánh giá thường xuyên ở cấp Trường, cấp Khoa. Cụ thể:

Phòng QLĐT thường xuyên ghi nhận ý kiến của GV để bố trí lịch giảng dạy phù hợp [H10.10.03.01]. Phòng KT-ĐBCL-TT&PC thường xuyên theo dõi lịch giảng dạy, giờ giấc ra vào lớp của GV. Trong trường hợp GV nghỉ dạy thì phải có giải trình cụ thể [H10.10.03.02], [H10.10.03.03]. Kết quả theo dõi là cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy của các GV.

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo trong Nhà trường, đáp ứng yêu cầu CDR, Trường ĐHPT định kỳ lấy ý kiến phản hồi từ SV về hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh

giá của GV sau khi kết thúc học phần trong từng học kỳ, từng khóa học [H10.10.03.04]. Nhà trường thường xuyên tổ chức hoạt động rà soát, kiểm tra dự giờ GV [H10.10.03.05] và các ý kiến thảo luận của GV để từ đó đưa ra ý kiến đóng góp và đây là cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành của công việc GV.

Nhà trường, Hội đồng khoa/Bộ môn có quy định về việc giám sát, đánh giá quá trình dạy thông qua kiểm tra giáo án, thông qua dự giờ, thanh tra giờ dạy, khảo sát đánh giá hoạt động giảng dạy của GV [H10.10.01.06]. Đó là cơ sở góp phần đánh giá hiệu quả giảng dạy, xếp loại cán bộ viên chức hằng năm, bình bầu thi đua khen thưởng các cấp. Bên cạnh đó, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC và Phòng QLĐT thường xuyên tiến hành kiểm tra công tác giảng dạy của GV và nề nếp học tập của SV [H10.10.03.06]. Định kỳ, Nhà trường tiến hành thanh tra việc vào điểm và quản lý điểm của Khoa để đảm bảo nghiêm túc, khách quan chính xác [H10.10.03.07]. Việc đánh giá quá trình dạy và kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo thực hiện được CĐR đã công bố [H10.10.03.08].

Trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ, việc tự học của SV giữ vai trò rất quan trọng, nó là nhân tố trực tiếp nâng cao chất lượng đào tạo. Để đáp ứng nhu cầu tự học của SV, GV phải thay đổi phương pháp giảng dạy và sử dụng nhiều hình thức khác nhau để đánh giá kết quả học tập của SV như làm bài tập nhóm, thuyết trình nhóm, thi tự luận, vấn đáp... Hình thức thi giữa kỳ và nội dung thi giữa kỳ thường được rà soát và đánh giá trong các cuộc họp Khoa để đảm bảo được CĐR được thiết kế trong môn học, cấu trúc đề thi. Đối với thi cuối kỳ, nội dung đề thi được kiểm tra, rà soát và giám sát bởi Trưởng Khoa/Bộ môn [H10.10.03.09], hoạt động tổ chức thi kiểm tra/kết thúc học phần và đánh giá được thực hiện bởi Phòng KT-ĐBCL-TT&PC [H10.10.03.10]. Để đánh giá việc hoàn thành học phần, GV căn cứ vào điểm chuyên cần, điểm giữa kỳ và điểm thi hết học phần, khóa luận tốt nghiệp, thực tập [H10.10.03.09].

Phòng KT-ĐBCL-TT&PC, thường xuyên triển khai, rà soát, đánh giá mức độ phù hợp của đề thi và kết quả thi qua các học kỳ thông qua việc phân tích phổ điểm thi của từng học kỳ từ đó sẽ đưa ra một số giải pháp nâng cao chất lượng để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra. Việc giám sát đánh giá kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học thực hiện thông qua Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường và Bộ GD&ĐT [H10.10.02.10] và đa số ý kiến phản hồi của người học hài lòng về tính

ng nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với các quy trình và phương pháp kiểm tra đánh giá của GV [H10.10.03.11], [H10.10.03.12].

2. Điểm mạnh:

Quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc.

Kết quả học tập của SV được đánh giá nghiêm túc, hình thức đánh giá đa dạng được thể hiện qua điểm giữa kỳ, điểm chuyên cần và bài thi cuối kỳ, khóa luận tốt nghiệp và thực tập sư phạm hướng tới đạt CĐR.

3. Điểm tồn tại:

Công tác thống kê, phân tích định lượng đề thi, kết quả thi chưa được thực hiện, do đó chưa đánh giá được mức độ phù hợp của đề thi. Khoa chưa xây dựng ngân hàng đề thi cho các học phần tự luận.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện các công tác thống kê, phân tích định lượng đề thi, kết quả thi để đưa ra đánh giá phù hợp cho đề thi. Thiết kế xây dựng ngân hàng đề thi cho một số môn chung.	K.LKT, P.KT - ĐBCL-TT&PC, P. QLĐT	Từ năm 2025- 2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì và phát triển quy trình kiểm tra đánh giá một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc.	P. QLĐT, P.KT-ĐBCL-TT&PC, K.LKT	Từ năm 2025- 2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả hiện trạng:

Giảng dạy và NCKH có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, NCKH tạo cơ sở cho việc thực hiện tốt hơn hoạt động dạy và học. Nhận thức được tầm quan trọng đó, Nhà trường đã xây dựng Đề án NCKH đáp ứng yêu cầu nâng cao giáo dục đào tạo 2015 - 2020 [H10.10.04.01], xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHPT giai đoạn 2015 - 2020 tầm nhìn 2030 [H10.10.04.02] và đã ban hành văn bản Quy chế hoạt động của Trường ĐHPT (quy định về thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH) [H10.10.04.03]. Cụ thể, Nhà trường khuyến khích và tạo điều kiện cho GV đặc biệt là giảng viên trẻ chủ trì đề tài các cấp, tham gia hợp tác NCKH [H10.10.04.04]. Phần lớn các đề tài KHCN cấp Trường được triển khai nhằm phục vụ trực tiếp cho công tác đào tạo của Nhà trường. Các sản phẩm các đề tài NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học, nội dung các đề tài nghiên cứu đều bám sát với CTĐT của ngành và được sử dụng làm tài liệu học tập, giảng dạy, tài liệu tham khảo cho GV và SV trong Khoa [H10.10.04.05].

Dưới sự hỗ trợ tích cực từ phía Nhà trường, GV và SV ngành Luật rất chủ động trong hoạt động NCKH. Khoa LKT là một trong những Khoa đã và đang từng ngày phấn đấu tích cực trong phong trào NCKH của Trường; thường xuyên công bố các kết quả nghiên cứu trên tạp chí, tập san chuyên ngành uy tín trong và ngoài Trường, số lượng bài báo khoa học luôn tăng cao trong những năm gần đây [H10.10.04.06]. Khoa LKT rất coi trọng việc đào tạo kỹ năng NCKH cho SV, SV học CTĐT ngành Luật tham gia hoạt động NCKH thông qua việc làm khóa luận tốt nghiệp [H10.10.04.07]. Các đề tài NCKH được kế thừa và phát triển qua các thế hệ SV của khoa LKT.

Ngoài ra, Khoa cũng có các hoạt động hợp tác các đơn vị trong trường và ngoài địa phương nhằm phát triển hoạt động NCKH [H10.10.04.08]. Thông qua các hoạt động NCKH này, trình độ, năng lực chuyên môn của cán bộ, GV và SV Khoa ngày được nâng cao, CSVC phục vụ cho công tác NCKH được trang bị ngày càng hoàn thiện hơn [H10.10.04.09].

Bên cạnh đó, Trường ĐHPT luôn chú trọng trong công tác đổi mới Phương pháp giảng dạy và nâng cao Chất lượng đào tạo. Cụ thể, nhà trường khuyến khích và tạo điều kiện cho GV đặc biệt là GV trẻ chủ trì đề tài các cấp, tham gia hợp tác NCKH. Phần lớn các đề tài NCKH cấp Trường được triển khai nhằm phục vụ trực tiếp cho công tác đào tạo của Nhà trường. Nội dung các đề tài nghiên cứu đều bám sát với CTĐT của ngành và được sử dụng làm tài liệu học tập, giảng dạy, tài liệu tham khảo cho GV và SV trong Khoa, điển hình như những đề tài: “Dạy học theo mô hình BOPPPS trên thế giới và những vận dụng cho các trường Đại học Việt Nam”; “Chuẩn hóa hệ thống đánh giá kết quả học tập”; “Ứng dụng thang Bloom trong việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên tại trường Đại học Phan Thiết”; “B-Learning - Giải pháp xây dựng trường Đại học thông minh”; “Các giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy môn học giáo dục thể chất”.

Gần đây, Trường ĐHPT đã tổ chức Hội Nghị “Đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo năm học 2019 - 2020” [H10.10.04.05]. Hội nghị nhằm xây dựng diễn đàn trao đổi, thảo luận những vấn đề lý luận và thực tiễn về sự phát triển bền vững của nền giáo dục, đổi mới phương pháp giảng dạy cũng như phương pháp đánh giá các môn học. Từ đó nâng cao chất lượng giảng dạy trong Nhà trường, đáp ứng yêu cầu đổi mới, sáng tạo của việc dạy và học trong bối cảnh đại dịch toàn cầu và cách mạng công nghiệp 4.0. Đây là hoạt động phối hợp giữa Công đoàn trường Đại học Phan Thiết và Phòng QLKH&HTQT thực hiện Kế hoạch số 175/KH-CĐN ngày 12/8/2020 của Công đoàn Giáo dục Việt Nam về việc thực hiện Đề án 1712/ĐA-TLĐ Công đoàn tham gia với người sử dụng lao động nâng cao năng suất lao động giai đoạn 2019-2023 [H10.10.04.05].

2. Điểm mạnh:

Hoạt động NCKH của người học được Nhà trường chú trọng. Nhà trường, Khoa đã có phong trào NCKH cải thiện tích cực trong những năm gần đây, huy động được sự tham gia của một số các GV trong Khoa cũng như các em SV. Hầu hết các đề tài NCKH đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và ý nghĩa thực tiễn là phục vụ đào tạo, cộng đồng.

3. Điểm tồn tại:

Phần lớn các đề tài NCKH sinh viên chưa có đóng góp đáng kể trong việc sáng tạo kết quả mới. GV Khoa LKT chưa có nhiều bài tham luận ở các Hội thảo trong và ngoài nước. Kinh phí dành cho NCKH của GV và SV còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường các hoạt động khuyến khích SV tham gia NCKH; có chính sách tạo điều kiện cho GV tham gia các hội thảo trong và ngoài nước.	P.QLKH&HTQT, K.LKT	Từ năm 2025 - 2026	
		Đề xuất Nhà trường điều chỉnh quy chế Chi tiêu nội bộ, tăng đầu tư kinh phí dành cho NCKH của GV và SV.	BGH, P.QLKH&HTQT	Từ năm 2025 - 2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa tiếp tục phát huy phong trào NCKH, huy động được sự tham gia của tất cả các GV, SV.	P.QLKH&HTQT, K.LKT	Từ năm 2025 - 2026	
		Tiếp tục duy trì các đề tài NCKH gắn kết với các nhiệm vụ đào tạo và ý nghĩa thực tiễn là phục vụ cộng đồng.	P.QLKH&HTQT, K.LKT	Từ năm 2025 - 2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng:

Để nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ GV và SV, Trường ĐHPT đã có những văn bản hướng dẫn cụ thể về công tác đảm bảo chất lượng trong đó có liên quan đến dịch vụ hỗ trợ GV và SV [H10.10.05.01]. Một cách tổng quan, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho việc giảng dạy và học tập được Nhà trường và Khoa đánh giá định kỳ và cải tiến chất lượng. CSVC của Khoa gắn liền với CSVC của Nhà Trường (bao gồm phòng học và các thiết bị đi kèm: loa, máy chiếu, đèn chiếu, thư viện, dữ liệu truy cập internet...). Trường ĐHPT đã kết nối với các thư viện của một số trường đại học trong nước như Trường ĐH Cần Thơ, Tây Đô và Thư viện quốc gia, để khai thác cơ sở dữ liệu điện tử phục vụ nghiên cứu và học tập của GV và SV [H10.10.05.02].

Hàng năm, Nhà trường định kỳ tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học về chất lượng CSVC phục vụ cho việc học tập cũng như các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác. Kết quả khảo sát trong những năm gần đây cho thấy SV có xu hướng đánh giá theo hướng tích cực về điều kiện CSVC cũng như các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ học tập [H10.10.05.03].

Từ các kết quả này, Nhà trường, Khoa và các đơn vị có liên quan kịp thời có những giải pháp cải tiến phù hợp nhằm phục vụ tốt hơn các nhu cầu học tập của sinh viên [H10.10.05.04], [H10.10.05.05]. Dựa trên kết quả thu thập ý kiến của các bên liên quan, Nhà trường đã xây dựng hệ thống thư viện điện tử giúp cho sinh viên thuận tiện trong việc tra cứu thông tin thông qua website: <http://thuvien.upt.edu.vn/> [H10.10.05.06]. Các tài liệu được mã hóa, lưu trữ trong hệ thống mạng cục bộ. Ngoài ra, Thư viện cung cấp 15 máy tính có khả năng truy cập hệ thống CSDL từ cục Khoa học và Công Nghệ, CSDL điện tử này cung cấp các nguồn tài liệu trong nước: Kết quả nghiên cứu Quốc gia, kết quả nghiên cứu của TP. Hồ Chí Minh, Tạp chí chuyên ngành KH&CN. Các nguồn tài liệu quốc tế như: CSDL Derwent innovation, CSDL toàn văn ProQuest, CSDL toàn văn SpringerLink, CSDL IEEE... [H10.10.05.07]. Dựa trên cơ sở các đề tài NCKH của SV, GV và CBNV, khóa luận tốt nghiệp làm tiền đề cho Thư viện việc xây dựng nguồn tài nguyên số nội sinh. Từ đó có cơ sở hợp tác, trao đổi với các đơn vị thư viện khác [H10.10.05.08].

Ngoài việc lấy ý kiến đánh giá của SV về điều kiện vật chất phục vụ trực tiếp cho việc học, Khoa cũng đánh giá những hoạt động hỗ trợ khác liên quan đến đời sống của SV thông qua các Cố vấn học tập, Hội SV và Đoàn thanh niên. Những dịch vụ như chất lượng phòng ở kí túc xá, hiệu quả của công tác chăm sóc sức khỏe cho SV, của công tác cố vấn học tập,... cũng ít nhiều có ảnh hưởng đến chất lượng học tập của SV và cảm nhận hài lòng của SV về môi trường đại học nói chung, về Khoa LKT nói riêng. Nhìn chung, SV của Khoa hài lòng với chất lượng của các hoạt động hỗ trợ này ở mức trung bình cao [H10.10.05.09].

Để phát huy vai trò của cố vấn học tập, Khoa cũng sát sao trong việc nhắc nhở các cố vấn học tập ngoài việc duy trì lịch làm việc cố định với SV (một lần/tháng), cố vấn học tập nên thường xuyên tiếp xúc với SV trong các giờ giải lao giữa các tiết học để nắm bắt tình hình SV kỹ hơn. Phần lớn các cán bộ trong Khoa luôn sẵn sàng tư vấn cho SV mỗi khi các em có nhu cầu. Khoa và Nhà trường luôn tìm những nguồn học bổng trao cho các sinh viên có thành tích nổi bật nhằm khuyến khích các em phấn đấu hơn nữa trong học tập và công tác khác, Nhà trường cũng luôn chú trọng việc cải thiện chất lượng các dịch vụ hỗ trợ ngày càng tốt hơn và hiện đại hơn đáp ứng được nhu cầu người học [H10.10.05.10].

2. Điểm mạnh:

Các giảng đường được trang bị những thiết bị hiện đại phục vụ cho việc học tập. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện định kỳ, bài bản, được đánh giá và cải tiến liên tục nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho SV.

3. Điểm tồn tại:

Đôi khi vẫn có sự cố trong giảng đường liên quan đến trang thiết bị, chất lượng truy cập wifi ở một số khu vực trong Nhà trường còn yếu. Một số phản hồi của các bên liên quan về CSVC, tiện ích chưa được đáp ứng kịp thời do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên kiểm tra khắc phục sự cố phát sinh trong giảng đường liên quan đến trang thiết bị dạy học. Nâng cấp chất lượng truy cập wifi đồng bộ ở tất cả các khu vực trong Trường.	- P.TCHC, - K.LKT, - Ban TTTT&QTM	Từ năm 2025 - 2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Đầu tư nâng cấp CSVC và các tiện ích khác để đáp ứng tốt hơn cho công tác đào tạo, NCKH.	- HĐT, - BGH, - P.TCHC	Từ năm 2025 - 2026	
		Định kỳ đánh giá hiệu quả sử dụng CSVC và cải tiến liên tục nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho sinh viên.	P.TCHC	Từ năm 2025 - 2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng:

Phòng KT-ĐBCL-TT&PC của Trường được thành lập theo Quyết định số 43/QĐ-ĐHPT của Hiệu trưởng Trường ĐHPT ngày 09/7/2012. Phòng KT-ĐBCL-TT&PC có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong công tác đánh giá, đảm bảo chất lượng đào tạo cho Nhà trường. Hiện nay, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC là đầu mối để triển khai hoạt động khảo sát phản hồi của các bên liên quan [H10.10.06.01]. Phòng KT-ĐBCL-TT&PC là đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng, hoàn thiện hệ thống các bảng hỏi phục vụ hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động: khảo sát

ý kiến của sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên; khảo sát ý kiến của SV năm cuối về chất lượng các mặt của khóa học; khảo sát ý kiến của SV tốt nghiệp 1 năm về tình hình việc làm và CTĐT; nhà sử dụng lao động về chất lượng người học tốt nghiệp của Trường, CĐR và CTĐT; khảo sát ý kiến người học về CSVC và hoạt động, dịch vụ hỗ trợ đào tạo... [H10.10.06.02], [H10.10.06.03]. Việc khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan được Nhà trường thực hiện qua nhiều hình thức: khảo sát online qua phần mềm, phát phiếu hỏi, email, điện thoại... [H10.10.06.04].

Để cải tiến chất lượng đào tạo, theo quy định của Nhà trường, sau khi tiếp nhận kết quả khảo sát; Khoa và các đơn vị có liên quan phải tổ chức họp thảo luận về các ý kiến phản hồi trong đơn vị nhằm đề ra kế hoạch cải tiến chất lượng trong năm học tiếp theo và báo cáo cho Nhà trường [H10.10.06.05], [H10.10.06.02].

Phòng QLĐT xây dựng quy trình và bộ phiếu khảo sát các bên liên quan để xây dựng, điều chỉnh CĐR, CTĐT định kỳ; Phòng KT-ĐBCL-TT&PC xây dựng quy trình và bộ phiếu khảo sát các bên liên quan để đo lường mức độ hài lòng của các bên liên quan. Quy trình và bộ phiếu khảo sát các bên liên quan được lấy ý kiến tất cả các Khoa, giảng viên trong trường, ý kiến BGH trước khi ban hành. Đặc biệt vừa qua nhà trường được KĐCL CSGD vào tháng 11/2024, qua đó các chuyên gia cũng có những nhận xét, góp ý về quy trình, các mẫu phiếu khảo sát, cơ chế phản hồi của các bên liên quan.

Dựa trên cơ sở lấy ý kiến của các bên liên quan trong trường và kiến nghị của chuyên gia đánh giá ngoài. Phòng KT-ĐBCL-TT&PC, Phòng QLĐT đã điều chỉnh, cải tiến mới bộ phiếu khảo sát, quy trình khảo sát, phương pháp thực hiện các hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan [H10.10.06.01]. Ngoài ra, Khoa và các đơn vị có liên quan phải tổ chức họp thảo luận về các ý kiến phản hồi trong đơn vị nhằm đề ra kế hoạch cải tiến chất lượng trong năm học tiếp theo và báo cáo cho Nhà trường [H10.10.06.02].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có hệ thống khảo sát, lấy ý kiến phản hồi online nên nhận được ý kiến phản hồi một cách thường xuyên. Từ đó, Nhà trường có cơ chế điều chỉnh lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống hơn, được đánh giá và cải tiến thường xuyên, liên tục.

Nội dung các Phiếu khảo sát SV về hoạt động giảng dạy của GV, về CTĐT thường xuyên được điều chỉnh và cập nhật.

3. Điểm tồn tại:

Phần mềm khảo sát online còn hạn chế cùng với việc ý thức của sinh viên trong tham gia phản hồi ý kiến chưa cao dẫn đến Nhà trường chưa thu thập được đầy đủ các ý kiến phản hồi của sinh viên về các hoạt động đào tạo của Trường.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường có kế hoạch thực hiện việc điều chỉnh nội dung phiếu khảo sát đảm bảo tính ngắn gọn, dễ hiểu và thu hút SV hơn.	K.LKT, P.QLĐT, P.KT ĐBCL- TT&PC	Từ năm 2025- 2026	
		Khoa thường xuyên tổ chức hội thảo với các nhà sử dụng lao động để thu thập các ý kiến phản hồi. Từ đó làm cơ sở để điều chỉnh CTĐT nhằm đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường lao động.			
2	Phát huy điểm mạnh	Nâng cao chất lượng hệ thống khảo sát, lấy ý kiến phản hồi online. Tiếp tục cải tiến nội dung các Phiếu khảo sát SV về CTĐT thường xuyên để điều chỉnh và cập nhật.	- P.KT ĐBCL- TT&PC' - P.QLĐT, - Ban TTTT&QTM	Từ năm 2025- 2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 10:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Từ năm 2021 đến nay, Khoa LKT đã triển khai đều đặn và có hệ thống các hoạt động nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo. Mọi bước trong thiết kế CTĐT đều được thực hiện theo quy trình chuẩn của Trường, sử dụng các biểu mẫu thống nhất, thể hiện sự đồng bộ và chuyên nghiệp trong quản lý chất lượng.

Công tác KTĐG kết quả học tập của SV cũng được đa dạng hóa, đảm bảo tính nghiêm túc, công bằng và khách quan theo đúng quy định. Phương pháp KTĐG cũng được cải tiến nhằm đánh giá toàn diện kiến thức, kỹ năng và mức độ đạt CĐR của từng học phần.

Các hoạt động hỗ trợ, tiện ích và dịch vụ phục vụ dạy và học, có những biện pháp từng bước cải tiến chất lượng, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thực tế của SV.

Cơ chế thu thập ý kiến phản hồi từ các BLQ được vận hành bài bản, có hệ thống đã góp phần để điều chỉnh và nâng cao chất lượng đào tạo cũng như dịch vụ hỗ trợ, góp phần xây dựng môi trường học tập toàn diện cho SV.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Sự tham gia của doanh nghiệp về xây dựng, thẩm định CTĐT và CĐR ngành Luật còn hạn chế, chủ yếu từ các doanh nghiệp địa phương.

Hoạt động NCKH của SV dù đã được quan tâm nhưng số lượng đề tài còn ít, chưa nhiều công trình có ứng dụng thực tiễn cao.

Một số phản hồi của các BLQ về CSVC, tiện ích chưa được đáp ứng kịp thời do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 10:

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn 10 gồm có 6 tiêu chí, trong đó có hai tiêu chí đạt điểm 4/7 và bốn tiêu chí đạt điểm 5/7.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu:

Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Luật được xác định một cách rõ ràng, thể hiện được sự cam kết với người học, xã hội và được công bố công khai cùng với các

điều kiện đảm bảo thực hiện. Ngành Luật có bộ phận giám sát việc đạt chuẩn đầu ra, tỉ lệ tốt nghiệp và tỉ lệ thôi học. Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật đáp ứng được yêu cầu của các bên liên quan. Công tác NCKH của SV Luật được Nhà trường và Khoa chú trọng, khuyến khích và đẩy mạnh triển khai thực hiện. Việc khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng dịch vụ giáo dục, chương trình dạy học, kết quả đào tạo được xác lập và giám sát. Tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp và có việc làm của SV ngành Luật được xác lập và được đối sánh qua các năm để từ đó xây dựng và triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng CTĐT.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng:

Trường ĐHPT tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ. Trong quá trình đào tạo, Trường ĐHPT đã thiết kế CTĐT, bố trí các học phần một cách hợp lý đảm bảo khối lượng kiến thức và thời gian để SV hoàn thành chương trình học. Năm 2021, Khoa LKT có mở thêm ngành Luật với CTĐT Đại học hệ chính quy có thời gian thiết kế chuẩn là 3,5 năm [H11.11.01.01].

Trước khi bước vào năm học mới, Phòng QLĐT và các khoa lập kế hoạch đào tạo trong đó có xác lập, dự đoán tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của tất cả các CTĐT. Căn cứ vào đánh giá kết quả học tập, kết quả rèn luyện và tỷ lệ thôi học các năm trước để làm cơ sở dự báo tỷ lệ trên [H11.11.01.02]. Trường có hệ thống quản lý, theo dõi giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của SV thông qua các hoạt động như cảnh báo học vụ (Phòng QLĐT phối hợp các khoa), phần mềm quản lý điểm (Phòng QLĐT), đánh giá kết quả rèn luyện của SV (Phòng CTCTSV phối hợp với các Khoa). Trong quá trình học tập, người học phải đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ được đề ra trong CTĐT, trong Đề cương chi tiết (ĐCCT) môn học [H11.11.01.03].

Căn cứ theo Quy chế đào tạo theo hệ thống chế độ của Bộ GD&ĐT, Trường ĐHPT ban hành quy chế đào tạo của trường để theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả học tập, tỷ lệ tốt nghiệp của SV hàng năm nhằm đưa ra các biện pháp cải tiến phù hợp [H11.11.01.04]. Trường ĐHPT cũng ban hành chức năng nhiệm vụ của Phòng QLĐT, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC, và của từng khoa để các CB-GV-NV chuyên trách theo dõi

tỷ lệ này, báo cáo lãnh đạo và hỗ trợ SV cải tiến kết quả học tập. Trong đó, Phòng QLĐT phụ trách quản lý điểm của người học trên phần mềm quản lý điểm, theo dõi kết quả học tập của người học, công bố kịp thời, đầy đủ về kết quả học tập cho người học qua hệ thống quản lý trên website của trường và gửi kết quả học tập về cho khoa theo học kỳ, năm học [H11.11.01.05]. Song song với việc theo dõi kết quả học tập, Trường ĐHPT cũng ban hành quy chế đánh giá rèn luyện để Phòng CTCTSV&HTDN phối hợp với các khoa chuyên môn đánh giá và theo dõi kết quả rèn luyện của SV theo từng học kỳ, năm học [H11.11.01.06].

Hàng năm, tỷ lệ SV Luật thôi học được xác lập, giám sát, đối sánh giữa các năm học, các khóa học; phân tích nguyên nhân, kết quả và xu hướng để đề ra biện pháp cải tiến.

Bảng 11.1. Tỷ lệ thôi học của SV ngành Luật

Khóa học	SLSV nhập học	SV/tỷ lệ SV thôi học qua các năm				
		Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Tổng
2021-2025	22	2	2	1	0	5
		9,09%	9,09%	4,54%	0	22,72%
2022-2026	27	3	2	1	0	6
		11,1%	7,4%	3,7%	0	22,2%
2023-2027	28	3	0	0	0	3
		10,7%	0	0	0	10,7%
2024-2028	39	6	0	0	0	6
		15,38%	0	0	0	15,38%

Kết quả bảng trên cho thấy SV nghỉ học nhiều vào năm thứ nhất và giảm dần vào các năm tiếp theo [H11.11.01.07].

Bảng 11.2. Tỷ lệ người học ngành Luật tốt nghiệp đúng thời hạn

STT	Khóa học	SL tuyển	Đúng hạn		Quá hạn năm		Tốt nghiệp
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
	2021-2025	22	15	68,2%	2	9,1%	77,3%

Kết quả bảng trên cho thấy SV ngành Luật có tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn đều trên 70% (khóa đầu tiên tốt nghiệp) [H11.11.01.08].

Bảng 11.3. Tỷ lệ thôi học ngành Luật so với các ngành khác trong Trường

Ngành	Tỷ lệ (%) SV thôi học các năm học gần đây		
	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Luật	9.09	9.09	4.54
TCNH	16.85	7.26	3.14
QTDVDL&LH	21.74	5.26	9.64
QTKD	14.64	12.97	7.00
KT	26.89	8.00	-
CNTT	15.22	10.34	4.94
NNA	8.51	8.91	3.32
QTKS	18.6	13.52	7.87

Bảng 11.4. Tỷ lệ tốt nghiệp ngành Luật so với các ngành khác trong Trường

STT	Ngành	Khóa học 2021-2025
1	Luật	77,3%
2	Kế toán	78,31%
3	Tài chính – Ngân hàng	60,61%
4	Công nghệ thông tin	47,06%
5	Quản trị kinh doanh	66,35%
6	Luật Kinh tế	84,21%
7	Quản trị khách sạn	29,63%
8	Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành	43,48%
9	Ngôn ngữ Anh	60,98%

Qua kết quả thống kê và đối sánh tỷ lệ với các trường đại học trong khu vực cho thấy tỷ lệ thôi học của SV ngành Luật tương đối cao đặc biệt là năm 1 và năm 2.

Trên cơ sở chỉ đạo của BGH, Khoa LKT cũng đưa ra một số biện pháp cải tiến được thực hiện như: đổi mới PPDH [H11.11.01.09]; theo dõi nhắc nhở SV trong sinh hoạt lớp; họp cán bộ lớp phân công giúp đỡ SV yếu kém [H11.11.01.10]; phối hợp với GV theo dõi tình hình đến lớp của SV để can thiệp kịp thời. Để giảm thiểu tỷ lệ SV vắng học, trong quá trình học tập, các GV ngành Luật thực hiện điểm danh trong mỗi buổi học, những SV nghỉ học từ 2 buổi trở lên/học phần, GV báo lớp trưởng nhắc nhở SV vắng đồng thời báo trợ lý khoa liên hệ SV và gia đình thông báo tình trạng vắng học của SV tìm hiểu lý do và động viên, yêu cầu SV đi học đầy đủ [H11.11.01.11]; gửi thư cho phụ huynh và SV về vấn đề cảnh báo học vụ [H11.11.01.12]. Đối với trường hợp SV đạt kết quả thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu, khoa lập danh sách, tìm hiểu nguyên nhân, tư vấn và hỗ trợ SV [H11.11.01.13].

Các trường hợp SV bị cảnh báo học vụ, buộc thôi học, tự thôi học vì nhiều lý do khác nhau (đi du học, chuyển sang học trường khác, chuyển sang học ngành khác trong

trường nhưng do không đủ điều kiện chuyển điểm, không có khả năng chi trả học phí, do đi làm ngoài nhiều ...) [H11.11.01.14]. Từ các lý do trên, BGH đã chỉ đạo Phòng QLĐT, Phòng CTCTSV-QHDN, Khoa LKT và Đoàn thanh niên phối hợp triển khai tìm hiểu nguyên nhân, đề ra hướng khắc phục nhằm nâng cao tỷ lệ SV đạt yêu cầu và hạn chế tối đa tỷ lệ SV nghỉ học [H11.11.01.15]. Cụ thể đối với SV bỏ học, tùy vào nguyên nhân mà có các biện pháp cải tiến như: Hỗ trợ vay vốn, gia hạn thời gian đóng học phí, xét học bổng “Tiếp bước cho em đến trường”.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường và Khoa đều có bộ phận chuyên trách phụ trách giám sát tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của sinh viên; có các quy chế, quy định cụ thể về đào tạo và phần mềm quản lý điểm để quản lý chung cơ sở dữ liệu và giám sát tỷ lệ SV tốt nghiệp, thôi học. Tỷ lệ SV thôi học ngành Luật được xác lập, giám sát và có đối sánh qua các năm để phân tích tìm hiểu nguyên nhân thôi học và chậm tốt nghiệp của SV, đồng thời đã có một số giải pháp giúp giảm tỷ lệ SV thôi học.

3. Điểm tồn tại:

Nhà trường chưa có giải pháp hiệu quả khắc phục tỷ lệ SV thôi học với các lý do đã nêu trên trên cơ sở đó có những tiêu chí lựa chọn SV phù hợp ngay từ khi tuyển sinh.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đưa vào kế hoạch đào tạo những phân tích, dự đoán xu thế tỷ lệ thôi học, kết quả học tập và rèn luyện của người học để đề ra trước các giải pháp cải thiện.	- K.LKT - P.QLĐT	Từ năm 2025 -2026	
2	Phát huy	Các bộ phận chuyên trách tăng cường giám sát tỷ lệ thôi học,	K.LKT, P.QLĐT,	Từ năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
	điểm mạnh	tốt nghiệp của SV và đối sánh để đưa ra các nhận định phù hợp và có các giải pháp hiệu quả hơn.	P.CTCTSV &HTDN	2025 – 2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 11.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng:

Vào đầu khóa học, SV Luật sẽ được phổ biến về thời gian đào tạo của khóa học, điều kiện được tốt nghiệp trong Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, sổ tay sinh viên và website trường [H11.11.02.01]. Trong thời gian đào tạo, bộ phận chuyên trách của P.QLĐT tổng hợp từ báo cáo của các GV về các thông tin về kết quả học tập của SV theo từng học kỳ, năm học gửi về lại cho Khoa LKT theo dõi, cũng như cập nhật lên hệ thống điểm để SV vào tài khoản cá nhân xem kết quả học tập và điểm số tích lũy đã hoàn thành hay chưa hoàn thành. Qua đó, SV có thể sắp xếp thời gian để bố trí lịch học cá nhân cụ thể từng học kỳ, chủ động lên kế hoạch học tập nhằm tốt nghiệp đúng hoặc sớm tiến độ [H11.11.02.02].

Hàng năm, Trường ra thông báo và tổ chức xét tốt nghiệp 2 lần vào cuối mỗi học kỳ chính để cho SV khi đủ điều kiện tốt nghiệp có thể nộp đơn đề nghị xét tốt nghiệp [H11.11.02.03]. Hàng năm, sau mỗi đợt xét tốt nghiệp, P.QLĐT sẽ thống kê số lượng SV tốt nghiệp theo khóa học, ngành học, thời gian tốt nghiệp gửi đến các khoa nhằm theo dõi tiến độ tốt nghiệp của SV và báo cáo cho BGH. Qua đó, khoa LKT có thể đối chiếu lại thời lượng thiết kế CTĐT có phù hợp với thực tế không [H11.11.02.04]. CTĐT ngành Luật được thiết kế với thời lượng là 3.5 năm, thời gian tối đa là 6 năm, đủ để trang bị đầy đủ kiến thức cần thiết và phù hợp với sức học của SV cũng như đảm bảo thời gian tốt nghiệp đúng tiến độ. Ngoài ra, để được công nhận tốt nghiệp thì SV phải

hoàn thành các điều kiện của CĐR như các chứng chỉ về tin học cơ bản, nâng cao; quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất.

Khoa LKT được thành lập từ năm 2015, nhưng bắt đầu tuyển sinh ngành Luật khóa đầu tiên là vào năm 2021. Đối với SV sắp tốt nghiệp Nhà trường sẽ ra thông báo và tổ chức xét tốt nghiệp 2 lần vào cuối mỗi học kỳ chính để cho SV khi đủ điều kiện tốt nghiệp có thể nộp đơn đề nghị xét tốt nghiệp [H11.11.02.03]. Phòng QLĐT sẽ thống kê số lượng SV tốt nghiệp theo khóa học, ngành học, thời gian tốt nghiệp gửi đến các khoa nhằm theo dõi tiến độ tốt nghiệp của SV. Qua đó, Khoa LKT có thể đối chiếu lại thời lượng thiết kế CTĐT có phù hợp với thực tế không [H11.11.02.04].

Bảng 11.5. Thời gian và Tỷ lệ tốt nghiệp trung bình năm ngành Luật

Khóa học	Thời gian tốt nghiệp trung bình (năm)	Tỷ lệ SV tốt nghiệp (%)
2021 - 2025	3,5 năm	77,3%

Từ bảng trên cho thấy tỷ lệ tốt nghiệp trung bình SV ngành Luật đều cơ bản đạt yêu cầu. Bên cạnh việc tư vấn, hỗ trợ SV hoàn thành khóa học đúng tiến độ, Nhà trường luôn quan tâm, tạo điều kiện để những SV có học lực tốt có thể đăng ký học vượt để có thể tốt nghiệp sớm tiến độ [H11.11.02.05]. Những SV có nguy cơ tốt nghiệp không đúng tiến độ, sau khi có các kết quả thi của mỗi học kỳ, Phòng QLĐT phối hợp cùng Khoa tiến hành xét học vụ, và gửi kết quả đến những SV bị cảnh báo kết quả học tập. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ nhằm giúp cho SV có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình, hạn chế SV bỏ học ở mức thấp nhất [H11.11.02.05]. Đồng thời, Khoa tiến hành họp mặt SV đầu mỗi năm học, theo dõi tình hình học của SV thông qua CVHT và Ban cán sự lớp. Đây là những biện pháp thiết thực nhằm giảm tỷ lệ bỏ học và giúp SV tốt nghiệp đúng tiến độ [H11.11.02.06]. Những SV không tốt nghiệp đúng tiến độ đa số do SV chưa tích lũy đủ số học phần và khối lượng của CTĐT theo quy định; hoặc do điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt dưới 2,00 điểm; hoặc thiếu các môn điều kiện (các môn kỹ năng mềm bắt buộc, tin học, ngoại ngữ, chứng chỉ GDTC, GDQP&AN). Trường ĐHPT luôn quan tâm, tạo điều kiện hỗ trợ cho SV mở các lớp học vụ theo yêu cầu, tạo điều kiện cho những SV này về trả

nợ học phần và xét tốt nghiệp sớm nhất có thể nếu SV đủ điều kiện xét tốt nghiệp và đang trong thời gian đào tạo cho phép [H11.11.02.07], [H11.11.02.08].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường và khoa LKT đã giao trách nhiệm cho bộ phận, cá nhân để theo dõi/thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của SV luật khóa đầu tiên theo từng năm học.

Phòng QLĐT và Khoa LKT thường xuyên tìm hiểu, phân tích nguyên nhân người học tốt nghiệp muộn và thực hiện các biện pháp hỗ trợ người học nhằm tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn.

3. Điểm tồn tại:

Vẫn còn tồn tại một số lượng sinh viên Luật tốt nghiệp chậm tiến độ, do SV chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, mặc dù đã hoàn thành các môn học trong CTĐT nhưng chưa hoàn thành các điều kiện CĐR. Chính vì vậy, SV bị chậm tốt nghiệp so với tiến độ của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa LKT, Phòng QLĐT tiến hành rà soát, nhắc nhở SV kịp thời hoàn thành các điều kiện CĐR, để việc xét tốt nghiệp của SV được đảm bảo đúng tiến độ.	- K.LKT - P.QLĐT	Từ năm 2025 -2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa LKT phối hợp Phòng QLĐT, và Trung tâm PTNNL của Trường xây dựng kế hoạch cho các SV còn nợ học phần và nợ chứng chỉ CĐR học tập để	- K.LKT - P.QLĐT - TT PTNNL	Từ năm 2025 -2026	

	đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp.			
	Nhà trường và Khoa tiếp tục duy trì và phát huy tính hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ SV giúp tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng thời hạn và rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình.	K.LKT, P.QLĐT, P.CTCTSV& QHDN	Từ năm 2025 -2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 11.3: Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng:

Bên cạnh việc tập trung vào chất lượng đào tạo nhằm trang bị kiến thức vững chắc cho SV, trường ĐHPT còn quan tâm đến khả năng có việc làm của SV sau khi ra trường. Sau khi có khóa SV Luật đầu tiên ra trường vào năm 2025, tỷ lệ có việc làm của SV tốt nghiệp sẽ được Khoa LKT và Nhà trường theo dõi, giám sát, thống kê, báo cáo. Nhà trường có theo dõi thống kê tỷ lệ có việc làm và chất lượng việc làm, thu nhập trung bình của SV sau tốt nghiệp được giao cho P. KT-ĐBCL-TT&PC phụ trách chính phối hợp với P.CTCTSV&HTDN và các khoa thông qua quy trình hướng dẫn cụ thể và KH về hoạt động khảo sát hàng năm [H11.11.03.01].

Phòng CTCTSV&HTDN là đơn vị cầu nối nhằm tăng cường sự phối hợp giữa Nhà trường với các đơn vị sử dụng lao động hỗ trợ việc làm, thực tập cho SV [H11.11.03.02]. Hàng năm, đơn vị này phối hợp với các khoa, phòng tổ chức ngày hội việc làm để đưa SV đến gần hơn với nhà tuyển dụng, tăng cơ hội tìm được việc làm phù hợp. Thông qua hoạt động này Trường ĐHPT thu hút nhiều doanh nghiệp tham gia. Qua đó, 100% SV (đang học tập tại Trường, kể cả SV đã ra trường) có nhu cầu việc làm đều được tư vấn, giới thiệu chỗ thực tập, tham quan thực tế, việc làm bán thời gian và việc làm chuyên môn cho SV [H11.11.02.01], [H11.11.03.03]. Bên cạnh đó trên Website của Trường

DHPT <http://www.upt.edu.vn/> và website của Khoa LKT <http://fl.upt.edu.vn/> có chuyên mục Việc làm sinh viên nhằm giúp SV có thể tìm kiếm việc làm theo chuyên môn hay bán thời gian với các vị trí tuyển dụng phù hợp.

Hằng năm, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC phối hợp với Phòng QLĐT và Khoa LKT, Phòng CTCTSV&HTDN triển khai việc khảo sát để tìm hiểu, theo dõi, giám sát tỷ lệ có việc làm của SV tốt nghiệp [H11.11.03.04]. Đây là một trong những kênh thông tin để Nhà trường và Khoa LKT nhận được những phản hồi của người học, người sử dụng lao động về sự đáp ứng của CTĐT đối với nhu cầu lao động thực tế.

Bảng 11.6. Tỷ lệ có việc làm của sinh viên ngành Luật tốt nghiệp Tháng 03/2025 (Khảo sát tháng 5/2025)

SLSV TN	Tình hình việc làm					Tỷ lệ SV có việc làm	Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh,TP)
	Đúng ngành	Liên quan đến ngành	Khôn g liên quan đến ngành	Tiếp tục học	Chưa có việc làm		NN	Tư nhân	Tự tạo VL	Có yếu tố nước ngoài	
15	5	1	2	3	5	100	1	66,6 7	1	7	PT-BT

- Tỷ lệ có việc làm/tổng số SV tốt nghiệp được khảo sát có phản hồi là 100%. Đa số là SV có việc làm đúng hoặc liên quan đến ngành đào tạo với tỷ lệ >50%. Như vậy, khóa đầu tiên của ngành Luật Khoa LKT đạt tỷ lệ có việc làm tương đối cao sau 03 tháng tốt nghiệp.

- SV ra trường đa số làm trong các tổ chức kinh tế tư nhân (>40%), đó cũng là xu hướng chung của sự phát triển xã hội hiện nay. Nơi làm việc của SVTN đa số vẫn là tại Bình Thuận (>90%) vì hầu hết SV của Trường là con em tỉnh nhà nên sau khi ra trường các bạn vẫn muốn làm việc, cống hiến tại địa phương.

- Mức thu nhập bình quân/tháng qua một số SV có cung cấp thông tin vào khoảng 4-7 triệu đồng (khoảng 40%).

- Trong số SVTN có phản hồi thông tin về đánh giá mức độ hữu ích của kiến thức đối với công việc hiện tại thì có 60 % là hữu ích, 40 % là tương đối hữu ích.

- Đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu công việc tại doanh nghiệp của SVTN dựa trên số lượng có phản hồi về thông tin này:

Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc	Đảm nhận công việc ngay	Đảm nhận công việc nhưng phải đào tạo thêm	Đào tạo thêm từ 6 tháng trở lên
Ngành Luật	60%	40%	0%

Mức độ đáp ứng công việc ngay của SV sau khi tốt nghiệp trên chiếm 90% đây cũng là con số khả quan cho thấy CTĐT và hoạt động đào tạo của Nhà trường có phù hợp so với thực tế yêu cầu xã hội, không làm cho SV ngỡ ngàng khi mới ra trường. Số lượng SVTN phản hồi cần được đào tạo thêm chiếm 40% đa số là các bạn làm bên nhân viên hành chính nhân sự, nhân viên văn phòng hoặc do không đúng ngành nên cần đào tạo thêm. Mặt khác, việc đào tạo ở trong Trường lớp dù có nhiều chương trình được xây dựng dựa trên yêu cầu, xu hướng của xã hội nhưng mỗi đơn vị doanh nghiệp và môi trường thực tế khác nhau thì việc SV mới tốt nghiệp vẫn chưa có được kinh nghiệm làm việc, chưa cọ sát với thực tế thì cần được bồi dưỡng, đào tạo thêm cũng là hợp lý [H11.11.03.05].

Bảng 11.7. Đối sánh tỷ lệ có việc làm của SV ngành Luật và các ngành khác trong Trường

STT	Ngành học	Tỷ lệ có việc làm của SV tốt nghiệp năm 2025
1	Luật	66,67%
2	Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống	100%
3	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	93,33%
4	Kỹ thuật xây dựng	100%
5	Kỹ thuật ô tô	93,33%

Kết quả bảng trên cho thấy tỷ lệ có việc làm của SV sau tốt nghiệp ngành Luật so với các CTĐT khác của Trường là chưa cao nhưng cũng tương đương một số ngành khác [H11.11.03.05].

Khoa LKT và Trường sẽ tiếp tục công tác đối sánh tỷ lệ việc làm cho những khóa tốt nghiệp tiếp theo của ngành Luật; và tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất nhiều biện pháp hơn nữa nhằm tiếp tục hỗ trợ tìm việc làm cho SV để nâng cao mức độ đáp ứng yêu cầu công việc và chất lượng công việc của SV sau tốt nghiệp như: Tăng cường sự phối hợp giữa Nhà trường với các đơn vị sử dụng lao động nhằm hỗ trợ việc làm, thực tập cho SV [H11.11.03.06]. Tổ chức các ngày hội việc làm, tăng các kênh thông tin việc làm trên website Trường, tăng cường đào tạo kỹ năng mềm, ngoại ngữ

cho SV. Ngoài ra, Nhà trường cũng tổ chức Hội cựu SV, thông qua họp mặt cựu SV hàng năm, các Khoa có thể nắm được tình trạng việc làm của SV tốt nghiệp, nhu cầu và yêu cầu thực tế của các doanh nghiệp khi tuyển dụng, từ đó có các kế hoạch nhằm cải tiến chất lượng đào tạo phù hợp hơn với nhu cầu xã hội [H11.11.03.07].

2. Điểm mạnh:

Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp 12 tháng của SV khóa đầu tiên ngành Luật là tương đối cao (80%) và đa số có việc làm phù hợp với ngành học.

Nhà trường và Khoa LKT có xây dựng mối quan hệ tốt với DN, NTD thường xuyên để hỗ trợ SV tìm được việc làm phù hợp nhất.

3. Điểm tồn tại:

Còn một tỷ lệ nhất định SV ngành Luật chưa có việc làm hoặc làm trái ngành nghề sau khi tốt nghiệp. Một số SV còn chưa lập kế hoạch cá nhân, định hướng mục tiêu nghề nghiệp chưa rõ ràng. Do đó, SV gặp chút ít khó khăn trong quá trình tìm việc làm sau phù hợp khi tốt nghiệp.

Chưa đối sánh tỷ lệ có việc làm của SV tốt nghiệp ngành Luật với các trường đại học khác.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện đối sánh và phân tích tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm cùng ngành đào tạo trong và ngoài nước định kỳ để đề ra giải pháp hiệu quả nhằm nâng cao tỷ lệ có việc làm.	K.LKT, P.CTCTSV &HTDN	Từ năm 2025-2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
		Tiếp tục đổi mới CTĐT, tăng cường thời lượng thực hành thực tế, rèn luyện cho SV kỹ năng và môi trường nghề nghiệp. Tiếp tục quảng bá CTĐT, về Ngành LKT đối với xã hội.		Từ năm 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh công tác hợp tác với các DN tổ chức trong việc giới thiệu, tuyển dụng SV sau tốt nghiệp.	K.LKT, P.CTCTSV &HTDN, Ban TTTT&QT M	Từ năm 2025-2026	
		Phát huy vai trò của cựu SV trong việc hỗ trợ thực tập và giới thiệu việc làm.			
		Tiếp tục thực hiện khảo sát DN tìm hiểu nhu cầu của người sử dụng lao động để điều chỉnh cập nhật CTĐT đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu của thị trường lao động.			

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng:

Trường DHPT xác định hoạt động NCKH trong Nhà trường là cần thiết, quan trọng song hành với hoạt động đào tạo để phát triển một trường ĐH. Tuy nhiên, từ năm 2009

đến 2014, Trường chưa có đủ nguồn lực để đầu tư nhiều vào hoạt động NCKH. Nhưng kể từ năm 2015, Trường đã thành lập Phòng QLKH&HTQT nhằm tham mưu cho Nhà trường xây dựng KHCL phát triển NCKH phù hợp với điều kiện CSVC, đội ngũ nhân lực hiện có cũng như với sứ mạng phát triển của Nhà trường [H11.11.04.01]. Bên cạnh Kế hoạch của P. QLKH&HTQT, Khoa cũng xây dựng kế hoạch về hoạt động NCKH hằng năm của đơn vị mình trong đó xác lập được loại hình nghiên cứu đặc thù đối với khối ngành kinh tế là nghiên cứu xã hội và số lượng các hoạt động NCKH cho người học là tương thích với mục tiêu, sứ mạng - tầm nhìn của Nhà trường và CĐR của CTĐT [H11.11.04.02]. Ngoài ra, P.CTCTSV&HTDN còn xây dựng các chỉ tiêu về NCKH cho SV đạt chuẩn SV5T [H11.11.04.03]. Căn cứ vào kế hoạch NCKH trong năm của toàn Trường, Khoa sẽ lập danh mục các đề tài NCKH của CB-GV và SV khoa mình. Sau đó, Khoa sẽ hướng dẫn SV đăng ký đề tài. Ngoài ra, hằng năm, P.QLKH&HTQT sẽ tổng kết thống kê hoạt động NCKH của SV trong năm và gửi lại thông tin để Khoa theo dõi, giám sát [H11.11.04.04].

Hàng năm, Nhà trường và Khoa thường tổ chức hội nghị, hội thảo về KHCN dành cho SV [H11.11.04.05]. Sinh viên ngành Luật bước đầu tập làm quen hoạt động hướng tới hoạt động NCKH như: viết tiểu luận, báo cáo thực tập, làm khóa luận (theo quy định trong CTĐT, trong ĐCCT môn học). Đồng thời hoặc tham gia, học hỏi các đề tài NCKH ở các cấp, các Hội thảo khoa học, các tọa đàm “Sinh viên: Tình yêu, tình dục, góc khuất và kỹ năng hòa nhập sau tốt nghiệp”, hội thảo “Kỹ năng mềm cho SV trong định hướng hoạt động nghề nghiệp”, báo cáo chuyên đề “Giải mã trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu”. Đề tài NCKH của SV có thể được thực hiện theo cá nhân hoặc nhóm nghiên cứu (không quá 3 tác giả/đề tài), đề tài đăng ký sẽ được các tác giả trình bày, trao đổi trong cuộc họp chung của Khoa tổ chức nhằm mục đích giúp SV xác định rõ hơn tên đề tài, mục tiêu, phương pháp và trình tự tiến hành nghiên cứu [H11.11.04.06].

Việc tổ chức hoạt động NCKH cho SV của Trường ĐHPT tuân theo Thông tư 19/2011/TT-BGDĐT ban hành quy định về hoạt động NCKH của SV trong các CSGD đại học của Bộ GD&ĐT. Ngoài ra, hoạt động theo dõi, giám sát loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu; các hoạt động NCKH của SV được thực hiện Quy định về quản lý hoạt động KHCN của Trường. Phòng QLKH&HTQT chịu trách nhiệm về các đề tài NCKH từ cấp Trường trở lên, hướng dẫn SV lập hồ sơ, theo dõi, tổng hợp và báo

cáo kết quả [H11.11.04.07]. SV được hỗ trợ chính bởi các GV của Khoa như chọn đề tài, lập đề cương nghiên cứu, làm thực nghiệm, sửa bài, đánh giá... SV tiến hành đăng ký đề tài NCKH cấp Trường theo quy trình do Phòng QLKH&HTQT ban hành. Nguồn kinh phí hỗ trợ cho hoạt động NCKH của SV gồm: kinh phí trích từ nguồn thu của Nhà trường, huy động từ các nguồn hợp pháp khác, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước [H11.11.04.07].

Đối với các hoạt động tiếp cận nghiên cứu là những đồ án, khoá luận tốt nghiệp, tùy theo ngành đào tạo, đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp được áp dụng cho SV đạt mức quy định của Trường [H11.11.04.08]. Khoa sẽ phân công và công bố danh sách GV hướng dẫn SV thực hiện nghiên cứu. Các đề tài có chất lượng tốt sẽ được phát triển và báo cáo trước HĐKH của Khoa [H11.11.04.09]. Chất lượng hoạt động nghiên cứu của SV của trường các năm qua chủ yếu được đánh giá bởi các hội đồng nghiệm thu trong và ngoài trường [H11.11.04.10].

Chính sách về NCKH của SV cũng được HĐQT đưa vào nghị quyết để thực hiện [H11.11.04.11]. Hằng năm, Nhà trường lập dự toán phân bổ kinh phí cho hoạt động NCKH (trong đó có hoạt động NCKH của SV), chuyển giao công nghệ và PVCD. Nhằm đẩy mạnh hoạt động NCKH của SV, HĐQT đã tăng cường hỗ trợ về tài chính: tăng định mức NCKH, tăng định mức khen thưởng cho những SV đạt thành tích cao trong NCKH và các cuộc thi học thuật các cấp [H11.11.04.08].

Việc rà soát tiến độ, chỉ tiêu các hoạt động NCKH của SV được thực hiện hằng năm do P.QLKH&HTQT tổng kết thống kê hoạt động NCKH của GV, SV trong năm từ các Khoa, đơn vị và gửi lại thông tin để Khoa theo dõi, giám sát [H11.11.04.04]. Việc rà soát kết quả SV làm khóa luận tốt nghiệp do các Khoa và P.QLĐT thực hiện theo quy chế đào tạo. Kết quả NCKH của các dạng hoạt động này thể hiện qua kết quả tốt nghiệp của SV [H11.11.04.12]. Cuối mỗi năm học, Khoa tổng kết hoạt động NCKH của CB-GV và của SV trong Khoa, thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của SV giữa các năm, giữa các CTĐT trong Trường để xây dựng kế hoạch KHCN cho năm học mới [H11.11.04.02].

Bảng 11.8. Bảng đối sánh số lượng đề tài NCKH của SV các Khoa

Khoa	Số lượng đề tài NCKH của SV các Khoa			
	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
Luật	0	0	0	3
QTKD	1	0	2	4
Ngoại ngữ	0	0	2	1
CNTT	0	0	1	3
TC-KT-NH	0	0	0	1
Du lịch	0	0	0	7
KTCN	0	0	0	1
KHSK	0	0	0	1

Trong những năm qua, hoạt động NCKH của SV chưa phát triển mạnh mẽ. Lý do bởi vì Khoa LKT trường ĐHPT là Khoa còn non trẻ được thành lập năm 2015, năm 2021 Khoa mới bắt đầu tuyển sinh ngành Luật. Trong khi để viết NCKH SV cần có kiến thức chuyên ngành, hơn nữa do SV tập trung cho việc học chính khóa, tham gia các hoạt động đoàn hội và một phần lớn các em làm việc bán thời gian nên Khoa LKT chưa có nhiều bài viết NCKH của SV.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của người học, thực hiện đối sánh và có những đề xuất/đầu tư NCKH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, phù hợp với khả năng của người học.

Nhà trường và Khoa LKT đã ban hành các văn bản chi tiết về NCKH của SV và triển khai sâu rộng đến tất cả đối tượng SV. Hoạt động SV NCKH, hoạt động khởi nghiệp được Khoa quan tâm, điều chỉnh trong những năm gần đây nên tỷ lệ SV tham gia bắt đầu khởi sắc. Khoa LKT đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm khuyến khích SV tham gia NCKH.

3. Điểm tồn tại:

Hiện nay, loại hình để thu hút và khuyến khích SV tham gia NCKH của Khoa LKT còn chưa đa dạng, mới dừng lại ở việc chọn đề tài NCKH theo nhóm hoặc cá nhân dưới sự hướng dẫn của GV; chưa có các hoạt động và chính sách hấp dẫn thu hút SV tham gia đề tài NCKH các cấp cùng với GV do đó mà số đề tài NCKH do SV thực hiện còn rất khiêm tốn.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đề xuất Nhà trường xây dựng chính sách khuyến khích NCKH trong đó có tăng kinh phí dành cho NCKH của SV, tính điểm rèn luyện, điều kiện xét học bổng, nâng cao kỹ năng NCKH cho người học, phát triển các hoạt động Khởi nghiệp.	K.LKT, P.CTCTSV& HTDN	Từ năm 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục chuẩn hóa quy định NCKH SV, đẩy mạnh và truyền thông tốt hơn vai trò của CLB NCKH nhằm khơi gợi SV niềm đam mê NCKH.	K.LKT, P.QLKH &HTQT	Từ năm 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường có ban hành quy trình khảo sát lấy ý các bên liên quan về các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ của trường; qua đó có phân công cho các đơn vị, bộ phận phụ trách hằng năm tổng hợp, theo dõi giám sát, đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan là Phòng KT-ĐBCL-TT&PC phối hợp với Phòng QLĐT, Phòng CTCTSV&HTDN và các Khoa [H11.11.05.01].

Trường ĐHPT đã xác lập và duy trì hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan từ sau khi có khóa học tốt nghiệp. Hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên

quan phục vụ công tác nâng cao chất lượng toàn diện trong Nhà trường thông qua một quy trình Khảo sát gồm các loại: khảo sát ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy của GV; khảo sát ý kiến SV năm cuối về khóa học; khảo sát ý kiến SV tốt nghiệp về việc làm; khảo sát ý kiến GV và SV về chất lượng đội ngũ NV hỗ trợ; khảo sát ý kiến NTD, cựu SV và GV về CTĐT và CDR; khảo sát ý kiến SV về hoạt động NCKH và PVCĐ [H11.11.05.01].

Mức độ hài lòng của sinh viên đối với hoạt động giảng dạy của GV được xác lập, giám sát và theo dõi định kỳ mỗi học kỳ qua kết quả khảo sát ý kiến sinh viên sau khi kết thúc môn học. Khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy các môn học: Khảo sát online qua phần mềm xem điểm của SV sau khi kết thúc mỗi học kỳ, với các nội dung (TC1) Phương pháp giảng dạy, (TC2) Nội dung giảng dạy, (TC3) Kiểm tra, đánh giá môn học.

Bảng 11.9. Tỷ lệ hài lòng của SV về hoạt động giảng dạy của GV

STT	GV thuộc Khoa	Tỷ lệ hài lòng của SV về hoạt động giảng dạy các môn học (%)							
		2021-2022		2022-2023		2023-2024		2024-2025	
		HK1	HK2	HK1	HK2	HK1	HK2	HK1	HK2
1	LKT	82,8	82,2	87,8	90,6	83	85,5	82,2	-
2	DL	87,4	79,3	82,5	82,7	86,3	89,7	91,9	-
3	TC-KT-NH	88,5	91,2	87,7	87,4	91,5	90,8	87,6	-
4	NN	86	84,1	81,8	83,2	84,2	83,1	85,2	-
5	QTKD	88,3	91,7	84	86,7	84,9	84,6	83,6	-
6	CNTT	80,5	92,3	82,3	84	84,7	85,1	81,8	-
7	CB	90,5	88,7	82,9	84,5	84,9	84,2	84,9	-
8	KTCN	87,7	91,4	84,7	89,8	91,8	91,8	89,6	-
9	KHSK	-	-	100	80,5	94,4	92,6	94,4	-
Toàn trường		86,5	87,6	86	85,5	87,3	87,5	86,9	-

Kết quả bảng trên cho thấy tỷ lệ hài lòng của SV về hoạt động giảng dạy các môn học thuộc Khoa LKT đều trên 80% và gần bằng mức trung bình của toàn trường qua các học kỳ [H11.11.05.03].

Mức độ hài lòng của SV ngành Luật đối với toàn khóa học được theo dõi thông qua khảo sát ý kiến SV cuối mỗi năm học về CTĐT, giảng dạy, các hoạt động hỗ trợ đào tạo trong khóa học. Khảo sát ý kiến sinh viên từ năm 3 trở lên về toàn khóa học với các nội dung (1) Mục tiêu và nội dung chương trình học; (2) Hoạt động giảng dạy trong khóa học; (3) Tổ chức đào tạo và đánh giá SV; (4) Tài liệu và cơ sở vật chất phục vụ học tập; (5) Tư vấn, hỗ trợ SV; (6) Cảm nhận về kết quả đạt được từ khóa học.

Bảng 11.5.2. Tỷ lệ hài lòng của sinh viên về khóa học

STT	Ngành học	Tỷ lệ hài lòng của SV về khóa học (%)
		Khóa 2021 - 2025
1	Luật	97,2%
2	Luật Kinh tế	98,5%
3	Quản trị khách sạn	94,1%
4	Quản trị Dịch vụ du lịch và Lữ hành	92,9%
5	Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống	97,8%
6	Tài chính – Ngân hàng	85%
7	Kế toán	95,9%
8	Ngôn ngữ Anh	96,1%
9	Công nghệ thông tin	99,7%
10	Quản trị kinh doanh	97,6%
11	Truyền thông đa phương tiện	98,7%
12	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	87,7%
13	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	98,8%
14	Kỹ thuật Ô tô	99,1%
15	Kỹ thuật xây dựng	99,8%

Kết quả bảng trên cho thấy tỷ lệ hài lòng của SV đối với ngành Luật có tỷ lệ hài lòng đạt xấp xỉ 85% [H11.11.05.04]. Khảo sát ý kiến cựu SV còn giúp Trường và Khoa tìm hiểu những thông tin cơ bản về CTĐT của khóa học, những kiến thức và kỹ năng cần bổ sung giúp SV sau khi ra trường nhanh chóng tìm được việc làm và sớm thích nghi với công việc nhằm đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng trong giai đoạn hiện nay. Qua khảo sát cho thấy SV hài lòng về phương pháp giảng dạy cũng như chuyên môn, kiến thức cung cấp có ích cho công việc hiện nay [H11.11.05.04].

Qua khảo sát ý kiến của cựu SV sau khi ra trường cho thấy SV hài lòng về phương pháp giảng dạy cũng như chuyên môn, kiến thức cung cấp có ích cho công việc hiện nay

[H11.11.05.05]. Khảo sát ý kiến GV và CB quản lý: các ý kiến đánh giá được thu thập thông qua các cuộc họp của Khoa LKT hàng năm cho thấy đa số hài lòng về chất lượng SV tốt nghiệp [H11.11.05.06].

Khảo sát ý kiến GV và CB quản lý: các ý kiến đánh giá được thu thập thông qua các cuộc họp của Khoa LKT hàng năm cho thấy đa số hài lòng về chất lượng SV tốt nghiệp [H11.11.05.06].

SV tốt nghiệp đa số đáp ứng được yêu cầu, hài lòng cao từ các doanh nghiệp, NTD về kiến thức ngành và thái độ làm việc. Về kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm thì có sự phân tán, không đồng đều ở các bạn cựu SV, DN đánh giá một số SV có kỹ năng khá tốt nhưng một số lại không như mong đợi, cần được đào tạo thêm về các kỹ năng để đáp ứng yêu cầu công việc. Điều này cũng hoàn toàn hợp lý vì SV mới ra trường, nhiều bạn cũng chưa từng hoặc ít đi làm thêm trước đó nên chưa có kinh nghiệm trong giao tiếp và xử lý các tình huống thực tế nơi làm việc. Về khả năng ngoại ngữ thì hầu như tất cả SV các ngành đều cần được tăng cường đào tạo và tự rèn luyện thêm mới có thể đáp ứng sự hài lòng của các nhà sử dụng lao động [H11.11.05.07].

Hầu hết các đơn vị đều chọn tương đối đồng ý và đồng ý với mục tiêu, nội dung của chuẩn đầu ra và CTĐT các ngành của trường (>80%). Ít có ý kiến chuyên môn gì thêm. Có thể do các đơn vị không có nhiều thời gian để xem xét kỹ các CTĐT của Trường [H11.11.05.07]. Thông qua tỷ lệ có việc làm cao của SV sau khi tốt nghiệp và phản ánh của các bạn cựu sinh viên về mức độ hữu ích của kiến thức, kỹ năng đã được đào tạo trong nhà trường so với yêu cầu thực tế của công việc. Kết quả trên cho thấy xu hướng hài lòng của NTD ngày càng tăng. Điều này chứng tỏ sản phẩm đào tạo của Trường ĐHPT ngày càng được doanh nghiệp và xã hội tiếp nhận.

Thông qua việc xác lập, theo dõi giám sát và đối sánh định kỳ mức độ hài lòng và ý kiến đóng góp của các bên liên quan như SV, CBGV, NTD...Nhà trường và Khoa LKT đã có những cải tiến để nâng cao chất lượng như điều chỉnh CTĐT, đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường hoạt động hỗ trợ người học, thiết kế các môn học đi sát thực tế hơn, nâng cao kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên ngành [H11.11.05.08].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có xây dựng các quy định quy trình về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Khai thác, xử lý và sử dụng các thông tin phản hồi của các bên liên quan, thực hiện việc đối sánh làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo, NCKH và PVCĐ. Mức độ hài lòng của người học, GV, nhà tuyển dụng đối với CTĐT ngành Luật được Nhà trường, Khoa xác lập rõ ràng, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng CTĐT ngành.

3. Điểm tồn tại:

Việc khảo sát ý kiến cựu SV và NTD còn gặp khó khăn, kết quả thu được chưa đầy đủ dữ liệu theo yêu cầu. Chưa thực hiện việc và phân tích đối sánh với các trường ĐH trong nước để cải tiến chất lượng.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan thông qua các hội nghị, hội thảo đồng thời điều chỉnh các tiêu chí đánh giá ở các mẫu phiếu để đảm bảo tính cập nhật nhằm thu hút số lượng cựu người học và người sử dụng lao động tham gia nhiều vào các cuộc khảo sát	K.LKT, P.KT-ĐBCL-TT&PC	Từ năm 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện nội dung, quy trình và thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về chương trình dạy học, chất lượng dịch vụ giáo dục, kết quả đào tạo của Ngành Luật	K.LKT, P.KT-ĐBCL-TT&PC	Từ năm 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 11:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Trường và Khoa đã giám sát việc đạt được các tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ có việc làm của SV sau khi tốt nghiệp. Phòng QLĐT và Khoa có thường xuyên tìm hiểu phân tích nguyên nhân người học tốt nghiệp muộn và thực hiện các biện pháp hỗ trợ người học như nhắc nhở về kết quả học tập thường xuyên, mở lớp để SV học trả nợ kịp tiến độ, hỗ trợ tối đa cho SV năm cuối hoàn thành chương trình tốt nghiệp.

Hoạt động NCKH của SV cũng được Nhà trường chú trọng đầu tư hơn. Nhà trường có hệ thống thu thập ý kiến phản hồi của các BLQ hoạt động một cách hiệu quả, các thông tin được phân tích, đối sánh nhằm cải tiến chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Các loại hình và chính sách khuyến khích SV tham gia NCKH còn chưa đa dạng, chưa thu hút được SV.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 11:

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn 11 gồm có 5 tiêu chí, trong đó có 03 tiêu chí đạt điểm 5/7, 02 tiêu chí đạt điểm 4/7.

PHẦN III. KẾT LUẬN

1. Tóm tắt những điểm mạnh cần phát huy của CTĐT ngành Luật

1.1 Mục tiêu và CDR của chương trình đào tạo

Mục tiêu CTĐT ngành Luật xác định rõ ràng các hướng đào tạo chuyên sâu đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về nghiên cứu và thực hành trong lĩnh vực Kế toán; được xây dựng phù hợp với tầm nhìn sứ mạng của Nhà trường và phù hợp với mục tiêu của Giáo dục đại học. CDR ngành Luật được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT, đảm bảo khối lượng kiến thức và kỹ năng người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT; được rà soát, bổ sung, điều chỉnh, hoàn thiện định kỳ theo quy định của Trường, trong đó có tiếp thu các ý kiến phản hồi các bên liên quan và

có tham khảo, đối sánh với các CTĐT của các Trường ĐH trong và ngoài nước nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn lực của ngành Luật.

1.2 Bản mô tả chương trình đào tạo

Bảng mô tả CTĐT ngành Luật của các học phần bảo đảm đầy đủ thông tin và thường xuyên được cập nhật, điều chỉnh, được công bố rõ ràng, đầy đủ và chuẩn xác để các bên liên quan biết. Quá trình bổ sung, điều chỉnh bảng mô tả CTĐT chuyên ngành Luật được dựa trên nhiều nguồn thông tin khác từ đóng góp, xây dựng của Hội đồng KHĐT Khoa, cựu SV, GV, các đơn vị tuyển dụng trên cơ sở tiếp thu ý kiến các bên liên quan. Đối sánh với các CTĐT trong nước và quốc tế.

1.3 Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

CTĐH cử nhân ngành Luật có cấu trúc hợp lý, các học phần trong CTĐH được sắp xếp theo trình tự logic từ kiến thức đại cương đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Đồng thời, để góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR, giảng viên của Khoa đã lựa chọn tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học của tất cả các học phần trong CTĐT hợp lý, phù hợp.

Nội dung chi tiết của từng học phần trong CTĐH và toàn bộ CĐCT học phần của ngành Kế toán được thiết kế theo quy trình, biểu mẫu rõ ràng và dựa trên CĐR. Qua ma trận các môn học, ma trận CĐR cũng như qua việc lựa chọn các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá của giảng viên Khoa đã thể hiện sự đóng góp cụ thể, rõ ràng của các học phần để đạt được CĐR của CTĐT cử nhân ngành Luật.

1.4 Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mục tiêu giáo dục của ngành Luật là rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan. Các hoạt động dạy và học các học phần của ngành Kế toán được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR. Phương pháp giảng dạy đảm bảo tích hợp được việc giảng dạy các kỹ năng cá nhân, kỹ năng cộng đồng, hình thành thái độ vào việc dạy các kiến thức chuyên môn. Việc xác định các tài nguyên, công cụ cần thiết cho các phương pháp giảng dạy cũng được quan tâm nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng tư duy, thuyết trình, làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1.5 Đánh giá kết quả học tập của người học

Các quy định về kiểm tra đánh giá người học được công bố công khai. Có quy trình, kế hoạch, hướng dẫn GV lựa chọn, thiết kế các tổ hợp phương pháp đánh giá phù hợp để có thể đo lường được mức độ đạt được CĐR. Nhà trường ban hành và triển khai các quy chế quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí đánh giá, trọng số, cơ chế khiếu tố khiếu nại của người học và các nội dung liên quan khác trong các kỳ thi một cách rõ ràng; Tất cả các quy chế quy định về kiểm tra đánh giá đều được GV, Khoa, Trường công bố công khai tới người học trước mỗi khóa học, năm học, học kỳ và đầu mỗi HP.

Khoa LKT và các đơn vị liên quan có sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả trong quá trình tổ chức đánh giá kết quả học tập của SV. Kết quả đánh giá của SV được công bố đúng thời gian quy định và công khai trên Website của Khoa/Trường. Kế hoạch và những quy định về kiểm tra đánh giá được thông báo công khai với người học ngay từ khi bắt đầu khóa học, học kỳ, môn học bằng nhiều hình thức. Khoa LKT áp dụng đa dạng các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy trình, đảm bảo sự khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo của ngành.

1.6 Đội ngũ GV, NCV

Nhà trường và Khoa LKT có chiến lược nhân sự và mục tiêu, giải pháp cụ thể; có kế hoạch tuyển dụng đội ngũ GV và NCV; quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện cụ thể của Trường; quy trình và tiêu chuẩn tuyển dụng đối với tất cả vị trí đều rõ ràng, minh bạch, mang lại hiệu quả cao, tuyển chọn được các ứng viên có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. Đội ngũ GV của LKT có đủ chất lượng, đủ năng lực, phẩm chất, có thâm niên công tác, kinh nghiệm giảng dạy lâu năm để phục vụ cho công tác giảng dạy, NCKH và PVCD. Phần lớn GV trẻ của Khoa đều nỗ lực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ tham gia NCKH.

Khoa, Trường đã khảo sát, phân tích nhu cầu đào tạo, phát triển chuyên môn của GV để xây dựng kế hoạch và triển khai kế hoạch nhằm đáp ứng nhu cầu nâng cao năng lực đội ngũ. Dựa trên các chính sách và xây dựng các văn bản quy định cụ thể, Trường

đã triển khai công tác đánh giá hiệu quả công việc của GV - NV rất nghiêm túc, hiệu quả, tạo động lực hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ.

1.7 Đội ngũ nhân viên

Nhà trường và Khoa LKT đã lập kế hoạch nhân sự, tuyển dụng, thu hút đội ngũ NV hỗ trợ đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ; Đội ngũ CB-NV hỗ trợ có trình độ và chuyên môn, có thâm niên và kinh nghiệm trong công tác hỗ trợ đạt hiệu quả và sự hài lòng từ GV và SV. Nhà trường có quy trình, phương pháp, công cụ xác nhận và đánh giá năng lực đội ngũ NV với các tiêu chí rõ ràng, minh bạch. Hoạt động đánh giá và phân loại đội NV hỗ trợ của Khoa đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Trường và có chính sách khen thưởng kịp thời và minh bạch.

1.8 Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Nhà trường đã xác định các tiêu chí lựa chọn người học, hình thức thi/xét tuyển và phương pháp tuyển chọn cho từng CTĐT nói chung và ngành Luật nói riêng một cách rõ ràng; Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học không ngừng được Nhà trường rà soát, đánh giá và cải tiến.

Hệ thống giám sát cấp Trường và Khoa về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học được xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả dưới nhiều hình thức khác nhau, giúp Khoa nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học chuyên ngành Luật. Nhà trường và Khoa LKT đã xây dựng hệ thống tổ chức công tác hỗ trợ SV trong học tập và rèn luyện, NCKH, hoạt động ngoại khoá,... được phân nhiệm rõ ràng, liên kết tạo nên sự đa dạng và phong phú.

Đội ngũ Cố vấn học tập chuyên trách của Khoa LKT là các GV đầy nhiệt huyết và nhiều kinh nghiệm trong công tác, luôn sẵn sàng hỗ trợ và tư vấn kịp thời cho SV khi cần thiết. Nhà trường theo kế hoạch và đề xuất của Khoa LKT luôn quan tâm và thường xuyên cải tạo CSVC, cải thiện môi trường cảnh quan, vệ sinh an toàn cho GV, NV và SV để đáp ứng được các yêu cầu về môi trường tâm lý, xã hội, khơi nguồn cảm hứng tư duy sáng tạo cho người học.

1.9 Cơ sở vật chất và trang thiết bị

CSVC và trang thiết bị đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH luôn được Nhà trường quan tâm và đầu tư phát triển. Có hệ thống phòng thực hành được trang bị đầy đủ trang thiết bị cần thiết phục vụ cho giảng dạy và học tập. Thư viện có không gian thoáng mát, các đầu sách được cập nhật hằng năm để phục vụ công tác đào tạo và NCKH của Nhà trường và Khoa. Xây dựng đầy đủ các quy trình sử dụng thư viện và hướng dẫn cho toàn thể SV và CBGV biết và thực hiện.

Hệ thống thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập được Nhà trường lắp đặt và cung cấp đầy đủ cho Khoa.

Công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB, GV và SV; khuôn viên Nhà trường luôn xanh-sạch-đẹp, tạo môi trường tốt cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Định kỳ Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho CB, GV và SV luôn được Nhà trường quan tâm.

1.10 Nâng cao chất lượng

Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan với hình thức đa dạng, hệ thống văn bản quy định hướng dẫn việc thu thập xử lý và sử dụng thông tin phản hồi các bên liên quan đầy đủ, các văn bản quy định và hướng dẫn liên quan đến việc rà soát, đánh giá và cải tiến quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học. Việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan được thực hiện thường xuyên, đặc biệt duy trì được kênh liên lạc với các cơ sở thực tập, doanh nghiệp và mạng lưới cựu sinh viên.

Nhà trường có thiết lập quy định về việc thiết kế và phát triển CTDH đáp ứng các Quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, bao gồm đầy đủ các quy trình cần thiết, đồng thời có tổ chức rà soát, đánh giá, cải tiến quy trình xây dựng, thẩm định CTĐT và CDR. Hoạt động NCKH của người học được Nhà trường chú trọng. Nhà trường, Khoa đã có phong trào NCKH cải thiện tích cực trong những năm gần đây, huy động được sự tham gia của một số các GV trong Khoa cũng như các em SV.

Nhà trường có hệ thống khảo sát, lấy ý kiến phản hồi online nên nhận được ý kiến phản hồi một cách thường xuyên. Từ đó, Nhà trường có cơ chế điều chỉnh lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống hơn, được đánh giá và cải tiến thường

xuyên, liên tục.

1.11 Kết quả đầu ra

Nhà trường có xây dựng các quy định quy trình về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Khai thác, xử lý và sử dụng các thông tin phản hồi của các bên liên quan, thực hiện việc đối sánh làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo, NCKH và PVCĐ. Mức độ hài lòng của người học, GV, nhà tuyển dụng đối với CTĐT ngành Luật được Nhà trường, Khoa xác lập rõ ràng, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng CTĐT ngành. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp 12 tháng của SV khóa đầu tiên ngành Luật là tương đối cao (80%) và đa số có việc làm phù hợp với ngành học.

Nhà trường có xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của người học, thực hiện đối sánh và có những đề xuất/đầu tư NCKH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, phù hợp với khả năng của người học.

Nhà trường có xây dựng các quy định quy trình về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Khai thác, xử lý và sử dụng các thông tin phản hồi của các bên liên quan, thực hiện việc đối sánh làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo, NCKH và PVCĐ. Mức độ hài lòng của người học, GV, nhà tuyển dụng đối với CTĐT ngành Luật được Nhà trường, Khoa xác lập rõ ràng, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng CTĐT ngành.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại cần cải tiến của CTĐT ngành Luật

2.1 Mục tiêu và CDR của chương trình đào tạo

Chưa thực hiện đối sánh với các CTĐT tiên tiến tại các CSGD trong và ngoài nước. Sự tham gia góp ý xây dựng mục tiêu CTĐT từ các Nhà tuyển dụng còn hạn chế. Thống kê đánh giá việc đạt được CDR trong từng bài kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ của GV chưa được kiểm soát tốt. Khoa LKT đã tiến hành hoạt động tìm hiểu nhu cầu nhân lực của thị trường lao động nhưng hiệu quả còn hạn chế.

2.2 Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT của ngành Luật mặc dù đã được công bố công khai nhưng chưa được các bên liên quan ngoài Trường quan tâm sâu nên việc khảo sát các bên liên quan chưa thu được kết quả tốt, nhất là việc góp ý cho các môn học cụ thể. Các ý kiến đóng góp của Nhà tuyển dụng và cựu SV cho việc cải tiến cập nhật chỉ mới tập trung cho

CTĐT và CĐR; việc góp ý cho cải tiến, cập nhật ĐCCT học phần còn hạn chế. Các thông tin chi tiết về CTĐT và ĐCCT học phần chưa được cập nhật đầy đủ thông tin trên các tờ rơi về tuyển sinh và trong sổ tay SV.

2.3 Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Vẫn còn tồn tại một vài học phần có ĐCCT chưa thể hiện rõ yêu cầu cụ thể đối với SV trong các buổi học. Quá trình khảo sát các bên liên quan ngoài Trường (*Nhà tuyển dụng, cựu sinh viên*) về sự đóng góp của các học phần trong việc đạt được CĐR chưa được đầy đủ. CTDH cử nhân ngành Luật chưa thỏa mãn hết yêu cầu của các Nhà tuyển dụng lao động đòi hỏi trình độ giao tiếp tiếng Anh ở mức độ cao

2.4 Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Khoa LKT đã làm công tác truyền thông nhưng một số Nhà tuyển dụng chưa tiếp cận được với Triết lý giáo dục của Nhà trường. Chưa áp dụng đồng bộ học tập trực tuyến nhằm hỗ trợ tối đa cho người học, kết hợp giữa mô hình dạy học truyền thống và phương thức đào tạo trực tuyến. Tinh thần học tập của SV chưa thể hiện đầy đủ được tính chủ động và quyết tâm trong việc học tập của mình. SV chưa quan tâm nhiều đến NCKH.

2.5 Đánh giá kết quả học tập của người học

Khoa chưa có kế hoạch riêng và cụ thể để thường xuyên rà soát mức độ phù hợp của đề thi, phương pháp kiểm tra để đánh giá của từng môn học mà chỉ thực hiện theo kế hoạch chung của nhà trường nên chưa đạt mức độ chính xác tuyệt đối. Còn nhiều SV chưa quan tâm đến các quy định về kiểm tra đánh giá khi được phổ biến vào đầu khóa, trước khi bắt đầu học phần, dẫn tới chưa nắm rõ các quy định và chủ động theo dõi kết quả học tập của mình. Nhà trường và Khoa chưa xây dựng ngân hàng đề thi cho các môn thi tự luận. Một số SV chưa tập trung nên chưa hiểu rõ quy trình kiểm tra đánh giá cũng như khiếu nại khi được GV, CVHT phổ biến nên chưa biết cách theo dõi kết quả học tập của mình cũng như phản hồi các thắc mắc liên quan.

2.6 Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Số lượng GV cơ hữu trong Khoa LKT còn chưa đủ, GV trẻ. Công tác quy hoạch GV của Khoa chưa chú trọng về tỷ lệ nam/nữ. Một số GV trong khoa do chưa có nhiều kinh nghiệm giảng dạy nên chưa thể đảm nhận nhiều học phần trong một học kỳ, do đó

một số GV chưa hoàn thành nhiệm vụ về giảng dạy. Bên cạnh đó, số công trình NCKH phục vụ cho cộng đồng chưa được nhiều. Đội ngũ GV thỉnh giảng đến từ các cơ quan Nhà nước còn chưa đa dạng, mới chỉ tập trung vào một số cơ quan như : Viện Kiểm sát, Sở kế hoạch và đầu tư, do vậy, phần nào hạn chế việc tiếp cận với kiến thức thực tiễn của SV. Nhà trường chưa lượng hóa các tiêu chí cụ thể về hoạt động PVCD vào Bảng đánh giá công tác năm học để quản trị kết quả công việc của từng CB-GV.

2.7 Đội ngũ nhân viên

Công tác NCKH và phục vụ cộng đồng ở đội ngũ CB hỗ trợ của Khoa chưa thường xuyên và chưa có tính tiên phong. Các quy định chưa đủ tính khuyến khích dành riêng cho CB NV hỗ trợ trong việc NCKH, viết bài đăng tạp chí... Một số NV còn chưa thực sự ý thức về nhu cầu học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, vì vậy chưa đưa vào kế hoạch công tác cá nhân. Số lượng NV hỗ trợ đạt các danh hiệu thi đua còn ít, các hình thức khen thưởng cho đối tượng này chưa được đa dạng, chỉ tiêu khen thưởng hàng năm còn hạn chế.

2.8 Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chưa tận dụng hiệu quả của kênh thông tin từ các cựu SV và nhà tuyển dụng trong việc quảng bá rộng rãi thông tin tuyển sinh của Khoa/Trường, cũng như chưa lấy ý kiến các bên liên quan là phụ huynh học sinh khi xây dựng các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh một cách bài bản mà chỉ thông qua phỏng vấn. SV cung cấp các kênh thông tin liên lạc nhiều trường hợp chưa chính xác gây khó khăn cho Khoa trong việc liên lạc với SV và phụ huynh. Vì vậy, việc thông báo các trường hợp bị cảnh báo học tập, các hoạt động hỗ trợ cho SV còn hạn chế.

2.9 Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Nguồn tạp chí và nguồn tài liệu ngoại văn chuyên ngành còn hạn chế. Độc giả chưa quen dùng các phần mềm tra cứu tài liệu, chưa thực sự khai thác tốt cơ sở dữ liệu, tìm tin, xử lý và sử dụng thông tin hiện có tại thư viện. Nguồn học liệu của Khoa vẫn còn giới hạn chưa cung cấp đủ số lượng giáo trình, tài liệu tham khảo cho nhu cầu học tập và nghiên cứu ngày càng tăng. Vẫn còn thiếu phòng thực hành mô phỏng cho các môn chuyên ngành.

Hiện tại, không gian cây xanh, có bóng mát của Nhà trường còn khiêm tốn và

khuôn viên Trường chưa bố trí được nhiều dãy ghế công cộng. Một số sinh viên có phản hồi một số phòng học trong mùa hè còn nóng nực, cần lắp thêm máy lạnh hoặc hệ thống làm mát cho các SV.

2.10 Nâng cao chất lượng

Số lượng DN tham gia đánh giá CTĐT ngành Luật chưa nhiều, phạm vi khảo sát mới chỉ giới hạn ở các DN trong tại địa phương. Việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi vẫn còn thiếu sự chủ động từ phía Khoa. Vai trò của nhà tuyển dụng chưa thể hiện rõ nét trong quá trình thiết kế CTĐT. Khoa chưa xây dựng ngân hàng đề thi cho các học phần tự luận. Phần lớn các đề tài NCKH sinh viên chưa có đóng góp đáng kể trong việc sáng tạo kết quả mới. GV Khoa LKT chưa có nhiều bài tham luận ở các Hội thảo trong và ngoài nước. Kinh phí dành cho NCKH của GV và SV còn hạn chế. Phần mềm khảo sát online còn hạn chế cùng với việc ý thức của sinh viên trong tham gia phản hồi ý kiến chưa cao dẫn đến Nhà trường chưa thu thập được đầy đủ các ý kiến phản hồi của sinh viên về các hoạt động đào tạo của Trường.

2.11 Kết quả đầu ra

Hoạt động giám sát tình hình SV bỏ học thực hiện chưa sát sao. SV còn gặp khó khăn trong trả nợ các học phần dẫn đến bị kéo dài thời gian hoàn thành chương trình học. Việc khảo sát ý kiến cựu SV và NTD còn gặp khó khăn, kết quả thu được chưa đầy đủ dữ liệu theo yêu cầu. Chưa thực hiện việc và phân tích đối sánh với các trường ĐH trong nước để cải tiến chất lượng.

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT ngành Luật

3.1 Mục tiêu và CDR của chương trình đào tạo

Đối sánh với các CTĐT trong nước và nước ngoài nhằm hoàn thiện CTĐT của ngành đảm bảo tính phát triển bền vững phù hợp với điều kiện hiện có. Khoa LKT tiếp tục hoàn thiện công tác nghiên cứu nhu cầu của thị trường lao động, lấy ý kiến của các bên liên quan khi thiết kế CTĐT để đảm bảo cho CTĐT của Khoa đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

3.2 Bản mô tả chương trình đào tạo

Khoa tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan hằng năm và xây dựng kế hoạch khảo sát lấy ý kiến các bên có liên quan, tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT, CĐR, bổ sung thêm CĐR vào ĐCCT của tất cả các học phần xây dựng ma trận CĐR cho CTĐT năm 2026 và tiếp tục công tác điều chỉnh định kỳ 2 năm 1 lần. Xây dựng thêm các kênh tiếp nhận ý kiến đóng góp từ các Nhà tuyển dụng về ĐCCT học phần để cập nhật, hiệu chỉnh ĐCCT học phần ngày càng hiệu quả hơn. Trong các tờ rơi tuyển sinh và trong sổ tay SV, cập nhật thêm thông tin để mọi đối tượng có nhu cầu có thể tra cứu và tìm hiểu thêm về CTĐT và ĐCCT học phần.

3.3 Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Từ năm học 2025-2026, khoa sẽ phối hợp cùng Phòng QLĐT xem xét và hiệu chỉnh phương pháp giảng dạy, tăng cường năng lực giao tiếp tiếng Anh cho SV, cập nhật đầy đủ hơn nữa sự phản hồi của các bên liên quan (Nhà tuyển dụng, cựu sinh viên) về việc đóng góp của các học phần trong việc đạt được CĐR.

3.4 Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Từ năm học 2025-2026, Khoa tiếp tục thực hiện công tác truyền thông về triết lý giáo dục của Trường cho các bên liên quan, đặc biệt là các GV thỉnh giảng một cách sâu sắc hơn qua các hội nghị, hội thảo, các buổi sinh hoạt gặp gỡ của Khoa với GV trước khi bắt đầu mỗi học kỳ...Khoa tổ chức thêm nhiều buổi tọa đàm về phương pháp học tập và NCKH đối cho SV. Khoa tăng cường thực hiện công tác định hướng, hỗ trợ, khơi dậy tính chủ động học tập trong SV trong các buổi sinh hoạt chuyên môn của Khoa với SV.

3.5 Đánh giá kết quả học tập của người học

Tổ chức các buổi tập huấn chuyên đề về kỹ năng ra đề thi, đánh giá năng lực người học chuẩn xác hơn. Khoa sẽ có kế hoạch xây dựng ngân hàng đề thi cho các môn thi tự luận cho một số môn học. Khoa LKT tiến hành xây dựng hình thức đánh giá môn học theo hình thức trắc nghiệm khách quan trên máy để người học nhận được kết quả đánh giá nhanh chóng, từ đó có những kế hoạch cải thiện kịp thời.

Khoa tiếp tục phối hợp với các đơn vị liên quan phổ biến rộng rãi quy trình kiểm tra, đánh giá, khiếu nại cho SV vào đầu mỗi năm học, học kỳ cũng như trong quá trình học.

3.6 *Đội ngũ GV, NCV*

Tăng cường tuyển dụng giảng viên, nghiên cứu viên có trình độ chuyên môn cao, đặc biệt chú trọng năng lực NCKH nhằm nâng cao số lượng và chất lượng công bố khoa học quốc tế. Khoa đề xuất Nhà trường tuyển thêm GV đúng chuyên ngành, ưu tiên thu hút các ứng viên là những GS, PGS, TS đến giảng dạy và làm việc để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, NCKH của Khoa.

Khoa sẽ tăng cường công tác tuyên truyền, khuyến khích giảng viên chủ động đăng ký các khóa học nâng cao, đặc biệt là trình độ Tiến sĩ. Đa dạng hóa hình thức đào tạo thông qua các chương trình trực tuyến, hợp tác quốc tế và liên kết với doanh nghiệp. Nhà trường sẽ nghiên cứu, xây dựng và lượng hóa rõ ràng các tiêu chí đánh giá hoạt động PVCD trong bảng đánh giá công tác năm học, đảm bảo phản ánh đầy đủ và toàn diện kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng cá nhân.

3.7 *Đội ngũ nhân viên*

Từ năm 2025-2026, Khoa đề xuất Nhà trường tiếp tục có kế hoạch quy hoạch đảm bảo ổn định đội ngũ CBNV; Nhà trường và các đơn vị chức năng tăng cường tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ NV; xem xét lại quy định đánh giá đối với đội ngũ NV hỗ trợ nhằm khuyến khích họ nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ bằng cách tăng chỉ tiêu khen thưởng cho các đối tượng này và có các hình thức khen thưởng đa dạng hơn. Đồng thời có cơ chế khuyến khích và tạo điều kiện hơn nữa để đội ngũ NV hỗ trợ có thể tham gia bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Nghiên cứu ứng dụng phần mềm quản lý công việc hoặc nền tảng số hóa để lưu trữ hồ sơ đánh giá, theo dõi tiến độ, minh chứng kết quả và hỗ trợ báo cáo tự động. Tăng cường bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ, khuyến khích nhân viên tự nghiên cứu, tự học để hoàn thiện khả năng đáp ứng các nhu cầu đổi mới ngày càng đa dạng và phát triển trong những giai đoạn tiếp theo.

3.8 *Người học và hoạt động hỗ trợ người học*

Hàng năm, Khoa và Nhà trường tăng cường quảng bá tuyển sinh phù hợp việc làm sau khi SV ra trường, đảm bảo công tác truyền thông về tuyển sinh, tinh gọn, hiệu quả. Thực hiện điều chỉnh, bổ sung hình ảnh và thông tin chi tiết về ngành Luật. Khoa LKT thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Ban TS để có chiến lược, kế hoạch TS phù

hợp. Tổ chức khảo sát thêm ý kiến các bên liên quan khác là học sinh và phụ huynh về công tác tuyển sinh trong các đợt đi tư vấn tuyển sinh hàng năm.

Xây dựng hệ thống giám sát bằng camera hiện đại, hạn chế tối đa sự phụ thuộc vào con người. Tích cực phổ biến rộng rãi thông tin về các hoạt động cho sinh viên kịp thời, nhanh chóng thông qua tất cả các kênh. Tổ chức khảo sát số SV có nhu cầu đặc biệt để có kế hoạch trang bị CSVC ở các cơ sở đào tạo. Bố trí phòng học hợp lý, thành lập tổ sinh viên tình nguyện trong tổ chức Đoàn để hỗ trợ những người học khuyết tật/hoàn cảnh đặc biệt.

3.9 Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Nhà trường đang triển khai dự án mở rộng đầu tư CSVC, hạ tầng, trong đó có việc xây dựng thư viện mới, mở rộng hơn về diện tích trong giai đoạn 2025-2030. Đồng thời phát triển đầu sách, tài liệu cứng và tài liệu điện tử đáp ứng cho việc học tập và nghiên cứu. Thư viện cần đẩy mạnh việc xây dựng hệ thống phần mềm thư viện, liên kết với thư viện điện tử của các trường khác, tạo nguồn tài liệu mở cho việc học tập, giảng dạy và NCKH thuận tiện và hiệu quả hơn, đồng thời tăng tính tương tác cao hơn, giúp cho các CB-GV-NV và SV quan tâm đến có thói quen sử dụng hệ thống thư viện điện tử. Trồng thêm các cây xanh tạo bóng mát và bố trí các dãy ghế công cộng ở khuôn viên trường một cách phù hợp. Có các kế hoạch sửa chữa, thay mới và lắp đặt thêm cơ sở vật chất tạo môi trường học tập và thực hành tốt nhất cho các SV.

3.10 Nâng cao chất lượng

Khoa, Nhà trường tăng cường mối liên hệ với các tổ chức nghề nghiệp để tăng cường vai trò của các đơn vị trong việc đóng góp ý kiến xây dựng CTDH. Gia tăng tương tác với các bên liên quan và ban hành quy định về việc phản hồi thông tin trong nội bộ nhà Trường để thu thập được nhiều ý kiến phản hồi hơn khi tiến hành đánh giá, rà soát và cập nhật quy trình xây dựng, thẩm định CTĐT và CĐR. Tăng cường các hoạt động khuyến khích SV tham gia NCKH, đặc biệt là các đề tài liên quan đến dạy và học. Nhà trường tạo điều kiện đáp ứng kịp thời các phản hồi của các bên liên về CSVC, tiện ích nếu phù hợp. Tổ chức đánh giá, cải tiến cơ chế phản hồi thông qua kết kênh đối thoại trực tiếp, khoa, cố vấn học tập, ...

3.11 Kết quả đầu ra

Tiếp tục tăng cường các biện pháp giám sát kết quả học tập của SV và tích cực hỗ trợ kịp thời các vấn đề SV còn khó khăn trong quá trình đào tạo để giảm thiểu tối đa tỷ lệ thôi học và tăng tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn. Khoa phối hợp Phòng QLĐT thường xuyên rà soát, nhắc nhở SV về kế hoạch học tập, kịp thời hoàn thành các điều kiện CDR, để xét tốt nghiệp đúng tiến độ; xây dựng kế hoạch cho các SV còn nợ học phần và nợ chứng chỉ CDR học tập để đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp.

Khoa đề xuất Nhà trường tiếp tục có thêm nhiều chính sách và hoạt động khuyến khích NCKH trong đó có tăng kinh phí dành cho NCKH của SV, tính điểm rèn luyện, điều kiện xét học bổng, nâng cao kỹ năng NCKH cho SV, phát triển các hoạt động Khởi nghiệp... Thực hiện khảo sát ý kiến các bên liên quan định kỳ đồng thời tìm kiếm thông tin liên quan từ các CSGD khác để đối sánh, phân tích xu thế, đưa ra các nhận định và giải pháp hiệu quả để ngày càng nâng cao mức độ hài lòng của các bên liên quan.

4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Phan Thiết.

Mã: DPT

Tên CTĐT: CTĐT trình độ đại học ngành Luật

Mã CTĐT: 7380101

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								4,67	3	100
Tiêu chí 1.1				4						
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								4,67	3	100
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								5,00	3	100
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								4,00	3	100
Tiêu chí 4.1				4						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 4.2				4						
Tiêu chí 4.3				4						
Tiêu chuẩn 5										
Tiêu chí 5.1				4				4,40	5	100
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3				4						
Tiêu chí 5.4				4						
Tiêu chí 5.5					5					
Tiêu chuẩn 6								4,57	7	100
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2				4						
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5				4						
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7				4						
Tiêu chuẩn 7								4,60	5	100
Tiêu chí 7.1				4						
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3				4						
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
Tiêu chuẩn 8								5,00	5	100
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
Tiêu chuẩn 9								4,60	5	100
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3				4						
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
Tiêu chuẩn 10								4,67	6	100
Tiêu chí 10.1					5					
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4				4						
Tiêu chí 10.5				4						
Tiêu chí 10.6					5					
Tiêu chuẩn 11								4,60	5	100

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chí 11.1					5					
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5				4						
Đánh giá chung CTĐT								4,62	50	100

Bình Thuận, ngày tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Cục Quản lý chất lượng - BGDDĐT;
- TTKĐCLGD Sài Gòn;
- HĐT, BGH Trường (để b/c);
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Lưu: VT, P.KT-ĐBCL-TT&PC.

PGS. TS. Võ Khắc Thường

PHẦN IV. PHỤ LỤC

Phụ lục I

CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 25/6/2025)

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT

Tiếng Anh: University of Phan Thiet

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: Trường ĐHPT

Tiếng Anh: UPT

3. Tên trước đây (nếu có):

4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Địa chỉ: Số 225 Nguyễn Thông, P. Phú Hải, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.

Số 02 Đại lộ Võ Nguyên Giáp, P. Phú Hải, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại (0252) 2461372-2461373

E-mail: dhphanthiet@upt.edu.vn

Website: www.upt.edu.vn

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 2009

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2009

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 2013

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☐

Bán công ☐

Dân lập ☐

Tư thục ☒

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ):

II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Khoa Luật Kinh tế

Tiếng Anh: Faculty of Business Law

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: Khoa LKT

Tiếng Anh: FBL

14. Tên trước đây (nếu có):

Tiếng Việt:

Tiếng Anh:

15. Mã CTĐT: 7340301

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Số 225 Nguyễn Thông, P. Phú Hải, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận

18. Số điện thoại liên hệ: (0252) 6271166

E-mail: khoa_lkt@upt.edu.vn Website: <http://fl.upt.edu.vn/>

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2015

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2021

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2025

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

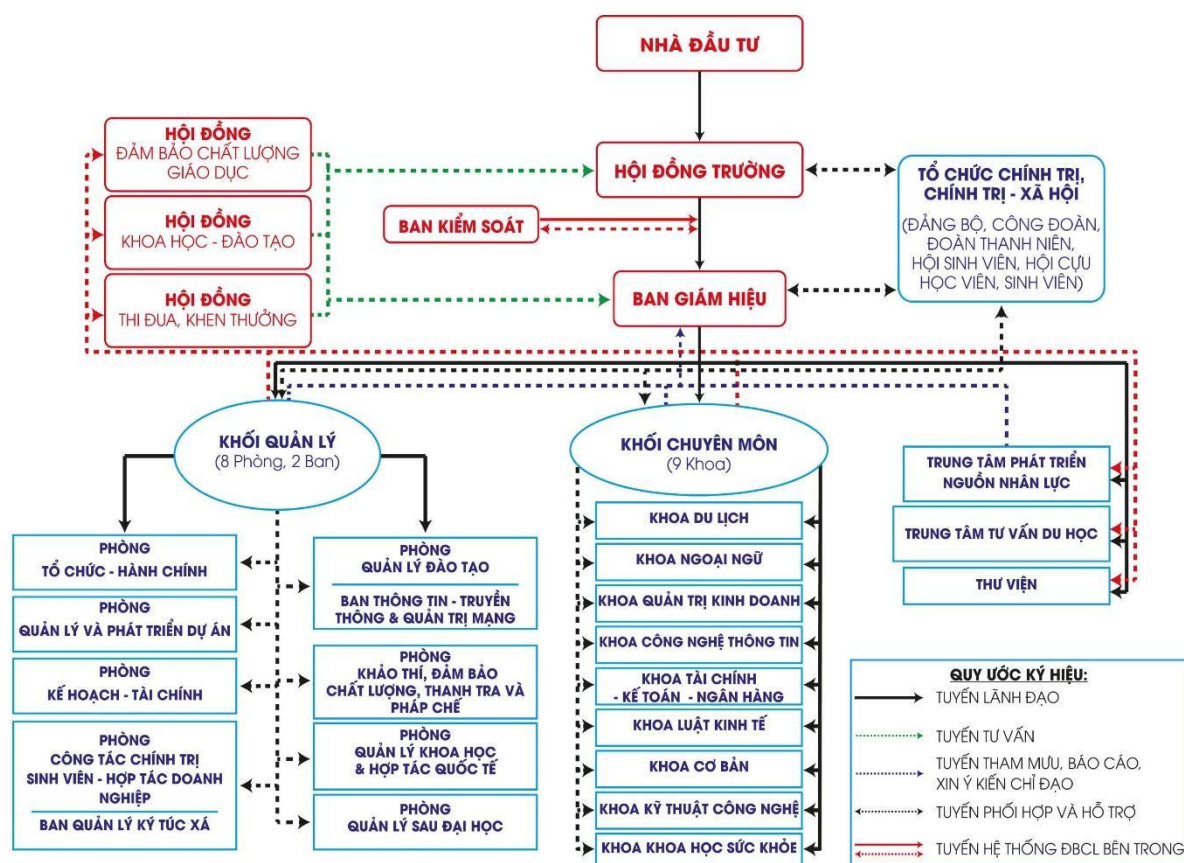
Khoa LKT được thành lập vào năm 2015 theo quyết định số 124/QĐ-ĐHPT ngày 19/5/2015 của Chủ tịch HĐQT trường Đại học Phan Thiết. Khoa LKT hiện đang đào tạo 02 ngành là Luật Kinh tế và Luật trình độ đại học. Đội ngũ cán bộ giảng dạy cơ hữu của Khoa tính đến 25/6/2025 có 19 CBGV cơ hữu, trong đó có 1 PGS, 6 Tiến sĩ, 12

ThS .Ngoài ra, Khoa còn có một số GV thỉnh giảng là các GS, PGS, Tiến sĩ, Thạc sĩ có kinh nghiệm và uy tín cao từ các Viện nghiên cứu, các trường ĐH trong nước và các doanh nghiệp về chuyên ngành Luật học và Luật Kinh tế tại TP. HCM trực tiếp tham gia giảng dạy và NCKH góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo và NCKH của Khoa. Khoa đã có các ký kết hợp tác với các doanh nghiệp Công ty TNHH Hải Triều, Văn phòng công chứng Huỳnh Lê Hoàng, Công ty TNHH MTV Kết Hoa,....

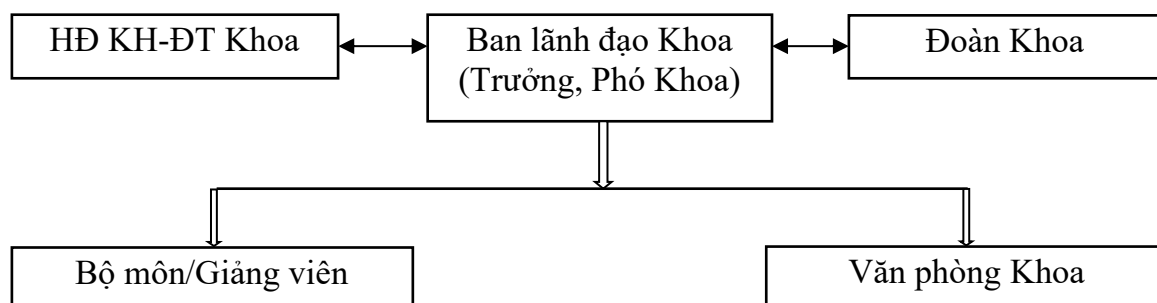
Khoa LKT thường xuyên củng cố, phát triển Tổ ĐBCL của Khoa và thực hiện đầy đủ các hoạt động ĐBCL chung của Trường và các hoạt động ĐBCL của Khoa, bộ môn đối với các CTĐT của Khoa phụ trách. Khoa đã đạt kiểm định chất lượng 01 CTĐT ngành Luật Kinh tế trình độ đại học theo tiêu chuẩn do Bộ GDĐT ban hành vào năm 2022 do Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh công nhận.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).

a) Cơ cấu tổ chức của Nhà trường bao gồm: HĐT, BGH (gồm Hiệu trưởng và 03 Phó Hiệu trưởng); Hội đồng KH-ĐT; Hội đồng ĐBCL; Hội đồng thi đua khen thưởng; 09 Khoa đào tạo (Khoa Cơ bản, Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Tài chính - Kế Toán - Ngân hàng, Khoa Ngoại ngữ, Khoa Luật Kinh tế, Khoa Du Lịch, Khoa Quản trị kinh doanh, Khoa Kỹ thuật công nghệ, Khoa Khoa học sức khỏe); 8 phòng và 2 ban thuộc phòng (Phòng TC-HC, Phòng QL&PTDA, Phòng QLĐT, Phòng KH-TC, Phòng QLKH&HTQT, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC, Phòng CTCTSV&HTDN, Phòng QLSĐH); Thư viện; 2 trung tâm chức năng (Trung tâm PTNNL, Trung tâm tư vấn du học) và các tổ chức chính trị - xã hội (Đảng, Công đoàn, Đoàn TN, Hội SV, Hội cựu SV, HV).



b) Cơ cấu tổ chức Khoa Luật Kinh tế



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

(Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng).

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục						
Ban giám hiệu						
1	BGH	Võ Khắc Thường	1957	NGUT.PGS.TS, Hiệu trưởng	0903703753	thuongvk@upt.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
2	BGH	Đinh Phi Hồ	1957	PGS.TS, P. Hiệu trưởng	0938170757	dpho@upt.edu.vn
3	BGH	Nguyễn Phước Quý Quang	1974	TS, P. Hiệu trưởng	0772108899	npqquang@upt.edu.vn
4	BGH	Võ khắc Trường Thanh	1984	TS, P. Hiệu trưởng	0767896999	thanhvkt@upt.edu.vn
Đơn vị thực hiện CTDT						
I.	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1.	Khoa LKT	Phạm Ngọc Thắng	1976	TS, Trưởng khoa	0825528528	pnthang@upt.edu.vn
2.	Khoa LKT	Nguyễn Thị Bích Phượng	1985	NCS.ThS, P. Trưởng Khoa	0774505696	ntbphuong@upt.edu.vn
II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1.	Đảng bộ	Đinh Phi Hồ	1957	PGS.TS, Bí Thư	0938170757	dpho@upt.edu.vn
2.	Đoàn thanh niên	Lê Ngọc Duy	1996	ThS, Bí Thư	0793832868	lnduy@upt.edu.vn
3	Công đoàn trường	Lâm Ngọc Diệp	1958	ThS, Chủ tịch	0983899193	lndiep@upt.edu.vn
4.	Hội SV	Lê Ngọc Duy	1996	ThS, Chủ tịch	0793832868	lnduy@upt.edu.vn
III	Các phòng, ban					
1	Phòng QLĐT	Võ Khắc Trường Thi	1983	TS, Trưởng phòng	0783938686	thivkt@upt.edu.vn
2	Phòng CTCTSV & HTDN	Nguyễn Như Trường	1988	ThS, Trưởng Phòng	0981963233	nntruong@upt.edu.vn
3	Phòng TC-HC	Lê Anh Linh	1987	ThS, Trưởng phòng	0938734350	lalinhh@upt.edu.vn
4	Phòng QLKH-HTQT	Trần Tình	1974	TS, Trưởng phòng	0913754312	ttinh@upt.edu.vn
5	Phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Nguyễn Thị Kiều Vi	1989	ThS, Trưởng Phòng	0388182785	nkvi@upt.edu.vn
6	Phòng KH-TC	Nguyễn Anh Đông	1968	ĐH, Trưởng phòng	0933166766	nadong@upt.edu.vn
7	Phòng QL&PTDA	Nguyễn Phước Quý Quang	1974	TS, Trưởng phòng	0913928990	npqquang@upt.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
8	Trung tâm PTNNL	Phạm Thị Minh Hạnh	1965	TS, Giám đốc	0903823415	ptmhanh@upt.edu.vn
9	Thư viện	Huỳnh Thị Thanh Hậu	1993	CN, Nhân viên	0902086206	htthau@upt.edu.vn
10	Ban TTTT & QTM	Lương Quốc Vũ	1991	ThS, Trưởng ban	0785253368	lqv@upt.edu.vn
IV	Các bộ môn					
1	BM Luật Dân sự	Phạm Thị Hồng Tâm	1993	NCS.ThS, Phó bộ môn	0865717925	pthtam@upt.edu.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 01

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 02

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ):

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☐	☒
Từ xa	☐	☒
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☒
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☒

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình):

32. Tổng số các ngành đào tạo: 03

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu ¹ <i>Trong đó:</i>	8	11	19
I.1	Đội ngũ trong biên chế	0	0	0
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	8	11	19
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	-	-	-
	Tổng số	8	11	19

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	-	-
2	Phó Giáo sư	1	0	1	0	-	-
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	-	-
4	Tiến sĩ	2	0	2	0	-	-
5	Thạc sĩ	7	0	7	0	-	-
6	Đại học	0	0	0	0	-	-
7	Cao đẳng	0	0	0	0	-	-
8	Trình độ khác	0	0	0	0	-	-
	Tổng số	10	0	10	0	-	-

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 10 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 100%

¹Đội ngũ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

²Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện CTĐT mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 34 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi	-	-	1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	-
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	-	-	0
2	Phó Giáo sư	3,0	0	0	1	0	-	-	3,0
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	-	-	0
4	Tiến sĩ	2,0	0	0	2	0	-	-	4,0
5	Thạc sĩ	1,0	0	0	7	0	-	-	7,
6	Đại học	0,3	0	0	0	0	-	-	0
	Tổng		0	0	14,0	0	-	-	14,0

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ/ học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	1	10	1	0	0	0	0	0	1
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2	20	1	1	0	0	1	0	1
5	Thạc sĩ	7	70	2	5	2	3	2	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	10	100	4	6	2	3	3	0	2

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 45 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 30%

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 70%

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	0	100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	0	0
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	50%	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	50%	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
2020-2021	0	0	0	0	0	0	-
2021-2022	53	53	0	21	14	22,8	-
2022-2023	38	38	0	27	15	21,38	-
2023-2024	33	33	0	32	15	-	-
2024-2025	48	48	0	39	15	19,0	-

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên đại học	0	21	48	74	106
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	21	48	74	106
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...					

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây: *Đơn vị: người*

	Năm học				
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	0

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	5.668,7 2	5.668,7 2	5.668,7 2	5.668,7 2	5.668,7 2
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	278	291	286	257	282
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	278	291	286	257	282
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	20.3	19.4	19.8	22	20

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia NCKH

	Năm học				
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	0	0	0	0	0

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học	0	0	0	0	15
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	15
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	0	0	0	0	15
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	0	0	0	0	71,43 %
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này ☐ chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này ☐ điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	0	0	0	0	60%
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	0	0	0	0	40%
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	0	0	0	0	0
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này ☐ chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này ☐ điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).	0	0	0	0	40%
- Sau 6 tháng tốt nghiệp.					
- Sau 12 tháng tốt nghiệp.					
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	0	0	0	0	6,67%
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ)	0	0	0	0	6
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này ☐ chuyển xuống kết thúc bảng này.					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này ☐ điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	0	0	0	0	60%
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	0	0	0	0	40%
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	0	0	0	0	0

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số* *	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	0	0	0	0	0	0
3	Đề tài cấp trường	0,5	0	0	0	0	0	0
4	Tổng		0	0	0	0	0	0

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 0

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

T T	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2020 – 2024	0	0	0

47. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	0	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	0	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	0	0	0	0
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
5	Tổng		0	0	0	0	0	0

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	0	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	0	0

50. Số lượng bài của các đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số* *	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	0	0	0	0	0	0
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	0	0	0	2	2	4
3	Tạp chí/ tập san của cấp trường	0,5	0	0	0	3	1	2
	Tổng		0	0	0	3,5	2,5	6

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 6

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,6

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí/ tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	0	2	4
Từ 6 đến 10 bài báo	0	0	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	2	4

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

T T	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					
			2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	Tổng (đã quy đổi)
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	0	0	0	1	1,0
2	Hội thảo trong nước	0,5	1	0	0	0	0	0,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	4	0	1,0
4	Tổng		0,5	0	0	1	1	2,5

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 2,5

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,25

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	0	2	2
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	2	2

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2020 – 2025	0

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	0	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia				

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 119.875,9

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 119.875,9

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 3.325 Nơi học: 9.717 Nơi vui chơi giải trí: 2.400

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

Tổng diện tích phòng học: 9.717

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 4,67

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Thư viện: 115

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có):

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

Dùng cho hệ thống văn phòng: 01

Dùng cho người học học tập: 271

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,09

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 10

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 100

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 30

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 70

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 106

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 10,6

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 71,43

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 60

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 40

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 66,67

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 40

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 6,67

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 6

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 60

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 40

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,6

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,25

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,09

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 4,67

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 20 m²/người

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền).

Phụ lục II

CÁC TƯ LIỆU, TÀI LIỆU LIÊN QUAN

- Các quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Ban Thư ký, nhóm chuyên trách; Kế hoạch TĐG (kèm theo file hình ảnh)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 69 /QĐ-ĐHPT

Bình Thuận, ngày 15 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo
trình độ đại học chính quy ngành Luật

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT

Căn cứ Quyết định số 394/QĐ-TTg ngày 25/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Phan Thiết;

Căn cứ quyết định số 134/QĐ-ĐHPT ngày 02/4/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Phan Thiết;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Theo đề nghị của Trường khoa Khoa Luật Kinh tế và Trường phòng Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Luật gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Luật theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông/bà trưởng các đơn vị liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.KT-ĐBCL-TT&PC.



PGS.TS. Võ Khắc Thường



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT**

*(Kèm theo Quyết định số 69 /QĐ-ĐHPT ngày 15 tháng 1 năm 2025 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Phan Thiết)*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Võ Khắc Thường	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	PGS.TS. Đinh Phi Hồ	Phó Hiệu trưởng, Bí thư Đảng ủy Trường	Phó Chủ tịch
3	TS. Phạm Ngọc Thắng	Trưởng Khoa Luật Kinh tế (LKT)	Phó Chủ tịch
4	ThS. Nguyễn Thị Bích Phượng	Phó Trưởng Khoa LKT	Thành viên
5	ThS. Nguyễn Thị Kiều Vi	Trưởng phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế (KT-ĐBCL-TT&PC)	Thành viên - Thư ký
6	ThS. Phạm Thị Hồng Tâm	Phó trưởng bộ môn, Khoa LKT	Thành viên
7	ThS. Nguyễn Duy Xuân	Giảng viên Khoa LKT	Thành viên
8	ThS. Phạm Minh Gia Ý	Giảng viên Khoa LKT	Thành viên
9	TS. Võ Khắc Trường Thi	Trưởng phòng Quản lý đào tạo (QLĐT)	Thành viên
10	ThS. Lê Anh Linh	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính (TC-HC)	Thành viên
11	TS. Trần Tinh	Trưởng phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế (QLKH&HTQT)	Thành viên
12	ThS. Nguyễn Như Trường	Trưởng phòng Công tác chính trị sinh viên và Hợp tác doanh nghiệp (CTCTSV&HTDN)	Thành viên
13	Nguyễn Minh Sơn	Đại diện Sinh viên ngành Luật	Thành viên

(Danh sách gồm có 13 người).

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ
 (Kèm theo Quyết định số 69/QĐ-ĐHPT ngày 15 tháng 02 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Thị Kiều Vi	Trưởng phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Trưởng Ban
2	Trần Phúc Ngón	Nhân viên phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Thành viên
3	Nguyễn Thị Kim Quyên	Nhân viên phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Thành viên
4	Trần Minh Quân	Nhân viên phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Thành viên
5	Võ Thị Bạch Hà	Trợ lý Khoa LKT	Thành viên
6	Nguyễn Thị Kim Quyên	Nhân viên phòng TC-HC	Thành viên
7	Võ Đức Nhân	Nhân viên phòng TC-HC	Thành viên
8	Nguyễn Thị Minh Nga	Phó Trưởng phòng QLĐT	Thành viên
9	Trần Mai Mỹ Hòa	Nhân viên phòng QLĐT	Thành viên
10	Lương Hoài Trinh	Nhân viên phòng QLĐT	Thành viên
11	Phạm Ngọc Linh Chi	Nhân viên phòng QLĐT	Thành viên
12	Nguyễn Kim Long	Nhân viên phòng CTCTSV&HTDN	Thành viên
13	Nguyễn Hữu Hà	Nhân viên phòng CTCTSV&HTDN	Thành viên
14	Vũ Thụy Diễm Chi	Phó Trưởng phòng QLKH&HTQT	Thành viên
15	Huỳnh Thị Thanh Hậu	Nhân viên Thư viện	Thành viên
16	Nguyễn Minh Thanh	Nhân viên phòng KH-TC	Thành viên

(Danh sách gồm có 16 người).

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH
(Kèm theo Quyết định số 69/QĐ-ĐHPT ngày 15 tháng 02 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1: Phụ trách tiêu chuẩn 1, 2, 3			
1	Phạm Ngọc Thắng	Trưởng khoa LKT	Nhóm trưởng
2	Nguyễn Duy Xuân	Giảng viên Khoa LKT	Thành viên
3	Nguyễn Thị Minh Nga	Phó Trưởng phòng QLĐT	Thành viên
Nhóm 2: Phụ trách tiêu chuẩn 4, 5, 10			
1	Nguyễn Thị Bích Phượng	Phó Trưởng khoa LKT	Nhóm trưởng
2	Nguyễn Duy Xuân	Giảng viên Khoa LKT	Thành viên
3	Trần Mai Mỹ Hòa	Nhân viên Phòng QLĐT	Thành viên
4	Lương Hoài Trinh	Nhân viên phòng QLĐT	Thành viên
5	Trần Phúc Ngôn	Nhân viên phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Thành viên
Nhóm 3: Phụ trách Tiêu chuẩn 6, 7, 9			
1	Phạm Thị Hồng Tâm	Phó trưởng bộ môn, Khoa LKT	Nhóm trưởng
2	Võ Thị Bạch Hà	Trợ lý khoa LKT	Thành viên
3	Nguyễn Thị Kim Quyên	Nhân viên phòng TC-HC	Thành viên
4	Võ Đức Nhân	Nhân viên phòng TC-HC	Thành viên
5	Vũ Thụy Diễm Chi	Phó Trưởng phòng QLKH&HTQT	Thành viên
6	Huỳnh Thị Thanh Hậu	Nhân viên Thư viện	Thành viên
7	Nguyễn Minh Thanh	Nhân viên phòng KH-TC	Thành viên
Nhóm 4: Phụ trách Tiêu chuẩn 8, 11			
1	Phạm Minh Gia Ý	Giảng viên Khoa LKT	Nhóm trưởng
2	Võ Thị Bạch Hà	Trợ lý Khoa Luật Kinh tế	Thành viên
3	Phạm Ngọc Linh Chi	Nhân viên phòng QLĐT	Thành viên
4	Nguyễn Kim Long	Nhân viên phòng CTCTSV&HTDN	Thành viên
5	Nguyễn Hữu Hà	Nhân viên phòng CTCTSV&HTDN	Thành viên
6	Trần Minh Quân	Nhân viên phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Thành viên
Chịu trách nhiệm rà soát toàn bộ nội dung của BCTĐG và viết Phần mở đầu, Phần kết luận của BCTĐG:			
1	Phạm Ngọc Thắng	Trưởng khoa LKT	Nhóm trưởng
2	Nguyễn Thị Bích Phượng	Phó Trưởng khoa LKT	Thành viên
Phụ trách kết nối Danh mục Minh chứng, tổng hợp các Phụ lục, theo dõi tiến độ để báo cáo HĐTĐG, lãnh đạo Nhà trường và các hoạt động chuẩn bị cho đánh giá ngoài CTĐT:			
1	Nguyễn Thị Kiều Vi	Trưởng phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Trưởng Ban Thư ký
2	Nguyễn Thị Kim Quyên	Nhân viên phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Thành viên

(Danh sách gồm có 21 người)/.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 19 /KH-ĐHPT

Bình Thuận, ngày 17 tháng 02 năm 2025

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
NGÀNH LUẬT

I. Mục đích tự đánh giá

Nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng CTĐT và để đăng ký KĐCLGD.

II. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ KĐCLGD.

III. Công cụ tự đánh giá

Công cụ TĐG là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn: Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn TĐG và ĐGN CTĐT; Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD; Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng ban hành Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016.

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT trình độ đại học chính quy ngành Luật được thành lập theo Quyết định số 69/QĐ-ĐHPT ngày 15/02/2025 của Hiệu trưởng trường Đại học Phan Thiết, Hội đồng gồm có 13 thành viên (Danh sách kèm theo).

2. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách (Danh sách kèm theo).

3. Phân công thực hiện nhiệm vụ

a) Nhóm thư ký: Phụ trách kết nối giữa Hội đồng Tự đánh giá (TĐG) và các nhóm chuyên trách, tổng hợp các báo cáo và phần danh mục minh chứng các tiêu chuẩn/tiêu chí, tổng hợp các phụ lục, rà soát hình thức báo cáo và các hoạt động hỗ trợ khác phục vụ cho đánh giá ngoài CTĐT.

b) Các nhóm công tác, cá nhân

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm công tác, cá nhân chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1, 2, 3	Nhóm 1 (Phạm Ngọc Thắng – Trưởng)	- Phân tích tiêu chí, thu	Các nhóm

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm công tác, cá nhân chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
		Khoa LKT – Nhóm trưởng)		
2	Tiêu chuẩn 4, 5, 10	Nhóm 2 (Nguyễn Thị Bích Phượng – Phó Trưởng Khoa LKT – Nhóm trưởng)	thập thông tin và minh chứng từ tháng 02-06/2025; - Bổ sung minh chứng kết quả khảo sát SV sau tốt nghiệp, bổ sung minh chứng sau góp ý của Hội đồng TĐG từ tháng 06-07/2025.	chuyên trách đề xuất thêm khi cần.
3	Tiêu chuẩn 6, 7, 9	Nhóm 3 (Phạm Thị Hồng Tâm – Phó trưởng bộ môn, Khoa LKT – Nhóm trưởng)		
4	Tiêu chuẩn 8, 11	Nhóm 4 (Phạm Minh Gia Ý – Giảng viên Khoa LKT – Nhóm trưởng)		

V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá (nếu có)

1. Thời gian: Đã tập huấn ngày 26/11/2024 theo kế hoạch số 650/KH-ĐHPT ngày 21/11/2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Phan Thiết. Hội đồng Tự đánh giá, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC sẽ tiếp tục hướng dẫn lại quy trình, biểu mẫu, nghiệp vụ cho các nhóm chuyên trách trong quá trình TĐG theo kế hoạch này.

2. Thành phần: Ban Giám hiệu, các tổ ĐBCL các đơn vị, giảng viên, nhân viên các khoa, phòng, ban của Trường.

3. Nội dung, chương trình tập huấn: Phổ biến các quy định về ĐBCL, KĐCL CSGD và CTĐT; Giới thiệu các nội dung liên quan trên phần mềm Quản lý hệ thống bảo đảm và KĐCLGD của Bộ GDĐT; Hệ thống ĐBCL bên trong của Trường; Quy trình TĐG CSGD và CTĐT, các biểu mẫu kèm theo; Hướng dẫn thực hiện phân tích tiêu chí, tìm thông tin minh chứng; việc số hóa minh chứng; thảo luận, chia sẻ các đơn vị.

VI. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính,...) và thời điểm cần huy động/cung cấp

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời điểm cần huy động	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1, 2, 3	- Phân công nhiệm vụ cụ thể trong nội bộ mỗi nhóm;	- Nhân lực theo Hội đồng và các nhóm chuyên trách đã thành lập;	Tháng 02-7/2025 và	Các nhóm chuyên
2	Tiêu chuẩn 4, 5, 10	- Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin minh chứng;	- Tạo điều kiện về thời gian để các cán bộ được giao nhiệm vụ thực hiện;	theo đề xuất của các nhóm chuyên trách, Hội đồng TĐG khi cần.	trách đề xuất thêm trong quá trình thực hiện nếu cần.
3	Tiêu chuẩn 6, 7, 9	- Viết báo cáo TĐG tiêu chí, tiêu chuẩn;	- Các máy in, máy scan, photo sử dụng tại các đơn vị cần được khắc phục sự cố kịp thời (nếu có) trong quá trình tăng cường sử dụng để chuẩn bị, sắp xếp minh chứng, in các báo cáo,...;		
4	Tiêu chuẩn 8, 11	- Đóng góp ý kiến chỉnh sửa/cải tiến ngay những nội dung có thể khắc phục được để	- Hệ thống mạng nội bộ, dữ liệu trực tuyến nội bộ cần được khắc phục sự cố kịp thời (nếu có) để chia sẻ, lưu		

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời điểm cần huy động	Ghi chú
		bổ sung vào báo cáo TĐG; - Tổng hợp hoàn thiện báo cáo TĐG và chuẩn bị cho đánh giá ngoài.	trữ minh chứng và tổ chức các hoạt động TĐG trực tuyến; - Kinh phí để đầu tư cải thiện cơ sở vật chất/ các cải tiến khác có thể cải tiến được ngay khi phát hiện sau TĐG (nếu có); - Kinh phí cho Hội đồng, các nhóm thực hiện (theo đề xuất của Hội đồng và chỉ đạo của BGH); - Kinh phí cho các hoạt động chuẩn bị cho đánh giá ngoài.		

VII. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (nếu có)

Các nhóm chuyên trách tự xác định và đề xuất thông qua Phòng KT-ĐBCL-TT&PC đối tượng, thời gian thực hiện và các hoạt động hỗ trợ (nếu có).

VIII. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng triển khai TĐG (nếu có)

Theo chỉ đạo của Hội Đồng trường, Ban Giám hiệu (nếu có).

IX. Lập Bảng danh mục mã minh chứng

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí, phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng (để riêng ở phần Phụ lục của báo cáo TĐG).

X. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tuần 1 (từ ngày 10/02 đến ngày 15/02/2025)	- Họp BGH và Trưởng/phó các Khoa thực hiện CTĐT để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng TĐG CTĐT. - Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG CTĐT. - Họp Hội đồng TĐG CTĐT để: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG; - Tập huấn về quy trình TĐG và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; - Dự thảo kế hoạch TĐG CTĐT.
Tuần 2 – 3 (từ ngày 17/02 đến ngày 01/03/2025)	- Phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. - Tổ chức hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan. - Họp Hội đồng TĐG CTĐT để thông qua: - Bản kế hoạch TĐG CTĐT; - Dự thảo đề cương báo cáo TĐG (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ

ÔN
HỌ
TH

Thời gian	Nội dung hoạt động
	GDĐT và điều kiện cụ thể của Khoa LKT); - Trình Hiệu trưởng phê duyệt Kế hoạch TĐG...
Tuần 4 – 8 (từ ngày 03/3, đến ngày 05/4/2025)	1. Công bố kế hoạch TĐG đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách. 2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 4. Mô tả thông tin và minh chứng thu được. 5. Phân tích nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 9 – 13 (từ ngày 07/4 đến ngày 10/5/2025)	1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 14 – 16 (từ ngày 12/5 đến ngày 31/5/2025)	Hội đồng tự đánh giá CTĐT: - Xem xét báo cáo của từng tiêu chuẩn do các nhóm chuyên trách dự thảo; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG; - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; - Thư ký tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo TĐG CTĐT.
Tuần 17 – 18 (từ ngày 02/6 đến ngày 14/6/2025)	1. Hội đồng TĐG CTĐT xem xét dự thảo báo cáo TĐG và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng TĐG CTĐT thảo luận với các bộ môn, phòng, ban,... về báo cáo TĐG, xin ý kiến góp ý.
Tuần 19 – 21 (từ ngày 16/6 đến ngày 06/7/2025)	1. Công bố bản dự thảo BCTĐG trong nội bộ Nhà trường và Khoa LKT. 2. CBGVNV, người học,... đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo TĐG. 3. Nhóm chuyên trách cập nhật kết quả khảo sát việc làm của SV tốt nghiệp khóa đầu tiên sau 6 tháng vào Tiêu chuẩn 11 và cơ sở dữ liệu.
Tuần 22 – 23 (từ ngày 07/7 đến ngày 15/7/2025)	1. Hội đồng tự TĐG CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến phản biện (nếu có) và các dữ liệu bổ sung; 2. Hội đồng TĐG CTĐT thông qua báo cáo TĐG lần cuối và nộp báo cáo cho Hiệu trưởng để xem xét phê duyệt.
Tuần 23 – 25 (từ ngày 16/7 đến ngày 31/7/2025)	1. Nhà trường gửi báo cáo TĐG và công văn cho Cục QLCL, Bộ GDĐT. 2. P.KT-ĐBCL-TT&PC, Khoa LKT bảo quản báo cáo TĐG, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã MC đã ghi trong báo cáo TĐG; 3. Theo dõi kết quả phản hồi báo cáo TĐG từ Cục QLCL và đăng ký ĐGN.

Nơi nhận:

- HĐT, BGH (để báo cáo);
- Hội đồng TĐG (để thực hiện);
- Khoa LKT (để thực hiện);
- Các đơn vị trong Trường (để thực hiện);
- Lưu: VT, P.KT-ĐBCL-TT&PC.

**HIỆU TRƯỞNG**

PGS.TS. Võ Khắc Thường

- Danh mục minh chứng sử dụng trong quá trình TĐG và viết báo cáo TĐG (kèm theo)/.